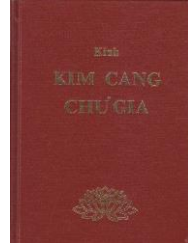


KINH KIM CANG CHỦ GIA



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM AN HÀNH
P.L: 2537 - 1993

---o0o---

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 01-02-2012

Người thực hiện : Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

TIÊU DẪN

NGHI THỨC TỤNG KINH KIM CANG

KIM CANG KINH

- I.- PHÁP HỘI NHÂN DO - PHẦN ĐỆ NHỨT
- I.- NHÂN DO NÓI PHÁP - PHẦN THỨ NHỨT
- II.- THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH - PHẦN ĐỆ NHỊ
- II.- THIỆN HIỆN KHỞI HỎI - PHẦN THỨ HAI
- III.- ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG - PHẦN ĐỆ TAM
- IV.- DIỆU HẠNH VÔ TRỤ - PHẦN ĐỆ TỨ
- III.- ĐẠI THỪA TÔNG CHÁNH - PHẦN THỨ BA
- IV.- HẠNH MẦU KHÔNG TRỤ - PHẦN THỨ TƯ
- V. - NHƯ LÝ THIỆT KIẾN - PHẦN ĐỆ NGŨ
- V.- RÕ LÝ NHƯ NHƯ - PHẦN THỨ NĂM
- VI.- CHÁNH TÍN HY HỮU - PHẦN ĐỆ LỤC
- VI.- CHÁNH TÍN ÍT CÓ - PHẦN THỨ SÁU
- VII.- VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT - PHẦN ĐỆ THẤT
- VII.- KHÔNG CHI ĐẮC THUYẾT - PHẦN THỨ BẢY
- VIII.- Y PHÁP XUẤT SANH - PHẦN ĐỆ BÁT
- VIII.- NƯƠNG PHÁP XUẤT SANH - PHẦN THỨ TÁM
- IX.- NHỨT TƯỚNG VÔ TƯỚNG - PHẦN ĐỆ CỬU

IX MỘT TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG - PHẦN THỨ CHÍN
X.- TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ - PHẬN ĐỆ THẬP
X.- TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ - PHẦN THỨ MƯỜI
XI.- VÔ VI PHƯỚC THẮNG - PHẬN ĐỆ THẬP NHỨT
XI.- VÔ VI PHƯỚC LỚN - PHẦN THỨ MƯỜI MỘT
XII.- TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO - PHẬN ĐỆ THẬP NHỊ
XII.- TÔN TRỌNG LÝ CHÁNH - PHẦN THỨ MƯỜI HAI
XIII.- NHƯ PHÁP THỌ TRÌ - PHẬN ĐỆ THẬP TAM
XIII.- THỌ TRÌ THEO PHÁP - PHẦN THỨ MƯỜI BA
XIV.- LY TƯỚNG TỊCH DIỆT - PHẬN ĐỆ THẬP TỨ
XIV.- LÀ TƯỚNG VẮNG LẶNG - PHẦN THỨ MƯỜI BỐN
XV.- TRÌ KINH CÔNG ĐỨC - PHẬN ĐỆ THẬP NGŨ
XV.- CÔNG ĐỨC TRÌ KINH - PHẦN THỨ MƯỜI LĂM
XVI.- NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỞNG - PHẬN ĐỆ THẬP LỤC
XVI.- THƯỜNG TỊNH TIÊU NGHIỆP - PHẦN THỨ MƯỜI SÁU
XVII.- CỨU CẢNH VÔ NGÃ - PHẬN ĐỆ THẬP THẤT
XVII.- RÁO RÓT KHÔNG TA - PHẦN THỨ MƯỜI BẢY
XVIII.- NHỨT THỂ ĐỒNG QUAN - PHẬN ĐỆ THẬP BÁT
XVIII.- XEM ĐỒNG MỘT THỂ - PHẦN THỨ MƯỜI TÁM
XIX.- PHÁP GIỚI THÔNG HÓA - PHẬN ĐỆ THẬP CỬU.
XX.- LY SẮC LY TƯỚNG - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP
XIX.- PHÁP GIỚI KHẮP ĐỘ - PHẦN THỨ MƯỜI CHÍN
XX.- LÀ SẮC LÀ TƯỚNG - PHẦN THỨ HAI MƯƠI
XXI.- PHI THUYẾT SỞ THUYẾT - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP NHỨT
XXI.- THUYẾT CHẴNG PHẢI THUYẾT - PHẦN THỨ HAI MƯƠI
MỘT
XXII.- VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ
XXIII.- TỊNH TÂM HÀNH THIỆN - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP TAM
XXII.- KHÔNG PHÁP CHI ĐẶNG - PHẦN THỨ HAI MƯƠI HAI
XXIII.- TÂM TỊNH LÀM LÀNH - PHẦN THỨ HAI MƯƠI BA
XXIV.- PHƯỚC TRÍ VÔ TỶ - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP TỨ
XXV.- HÓA VÔ SỞ HÓA - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ
XXIV.- PHƯỚC TRÍ KHÔNG SÁNH - PHẦN THỨ HAI MƯƠI BỐN
XXV.- HÓA KHÔNG CHỖ HÓA - PHẦN THỨ HAI MƯƠI LĂM
XXVI.- PHÁP THÂN PHI TƯỚNG - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP LỤC
XXVII.- VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP THẤT
XXVI.- PHÁP THÂN KHÔNG TƯỚNG - PHẦN THỨ HAI MƯƠI SÁU
XXVII.- KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT - PHẦN THỨ HAI MƯƠI BẢY
XXVIII.- BẤT THỌ BẤT THAM - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP BÁT

XXVIII.- KHÔNG NHIỄM KHÔNG THAM -PHẦN THỨ HAI MƯỜI TÁM

XXIX.- OAI NGHI TỊCH TỊNH -PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP CỬU

XXX.- NHỨT HIỆP LÝ TƯỚNG - PHẬN ĐỆ TAM THẬP

XXIX. - OAI NGHI VẮNG LẶNG - PHẦN THỨ HAI MƯỜI CHÍN

XXX.- LÝ TƯỚNG NHỨT HIỆP - PHẦN THỨ BA MƯỜI

XXXI.- TRI KIẾN BẤT SANH - PHẬN ĐỆ TAM THẬP NHỨT

XXXI.- THẤY BIẾT KHÔNG SANH - PHẦN THỨ BA MƯỜI MỘT

XXXII. ỨNG HÓA PHI NHƠN - PHẬN ĐỆ TAM THẬP NHỊ

XXXII.- ỨNG HÓA KHÔNG THIẾT - PHẦN THỨ BA MƯỜI HAI

BÁT NHÃ VÔ TẬN CHƠN NGÔN :

KINH BỔ ÍCH CHO TÂM LÀ CHÚ RẤT THẦN THÔNG

KIM CANG NGŨ THẬP TAM GIA

CHƯƠNG MỘT

CHƯƠNG HAI

CHƯƠNG BA

CHƯƠNG TƯ

CHƯƠNG NĂM

CHƯƠNG SÁU

CHƯƠNG BẢY

CHƯƠNG TÁM

CHƯƠNG CHÍN

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

CHƯƠNG MƯỜI HAI

CHƯƠNG MƯỜI BA

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

CHƯƠNG HAI MƯỜI

CHƯƠNG HAI MƯỜI MỘT

CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI

CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

CHƯƠNG HAI MƯỜI BỐN

CHƯƠNG HAI MƯỜI LĂM

CHƯƠNG HAI MƯỜI SÁU

CHƯƠNG HAI MƯỜI BẢY

CHƯƠNG HAI MƯỜI TÁM

CHƯƠNG HAI MƯƠI CHÍN
CHƯƠNG BA MƯƠI
CHƯƠNG BA MƯƠI MỐT
CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

---o0o---

TIỂU DẪN

Từ bi bác ái, tự giác giác tha. Ấy là mục đích của bậc chơn tu chánh đạo.

Xưa, Phật ra đời khai môn giáo hóa, tế độ quần sanh trong bốn mươi chín năm; thấp đức huệ soi đường tối, rưới mưa hoa rửa bụi trần. Song le Phật thì vẫn biết chúng sanh có kẻ thượng căn người hạ trí, chỗ thấy mau chậm chẳng đồng, nên tùy cơ duyên mà hóa độ, bởi vậy giáo pháp mới có chỗ quyền mà cũng có chỗ thật.

*Nguyên kinh **Kim Cang** này, Phật vì Trưởng lão **Tu Bồ Đề** và các bậc đại căn thượng trí, nên đem giáo lý huyền diệu tỏ bày rỏ ráo, chỉ cốt tự mình dụng lấy công phu, khai giác lấy mình "**Minh Tâm Kiến Tánh**".*

*Đến sau, kinh ấy từ xứ Ấn Độ truyền bá qua nước Trung Hoa, các vị cao Tăng Thiên đức cùng nhau tham cứu, thông huyền đạt lý, chú giải đành rành, nên từ đó mới gọi là kinh **Kim Cang Chư Gia** vậy.*

*Chúng tôi quan tâm hoạt động vì Phật đạo tín đồ, chớ không phải vì đường danh nẻo lợi, tùy theo tài non học kém, phô diễn thật lời, câu văn dễ hiểu, ý nghĩa tầm thường, cốt để phổ thông cho những người học đạo xem qua đều đặn linh hội, thì mới khỏi phụ cái lòng từ bi bác ái của Phật ngày xưa, mà cũng không uổng cái công trình của chư Tổ, sắp thành một quyển kinh "**Kim Cang Chư Gia**" rất nên huyền bí.*

Vả lại Phật pháp là vô thượng thậm thâm vi diệu, cao chẳng chỗ cùng, sâu không chỗ tốt, mà hễ đạo lý càng cao sâu thì kinh điển lại càng khó diễn. Huống chi quyển kinh này là giáo lý tối thượng Nhất thừa, phương pháp hoàn toàn cứu cánh.

Cho nên chúng tôi mong sao chư quý độc giả cần xem, cần đọc cho đặn nhiều lượt, suy xét cho tột cùng, tâm thấu cái ý vô vi huyền diệu, đừng noi theo cái chánh pháp mà thật hành, vậy mới hẳn thật là đọc kinh cầu lý.

Kính dẫn CU' SĨ TRẦN VĂN MINH (Nam Vang)

---o0o---

NGHI THỨC TỤNG KINH KIM CANG

DƯƠNG CHI TÁN:

Dương chi tịnh thủy,

Biển sái tam thiên.

Tánh không bát đức lợi nhơn thiên,

Pháp giới quảng tăng diên,

Diệt tội tiêu khiên,

Hỏa diệm hóa hồng liên.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát. (tam xưng)

TÁN DƯƠNG CHI:

NGHĨA:

Nhàn dương nước tịnh,

Rưới khắp tam thiên.

Tánh không tám đức lợi nhơn thiên,

Pháp giới rộng thênh thang,

Tội lỗi tiêu tan,

Lửa đỏ hóa sen hồng.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

(ĐẠI BI CHÚ)

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma ha tát. (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn, vô ngại đại bi tâm đà la ni:

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô kiết đế, thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà đà, ma phạt đạt đậu, đát điệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cẩn trì, địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha. Ma ha tát đà dạ ta bà ha. Tất đà dũ nghê thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha, Ma ra na ra ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tát đà dạ, ta bà ha. Dả kiết ra a tát đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma kiết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na, đa ra dạ da.

Nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô mạn đa ra bạc đà da, ta bà ha.

Nam mô Cam Lộ Vương Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần).

---o0o---

LƯ HƯƠNG TÁN

Lư hương sạ¹ nhiệt

Pháp giới mông huân

Chư Phật hải hội tất diêu vãn

Tùy xứ kiết tường vân

Thành ý phương ân

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát. (tam xung)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN:

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị tát bà ha.

TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN:

Án, ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ truật độ hám.

ÁN THỔ ĐỊA CHƠN NGÔN:

Nam mô tam mãn đa một đà nẫm. Án, độ rô độ rô, địa vĩ ta bà ha.

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN :

Án, nga nga nẳng tam bà phạ, phiệt nhựt ra hồng.

TÁN LƯ HƯƠNG

Lư hương vừa đốt,

Cõi pháp xông ung.

Chư Phật hằng hà thấy cảm thông,

Tùy chỗ bủa tường vân,

Thành ý ân cần,

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.(3 lần).

CHÚ TỊNH KHẨU NGHIỆP:

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị tát bà ha.

CHÚ TỊNH TAM NGHIỆP:

Án ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ truật độ hám.

CHÚ AN THỔ ĐỊA:

Nam mô tam mãn đà một đà nẫm. Án, độ rô độ rô, địa vĩ ta bà ha.

CHÚ PHỔ CÚNG DƯỜNG:

Án nga nga nằng tam bà phạ, phiệt nhựt ra hồng.

PHỤNG THỈNH BÁT KIM CANG

Phụng thỉnh Thanh Trì Tai Kim Cang.

Phụng thỉnh Bích Độc Kim Cang.

Phụng thỉnh Huỳnh Tuyền Cầu Kim Cang.

Phụng thỉnh Bạch Tịnh Thủy Kim Cang.

Phụng thỉnh Xích Tinh Hỏa Kim Cang.

Phụng thỉnh Định Trì Tai Kim Cang.

Phụng thỉnh Tử Hiền Kim Cang.

Phụng thỉnh Đại Thần Kim Cang.

PHỤNG THỈNH TỨ BỒ TÁT

Phụng thỉnh Kim Cang Quyển Bồ Tát.

Phụng thỉnh Kim Cang Sách Bồ Tát.

Phụng thỉnh Kim Cang Ái Bồ Tát.

Phụng thỉnh Kim Cang Ngũ Bồ Tát.

PHÁT NGUYỆN VĂN

Khê thủ tam giới tôn,

Qui mạng thập phương Phật.

Ngã kim phát hoằng nguyện:

Trì thủ Kim Cang kinh,

Thượng báo tứ trọng ân.

Hạ tế tam đồ khổ.

Nhược hữu kiến văn giả,

Tất phát Bồ đề tâm.

Tận thủ nhưt báo thân,

Đồng sanh Cực Lạc quốc.

THỈNH BÁT KIM CANG

Phụng thỉnh Thanh Trì Tai Kim Cang

Phụng thỉnh Bích Độc Kim Cang

Phụng thỉnh Huỳnh Tỳ Cầu Kim Cang

Phụng thỉnh Bạch Tịnh Thủy Kim Cang

Phụng thỉnh Xích Tinh Hỏa Kim Cang

Phụng thỉnh Định Trì Tai Kim Cang

Phụng thỉnh Tứ Hiền Kim Cang

Phụng thỉnh Đại Thần Kim Cang.

THỈNH TỨ BỒ TÁT

Phụng thỉnh Kim Cang Quyển Bồ Tát

Phụng thỉnh Kim Cang Sách Bồ Tát

Phụng thỉnh Kim Cang Ái Bồ Tát

Phụng thỉnh Kim Cang Ngũ Bồ Tát.

LỜI VĂN PHÁT NGUYỆN

Cúi lạy Thầy ba cõi,

Qui y Phật thập phương.

Tôi nay phát thệ nguyện:

Trì tụng kinh Kim Cang.

Trên báo bốn ân trọng,

Dưới cứu khổ ba đường.

Bằng có chi nghe thấy,

Giữ tâm đạo vẹn toàn.

Báo thân này chí nguyện,

Đồng trực vãng Tây phang.

VÂN HÀ PHẠM

Vân hà đắc trường thọ,
Kim Cang bất hoại thân?

Phục dĩ hà nhân duyên,
Đắc đại kiên cố lực?

Vân hà ư thử kinh,
Cứu cánh đáo bỉ ngạn?

Nguyện Phật khai vi mật,
Quảng vị chúng sanh thuyết.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (tam xung)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chơn thiệt nghĩa.

Nam Mô Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. (tam xung)

BÀI NIỆM VÂN HÀ

Thế nào đặng trường thọ,
Thân Kim Cang chẳng hoại?
Bởi tại nhân duyên gì,
Đặng oai lực kiên cố?

Thế nào mà kinh này,

Ráo rít đến bờ nọ?

Xin Phật tỏ ý mâu,

Chỉ dạy chúng sanh rõ.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần).

BÀI KỆ KHAI KINH

Vô thượng thậm thâm pháp nhiệm mâu,

Trăm ngàn muôn kiếp khó tầm cầu.

Ta nay đặng gặp xin trì tụng.

Nguyện giải tình tường nghĩa lý sâu.

Nam Mô Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần).

---o0o---

KIM CANG KINH

Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh.

Dao Tần Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập phụng chiếu dịch.

I.- PHÁP HỘI NHÂN DO - PHẦN ĐỆ NHỨT

1.- Như thị ngã văn:

2.- Nhứt thời, Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ ² Cấp Cô Độc viên,...

3.-...Dữ đại Tỳ Khưu chúng, thiên nhị bá ³ ngũ thập nhơn cu.

- 4.- Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời, chúc ⁴ y trì bát,...
- 5.- Nhập Xá Vệ đại thành khát thực.
- 6.- Ư kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ.
- 7.- Truyền ⁵ chí bồn xứ, phản tự cật ⁶ thâu y bát, tẩy túc dĩ,...
- 8.- Phu tọa ⁷ nhi tọa.

---o0o---

I.- NHÂN DO NÓI PHÁP - PHẦN THỨ NHỨT

- 1.- Ta nghe như vậy:
- 2.- Một thưở nọ, Phật ở nước Xá Vệ, nơi nhà Tịnh xá của ông Cấp Cô Độc, cất trong vườn cây ông Kỳ Đà...
- 3.-...Cùng một ngàn hai trăm mười thầy đại Tỳ Khưu, cu hội tại đó.
- 4.- Khi ấy, gần đến giờ ăn của đức Thế Tôn, Ngài bèn mặc y, mang bình bát...
- 5.-...Vào đại thành, nước Xá Vệ xin ăn.
- 6.- Ở trong thành, cứ theo thứ lớp mà xin.
- 7.-...Về đến chỗ ở: dùng cơm xong, đoạn cất y bát, rửa chơn rồi,...
- 8.-...Lên chỗ pháp tòa, đã sắp đặt, mà ngồi.

---o0o---

II.- THIÊN HIỆN KHẢI THỈNH - PHẦN ĐỆ NHỊ

- 9.- Thời Trưởng lão Tu Bồ Đề,...

10.-... Tại đại chúng trung, tức tùng tọa khởi ⁸, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: "Hy hữu Thế Tôn!".

11.- Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phú chúc chư Bồ Tát...

12.- Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề⁹ tâm,...

13.-...Vân hà ưng trụ ¹⁰ vân hà hàng phục kỳ tâm?

14.- Phật ngôn: "Thiện tai! Thiện tai ! Tu Bồ Đề! Như nhữ sở thuyết: Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phú chúc chư Bồ Tát... Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

15.- Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm...".

- "Dũy ¹¹, nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn".

---o0o---

II.- THIỆN HIỆN KHỞI HỎI - PHẦN THỨ HAI

9.- Khi ấy Trưởng lão Tu Bồ Đề...

10.-... Ở trong hàng đại chúng, liền đứng dậy, đến nơi pháp tòa, trích y nửa thân bên vai hữu, quì gối hữu sát đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: "Như đức Thế Tôn ! Ít có".

11.-Như Lai hay đoái tưởng các Bồ Tát, hay giao phó dặn dò các Bồ Tát...

12.-Bạch đức Thế Tôn! Như có trai lành, gái tín nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,...

13.-... Nên trụ thế nào? Nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?.

14.-Phật khen: "Đáng khen cho! Đáng khen cho! Này Tu Bồ Đề! Theo lời ông vừa nói: Như Lai hay đoái tưởng các Bồ Tát, hay giao phó dặn dò các Bồ Tát... Vậy nay, ông hãy lắng nghe. Ta đáng vì ông mà nói.

15.-Như trai lành, gái tín nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ như vậy, nên hàng phục cái tâm như vậy..."

- "Vâng, vâng, bạch đức Thế Tôn! Con nguyện hết lòng muốn nghe".

---o0o---

III.- ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG - PHẦN ĐỆ TAM

16.- Phật cáo Tu Bồ Đề: "Chư Bồ Tát Ma ha tát, ưng như thị hàng phục kỳ tâm:

17.- Sở hữu nhứt thiết ¹² chúng sanh chi loại:

18.- Nhược noãn sanh ¹³, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng, phi vô tướng,...

19.-... Ngã giai linh nhập Vô Dư Niết bàn nhi diệt độ chi.

20.- Như thị diệt độ vô lượng, vô số, vô biên, chúng sanh, thiết vô chúng sanh đắc diệt độ giả.

21.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ Tát".

---o0o---

IV.- DIỆU HẠNH VÔ TRỤ - PHẦN ĐỆ TƯ

22.- Phú ¹⁴ thứ: Tu Bồ Đề!.

23.- Bồ Tát ư pháp, ưng vô sở trụ, hành ư bồ thí...

---o0o---

III.- ĐẠI THỪA TÔNG CHÁNH - PHẦN THỨ BA

16.- Phật bảo Tu Bồ Đề: "Các đại Bồ Tát nên hàng phục cái vọng tâm như vậy.

17.- Bằng có cả thầy các loại chúng sanh:

18.- Hoặc sanh trứng, sanh con, sanh chổ ươm, hóa sanh, hoặc có sắc, không sắc, có tư tưởng, không tư tưởng, chẳng phải có tư tưởng, chẳng phải không có tư tưởng...

19.-... Ta đều khiến cho đặng vào Vô Dư Niết bàn, mà diệt độ.

20.- Diệt độ chúng sanh vô lượng vô số vô biên như vậy, nhưng thiệt chẳng có chúng sanh nào mà đặng diệt độ cả.

21.- Bởi có sao? Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát mà còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát".

---o0o---

IV.- HẠNH MẦU KHÔNG TRỤ - PHẦN THỨ TƯ

22.- Lại nói tiếp: Này Tu Bồ Đề.

23.-... Bồ Tát làm việc bố thí, đúng nơi pháp, thì không có chỗ trụ.

24.- Sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí.

25.- Tu Bồ Đề! Bồ Tát ưng như thị bố thí, bất trụ u tướng.

26.- Hà dĩ cố? Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lương.

27.- Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ?".

- "Phát dã, Thế Tôn!".

- "Tu Bồ Đề! Nam, Tây, Bắc phương tứ duy, thượng hạ hư không khả tư lương phủ?".

- "Phát dã, Thế Tôn!".

- "Tu Bồ Đề! Bồ Tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệt phục như thị: Bất khả tư lương.

Tu Bồ Đề! Bồ Tát đản ung như sở giáo trụ".

---o0o---

V. - NHƯ LÝ THIỆT KIẾN - PHẦN ĐỆ NGŨ

28.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?".

29.- "Phát dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai.

30.- Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng".

24.- Là nói: chẳng trụ sắc mà bố thí, chẳng trụ tinh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí.

25.- Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên bố thí như vậy, chẳng nên trụ tướng.

26.- Bởi có sao? Nếu Bồ Tát bố thí chẳng trụ tướng, thì phước đức không thể so lường đặng.

27.- Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Hư không phương Đông, có so lường đặng chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn ! chẳng đặng".

- "Tu Bồ Đề! Còn như hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng bên cạnh, phương trên và phương dưới, có so lường đặng chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn ! chẳng đặng".

"Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí mà chẳng trụ tướng, thì phước đức lại cũng như vậy: không thể so lường đặng.

Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên trụ theo chỗ Ta dạy đó". (trụ chỗ không trụ).

---o0o---

V.- RÕ LÝ NHƯ NHƯ - PHẦN THỨ NĂM

28.- "Này Tu Bồ Đề! Ý của ông thế nào? Có nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai chăng?"

29.- "Bạch đức Thế Tôn! Không. Không nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai.

30.- Bởi có sao? Bởi Như Lai thường nói thân tướng, tức chẳng phải thân tướng".

31.- Phật cáo Tu Bồ Đề: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng; nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai".

---o0o---

VI.- CHÁNH TÍN HY HỮU - PHẦN ĐỆ LỤC

32.- Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sanh thiệt tín phủ?"

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Mạc tác thị thuyết! Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế, hữu trì giới tu phước giả, u thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thiệt.

33.- Đương tri thị nhơn, bất ư nhưt Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật, nhi chúng¹⁵ thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở chúng chư thiện căn.

34.- Văn thị chương cú, nãi chí nhưt niệm sanh tịnh tín giả. Tu Bồ Đề! Như Lai tất tri tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức.

35.- Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệc vô phi pháp tướng".

31.- Phật bảo Tu Bồ Đề: "Phàm chỗ nào có tướng đều là hư vọng, bằng cho các tướng chẳng phải tướng tức rõ đặng Như Lai".

---o0o---

VI.- CHÁNH TÍN ÍT CÓ - PHẦN THỨ SÁU

32.- Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như có chúng sanh nào đứng nghe những câu bài giảng giải như vậy, có sanh lòng tin thiệt chăng?".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Chớ có nói lời ấy. Khi Như Lai diệt độ rồi, sau năm trăm năm sau, có kẻ nào trì giới tu phước mà sanh lòng tin những câu bài ấy, thì lấy đó làm thiệt.

33.- Nên biết người ấy, chẳng những là gieo căn lành trong một kiếp Phật, hai kiếp Phật, ba, bốn, năm kiếp Phật, mà đã gieo các căn lành đến vô lượng ngàn muôn kiếp Phật rồi.

34.- Nghe những câu bài ấy, cho đến nhứt niệm sanh lòng tin chắc thì Tu Bồ Đề này! Như Lai đều biết hết thấy hết, các chúng sanh ấy đặng cái phước đức vô lượng như vậy (gieo căn lành).

35.- Bởi có sao? - Bởi các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp, cũng không có tướng phi pháp".

36.- Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng, tức vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng, tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

37.- Thị cố, bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp.

38.- Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết nhữ đẳng Tỳ Khưu tri ngã thuyết pháp như phạt¹⁶ dụ giả; pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp?".

---o0o---

VII.- VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT - PHẬN ĐỆ THẮT

39.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề gia? Như Lai hữu sở thuyết pháp gia?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết.

40.- Hà dĩ cố? - Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết phi pháp, phi phi pháp.

36.- Bởi có sao? - Bởi các chúng sanh ấy, nếu lòng còn chấp tướng, tức còn trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Bằng chấp pháp tướng, cũng là trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả - Bởi có sao? Bằng chấp phi pháp tướng, cũng là trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

37.- Như thế thì, chẳng nên chấp pháp, cũng chẳng nên chấp phi pháp.

38.- Bởi cái nghĩa ấy, nên ta thường dạy các thầy Tỳ Khưu phải biết Ta nói pháp, ví như cái bè; pháp còn phải bỏ thay, huống chi là chẳng phải pháp".

---o0o---

VII.- KHÔNG CHI ĐẮC THUYẾT - PHẦN THỨ BẢY

39.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Như Lai có đặng pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Như Lai có chỗ chi nói pháp ấy chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Như con rõ nghĩa của Phật nói, thì không có định chắc pháp chi kêu là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có định chắc pháp chi mà Như Lai nói.

40.- Bởi có sao? Bởi chỗ nói pháp Như Lai đều chẳng chấp, là chẳng nói phi pháp, cũng chẳng phải phi pháp.

41.- Sở dĩ giả hà? - Nhứt thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp, nhi hữu si¹⁷ biệt".

---o0o---

VIII.- Y PHÁP XUẤT SANH - PHẬN ĐỆ BÁT

42.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Nhược nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo¹⁸ dĩ dụng bố thí, thị nhơn sở đắc phước đức ninh vi đa phủ?".

43.- Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn!

Hà dĩ cố? - Thị phước đức, tức phi phước đức tánh thị cố Như Lai thuyết phước đức đa".

44.- Nhược phục hữu nhân, ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng vị tha hơn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

45.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhứt thiết chư Phật cập chư Phật A nậu đa la tam miệu tam bồ đề pháp giai từng thử kinh xuất.

46.- Tu Bồ Đề! Sở vị Phật Pháp giả, tức phi Phật Pháp.

41.- Sở dĩ sao? Cả thấy Thánh Hiền đều dùng pháp vô vi mà cũng có hơn kém".

---o0o---

VIII.- NƯƠNG PHÁP XUẤT SANH - PHẦN THỨ TÁM

42.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bằng có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, đem ra mà bố thí, người ấy có đặng phước đức nhiều chăng?".

43.- Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

Bởi có sao? Bởi phước đức ấy chẳng phải phước đức tánh, cho nên Như Lai nói phước đức nhiều".

44.- Bằng có người thọ trì kinh này, nhẫn đến những tứ cú kệ, lại vì người mà diễn thuyết, thì phước đức này hơn phước đức kia.

45.- Bởi có sao? - Tu Bồ Đề, cả thấy chư Phật với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, đều do nơi kinh này mà có ra.

46.- Này Tu Bồ Đề! Gọi là Phật Pháp ấy, nhưng chẳng phải Phật Pháp.

---o0o---

IX.- NHỨT TƯỚNG VÔ TƯỚNG - PHẠM ĐỆ CỬU

47.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm: Ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn!

Hà dĩ cố? - Tu Đà Hoàn danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập: Bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu Đà Hoàn¹⁹".

48.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Tu Đà Hàm, năng tác thị niệm: Ngã đắc Tu Đà Hàm quả phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn!

Hà dĩ cố? - Tu Đà Hàm danh Nhứt Vãng Lai, nhi thiết vô Vãng Lai, thị danh Tu Đà Hàm".

49.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? A Na Hàm năng tác thị niệm: Ngã đắc A Na Hàm quả phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn!

Hà dĩ cố? - A Na Hàm danh vi Bất Lai, nhi thiết vô Bất Lai, thị cố danh A Na Hàm".

50.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? A La Hán năng tác thị niệm : Ngã đắc A La Hán đạo phủ?".

---oOo---

IX MỘT TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG - PHẢN THỨ CHÍN

47.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Tu Đà Hoàn có tướng như vậy: Tướng mình đặng quả Tu Đà Hoàn chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Không thể đặng.

Bởi có sao? - Bởi Tu Đà Hoàn, kêu là quả Nhập Lưu, nhưng không chỗ nhiễm : là chẳng nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên gọi là Tu Đà Hoàn".

48.- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Tu Đà Hàm có tướng như vậy: Tướng mình đặng quả Tu Đà Hàm chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Không thể đặng.

Bởi có sao? Bởi Tu Đà Hàm, kêu là quả Nhứt Vãng Lai, nhưng thiệt không cái tướng Vãng Lai, nên gọi là Tu Đà Hàm".

49.- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? A Na Hàm có tướng như vậy: Tướng mình đặng quả A Na Hàm chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Không thể đặng.

Bởi có sao? - Bởi A Na Hàm, kêu là quả Bất Lai, nhưng không chấp cái tướng Bất Lai nên gọi là A Na Hàm".

50.- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? A La Hán có tướng như vậy: Tướng mình đặng đạo A La Hán chăng?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn!

Hà dĩ có? Thiệt vô hữu pháp danh A La Hán.

Thế Tôn! Nhược A La Hán tác thị niệ: Ngã đắc A La Hán đạo, tức vi trước ngã, nhơn, chúng sanh thọ giả.

51.- Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô Tranh tam muội, nhơn trung tối vi đệ nhứt, thị đệ nhứt, ly dục²⁰ A La Hán.

Thế Tôn ! Ngã bất tác thị niệ : Ngã thị ly dục A La Hán.

52.- Thế Tôn! Ngã, nhược tác thị niệ: Ngã đắc A La Hán đạo, Thế Tôn tức bất thuyết: Tu Bồ Đề thị nhạo A Lan Na hánh²¹ giả. Dĩ Tu Bồ Đề thiệt vô sở hành, nhi danh Tu Bồ Đề thị nhạo A Lan Na hánh".

---o0o---

X.- TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ - PHẬN ĐỆ THẬP

53.- Phật cáo Tu Bồ Đề: "U ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở; pháp, hữu sở đắc phủ?"

- "Phát dã, Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, pháp thiết vô sở đắc".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Không thể đặng.

Bởi có sao? - Bởi thiết không có pháp chi, kêu là A La Hán cả.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu A La Hán mà có tướng như vậy: Tướng mình đặng đạo A La Hán, tức là trước tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

51.- Bạch đức Thế Tôn! Phật nói con là người đặng pháp Vô Tranh tam muội, thiết đúng bực nhưt, mà cũng là bực Ly Dục A La Hán thứ nhưt nữa.

Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng tướng như vậy : Tôi mới phải là bực ly dục A La Hán.

52.- Bạch đức Thế Tôn! Bằng con có tướng như vậy: Con đặng đạo A La Hán thì đức Thế Tôn chẳng có nói : Tu Bồ Đề này ưa làm theo hạnh A Lan Na. Bởi Tu Bồ Đề này thiết không có làm cái chi, mới gọi là Tu Bồ Đề ưa làm theo hạnh A Lan Na cho".

---o0o---

X.- TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ - PHẦN THỨ MƯỜI

53.- Phật bảo Tu Bồ Đề: "Ý ông thế nào? Như Lai thuở trước ở chỗ Phật Nhiên Đăng; pháp, có chỗ chi đặng chăng?"

"Bạch đức Thế Tôn ! Không - Như Lai khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thiết không có chỗ chi đặng pháp cả".

54.- "Tu Bồ Đề! U ý vân hà? - Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ?"

- "Phát dã, Thế Tôn !

Hà dĩ cố? - Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm thị danh trang nghiêm".

55.- "Thị cố, Tu Bồ Đề! Chư Bồ Tát Ma ha tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.

56.- Tu Bồ Đề! Thí như hữu nhơn, thân như Tu Di sơn ²² vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?"

Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đại, Thế Tôn ! Hà dĩ cố? - Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân".

---o0o---

XI.- VÔ VI PHƯỚC THẮNG - PHẬN ĐỆ THẬP NHỨT

57.- Tu Bồ Đề! Như hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẵng hằng hà, ư ý vân hà? Thị chư hằng hà sa ninh vi đa phủ?"

54.- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ chăng ?".

- "Bạch đức Thế Tôn ! Không.

Bởi có sao? Bởi trang nghiêm Phật độ, nhưng chẳng phải trang nghiêm, chỉ cường danh là trang nghiêm".

55.- Bởi vậy, này Tu Bồ Đề. Các đại Bồ Tát nên sanh tâm thanh tịnh như vậy; chẳng nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên sanh tâm không chỗ chi trụ.

56.- Tu Bồ Đề! Ví như có người, thân bằng núi chúa Tu Di ý ông thế nào - Thân ấy có lớn chăng?"

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Rất lớn. Bởi có sao? - Bởi Phật nói chẳng phải thân, mới gọi là thân lớn".

---o0o---

XI.- VÔ VI PHƯỚC LỚN - PHẦN THỨ MƯỜI MỘT

57.- "Này Tu Bồ Đề! Như dùng số cát trong sông Hằng mà ví dụ có những sông Hằng khác nhiều bằng số cát như vậy - Ý người thế nào? Số cát của những sông Hằng ấy, sa có nhiều chăng?"

58.- Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn! đản chư hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa !".

59.- "Tu Bồ Đề! Ngã kim thiết ngôn cáo nhữ! Nhược hữu: Thiện nam tử, thiện nữ nhơn dĩ thất bảo mãn nhĩ sở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới dĩ tụng bố thí, đắc phước đa phủ?"

Tu Bồ Đề ngôn: Thận đa, Thế Tôn!

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đặng vị tha nhơn thuyết, nhi thử phước đức thắng tiên phước đức.

---o0o---

XII.- TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO - PHẬN ĐỆ THẬP NHỊ

60.- Phục thứ: "Tu Bồ Đề! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đặng đương tri thử xứ, nhưt thiết thế gian: Thiên, nhơn, A tu la giai ung cúng dường²³ như Phật tháp miếu.

61.- Hà huống, hữu nhơn tận năng thọ trì đọc tụng!

Tu Bồ Đề! Đương tri thị nhơn thành tựu Tối thượng Đệ nhưt hy hữu chi pháp. Nhược thị kinh điền sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử".

58.- Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều. Những sông Hằng còn nhiều vô số thay, huống chỉ là cát!"

59.- "Này Tu Bồ Đề! Nay ta bảo thiết người! Nếu có trai lành, gái tín nào, dùng bảy báu đầy cả hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới ấy, đem ra mà bố thí, có đặng phước nhiều chăng?"

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Bằng trai lành, gái tín nào thọ trì theo trong kinh này cho đến những tứ cú kệ và diễn thuyết lại cho người khác, thì phước đức ấy hơn phước đức trước kia".

---o0o---

XII.- TÔN TRỌNG LÝ CHÁNH - PHẦN THỨ MƯỜI HAI

60.- Lại nói tiếp: "Này Tu Bồ Đề! Chỗ nào tứ cú kệ, phải biết chỗ ấy, cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la đều nên cúng dường, cũng như tháp chùa, của Phật vậy.

61.- Huông chi, là người thọ trì, đọc tụng toàn cả kinh này!

- Tu Bồ Đề! Phải biết người ấy thành tựu đặng cái pháp Tối thượng Đệ nhất ít có. Bằng như chỗ nào có kinh điển này, tức có Phật, hoặc như bực đệ tử tôn trọng vậy".

---o0o---

XIII.- NHƯ PHÁP THỌ TRÌ - PHẬN ĐỆ THẬP TAM

62.- Nhĩ thời Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đặng vân hà phụng trì?".

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Thị kinh danh vi Kim Cang Bát Nhã Ba la mật dĩ thị danh tự, nhữ đương phụng trì.

63.- Sở dĩ giả hà? - Tu Bồ Đề! Phật thuyết Bát Nhã Ba la mật, tức phi Bát Nhã Ba la mật, thị danh Bát Nhã Ba la mật.

64.- Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp thử?".

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết".

65.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần thị vi đa phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn !".

Tu Bồ Đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh, vi trần. Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới.

---o0o---

XIII.- THỌ TRÌ THEO PHÁP - PHẦN THỨ MƯỜI BA

62.- Khi ấy Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên chi? Chúng tôi phải phụng trì thế nào?".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Kinh này đặt tên là Kim Cang Bát Nhã Ba la mật. Ông nên dùng nghĩa của danh từ ấy mà phụng trì.

63.- Sở dĩ sao? - Nay Tu Bồ Đề! Phật nói Bát Nhã Ba la mật, nhưng chẳng phải Bát nhã ba la mật chỉ cưỡng danh là Bát Nhã Ba la mật.

64.- Nay Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Như Lai có chỗ chi thuyết pháp chẳng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như Lai không có chỗ chi thuyết pháp cả".

65.- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Trong tam thiên đại thiên thế giới có những vi trần, vậy là nhiều chẳng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều".

- Tu Bồ Đề! Những vi trần, Như Lai nói chẳng phải vi trần chỉ cưỡng danh là vi trần. Như Lai nói thế giới, cũng chẳng phải thế giới, chỉ cưỡng danh là thế giới.

66.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?" - Phát dã, Thế Tôn ! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai.

Hà dĩ cố? - Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng?".

67.- "Tu Bồ Đề! Nhược hữu thiện nam tử; thiện nữ nhơn, dĩ hằng hà sa đấng thân mạng²⁴ bố thí...

68.- Nhược phục hữu nhơn u thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đấng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thậm đa".

---o0o---

XIV.- LY TƯỚNG TỊCH DIỆT - PHẬN ĐỆ THẬP TỨ

69.- Nhĩ thời Tu Bồ Đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thu, thế lụy bi khắp, nhi bạch Phật ngôn: "Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển; ngã từng tích lai sở đắc huệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh.

70.- Thế Tôn! Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh, tức sanh thiệt tướng; đương tri thị nhơn thành tựu đệ nhất hy hữu công đức".

66.- Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Không - Chẳng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai.

Bởi có sao? - Bởi Như Lai nói ba mươi hai tướng, nhưng chẳng phải tướng, chỉ cưỡng danh là ba mươi hai tướng".

67.- "Tu Bồ Đề! Bằng có trai lành, gái tín nào đem thân mạng bằng như số cát sông Hằng mà bố thí...

68.- Nếu lại có người giữ theo trong kinh này mà thọ trì cho đến những tứ cú kệ và diễn thuyết lại cho người khác, thì đặng phước rất nhiều".

---o0o---

XIV.- LÌA TƯỚNG VẮNG LẠNG - PHẬN THỨ MƯỜI BỐN

69.- Khi ấy, Tu Bồ Đề nghe nói kinh này, tỏ đặng cái nghĩa sâu xa, nên sa nước mắt, than khóc mà bạch Phật rằng: "Như đức Thế Tôn ít có! Phật nói

kinh điển rất sâu xa đường ấy, tôi từ khi đặng huệ nhãn đến nay, chưa từng nghe đặng kinh như vậy.

70.- Bạch đức Thế Tôn! Nếu lại có người đặng nghe kinh này, mà lòng tin thanh tịnh, bèn sanh thiết tướng, phải biết người ấy thành tựu cái công đức thứ nhứt ít có".

71.- Thế Tôn! Thị thiết tướng giả, tức thị phi tướng; thị cô Như Lai thuyết danh thiết tướng.

25

72.- Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì bất túc vi nan.

73.- Nhược đương lai thế, hậu ngũ bá tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhơn tức vi đệ nhứt hy hữu.

Hà dĩ cố? - Thử nhơn vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

74.- Sở dĩ giả hà? - Ngã tướng tức thị phi tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng.

Hà dĩ cố? - Ly nhứt thiết tướng, tức danh chư Phật".

75.- Phật cáo Tu Bồ Đề: "Như thị ! Như thị !".

76.- Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị kinh, bất kinh, bất bố ²⁶, bất úy, đương trì thị nhơn, thậm vi hy hữu.

77.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Như Lai thuyết đệ nhứt Ba la mật, tức phi đệ nhứt Ba la mật, thị danh Đệ nhứt Ba la mật.

71.- Bạch đức Thế Tôn! Thiết tướng ấy, nhưng chẳng phải tướng; cho nên Như Lai nói: Cưỡng danh là thiết tướng.

72.- Bạch đức Thế Tôn! Con nay đặng nghe kinh điển như vậy, tin hiểu mà thọ trì, chẳng đủ là khó.

73.- Nếu qua đến đời vị lai, sau năm trăm năm sau, có chúng sanh đặng nghe kinh này, tin, hiểu mà thọ trì, thì người ấy thiết là đệ nhứt rất ít có.

Bởi có sao? - Bởi người ấy, không ngã tướng, không nhọn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

74.- Sở dĩ sao? - Ngã tướng tức chẳng phải tướng, mà nhọn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng cũng tức là chẳng phải tướng.

Bởi có sao? - Là cả thầy tướng, tức là chư Phật?".

75.- Phật bảo Tu Bồ Đề: "Như vậy !, như vậy !".

76.- Lại như có người đặng nghe kinh này, chẳng ngại, chẳng sợ, chẳng nhút nhát, phải biết người ấy rất là ít có.

77.- Bởi có sao? Tu Bồ Đề này! Như Lai nói Ba la mật thứ nhứt, (Bát Nhã Ba la mật) nhưng chẳng phải Ba la mật thứ nhứt, chỉ cường danh là Ba la mật thứ nhứt.

78.- "Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai thuyết, phi nhẫn nhục Ba la mật, thị danh nhẫn nhục Ba la mật.

79.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Như ngã tích vi Ca Lợi Vương cát triệu thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhọn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

Hà dĩ cố? - Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời; nhược hữu ngã tướng, nhọn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ung sanh sân hận.

Tu Bồ Đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bá thể tác nhẫn nhục Tiên nhọn, ư nhĩ sở thể, vô ngã tướng, vô nhọn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

80.- Thị cố, Tu Bồ Đề! - Bồ Tát ung ly nhứt thiết tướng, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm.

81.- Bất ung trụ sắc sanh tâm, bất ung trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ung sanh vô sở trụ tâm; nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ.

82.- Thị cố Phật thuyết Bồ Tát tâm, bất ung trụ sắc bố thí.

78.- Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai nói chẳng phải nhẫn nhục Ba la mật, chỉ cương danh là nhẫn nhục Ba la mật.

79.- Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Như ta thuở trước bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể, trong khi ấy, Ta không ngã tướng, không nhờn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

Bởi có sao? - Hồi thuở trước, khi Ta bị rã rời xương thịt, nếu Ta có ngã tướng, nhờn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phải sanh lòng hờn giận.

Tu Bồ Đề! Lại nhớ đến năm trăm năm đời về trước, Ta làm vị Tiên nhân nhẫn nhục, trong cái đời ấy, không ngã tướng, không nhờn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

80.- Bởi vậy, Tu Bồ Đề này! Bồ Tát nên liả cả thầy tướng, mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

81.- Chẳng nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm, không có chỗ trụ. Bằng tâm có trụ, tức là chẳng phải trụ.

82.- Cho nên, Phật nói tâm của Bồ Tát chẳng nên trụ sắc mà bố thí.

83.- Tu Bồ Đề! Bồ Tát vị lợi ích nhưt thiết chúng sanh, cố ưng như thị bố thí.

84.- Như Lai thuyết nhưt thiết chư tướng, tức thị phi tướng; hựu thuyết: Nhưt thiết chúng sanh, tức phi chúng sanh.

85.- Tu Bồ Đề! Như Lai thị chơn ngữ giả, thiết ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả.

86.- Tu Bồ Đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thiệt, vô hư.

87.- Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát tâm, trụ u pháp nhi hành bố thí, như nhờn nhập ám, tức vô sở kiến. Nhược Bồ Tát tâm, bất trụ pháp nhi hành bố thí, như nhờn hữu mục, nhưt quang minh chiếu kiến chủng chúng sắc.

88.- Tu Bồ Đề! Đương lai chi thể, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn năng ư thử kinh thọ trì đọc tụng, tức vi Như Lai dĩ Phật trí huệ; tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

83.- Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích cho cả thầy chúng sanh, nên phải bố thí như vậy.

84.- Như Lai nói cả thầy tướng, tức là chẳng phải tướng; lại nói: Cả thầy chúng sanh, tức là chẳng phải chúng sanh.

85.- Tu Bồ Đề! Như Lai nói chơn chánh, nói chắc thiết, nói đúng lý, chẳng nói giả dối, chẳng nói lạ kỳ.

86.- Tu Bồ Đề! Pháp của Như Lai, đặng pháp ấy không thiệt không hư.

87.- Tu Bồ Đề! Nếu lòng của Bồ Tát còn chấp pháp mà làm việc bố thí, thì cũng như người vào chỗ tối, không thấy chi cả. Còn như lòng của Bồ Tát, chẳng chấp pháp mà làm việc bố thí, thì cũng như người đã có con mắt, mà lại được ánh sáng chói rõ của mặt trời thấy tất cả mọi việc.

88.- Tu Bồ Đề! Qua đến đời sau, nếu có trai lành gái tín nào giữ theo kinh này mà thọ trì đọc tụng, tức là Như Lai dùng trí huệ của Phật; biết chắc người ấy, thấy chắc người ấy, đều thành tựu đặng cái công đức vô lượng vô biên.

---o0o---

XV.- TRÌ KINH CÔNG ĐỨC - PHẬN ĐỆ THẬP NGŨ

89.- Tu Bồ Đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sơ nhứt phần dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí; trung nhứt phần, phục dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí; hậu nhứt phần, diệc dĩ hằng hà sa đẵng thân bố thí, như thị vô lượng bá thiên vạn ức kiếp, dĩ thân bố thí...

Nhược phục hữu nhơn văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ. Hà huống thử ²⁷ tả thọ trì, đọc tụng, vị nhơn giải thuyết!

90.- Tu Bồ Đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị ²⁸, bất khả xưng lượng vô biên công đức.

91.- Như Lai vì phát Đại thừa giả thuyết, vì phát Tối thượng thừa giả thuyết.

92.- Nhược hữu nhơn năng thọ trì đọc tụng, quảng vị nhơn thuyết, Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xung, vô hữu biên.

---o0o---

XV.- CÔNG ĐỨC TRÌ KINH - PHẦN THỨ MƯỜI LĂM

89.- "Tu Bồ Đề này ! Nếu có trai lành, gái tín nào, buổi mai dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố thí, buổi trưa lại dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố thí, buổi chiều cũng dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố thí, dùng thân mạng mà bố thí vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp như vậy...

Bằng lại có người nghe kinh điển này, lòng tin chẳng trái, thì phước đức ấy hơn phước đức bố thí kia. Huống chi là biên tả, thọ trì, đọc tụng và vì người mà giải thuyết!

90.- Tu Bồ Đề! Nói tóm lại, thì kinh này có cái công đức vô biên, không thể bàn nghĩ đặng, không thể cân lường đặng.

91.- Như Lai vì phát khởi cho bậc Đại thừa mà nói, vì phát khởi cho bậc Tối Thượng thừa mà nói.

92.- Bằng có người hay thọ trì đọc tụng (kinh này) và diễn thuyết rộng khắp ra cho người khác, thì Như Lai đều biết cho người ấy, đều thấy cho người ấy, thành tựu đặng cái công đức vô lượng, vô số, vô biên, bất khả tư nghì công đức. Như thị nhơn đặng, tức vì hà ²⁹ đằm Như Lai A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

93.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ trì, đọc tụng, vị nhơn giải thuyết.

94.- Tu Bồ Đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhứt thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ, tức vì thị tháp, giai ưng cung kính, tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ".

---o0o---

XVI.- NĂNG TỊNH NGHIỆP CHUỖNG - PHẬN ĐỆ THẬP LỤC

95.- Phục thứ : "Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn thọ trì, đọc tụng thử kinh, nhược vi nhơn khinh tiệt, thị nhơn tiên thế tội nghiệp ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhơn khinh tiệt cố, tiên thế tội nghiệp tức vi tiêu diệt, đương đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, không bàn nghĩ đặng. Những hạng người như thế, mới gánh vác nổi cái đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai.

93.- Bởi có sao? - Nay Tu Bồ Đề! Bằng ưa theo tiểu pháp, thì còn chấp trước về ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến³⁰, thì đối với kinh này không hiểu thấu, không thọ trì, không đọc tụng và cũng không vì người mà giải thuyết đặng.

94.- Tu Bồ Đề! Nơi nào, chốn nào, bằng có kinh này, thì cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la đều nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy, tức là Bửu tháp, đều nên cung kính làm lễ chung quanh cùng là dùng các món hương hoa mà rải khắp nơi ấy".

---o0o---

XVI.- THƯỜNG TỊNH TIỂU NGHIỆP - PHẬN THỨ MƯỜI SÁU

95.- Lại nói tiếp: "Nay Tu Bồ Đề! Nếu trai lành, gái tín nào thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị chúng khinh dễ, là vì người ấy đời trước mắc tội nghiệp đáng lẽ đọa vào ác đạo, cho nên đời nay bị chúng khinh dễ, như vậy cái tội nghiệp đời trước mới là tiêu diệt, thì sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

96.- Tu Bồ Đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng A tăng kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền, đắc trì bát bá tứ thiên vạn ức na do tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự, vô không quá giả. Nhược phục hữu nhơn ư hậu mạng thế, năng thọ trì, đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật, công đức bá phần bất cập nhứt, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

97.- Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nơn ư hậu mạng thế hữu thọ trì, đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nơn văn tâm tức cuồng loạn hồ nghi bất tín...

98.- Tu Bồ Đề! Đương tri thị kinh nghĩa, bất khả tư nghi quả báo diệt bất khả tư nghi".

---o0o---

XVII.- CỨU CÁNH VÔ NGÃ - PHẬN ĐỆ THẬP THẤT

99.- Nhĩ thời, Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nơn phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?".

96.- Tu Bồ Đề! Ta nhớ đời quá khứ, kiếp vô lượng A tăng kỳ, trước Phật Nhiên Đăng, Ta đã có gặp đặng tám trăm bốn ngàn muôn ức na do tha³¹ chư Phật, Ta thấy đều cúng dường thờ phụng, chẳng có bỏ qua. Nếu lại có người sau đời mạng pháp³² hay thọ trì, đọc tụng kinh này, chỗ đặng cái công đức sánh với cái công đức của Ta cúng dường chư Phật thì công đức của Ta không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần ức; cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể mà đếm tính ví dụ đặng.

97.- Tu Bồ Đề! Bằng có trai lành, gái tín nào, sau đời mạng pháp thọ trì, đọc tụng kinh này, chỗ đặng công đức...; nếu ta nói cho hết, hoặc có người nghe, lòng bèn rối loạn, hồ nghi chẳng tin.

98.- Tu Bồ Đề! Phải biết nghĩa lý kinh này, không thể bàn nghĩ đặng và sự quả báo kết quả cũng không thể bàn nghĩ đặng".

---o0o---

XVII.- RÁO RÓT KHÔNG TA - PHẦN THỨ MƯỜI BẢY

99.- Khi ấy Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như có trai lành, gái tín nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ thế nào? Nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?".

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, đương sanh như thị tâm: Ngã ưng diệt độ nhưt thiết chúng sanh, diệt độ nhưt thiết chúng sanh dĩ, nhi vô hữu nhưt chúng sanh thiết diệt độ giả".

100.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát.

Sở dĩ giả hà? - Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả.

101.- Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề phủ?".

102.- "Phát dã, Thê Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề".

103.- Phật ngôn: "Như thị! Như thị!".

104.- Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp, Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

105.- Tu Bồ Đề! Nhược hữu pháp, Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề giả, Nhiên Đăng Phật tức bất giữ ngã thọ ký: "Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Như có trai lành, gái tín nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải sanh tâm như vậy : Ta phải diệt độ cả thầy chúng sanh, nhưng đã diệt độ cả thầy chúng sanh, mà không có một chúng sanh nào thiết diệt độ cả".

100.- Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát mà có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì chẳng phải là Bồ Tát.

Sở dĩ sao? - Này Tu Bồ Đề! Thiết không có pháp chi mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

101.- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? - Khi Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp chi mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?".

102.- "Bạch đức Thế Tôn ! Không. - Như tôi mà tỏ nghĩa của Phật nói thì thuở Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có pháp chi đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả".

103.- Phật nói: "Như vậy ! Như vậy !".

104.- Tu Bồ Đề! Thiết không có pháp chi mà Như Lai đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

105.- Tu Bồ Đề! Bằng có pháp chi mà Như Lai đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì Phật Nhiên Đăng, chẳng thọ ký cho Ta: "Người qua đời sau, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni".

106.- Dĩ thiết vô hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dĩ ngã thọ ký, tác thị ngôn: "Nhữ u lai thế đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni".

Hà dĩ cố ? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa.

107.- Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề

- Tu Bồ Đề!- Thiết vô hữu pháp, Phật đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

108.- Tu Bồ Đề! Như Lai sở đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, u thị trung vô thiết vô hư.

109.- Thị cố, Như Lai thuyết: Nhứt thiết pháp giai thị Phật Pháp.

110.- Tu Bồ Đề! Sở ngôn nhứt thiết pháp giả, tức phi nhứt thiết pháp, thị cố, danh nhứt thiết pháp.

111.- Tu Bồ Đề! Thí như nhơn thân trường đại...".

Tu Bồ Đề ngôn: "Thế Tôn! Như Lai thuyết: Nhơn thân trường đại, tức vi phi đại thân, thị danh đại thân".

112.- "Tu Bồ Đề ! Bồ Tát diệt như thị, nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tức bất danh Bồ Tát".

106.- Bởi thiết chẳng có pháp chi mà đặng đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác, cho nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, mà nói như vậy: "Người qua đời sau, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni".

Bởi có sao? - Như Lai ấy, là các pháp đều như.

107.- Nếu có người nói : Như Lai đặng đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác

- Tu Bồ Đề này! Thiết không có pháp chi Phật đặng đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác cả.

108. Tu Bồ Đề này! Như Lai đặng cái đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác, nơi trong đây không thiết không hư.

109.- Bởi vậy Như Lai nói cả thầy pháp, đều là Phật Pháp.

110.- Tu Bồ Đề! Gọi là cả thầy pháp ấy, nhưng cả phải chẳng thầy pháp, chỉ cường danh là cả thầy pháp.

111.- Tu Bồ Đề! Ví như thân người to lớn..."

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như Lai nói : thân người to lớn, nhưng chẳng phải thân lớn, mới là thân lớn".

112.- Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế (thân lớn). Nếu có nói lời này: "Ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh, thì chẳng gọi là Bồ Tát".

113.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp, danh vi Bồ Tát.

114.- Thị cố Phật thuyết như thiết pháp: Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

115.- Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát tác thị ngôn: "Ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ Tát.

116.- Hà dĩ cố? - Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

117.- Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát thông đạt "Vô ngã" pháp giả, Như Lai thuyết danh chơn thị Bồ Tát".

---o0o---

XVIII.- NHỨT THỂ ĐỒNG QUAN - PHẬN ĐỆ THẬP BÁT

118.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?".

- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu nhục nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Thiên nhãn phủ?".

- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Thiên nhãn".

113.- Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Thiết chẳng có pháp chi gọi là Bồ Tát cả.

114.- Bởi vậy, Phật nói cả thầy pháp không có tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

115.- Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có nói lời này: "Ta phải có trang nghiêm Phật độ", thì chẳng phải là Bồ Tát.

116.- Bởi có sao? - Như Lai nói trang nghiêm Phật độ, nhưng chẳng phải trang nghiêm, chỉ cưỡng danh là trang nghiêm.

117.- Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát tỏ thấu pháp "Vô ngã", Như Lai mới gọi hẳn thiết là Bồ Tát".

---o0o---

XVIII.- XEM ĐỒNG MỘT THỂ - PHẦN THỨ MƯỜI TÁM

118.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Nhục nhãn chẳng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy Như Lai có Nhục nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có Thiên nhãn chẳng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy Như Lai có Thiên nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Huệ nhãn phủ?".

- "Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu Huệ nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Pháp nhãn phủ?".

- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Pháp nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ?".

- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Phật nhãn".

119.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?".

- "Như thị, Thế Tôn. Như Lai thuyết thị sa".

- Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như nhưt hằng hà trung, sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng, hằng hà, thị chư hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?".

- "Thậm đa, Thế Tôn !".

120.- Phật cáo Tu Bồ Đề: "Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri.

121.- Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm.

- Tu Bồ Đề! Ý ngươì thế nào? Như Lai có Huệ nhãn chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai có Huệ nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ý ngươì thế nào? Như Lai có Pháp nhãn chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy, Như Lai có Pháp nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ý ngươì thế nào? Như Lai có Phật nhãn chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy, Như Lai có Phật nhãn".

119.- Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Như cát trong sông Hằng đó, Phật nói là cát chãng?"

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai nói là cát".

- "Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Như dùng số cát trong một sông Hằng mà ví dụ, có những sông Hằng khác nhiều bằng số cát ấy, rồi có thể giới Phật bằng số cát của những sông Hằng ấy, như thế, thiệt là nhiều chãng?"

- "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

120.- Phật bảo Tu Bồ Đề: "Những chúng sanh trong quốc độ ấy, có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết cả.

121.- Bởi có sao? - Như Lai nói cả thầy tâm, đều chãng phải tâm, chỉ cưỡng danh là tâm.

122.- Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề!

Quá khứ tâm bất khả đắc;

Hiện tại tâm bất khả đắc;

Vị lai tâm bất khả đắc".

---o0o---

XIX.- PHÁP GIỚI THÔNG HÓA - PHẬN ĐỆ THẬP CỬU.

123.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Nhược hữu nhơn mãn tam thiên Đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí, thị nhơn dĩ thị nhân duyên, đắc phước đa phủ?"

- "Như thị, Thế Tôn! Thử nhơn dĩ thị nhân duyên, đắc phước thậm đa".

- "Tu Bồ Đề! Nhược phước đức hữu thiệt, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa; dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa".

---o0o---

XX.- LY SẮC LY TƯỚNG - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP

124.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Phậ, khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?".

- "Phật dã, Thế Tôn ! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến".

122.- Sở dĩ sao? Tu Bồ Đề này!

Tâm quá khứ, không có chi mà đặng;

Tâm hiện tại, không có chi mà đặng;

Tâm vị lai, không có chi mà đặng".

---o0o---

XIX.- PHÁP GIỚI KHẮP ĐỘ - PHẦN THỨ MƯỜI CHÍN

123.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đây cả tam thiên đại thiên thế giới đem ra mà bố thí, người ấy, dùng nhân duyên như thế, có đặng phước nhiều chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy. Người ấy dùng nhân duyên như thế thì đặng phước rất nhiều".

- "Tu Bồ Đề! Nếu dùng phước đức có hữu vi thì Như Lai chẳng nói là đặng phước đức nhiều. Dùng phước đức không vô vi, Như Lai mới nói là đặng phước đức nhiều".

---o0o---

XX.- LÌA SẮC LÌA TƯỚNG - PHẦN THỨ HAI MƯỜI

124.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có nên dùng sắc thân cụ túc mà cho là Phật chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn ! Không. Chẳng nên dùng sắc thân cụ túc mà cho là Như Lai đặng".

125.- Hà dĩ cố! - Như Lai thuyết: Cụ túc sắc thân, tức phi Cụ túc sắc thân, thị danh Cụ túc sắc thân".

126.- "Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? - Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?".

- "Phật dã, Thế Tôn ! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến.

Hà dĩ cố? - Như Lai thuyết chư tướng cụ túc, tức phi cụ túc, thị danh cụ túc".

---o0o---

XXI.- PHI THUYẾT SỞ THUYẾT - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP NHỨT

127.- "Tu Bồ Đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp. Mạc tác thị niệm.

Hà dĩ cố? - Nhược nhơn ngôn: Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi bàng Phật. Bất năng giải ngã sở thuyết cố.

128.- Tu Bồ Đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp".

129.- Nhĩ thời Huệ Mạng Tu Bồ Đề...

130.- Bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, ư vị lai thế văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?".

Phật ngôn: "Tu Bồ Đề! Bi phi chúng sanh phi bất chúng sanh.

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh".

125.- "Bởi có sao? - Như Lai nói Sắc thân Cụ túc, nhưng chẳng phải sắc thân Cụ túc, chỉ cưỡng danh là sắc thân Cụ túc".

126.- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có nên dùng các tướng cụ túc mà cho là Như Lai chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn ! Không. Chẳng nên dùng các tướng cụ túc mà cho là Như Lai đặng.

Bởi có sao? - Bởi Như Lai nói các tướng cụ túc, nhưng chẳng phải cụ túc, chỉ cưỡng danh là các tướng cụ túc".

---o0o---

XXI.- THUYẾT CHẴNG PHẢI THUYẾT - PHẦN THỨ HAI MƯỜI MỐT

127.- "Này Tu Bồ Đề! Ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: Ta nên có chỗ thuyết pháp. Chớ tướng như thế.

Bởi có sao? - Nếu ông mà nói: Như Lai có thuyết pháp, tức là chê Phật.Đâu có tỏ nghĩa của Ta đặng.

128.- Tu Bồ Đề! Thuyết pháp đó, không có pháp chi mà thuyết chỉ cưỡng danh là thuyết pháp vậy thôi".

129.- Khi ấy, Huệ Mạng Tu Bồ Đề...

130.- Bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Có những chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này, có sanh lòng tin chăng?".

Phật nói: "Tu Bồ Đề! Nó chẳng phải chúng sanh, nhưng chẳng phải là không phải chúng sanh.

Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh, chúng sanh ấy, Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, chỉ cưỡng danh là chúng sanh".

---o0o---

XXII.- VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ

131.- Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phật đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, vi vô sở đắc gia?".

Phật ngôn: "Nhu thị! Nhu thị! Tu Bồ Đề! Ngã u A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề".

---o0o---

XXIII.- TỊNH TÂM HÀNH THIỆN - PHẦN ĐỆ NHỊ THẬP TAM

132.- Phục thứ: "Tu Bồ Đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

133.- Dĩ vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

134.- Tu nhứt thiết thiện pháp, tức đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

135.- Tu Bồ Đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết: Tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp".

---o0o---

XXII.- KHÔNG PHÁP CHI ĐẠNG - PHẦN THỨ HAI MƯỜI HAI

131.- Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Phật đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là không có chỗ chi đặng sao?".

Phật nói: "Thiệt vậy ! thiệt vậy ! Này Tu Bồ Đề! Ta đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến không có một chút pháp chi mà gọi là đặng, gầy mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

---o0o---

XXIII.- TÂM TỊNH LÀM LÀNH - PHẦN THỨ HAI MƯỜI BA

132.- Lại nói tiếp: "Này Tu Bồ Đề! Pháp vốn bình đẳng, không có cao thấp, mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

133.- Bởi không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả.

134.- Tu cả thấy pháp lành, tức đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

135.- Tu Bồ Đề! Gọi là pháp lành ấy, Như Lai nói : chẳng phải pháp lành, chỉ cưỡng danh là pháp lành".

---o0o---

XXIV.- PHƯỚC TRÍ VÔ TỶ - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP TỨ

136.- Tu Bồ Đề! Nhược tam thiên Đại thiên thế giới trung, sở hữu chư Tu Di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tỳ, hữu nhơn trì dụng bồ thí.

137.- Nhược nhơn dĩ thử Bát Nhã Ba la mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì, đọc tụng, vị tha nhơn thuyết, ư tiền phước đức bá phần bất cập nhưt, bá thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập.

---o0o---

XXV.- HÓA VÔ SỞ HÓA - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ

138.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh - Tu Bồ Đề! Mạc tác thị niệm.

Hà dĩ cố? - Thiệt vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả.

139.- Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tức hữu ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

140.- Tu Bồ Đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã; nhi phạm phu chi nhơn, dĩ vi hữu ngã.

---o0o---

XXIV.- PHƯỚC TRÍ KHÔNG SÁNH - PHẬN THỨ HAI MƯƠI BỐN

136.- Nay Tu Bồ Đề! Như trong tam thiên Đại thiên thế giới, có những Tu Di sơn vương, nếu có người góp cả bảy báu lại bằng như thế, dùng mà bố thí.

137.- Bằng có người dùng kinh Bát Nhã Ba la mật này, cho đến những tứ cú kệ, mà thọ trì, đọc tụng và vì người mà diễn thuyết, thì phước đức trước kia, chẳng bằng một phần trăm ngàn, muôn ức cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể mà đếm tính ví dụ đặng.

---o0o---

XXV.- HÓA KHÔNG CHỖ HÓA - PHẦN THỨ HAI MƯỜI LĂM

138.- Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Chúng ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: Ta phải độ chúng sanh. Tu Bồ Đề! Chớ tướng như vậy.

Bởi có sao? - Bởi thiệt không có chúng sanh nào mà Như Lai độ cả.

139.- Nếu có chúng sanh nào mà Như Lai có độ, tức là Như Lai có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

140.- Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ta ấy, nhưng chẳng phải có ta mà kẻ phàm phu lại cho là có ta.

141.- Tu Bồ Đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phàm phu, thị danh phàm phu".

---o0o---

XXVI.- PHÁP THÂN PHI TƯỚNG - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP LỤC

142.- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Như thị, như thị. Dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai".

143.- Phật ngôn: "Tu Bồ Đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai giả, Chuyển Luân³³ Thánh Vương tức thị Như Lai?".

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai".

144.- Nhĩ thời,³⁴ Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

"Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh câu ngã,
Thị nhơn hành tà đạo.
Bất năng kiến Như Lai".

---o0o---

XXVII.- VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT - PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP THẤT

145.- Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệ̣m, Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đặ́c A nậu đ̣a la tam miệ̣u tam bồ đề.

141.- Tu Bồ Đề! Phàm phu ấy, Như Lai nói chẳng phải phàm phu, chỉ cường danh là phàm phu".

---o0o---

XXVI.- PHÁP THÂN KHÔNG TƯỚNG - PHẦN THỨ HAI MƯỜI SÁU

142.- "Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Có nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai chẳng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thiệt vậy, thiệt vậy. Cũng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai".

143.- Phật bảo: "Tu Bồ Đề! Nếu dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai, thì Chuyên Luân Thánh Vương cũng là Như Lai?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như con mà tỏ cái nghĩa của Phật nói, thì chẳng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai".

144.- Khi ấy, đức Thế Tôn bèn nói kệ rằng:

"Bằng dùng sắc gọi ta.

Âm điệu nhận rằng ta.

Làm vậy là tà đạo.

Hắn không thấy đặng ta".

---o0o---

XXVII.- KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT - PHẦN THỨ HAI MƯỜI BẢY

145.- "Này Tu Bồ Đề! Bằng ông tưởng như vậy: "Như Lai chẳng dùng tướng cụ túc mà đặng đạo Vô thượng Chánh đấng Chánh giác".

Tu Bồ Đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt. Mạc tác thị niệm.

Hà dĩ cố? - Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, u pháp, bất thuyết đoạn diệt tướng".

---o0o---

XXVIII.- BÁT THỌ BÁT THAM -PHẬN ĐỆ NHỊ THẬP BÁT

146.- "Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát dĩ mãn hàng hà sa đẳng thế giới thất bảo tri dụng bố thí.

Nhược phục hữu nhơn tri, nhứt thiết pháp "vô ngã" đắc thành u nhân, thử Bồ Tát thắng tiền Bồ Tát sở đắc phước đức.

147.- Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Dĩ chư Bồ Tát bất thọ phước đức cố".

148.- Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát bất thọ phước đức?".

- "Tu Bồ Đề! Bồ Tát sở tác phước đức; bất ưng tham trước; thị cố thuyết bất thọ phước đức".

Tu Bồ Đề! Chớ tưởng như vậy. Như Lai há chẳng dùng tướng cụ túc mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Tu Bồ Đề! Bằng ông tưởng như vậy: "Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy, mà nói các pháp đoạn diệt. Chớ tưởng như vậy.

Bởi có sao? - Bởi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy, theo pháp, chẳng nên nói cái tướng đoạn diệt".

---o0o---

XXVIII.- KHÔNG NHIỄM KHÔNG THAM -PHẦN THỨ HAI MƯƠI TÁM

146.- "Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát dùng bảy báu đầy cả hằng hà sa số thế giới, đem ra mà bố thí.

Bằng lại có người biết cả thầy pháp "vô ngã" mà thành tựu đặng cái pháp nhẫn, thì Bồ Tát này, chỗ đặng phước đức nhiều hơn Bồ Tát kia.

147.- Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Bởi các Bồ tát ấy chẳng chịu phước đức".

148.- Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát chẳng chịu phước đức?".

- "Tu Bồ Đề! Bồ Tát làm phước đức, chẳng nên tham chấp ; nên mới gọi là chẳng chịu phước đức".

---o0o---

XXIX.- OAI NGHI TỊCH TỊNH -PHẠM ĐỆ NHỊ THẬP CỬU

149.- "Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn ngôn: "Như Lai" nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhơn bất giải ngã sở thuyết nghĩa.

150.- Hà dĩ cố? - "Như Lai" giả vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, cố danh "Như Lai".

---o0o---

XXX.- NHỨT HIỆP LÝ TƯỞNG - PHẠM ĐỆ TAM THẬP

151.- Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn dĩ tam thiên đại thiên thế giới, tối³⁵ vi vi trần, u ý vân hà? - Thị vi trần chúng, ninh vi đa phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn!

Hà dĩ cố? - Nhược thị vi trần chúng, thiết hữu giả, Phật tức bất thuyết thị vi trần chúng.

Sở dĩ giả hà? - Phật thuyết vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng.

Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới.

152.- Hà dĩ cố? - Nhược thế giới thiết hữu giả, tức thị nhưt hiệp tướng.

---o0o---

XXIX. - OAI NGHI VẮNG LẶNG - PHẦN THỨ HAI MƯỜI CHÍN

149.- "Này Tu Bồ Đề! Nếu có người nói: "Như Lai", hoặc tới, hoặc lui, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy chẳng rõ cái nghĩa lý của Ta nói.

150.- Bởi có sao? - "Như Lai" ấy, là không phải từ đâu mà tới, cũng không phải từ đâu mà lui, nên gọi là "Như Lai".

---o0o---

XXX.- LÝ TƯỚNG NHÚT HIỆP - PHẦN THỨ BA MƯỜI

151.- Này Tu Bồ Đề! Bằng có trai lành, gái tín dùng tam thiên đại thiên thế giới, đập nát ra làm vi trần, ý ông thế nào? Những vi trần ấy, thế là nhiều chẳng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.

Bởi có sao? Nếu những vi trần ấy, mà thiết có, thì Phật chẳng gọi là vi trần.

Sở dĩ sao? - Bởi Phật nói những vi trần, nhưng chẳng phải vi trần, chỉ cưỡng danh là vi trần.

Bạch đức Thế Tôn! Còn Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, nhưng chẳng phải thế giới, chỉ cưỡng danh là thế giới.

152.- Bởi có sao? - Nếu thế giới mà thiết có, thì tức là tướng nhưt hiệp.

153.- Như Lai thuyết nhưt hiệp tướng tức phi nhưt hiệp tướng, thị danh nhưt hiệp, tướng".

154.- "Tu Bồ Đề! Nhứt hiệp tướng giả, tức thị bất khả thuyết.

155.- Đản phàm phu chi nhơn, tham trước kỳ sự".

---o0o---

XXXI.- TRI KIẾN BÁT SANH - PHẬN ĐỆ TAM THẬP NHỨT

156.- "Tu Bồ Đề! Nhược nhơn ngôn : Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. - Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Thị nhơn giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?".

- "Phật dã, Thế Tôn! Thị nhơn bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa.

Hà dĩ cố? - Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến".

157.- "Tu Bồ Đề! Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, u nhứt thiết pháp, ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải: bất sanh pháp tướng.

Tu Bồ Đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng".

153.- Như Lai nói tướng nhứt hiệp, nhưng chẳng phải tướng nhứt hiệp, chỉ cường danh là tướng nhứt hiệp".

154.- "Tu Bồ Đề! Tướng nhứt hiệp ấy, nói chẳng đặng.

155.- Chỉ vì kẻ phàm phu hay tham chấp sự tướng".

---o0o---

XXXI.- THẤY BIẾT KHÔNG SANH - PHẦN THỨ BA MƯỜI MỘT

156.- "Này Tu Bồ Đề! Bằng người nào nói: Phật nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Người ấy có tỏ nghĩa lý của Ta nói không?

- Bạch đức Thế Tôn ! Không. Người ấy không có tỏ nghĩa lý của Phật nói.

Bởi có sao? - Bởi Phật nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, nhưng chẳng phải ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, chỉ cường danh là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến vậy thôi".

157.- "Tu Bồ Đề! Phát lòng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó, thì cả thấy pháp, phải biết như vậy, phải thấy như vậy, phải tin rõ như vậy: là chẳng sanh pháp tướng.

Tu Bồ Đề! Sự nói pháp tướng đó. Như Lai nói chẳng phải pháp tướng, chỉ cường danh là pháp tướng".

---o0o---

XXXII. ỨNG HÓA PHI NHƠN - PHẬN ĐỆ TAM THẬP NHỊ

158.- "Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn dĩ mãn vô lượng A tăng kỳ thế giới thất bảo trì dụng bố thí. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát Bồ đề tâm giả, trì ư thứ kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì, đọc tụng, vị nhơn diễn thuyết, kỳ phước thắng bi".

159.- Vân hà vị nhơn diễn thuyết?

160.- Bất thủ ư tướng, như như bất động.

161.- Hà dĩ có?

"Nhứt thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn, bào ³⁶ ảnh:

Như lộ diệt như điện;

Ứng tác như thị quán".

162.- Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng lão Tu Bồ Đề cập chư Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nhứt thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.

---o0o---

XXXII.- ỨNG HÓA KHÔNG THIỆT - PHẦN THỨ BA MƯỜI HAI

158.- "Này Tu Bồ Đề! Bằng có người nào dùng bảy báu đầy vô lượng vô số thế giới, đem ra mà bố thí... Bằng lại có trai lành, gái tín nào phát tâm Bồ đề, giữ theo kinh này và những tứ cú kệ, mà thọ trì, đọc tụng rồi diễn thuyết lại cho người khác thì phước đức này hơn phước đức kia".

159.- Còn thế nào là vì người mà diễn thuyết ?

160.- "Không chấp tướng, như như chẳng động".

161.- Bởi có sao?

"Những pháp hữu vi ấy.

Như: chiêm bao, huyễn mị,

Bọt bào, bóng, chớp, mù.

Nên tưởng đều như vậy".

162.- Phật nói kinh này rồi, Trưởng lão Tu Bồ Đề cùng Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, cả thủy thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la, nghe cái thuyết của Phật, đều rất hoan hỷ, tin chịu, phụng hành.

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

---o0o---

BÁT NHÃ VÔ TẬN CHƠN NGÔN³⁷:

Năng mô bạt dà phạt đế, bát rị nhã, ba la mật đa đệ, đát điệc tha. Án, hột rị địa rị thất rị, thú rô tri, tam mật lật tri, Phật xả đệ, tá ha.

KIM CANG TÂM ĐÀ RA NI CHƠN NGÔN³⁸

Án, ô luân ni, ta bà ha.

BỒ KHUYẾT CHƠN NGÔN:

Nam mô hát ra đát na đa ra dạ da, kê ra kê ra, cu trụ cu trụ, ma ra ma ra, hổ ra hồng, hạ hạ, tô đát noa hồng, bát mạt noa, ta bà ha.

PHỔ HỒI HƯỚNG CHƠN NGÔN:

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma nẳng, tát cót ra, ma ha chước ca ra hồng.

KIM CANG BỒ KHUYẾT CHƠN NGÔN:

Án, hô lô hô lô, xả dệ, mục khế, tá ha.

Nhứt hồi hướng: Chơn như thiết tế, tâm tâm khế hiệp.

Nhị hồi hướng: Vô thượng Phật quả Bồ đề, niệm niệm viên mãn.

Tam hồi hướng: Pháp giới nhứt thiết chúng sanh, đồng sanh Tịnh độ.

CHÚ BÁT NHÃ VÔ TẬN³⁹:

Nẳng mồ bạt dà phạt đế, bát rị nhã, ba la mật đa dệ, đát điệc tha. Án, hột rị địa rị thất rị, thú rô tri, tam mật lật tri, Phật xả dệ, tá ha.

CHÚ KIM CANG TÂM ĐÀ RA NI⁴⁰:

Án, ô luân ni, ta bà ha.

CHÚ BỒ KHUYẾT:

Nam mô hát ra đát na đa ra dạ da, kê ra kê ra, cu trụ cu trụ, ma ra ma ra, hổ ra hồng, hạ hạ, tô đát noa hồng, bát mạt noa, ta bà ha.

CHÚ PHỔ HỒI HƯỚNG:

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma nẳng, tát cót ra, ma ha chước ca ra hồng.

CHÚ KIM CANG BỒ KHUYẾT:

Án, hô lô hô lô, xả dệ, mục khế, tá ha.

Một là hồi hương: Lý đúng chơn như, lòng lòng tin hiệp.

Hai là hồi hương: Quả Phật Vô thượng Bồ đề, mỗi niệm viên mãn.

Ba là hồi hương: Cả thầy chúng sanh trong cõi Pháp giới đồng sanh Cực Lạc.

TÁN

Kim Cang công đức,

Diệu lý nan lương.

Như Lai vị chúng quảng tuyên dương,

Thọ thí ngộ chơn thường,

Dĩ chư hoa hương.

Phổ tán Pháp trung vương.

BỒ KHUYẾT TÂM KINH

THỊ ĐẠI THẦN CHÚ

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh ⁴¹:

Quán tự tại Bồ tát ⁴², hành thâm Bát nhã Ba la mật đa ⁴³ thời, chiếu kiến ngũ uẩn ⁴⁴ giai không; độ nhưt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! ⁴⁵ Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị ⁴⁶.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, không nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý (1). Không sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp (2). Không cái giới nhãn cho đến không giới; cái giới ý thức (3); không cái vô minh (4); cũng không hết cái vô minh (5) cho đến không cái lão tử (6)...

Cũng không hết cái lão tử (7); không khổ, tập, diệt, đạo; (8) Không chi là trí, cũng không chi là đặng. Bởi cái không chỗ chi mà đặng, nên các vị Bồ Tát nương theo trí huệ mà thành đạo (9). Cái tâm không quái ngại; bởi không quái ngại, nên không khiếp sợ; tránh xa sự mộng tưởng lật ngược; rảo rột viên mãn.

Chư Phật ba đời (10) cũng đều nương pháp Bát Nhã Ba la mật đa (11), nên đặng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (12). Ấy mới biết Bát Nhã Ba la mật đa là chú rất thần thông, là chú rất rõ ràng, là chú không chi hơn, là chú không chi bằng bực: Trừ đặng cả thấy sự khổ, chơn thiệt chẳng dối, cho nên mới gọi là: Chú Bát Nhã Ba la mật đa(13).

BÀI TÁN:

Kim Cang công đức,

Lý diệu không lường.

Như Lai vì chúng khắp truyền dương;

Vung chịu tỏ chơn thường,

Dùng các hoa hương.

Rải khắp chỗ Pháp vương.

---o0o---

KINH BỔ ÍCH CHO TÂM LÀ CHÚ RẤT THẦN THÔNG

Tâm Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa(1).

Quán tưởng sự hữu tình cho tự tại (2) tu hành thâm thấu dùng trí huệ mà đắc đạo (3). Trong thời rõ thấu năm cái tích tụ (4) đều không (giả hiệp): Độ cả thấy khổ ách.

Xá Lợi Tử (5) này! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế. (6)

Xá Lợi Tử này! Đó là các pháp: Tướng đều không; không sanh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt. Cho nên trong cái không không có sắc, không thọ, tướng, hành, thức, vô nhân, nhĩ, tỹ, thiết, thân, ý⁴⁷; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp⁴⁸; vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới⁴⁹; vô vô minh⁵⁰, diệc vô vô minh tận⁵¹; nãi chí vô lão tử⁵², diệc vô lão tử tận⁵³; vô khổ, tập, diệt, đạo⁵⁴. Vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đả y Bát nhã Ba la mật đa cố⁵⁵. Tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật⁵⁶, y Bát nhã ba la mật đa⁵⁷ cố; đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề; cố tri Bát nhã Ba la mật đa; thị đại thân chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú: Năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú tức thuyết chú viết:

Yết đế, yết đế ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha⁵⁸.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

---o0o---

THÂU KINH KỆ

Tam đồ vĩnh tức thường ly khổ,

Lục thú hưu tỳ cốt một nhân.

Hà sa hàm thức ngộ chơn như,

Vạn loại hữu tình đặng bỉ ngạn.

---o0o---

TỤNG KINH TÁN

Đoạn nghi sanh tín,

Diệt tướng siêu tông.

Đón vong nhơn pháp, giải chơn không,

Bát Nhã vị trùng trùng.

Tứ cú dung thông;

Phước đức thán vô cùng.

Nam mô Kỳ Viên Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. (tam xung)

Tự qui y Phật, đương nguyện chúng sanh thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

Tự qui y Pháp, đương nguyện chúng sanh thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

Tự qui y Tăng, đương nguyện chúng sanh thông lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại.

Hòa nam Thánh chúng.

Bèn niệm chú rằng:

Độ đi độ đi, ráo rớt độ đi, ráo rớt độ chúng đi, cho đặng giác ngộ, chóng mau thành tựu (1).

Tâm kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

BÀI KỆ THÂU KINH

Ba đường siêu thoát vòng phiền não,

Sáu thú khỏi luân hồi quả báo.

Vô số hữu tình chứng lý chơn,

Các loài hàm thức đều thành đạo.

BÀI TÁN TỤNG KINH

Hết nghi tin thiết,

Khởi tướng lìa tông.

Pháp, nhọn mau dứt, tỏ chơn không;

Mùi Bát Nhã trùng trùng,

Tứ cú rõ thông,

Phước đức lớn vô cùng,

Nam mô Kỳ Viên Hội Thượng Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

Qui y Phật của tự mình, nguyện cho chúng sanh tỏ ngộ đạo cả, phát lòng vô thượng.

Qui y Pháp của tự mình, nguyện cho chúng sanh hiểu thấu kinh tạng, trí huệ rộng lớn.

Qui y Tăng của tự mình, nguyện cho chúng sanh dứt điều đại chúng, cả thầy không ngại.

Kính lễ chư Phật.

NGŨ THẬP TAM GIA:

1. Bách Trượng Hải Thiên sư.

2. Bàn Uẩn Cư sĩ

3. Bảo Ninh Đồng Thiên sư.

4. Bửu Tích Như Lai.

5. Cổ Đức Thiên sư.

6. Châu Sử Khanh Chơn nhọn.

7. Chơn Tịnh Văn Thiên sư.

8. Đạt Ma Đại sư.

9. Đồng Quan Sát Thiên sư.
10. Hải Giác Nguyên Thiên sư
11. Huyền Tông Hoàng đế.
12. Huỳnh Nghiệt Vận Thiên sư.
13. Kỳ Thiên sư.
14. Kim Hải Quang Như Lai.
15. Kinh San Kiểu Thiên sư.
16. Khuê Phong Thiên sư.
17. Lâm Tế Đại sư.
18. Lý Văn Hội Cư sĩ.
19. Lục Tổ Đại sư.
20. Lưu Đâu Đại sư.
21. Mã Tổ Đại sư.
22. Nam Tuyên Nguyên Thiên sư.
23. Ngũ Tổ Đại sư.
24. Nhan Bính Như Như Cư sĩ.
25. Nhựt Nguyệt Quang Như Lai.
26. Pháp Thường Mãn Như Lai.
27. Phó Đại sĩ.
28. Qui Tông Thiên sư.

29. Tạ Linh Vận.
30. Tăng Nhược Nột Thiền sư.
31. Tăng Liễu Tánh Vân Am Thiền sư.
32. Tăng Triệu Pháp sư.
33. Tăng Tử Vinh Phú Sa Thiền sư.
34. Tăng Vi Từ Am Thiền sư.
35. Tiêu Diêu Ông.
36. Tiên Du Ông.
37. Tổ Ấn Minh Thiền sư.
38. Tông Mật Thiền sư.
39. Tụ Tại Lực Vương Như Lai.
40. Tứ Tổ Nhẫn Đại sư
41. Từ Thọ Thâm Thiền sư.
42. Thái Dương Huyền Thiền sư.
43. Thiên Thai Trí Nghĩa Đại sư.
44. Thông Vương Như Lai.
45. Trần Hùng Cư sĩ.
46. Triều Văn Nguyên Cư sĩ.
47. Trương Vô Tận Cư sĩ.
48. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

49. Viên Ngộ Thiên sư.
50. Vĩnh Gia Đại sư.
51. Vô Danh Thị.
52. Vương Nhật Hữu Cư sĩ.
53. Xuyên Thiên sư (Giả phủ).

KIM CANG NGŨ THẬP TAM GIA

ÂM : Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh.

NGHĨA : Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

Giải - Tiên Du Ông Tập Anh giải: Kim Cang là chất cứng bén (thép) trong loại kim. Chất thép sanh trong loại kim dầu nhờ luyện cả trăm phen cũng chẳng hề hao kém. Dùng sức chắc bén ấy mới chặt đứt muôn vật đặng.

Năm loại kim, cũng đều gọi chung là Kim⁵⁹. Phạm nói riêng một tiếng kim tức là sắc. Kim Cang nói đây là, như gươm đao có thép bén, ví dụ với trí huệ, hay dứt tuyệt cả thấy tà kiến điên đảo của tham, sân, si.

Tiếng Phạm: Bát Nhã, Tàu dịch Trí Huệ⁶⁰ Tánh thể sáng suốt xét soi tự tại; cho nên nói: Bát Nhã.

Ba La Mật: Đáo bỉ ngạn là đến bờ kia (chỗ Phật). Muốn đến bờ kia phải dùng thuyền Bát Nhã.

Bờ này (chỗ chúng sanh) là cảnh của chúng sanh gây nghiệp chịu sự khổ sanh tử luân hồi; còn bờ kia là cảnh của chư Phật cùng Bồ Tát đã ráo rớt⁶¹ siêu thoát thanh tịnh an vui. Phạm phụ là bờ này. Phật đạo là bờ kia. Một niệm dữ là bờ này, một niệm lành là bờ kia.

Sáu đường ⁶² như biển khổ, không thuyền thì không thể qua. Phải dùng trí Bát Nhã cùng pháp "Lục độ" ⁶³ mà làm thuyền, mới qua khỏi đặng.

Lại nữa, tục ngữ bên Thiên Trúc: "Phàm việc chi đã làm đặng rồi, đều gọi là Ba La Mật".

Kinh: nghĩa là "Đường tắt". Kinh này là con đường tắt để học Phật.

Xung Ứng Chơn Nhơn, Châu Sử Khanh làm lời chơn tán ông Dương Á Phu có giải: Sắt là một vật sanh ở trong khoán, khí thành sắt, tánh cứng mà hình thể chẳng biến, dùng lửa thép ra, thì làm nên các món, cho nên Phật lấy Kim Cang mà thí dụ.

Lại Nhơn dịp người anh của Ông (Xung Ứng) xem kinh Viên Giác, đưa cho coi mà nói: Cổ Nhơn có nói rằng:

"Xanh xanh tre sậm, vốn thiệt Chơn như, "

"Mỡn mỡn hoa vàng há không Bát Nhã!".

Chơn như, tre sậm một loài, bởi không nhiễm (sắc, thanh, hương, vị).

Bát Nhã, hoa vàng một thể, vì chẳng chấp "kiến, văn, giác, tri".

Trần Hùng giải: Ba la mật có sáu pháp: Hoặc "Bồ thí" hoặc "Trì giới", hoặc "Nhẫn nhục", hoặc "Tinh tấn", hoặc "Thiền định" đều chiếm một phần trong Lục độ. Duy có một pháp "Bát Nhã" hay sanh tám muôn bốn ngàn (84.000) "Trí huệ", thì sáu độ gồm đủ, muôn hạnh vẹn toàn. Cho nên Như Lai dùng cái đực Trí huệ xoi núi Nhơn ngã, dùng sức Trí huệ khai khoán "phiền não", dùng lửa Trí huệ thép nên vàng trong "Phật tánh".

Vả lại gieo căn lành, trước phải tụng Kinh, sau mới tỏ lý. Đặng sức bền chặt, tức là Kim Cang. Đủ Trí huệ lớn tức là Bát Nhã. Độ khỏi biên sanh tử, đến bờ "Bồ đề", tức là Ba la mật.

Ngũ Tổ Đại sư hằng khuyên kẻ Tăng người tục: "Chỉ nên trì "Kinh Kim Cang", tức đặng "kiến Tánh thành Phật".

Lục Tổ Đại sư, một đêm nghe Ngũ Tổ thuyết pháp, đến câu: "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" (sanh tâm không trụ chấp), vừa dứt lời liền tỏ ngộ.

Như thế mới là bực Thượng thừa đôn giáo cho.

Nhan Bính giải : Duy có một quyển kinh này, chúng sanh sáu đường mỗi mỗi đều có đủ trong tánh. Bởi sau khi có thân rồi, vọng sanh sáu căn⁶⁴, sáu trần⁶⁵, chôn lấp một điểm "Linh quang", trọn ngày mờ mờ, chẳng biết chẳng tỏ. Cho nên Phật ta mới mở lòng "Từ Bi", nguyện cứu vớt cả thầy chúng sanh, đồng qua khỏi biển khổ, đồng chứng đặng quả Bồ đề.

Nên chi, Phật ở tại nước Xá Vệ thuyết kinh này, đại ý: Chỉ vì người mà phá mê, mở trí; bấy giờ liền tỏ thấy cái tự tánh.

Tự tánh đặng bền chặt, muôn kiếp chẳng hoại, cũng như cái tánh cứng chắc của loại kim vậy.

Lý Văn Hội giải: Kim Cang là vật chắc bén, hay phá nát muôn vật. Bát Nhã: Trí huệ, hay phá đặng cả thầy phiền não, đổi thành diệu dụng.

Ba la mật: Đáo bỉ ngạn. Chẳng chấp các tướng là "bờ kia", bằng chấp các tướng là "bờ này".

Lại nói : Lòng mê là "bờ này", lòng ngộ là "bờ kia".

Kinh là "Đường", là con đường tắt để "kiến tánh".

ÂM :

Dao Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.

NGHĨA :

Đời Dao Tần, Thầy Tam Tạng Pháp Sư, là Cưu Ma La Thập, vưng chiếu, phiên dịch.

Giải : - Xét trong sử Tấn: "Cưu Ma La Thập" là người Thiên Trúc.

Khi xưa, vua nước Cưu Tư nghe danh cha Ngài, là Cưu Ma La Diêm, bèn thỉnh về làm Quốc sư, rồi ép gả em gái cho.

Lúc Ngài còn trong thai thì bà mẹ sáng suốt bội thường. Mà cũng trong lúc ấy, bà xuất gia. Ngài đến mười hai tuổi thì bà dắt qua xứ Sa Lạc mà ở.

Đời Hậu Tần (383 - 416) vua Dao Hung rước Ngài về vườn Tiêu Diêu mà dịch kinh.

Sau Ngài hóa thân tại Trường An. Khi thiêu, xác và củi đều cháy tiêu hết, mà lưỡi Ngài vẫn còn.

Dịch là phiên dịch chữ Thiên Trước ra chữ Trung Quốc.

---o0o---

CHƯƠNG MỘT

1.-ÂM

Như thị ngã văn :

NGHĨA :

Ta nghe như vậy:

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Thị là chỉ các chỗ nói trong kinh này.

Ngã: là người viết kinh này tự xưng, tức là A Nan.

Như thị ngã văn là các chỗ nói trong kinh này tự ta nghe những lời của Phật nói.

Đệ tử (A Nan) thường hỏi Phật: "Đến sau viết kinh khởi đầu làm sao?".

Phật bảo: "Dùng "Như thị ngã văn" mà khởi đầu".

Lý Văn Hội giải: Như thị ngã văn là Như Lai đến ngày nhập "Niết Bàn", A Nan có hỏi Phật: "Sau khi Phật diệt độ, cả thầy đầu bài kinh để chữ chi?".

Đáp: Trước đề "Như thị ngã văn", sau chỉ rõ các chỗ. Cho nên ông Phó Đại Sĩ tụng:

Ở giữa Cụm Ta La, Là nơi Phật diệt độ.

A Nan ⁶⁶ lúc bấy giờ, Bi thăm không qua đó.

Hỏi sẵn có Ưu Ba ⁶⁷, Kinh, làm sau khởi thủ.

Rằng "Nhu thị ngã văn" Truyền bá hoài thiên cơ.

Bằng theo các bực đại Tông sư giải nghĩa, thì "Nhu" là cái tánh của chúng sanh, muôn khác ngàn sai, động tịnh không chùng, không ngang hàng đặng, không bằng bực đặng.

"Thị" là biệt danh cái tánh của chúng sanh. Lìa ra ngoài cái tánh, lại không có pháp chi khác nữa.

Lại nói: Pháp, chẳng phải không, gọi là Nhu. Điều là Phật Pháp gọi là "Thị".

Xuyên Thiên sư giải: Nhu thị, người xưa đạo kêu là "Nhu", nói Nhu thị là đã biến rồi.

Nói thử coi: Biến đổi đi đến chỗ nào?

Ôi! Chẳng đặng chạy đi bậy.

Rốt lại nói chi vậy.

Ngoài ngôn luận lửa không hề cháy!

Nhu như:

Đài gương muôn tượng thủy đều thâm,

Vậy vậy:

Nước sóng nguyên đồng tánh chất nhau.

Gương nước lúc chưa vương gió bụi,

Đất trời toàn thể hiện lâu lâu.

Lại nói :

Ngã là "Tự tánh tự tại", chỉ cường danh vậy thôi.

Thân không phải có ta,

Cũng chẳng phải không ta,

Hai lẽ không ngần ngại,

Mới cho là thiệt ta.

Sạch sạch bóng,

Đỏ đỏ thắm.

Không phương rờ nắm.

Lại nữa :

Ta, ta.....

Phân biệt Thánh hai cái khác xa.

Chẳng động hào ly huờn bốn tánh,

Tri âm tự có gió tòng, hòa.

Văn là lóng nghe.

Nghe không chấp có nghe.

Cũng chẳng chấp không nghe.

Chẳng "có chấp", "không chấp",

Mới cho là "thiệt nghe".

Lại nói: Rất ky nhưt, là nghe theo nó.

Lời tụng rằng:

Hạc kêu chín nội,

Vượn hót đầu ngàn;

Mây ùn gió cuốn,

Nước chạt giòng tràng.

Sương đượm màu thu khoe vẻ đẹp;

Nhạn inh ỏi giọng tiết trời hàn.

---o0o---

2.- ÂM

Nhứt thời, Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên .

NGHĨA :

Một thửa ruộng, Phật ở nước Xá Vệ nơi nhà Tịnh xá của ông Cấp Cô Độc cất trong vườn cây ông Kỳ Đà .

Giải : Triệu Pháp Sư giải: Nhứt thời là thửa Phật pháp "Bát Nhã".

Lý Văn Hội giải: Nhứt thời là khi Phật thuyết pháp hiệp giới lý đạo mà cảm với lòng người.

Phật là Giác. Giác trong tâm không các vọng niệm, giác ngoài cảnh chẳng nhiễm lục trần.

Lại nói: Phật là vị "Giáo chủ". Chẳng phải tướng mà hiện tướng, là "Ứng thân Phật". Tướng, mà chẳng phải tướng, là "Báo thân Phật" - Chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, là "Pháp thân Phật".

Tại : là chỗ ở.

Sớ Sao giải: Phật, tiếng Phạm kêu: Bà Đà Bà cũng kêu Phật Đà.

Phật: là Giác. Trước giác cho mình, sau giác cho người (tự giác, giác tha), là bởi "giác tánh" đã viên mãn. Cả thầy các loại "hữu tình" đều có tánh giác ấy. Ngộ là Phật, mê là chúng sanh.

Trong Kinh có nói: "Nước Xá Vệ có một ông Trưởng giả, tên là Tu Đạt Noa, thường bố thí cho kẻ nghèo hèn cô độc, cho nên người đời gọi ông là "Cấp Cô Độc Trưởng giả".

Lục Tổ giải: Xá Vệ : là tên một nước của vua Ba Tư Nặc.

Kỳ : là Kỳ Đà Thái tử, con vua Ba Tư Nặc.

Thọ : là vườn cây của ông Kỳ Đà dung cúng, cho nên nói: Kỳ thọ.

Xuyên Thiên sư giải: Theo nhau mà đến.

Tụng:

Một một.....

Hai, ba, năm, bảy, không cùng tột;

Kiên khôn hỗn độn lúc chưa phân,

Vốn đã nứt sanh thông ráo rột.

Lại nói :

Như người uống nước, lạnh nóng tự mình biết lấy.

Tụng:

Thì thì.....

Trăng trong, gió mát thầy đều tùy.

Đào hồng, lý trắng, tường vi tía,

Hỏi thử chủ nhơn có hiểu gì?

Lại nói :

Không có diện mục gì, mà nói việc thị phi.

Tụng:

Nhỏ kêu Tất Đạt;

Lớn hiệu Thích Ca.

Tế độ các loại;

Thâu phục lũ tà,

Bằng nói Ngài là Phật,

Thế thì ta tức ma.

Dùng sáo tự nhiên không trở lỗ,

Nhỏ to thổi điệu thái bình ca.

Lại nói :

Lục tặc đến, phải coi chừng đánh chặn lại, đừng cho đi tuốt.

Tụng:

Ngồi thiền một nén hương;

Kinh nghĩa tụng hai hàng.

Thương bấy khách xe ngựa,

Bề ngoài luống nhận nhàn.

---o0o---

3.- ÂM

Dữ đại Tỳ Khuru chúng, thiên nhị bá ngũ thập nhơn cu.

NGHĨA :

Cùng một ngàn hai trăm năm mươi thầy đại Tỳ Khuru đều ở tại đó .

Giải : Tăng Tử Vinh dẫn trong bộ Trí Độ Luận, quyển thứ ba có nói: khi "Nhu Lai sắp nhập Niết Bàn, kêu A Nan mà dạy rằng: "Mười hai bộ kinh người phải truyền bá ra cho đời sau".

Lại dạy Ưu Ba Ly rằng: "Cả thầy Giới luật, người nên thọ trì". A Nan nghe Phật dặn bảo, lòng rất lo rầu".

Khi ấy, Ưu Ba Ly nói với A Nan rằng: "Ông là người gìn giữ "Pháp Tạng" của Phật, phải bạch hỏi Phật những điều yếu lý về đời sau".

Ưu Ba Ly cùng A Nan có đến hỏi Phật bốn điều:

1.- "Cả thầy trước đầu kinh nên đề chữ chi?".

- "Cả thầy trước đầu kinh nên đề chữ Như thị".

2.- "Lấy ai mà làm thầy?".

- "Lấy giới Ba la đề mộc xoa làm Thầy cả của các người".

3.- "Nương nơi đâu mà trụ?".

- "Đều nương theo pháp "Tứ Niệm" mà trụ".

Tứ niệm:

Một là : Quán tưởng lòng chẳng sạch;

Hai là : Quán tưởng chịu những sự khổ;

Ba là : Quán tưởng Pháp tánh vốn không;

Bốn là: Quán tưởng "Tâm" không có "ta".

4.- "Thầy Tỳ Khưu có tánh ác, làm sao mà ở chung?".

- "Thầy Tỳ Khưu có tánh ác, thì dùng pháp "Phạm đàn" mà sửa trị".

Phạm đàn "Mặc tấn": là nín nhịn.

Thiệt như lời Huỳnh Lỗ Trục nói:

Muôn nói muôn nhằm, chẳng bằng một nín (mặc).

Trăm trận trăm hơn, chẳng bằng một nhịn (tấn).

Tấn là kinh mà xa lánh.

Pháp này để xử thầy Tỳ Khưu có tánh ác.

Như Lai, khi dặn dò xong rồi, vào Đại thành Cu Thi La, nơi hai cây Ta La mà thị hiện pháp Niết Bàn. A Nan nghe Phật sắp nhập Niết Bàn, trong lòng buồn rầu lo lắng nên chẳng đến trước Phật mà hỏi lại bốn điều đó nữa.

Vương Nhựt Hưu giải: Tỳ Khưu: Khất sĩ. Trên xin pháp cùng chư Phật, đặng tỏ cái chơn tánh mình, dưới xin ăn của người thế, đặng cầu phước cho đời, cho nên nói: Khất sĩ.

Đại Tỳ Khưu : là đặc đạo đã thâm, tức là bực Bồ Tát cùng A La Hán.

Cu : là ở chung. Là nói Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi người ở chung trong vườn ông Cấp Cô Độc.

Trần Hùng : Tỳ Khưu, tức đời nay kêu là Thầy tu.

Lý Văn Hội giải: Tỳ Khưu, bỏ dữ làm lành là "Tiểu Tỳ Khưu", lành dữ đều bỏ là "Đại Tỳ Khưu". Bằng người tỏ thấu lý ấy, tức là chứng quả vị A La Hán. Phá đặng lục tặc (lục trần) là người trong bốn quả "Tiểu thừa".

Xuyên Thiên sư giải: Một tay vỗ chẳng nên kêu.

Tụng:

Nghiêm nghị đàng hoàng,

Muôn pháp chủ trương.

Băm hai tướng hảo?

Muôn ngàn chủng quang.

Thánh, phàm chiêm ngưỡng,

Ngoại đạo qui hàng.

Chớ rằng Phật Tổ không trông thấy,

Ở tại Kỳ Viên đại đạo tràng.

---o0o---

4.-ÂM

Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời chước⁶⁸ y trì bát.

NGHĨA :

Khi ấy, gần đến giờ ăn của đức Thế Tôn, Ngài bèn mặc y, mang bát.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Nhĩ thời : là thuở ấy.

Phật là bậc tôn trọng trong ba cõi, nên xưng là Thế Tôn.

Ba cõi là: "Dục giới", "Sắc giới", "Vô Sắc giới".

Lý Văn Hội giải: Nhĩ thời: là thuở Phật ra đời.

Thế Tôn: Trong ba cõi, bốn loài không có trí huệ, phước đức nào sánh bì cho kịp. Thiết là đáng tôn trọng của cả thầy thế gian.

Thực thời : là chánh lúc sắp sửa bữa ăn ngộ.

Chước y: là đắp cái y Nhu hòa nhẫn nhục.

Tăng Nhược Nột giải: Trong Kinh "Tỳ La Tam Muội" có nói: "Buổi sáng là bữa ăn của chư Thiên; chánh giờ ngọ là bữa ăn của chư Phật; chiều và tối là bữa ăn của các dị loại cùng quỉ thần".

Nay nói Thực thời là chánh thức trước giờ ngọ, trong buổi đi xin ăn.

Sớ Sao giải: Chúc là đắp cái y "Tăng già lê", tức là Đại y hai mươi lăm điều⁶⁹.

Trì bát là bung cái bát của Tứ Thiên Vương dung cúng.

Kinh Di Giáo giải: Mặc đồ đáng hổ thẹn, đối với sự trang nghiêm là đúng bực nhưt.

---o0o---

5.- ÂM

Nhập Xá Vệ đại thành khát thực.

NGHĨA :

Vào đại thành nước Xá Vệ xin ăn.

Giải : Tăng Nhược Nột giải: Chùa ở ngoài thành, cho nên nói: Vào.

Lý Văn Hội giải: Khát thực là muốn khiến các thầy Tỳ Khưu đòi sau chẳng tích tụ tiền của châu báu.

---o0o---

6.- ÂM

Ư kỳ thành, trung, thứ đệ khát dĩ.

NGHĨA :

Ở trong thành, cứ theo thứ lớp mà xin.

Giải - Tăng Nhược Nột giải: Chẳng bỏ nghèo theo giàu không chê hèn tìm sang, lòng Đại từ bình đẳng, không có chọn lựa, cho nên nói: Thứ lớp.

Lý Văn Hội giải: Thứ đệ là lòng từ bi của Như Lai, chẳng lựa nghèo giàu, bình đẳng khắp độ.

---o0o---

7.-ÂM

Huòn chí bốn xứ, phản tự cật⁷⁰ thâu y bát, tẩy túc dĩ.

NGHĨA :

Về đến chỗ ở; dùng cơm xong, đoạn cật y bát, rửa chơn rồi .

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Đi xin ăn rồi trở về, cho nên nói: Về chỗ ở.

Ăn cơm xong, cật y bát là cật áo Ca sa cùng bình bát rồi sau mới rửa chơn, là bởi Phật đi chơn không (Không đi giày).

Lý Văn Hội giải: Tẩy túc dĩ là "Tịnh thân nghiệp".

---o0o---

8.- ÂM

Phu tòa nhi tọa.

NGHĨA :

Lên pháp tọa mà ngồi .

Giải : Nhan Bính giải: Phu là sắp đặt, sắp đặt "Pháp tọa" mà ngồi.

Trí Giả Thiên sư giải :

Tụng:

Pháp, Ứng, Hóa ba thân,

Chẳng ăn uống tự nhiên.

Thường từ bi, bác ái,

Vì lợi ích Nhơn, Thiên.

Cất áo ngồi lao lự,

Rửa chơn sạch bụi duyên.

Lý "Tam không" muốn chứng,

Ngồi kiết già tham thiền.

Sớ Sao giải: "Tam không" là ba thể luân chuyển đều không.

Người thí, người thọ thí và vật thí là ba cái thể luân chuyển.

Người thí hồi tưởng cái chơn như bốn thể vốn không, chẳng có một vật chi, cho nên nói: Lý không.

Người thọ trí hồi tưởng cái sắc thân không phải chơn tướng, cái phương pháp không tên lâu dài; thân còn chẳng có, vật đâu mà thọ lãnh; cho nên nói: Thọ không.

Kẻ thí, người thọ thí đã là không - Hai bên đều không lòng vọng thí, vật thí cũng tự không, cho nên nói: Vật không.

Ấy là: Tam luân thể không.

Lý Văn Hội giải: Phu tọa nhi tọa là cả thầy pháp đều không.

Xuyên Thiên Sư giải: Cho rành nó.

Tụng:

Ăn cơm xong xả, rửa chơn rồi,

Nghiêm nghị ra nói Pháp tọa ngời.

Có biết những văn sau đó tả?

Đất bằng gây nổi trận phong lôi.

---o0o---

CHƯƠNG HAI

9.- ÂM

Thời Trưởng lão Tu Bồ Đề

NGHĨA :

Khi ấy, Trưởng lão Tu Bồ Đề

Giải : Lý Văn Hội giải: Thời : là thuở ông Không Sanh (Tu Bồ Đề) khởi sự hỏi Phật.

Trưởng lão là tuổi cao đức lớn.

Tu Bồ Đề là Giải Không (Rõ lý không).

Vương Nhục Hưu giải: Trưởng lão là tuổi cao hơn hết trong hàng đại chúng.

Tăng Nhược Nột giải: Tu Bồ Đề: là Không Sanh, Thiện Kiết, Giải Không, Thiện Hiện Tôn giả.

Khi mới sanh ông ra, trong nhà đều trống không (Không Sanh).

Có thầy coi tướng đoán rằng: Tướng trẻ này rất lành, rất tốt (Thiện Kiết).

Sau ông tỏ đặng pháp "Không" (Giải Không).

Ứng với lời thầy tướng đoán khi trước (Thiện Hiện).

Tăng Liễu Tánh giải: Cái tánh Tu Bồ Đề người người đều có. Bằng người nào tỏ thấu cái tánh vắng lặng mới gọi "Giải Không"; trọn đặng tánh không, thiết là Bồ Đề; mới gọi "Tu Bồ Đề"; cái tánh không ấy sanh ra muôn pháp, mới gọi "Không Sanh"; cái tánh không, tùy cơ duyên mà ứng hiện, lợi người lợi vật, mới gọi "Thiện Hiện"; muôn hạnh trọn lành, mới gọi "Thiện Kiết".

Tùy đức mà ứng hiện, nên mới cường danh năm tên ấy.

---o0o---

10.-ÂM

Tại đại chúng trung, tức tùng tọa khởi, thiên đàn hữu kiên, hữu tát trước⁷¹ địa, hiệp chương cung kính nhi bạch Phật ngôn: "Hy hữu Thế Tôn!".

NGHĨA :

Ồ> trong hàng đại chúng, liền đứng dậy đến nơi pháp tòa, trích y nửa thân bên vai hữu, quì gối hữu sát đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng : "Như đức Thế Tôn ít có!".

Giải : Lý Văn Hội giải: Ông Tu Bồ Đề tỏ pháp "Không" bực nhứt, cho nên đến hỏi Phật trước hết.

Hữu tát trước địa: là trước dứt sạch "tam nghiệp" diệt trừ thân tâm, sửa sang nghiêm chỉnh mà xưng tán Phật.

Hiệp chương : là Tâm hiệp với đạo, đạo hiệp với tâm.

Hy hữu : là Tánh Phật ta hay bao trùm muôn pháp, không chi sánh bằng.

Tăng Nhược Nột giải: Thiên đàn : là tục người Tàu, khi chịu lỗi xin tội thì ở trần, còn bên Tây Vực thi lễ thì trích áo nửa thân mình - Phong tục hai xứ không đồng nhau.

Hữu kiên : là đệ tử hầu thầy, tỏ cái phép bung xách hoặc làm công việc cho tiện.

Hữu tất trước địa : là trong kinh Văn Thù vấn Bát Nhã có nói: "Bên hữu là đạo chánh, bên tả là đạo tà. Dùng chánh bỏ tà sẽ cầu hỏi về cái hạnh chánh không tướng".

Vương Nhựt Hưu giải: Bạch: là kính thưa. Hy : là ít. Thế Tôn : là hiệu của Phật.

Trước than thờ khen ngợi là ít có, rồi sau mới bạch Phật.

---oOo---

11.-ÂM

Như Lai thiên hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phú chúc chư Bồ Tát.

NGHĨA :

Như Lai hay đóai tượng các Bồ Tát, hay giao phó dặn dò các Bồ Tát .
Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Như Lai : là hiệu Phật.

Phật sở dĩ gọi là Như Lai, là bởi "Chơn tánh", cũng kêu là "Chơn như". Vậy thì, "Như" tức là "Chơn tánh".

Chơn tánh sở dĩ gọi là "Như" đó, là bởi sự sáng của nó soi khắp cả vô lượng thế giới, không chi che lấp đặng. Còn sự tỏ thì thông cả thấy nhưng việc của vô lượng kiếp, không chi mà ngăn ngại đặng. Lại hay biến hiện, cũng làm cả thấy chúng sanh, không chỗ nào mà chẳng đặng. Vậy mới thiết là "tự như" (muôn làm sao cũng đặng).

Còn nói "Lai" là Chơn tánh hay tùy chỗ mà hiện lại, cho nên nói: Như Lai.

Tánh Chơn như vốn không tới lui, mà nói là "Lai" là bởi nó ứng hiện tại đó, cho nên nói: "Lai" bằng có người chí thành cầu khẩn, thì có cảm ứng liền. Nếu muốn vì cả thấy chúng sanh, lập pháp dạy bảo, thì hiện sắc thân mà đến nơi ấy.

Phật, sở dĩ gọi là Như Lai đó cũng bởi Như như là bản thể của Chơn tánh. Còn nói là Lai là ứng dụng của Chơn tánh. Vậy thì, "Như Lai" là gồm đủ cả thể và dụng của Phật mà nói. Tóm lại kinh này thường nói Như Lai là vậy đó.

Tiếng Phạm nói Bồ Tát, vốn là Bồ đề tát đả. Muốn cho gọn câu văn và dễ xưng hô, nên nói tắt là Bồ Tát.

Bồ đề : là Giác, Tát đả : là Hữu tình. Hữu tình tức là chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; bởi có sanh phải có tình. Duy có bực Bồ Tát ở trong bọn hữu tình mà đặng tỏ ngộ mà thôi. Cho nên nói: Giác hữu tình.

Nói đại khái, hễ có tình thì có vọng tưởng. Bực Bồ Tát chưa dứt hết tình tưởng, duy có tu đến bực Phật mới dứt hết tình tưởng đặng. Cho nên Phật, riêng gọi là Giác, mà chẳng gọi là Hữu tình.

Phật nói: "Cả thầy chư Phật đều đặng giải thoát các lòng vọng tưởng, chẳng còn mảy mún chi". Cho nên nói: "Phật".

Phật lại nói: "Mười một bực Bồ Tát đều có hai thứ ngu si". Ngu si đó há không phải là cái tình vọng tưởng hay sao? - Vậy nên, Bồ Tát mới gọi là hữu tình, chớ chẳng đặng riêng gọi là Giác.

Trần Hùng giải: Bồ Tát : là người vâng giữ giáo pháp của Phật. Chư Bồ Tát : là chỉ hết đại chúng mà nói. Đại chúng nghe Như Lai thuyết pháp, rất nên tin tưởng kính vâng.

Thoảng như Phật chẳng mở lòng từ bi che chở, đoái tưởng, khiến cho tin tưởng pháp ấy, ắt bị loài ma dữ thừa dịp mà khuấy rối, và chẳng dạy bảo, khiến cho kính vâng pháp ấy, thì pháp màu có khi phải dứt mất. Cho nên ông Tu Bồ Đề ở trong hàng đại chúng, trước khi nghe thuyết pháp, không còn lo chi khác hơn là cầu xin Như Lai mở lòng từ bi mà đoái tưởng, dạy bảo.

Lý Văn Hội giải: Như Lai: Như thì chẳng sanh, Lai chẳng diệt; chẳng phải tới, chẳng phải lui, chẳng phải ngồi, chẳng phải nằm, lòng hằng vắng lặng, rỗng rang thanh tịnh.

Thiện hộ niệm: là hay dạy các người, chẳng dấy lòng vọng niệm.

Chư Bồ Tát, chư : là chẳng phải một, Bồ: là soi, Tát: là thấy. Nghĩa là: soi thấy năm uẩn đều không - Năm uẩn là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Bồ Tát : là Đạo tâm. Chúng sanh : là người thường giữ tánh cung kính, cho đến các loài: có vảy, vỏ, cánh, lông, cùng loài dòi, trùng, đế, kiến, đều đầy lòng ái kính, chẳng hề khinh dễ. Nên Phật thường nói các loài bò, bay, máy, cựa, đều có tánh Phật là vậy.

Thiện phú chúc : là mỗi niệm đều tinh tấn, chớ cho nhiễm chấp. Niệm trước vừa nhiễm, niệm sau liền giác ngộ, chớ cho nó tiếp tục nhau.

Xuyên Thiên sư giải: Như Lai chưa thốt một lời nào, cái gì mà Tu Bồ Đề lại thở than khen ngợi?

Có đủ "nhãn lực" hơn trong bọn, nên dùng "nhãn lực" mà xem.

Tụng:

Cách non thấy khói hay rằng lửa,

Khuất vách lò sừng vốn biết trâu.

Ngồi dưới trời trên trời sộ sộ,

Đông Tây hà tất bói khoa cầu.

---o0o---

12.-ÂM

Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A nậu đa la tam miệu bồ đề tâm...

NGHĨA :

Bạch đức Thế Tôn! Như có trai lành, gái tín nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải : Lý Văn Hội giải: Thiện nam tử là người có lòng "chánh định". Thiện nữ nhơn : là người có lòng "chánh huệ". Nghĩa là nói cả thầy đều có lòng quyết đoán chắc chắn, hằng không lui sụt. Ấy là tỏ ra cái nghĩa "phát tâm".

A: Vô, là không có lòng ô nhiễm.

Nậu đa la: Thượng, là trong ba cõi không ai sánh bằng.

Tam: Chánh, là chánh kiến.

Miêu: Biến, là cả thấy các loài hữu tình, không chỗ nào là chẳng có; Bồ Đề : Tri, là biết cả thấy loài hữu tình đều có tánh Phật.

Vương Nhựt Hưu giải: A là Vô, Nậu Đa la là Thượng, Tam là Chánh, Miêu là Đẳng, Bồ đề là Giác.

A nậu đa la tam miêu tam bồ đề là: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là "Chơn tánh, mà Chơn tánh tức là Phật".

Phật: Giác. Nói tắt là "Giác", mà nói rõ là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chơn tánh không có chi trên đặng, nên nói: Vô thượng. Trên từ chư Phật, dưới đến loài bò, bay, máy, cựa, tánh ấy đều bình đẳng như nhau, nên nói: Chánh đẳng - Cái tánh giác ấy, viên mãn sáng soi không chên, không kém, nên nói: Chánh giác.

Sở dĩ thành Phật là đặng cái tánh ấy. Bởi vậy mới siêu thoát đặng ba cõi, chẳng còn luân hồi nữa.

Tăng Nhực Nột giải: Bồ Tát trước khi tu hành đều có phát lòng rộng lớn như vậy cả.

---o0o---

13.-ÂM

Vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?

NGHĨA :

Nên trụ thế nào? Nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Ưng : là nên, Vân: là nói; Vân hà : là nói làm sao (Thế nào). Vân hà ưng trụ : là nên trụ chỗ nào.

Vân hà hàng phục kỳ tâm : là nên hàng phục cái vọng tâm thế nào.

Tăng Nhưặc Nột giải: Tu Bồ Đề có hỏi hai điều:

1. - Chúng sanh phát lòng Vô thượng, muốn cầu pháp Bát Nhã, thế nào là trụ đặng chỗ đế lý (lý chắc)?
2. - Hàng phục cái vọng tâm, thế nào mà diệt trừ đặng sự hoặc loạn?

Những lời nói trong bộ kinh này, đều chẳng ngoài cái lý "hàng trụ" ấy.

Lý Văn Hội giải: Vân hà hàng phục kỳ tâm: là ông Tu Bồ Đề gọi kẻ phàm phu vọng niệm, phiền não không ngừng. Vậy phải nương pháp chi mà điều đình và hàng phục cho đặng?

Xuyên Thiên Sư giải: Lời hỏi ấy, bởi đâu mà ra?

Tụng:

Ngươi vui ta chẳng vui

Ngươi thẹn ta không thẹn,

Ái Bắc thần thơ nhàn;

Ồ xưa rù quên én,

Xuân hoa thu nguyệt ý không ngừng,

Mình biết lấy mình lãnh noãn.

---o0o---

14.-ÂM

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Tu Bồ Đề như nhữ sở thuyết: Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phú chúc chư Bồ Tát...: Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

NGHĨA :

Phật khen: Đáng khen cho! Đáng khen cho! Tu Bồ Đề này! Theo lời Ông nói: Như Lai hay đoái tưởng các Bồ Tát, hay giao phó dặn dò các Bồ Tát... Vậy nay ông hãy lắng nghe. Ta đáng vì ông mà nói.

Giải : Lý Văn Hội giải: Như nhữ sở thuyết: là Phật khen ông Tu Bồ Đề hay biết ý Phật, khéo dạy mọi người chẳng dấy vọng niệm lòng hằng tinh tấn, chớ cho nhiễm chấp các pháp tướng.

Đế thính : Đế cũng kêu là liễu (tỏ). Ông phải tỏ thấu "thinh trần", xưa nay chẳng sanh, chớ chấp theo tiếng nói; phải xét cho kỹ rồi sẽ nghe theo.

Vương Nhựt Hưu giải: Đế : là xét, là nói: nghe cho chín chắn.

---o0o---

15.-ÂM

Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A Nậu Đa La Tam miệu tam bồ đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm. Dữ nhiên Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn.

NGHĨA :

Như trai lành, gái tín nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ như vậy, nên hàng phục cái vọng tâm như vậy. Vâng, vâng, bạch đức Thế Tôn! Con nguyện hết lòng muốn nghe .

Giải : Lý Văn Hội giải: Ưng như thị trụ: là Như Lai muốn khiến cái lòng chúng sanh, chẳng sanh chẳng diệt, rỗng rang thanh tịnh mới thấy tánh đặng.

Hàng Cư sĩ giải:

Tụng:

Người đời trọng của báu,

Ta quý sát na tịnh.

Của báu rồi lòng người,

Tịnh rồi hẳn thấy tánh.

Tiêu Diêu Ông giải: Lòng phạm phu động mà tối tăm, lòng Thánh nhân tịnh mà sáng suốt.

Lại nói: Kẻ phạm phu nào tâm cảnh thanh tịnh, là cõi tịnh của Phật, còn tâm cảnh uế trước, là cõi trước của ma.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Kẻ phạm phu phần nhiều bị cảnh ngại lòng, sự ngại lý, hằng muốn trốn cảnh an lòng, bỏ sự theo lý; đâu biết tại lòng ngại cảnh, lý ngại sự, chớ kỳ thiệt: Lòng không cảnh mới không, lý dứt sự mới dứt. Chẳng nên dụng tâm trái ngược như thế.

Lại nói, kẻ phạm chấp cảnh, người trí chấp lòng. Lòng, cảnh đều không, mới thiệt chơn pháp. Quên cảnh còn dễ, quên lòng rất khó. Người bằng chẳng dám quên lòng, e sa về chỗ "không", hết nơi tìm kiếm; chớ chẳng biết cái không vốn chẳng phải không trong ấy hẳn có một cái chơn pháp giới.

Kẻ phạm phu đều theo cảnh sanh lòng, mới có sự vui chán. Bằng muốn không cảnh thì phải không lòng. Lòng không thì cảnh mới không, cảnh không thì lòng mới dứt. Bằng chẳng không lòng, cứ lo trừ cảnh, cảnh đã chẳng trừ được, mà càng lại càng thêm rối rắm là khác.

Muôn pháp chỉ tại nơi tâm, mà tâm chẳng có chi mà được. Đã không chi được mới thiệt là rốt ráo. Hà tất phải bo bo mà cầu giải thoát?

Như thị hàng phục kỳ tâm : Bằng thấy được tự tánh tức là không vọng niệm. Đã không vọng niệm tức là hàng phục cái tâm.

Dữy : là vưng dạ; nhiên: là hiệp ý. Nguyễn nhạo đục văn : là lòng vui mừng, muốn nghe pháp.

Trần Hùng giải: Dữy: là dạ, nhiên: là phải vậy.

Nhan Bính giải: Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm: là phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ứng: là nên, trụ : là còn hoài chẳng dứt.

Ông Tu Bồ Đề hỏi Phật: Như có trai lành gái tín nào mộ đạo, phát lòng Bồ Đề, phải làm thế nào mà đặng còn hoài chẳng dứt? Làm thế nào mà hàng phục cái vọng tâm?

Phật bảo: Đáng khen cho! Là đáng khen! - Ấy là lời thở than khen ngợi. Phát lòng Bồ Đề nên trụ như vậy.... nên hàng phục cái tâm như vậy... Như vậy là chỉ cái việc ấy.

Dũy nhiên: là lời "vưng dạ" của ông Tu Bồ Đề, so cùng lời dạy của thầy Tăng chẳng khác ⁷².

Nhạo : là ưa muốn, là ưa muốn nghe nói pháp.

Trí Giả Thiên Sư giải:

Tụng:

Ít có ai như Phật,

Đạo màu tột Niết Bàn.

Thế nào là phục trụ,

Pháp ấy rất gian nan.

Lý nhị nghi huyền diệu,

Giáo tam thẳng ⁷³ rộng khoan.

Đáng khen nghe phải lòng,

Lục tặc khó che ngăn.

Xuyên Thiên Sư giải: Thường thường cái việc chi cũng bởi sự dặn dò cặn kẽ mà ra.

Tụng:

Bảy tay, tám chơn.

Mặt qui, đầu thần,

Chặt mấy không rã.

Đã hoài không vàng.

Lắm lúc múa men trên thế giới.

Bỏn lai chẳng khỏi điện Không vương.

---o0o---

CHƯƠNG BA

16.-ÂM

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Chư Bồ Tát Ma ha tát ung như thị, hàng phục kỳ tâm".

NGHĨA :

Phật bảo Tu Bồ Đề: " Các đại Bồ Tát, nên hàng phục cái vọng tâm như vậy".

Giải : Lý Văn Hội giải: Ma ha tát là lớn. Tâm lượng rộng lớn, không thể so lường, là người rất tỏ ngộ.

---o0o---

17.-ÂM

Sở hữu nhưt thế chúng sanh chi loại.

NGHĨA :

Bằng có cả thấy các loại chúng sanh.

Giải : Lục Tổ giải: Nhứt thể: là tóm gộp.

Sau này sẽ có phân riêng chín loại.

Vương Nhựt Hưu giải: Phàm có sanh, đều gọi là chúng sanh. Trên từ chư Thiên, dưới đến loài xủng động ⁷⁴ đều chẳng khởi có sanh, cho nên nói: Cả thảy chúng sanh. Chúng sanh tuy vô số vô cùng, nhưng chẳng ngoài chín loài. (Bài sau có giải).

Lý Văn Hội giải: Chúng sanh : là cả thảy: Lành, dữ, phàm, Thánh, còn lòng chấp bỏ, dấy sanh vô lượng vô biên phiền não, vọng tưởng, luân hồi trong lục đạo.

Cổ Đức có nói:

Hoa giác tốt tươi ít kẻ trồng

Lửa lòng ung đốt hằng ngày nhúm.

Là nói những người mê muội chịu các sự phiền não, lại hơn hờ an vui, vốn chẳng phải người tỏ đạo, có khác chi là hình cây tượng gỗ.

Hoặc hạng người trung căn, cho phiền não là khổ, thì trí huệ ấy cũng không bằng ngu si; như vậy không phải là làm hay sao?

Chớ nên chứa đễ nơi lòng. Bằng không như thế, học đạo để dùng vào đâu? Thiệt chẳng ích chi cho mình. Phải lấy sức trí huệ mà thắng nó mới đặng.

---o0o---

18.-ÂM

Nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh; nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng phi vô tướng.

NGHĨA :

Hoặc sanh trứng, sanh con, sanh chỗ ướm, hóa sanh, hoặc có sắc, không sắc, có tư tưởng, không tư tưởng, chẳng phải có tư tưởng, chẳng phải không có tư tưởng.

Giải : Lục Tổ giải :

Loài sanh trứng là loài mê tánh;

Loài sanh con là loài tập tánh;

Loài sanh chỗ ướm là loài theo tà tánh;

Loài sanh hóa là loài theo thú tánh,

Bởi mê nên gây các nghiệp, bởi tập nên hay đòi đòi, bởi theo đen nên lòng chẳng định, bởi theo thú nên đọa vào A tỳ (Địa ngục).

Lấy tâm mà tu tâm, thì vọng sanh phải quấy. Chẳng tỏ đặng cái lý không tướng, cho nên nói: Hữu sắc.

Lòng giữ ngay thẳng, chẳng làm việc cung kính cúng dường, chỉ rõ lòng ngay tức là Phật, chẳng tu phước huệ, cho nên nói Vô sắc.

Chẳng tỏ lý Trung đạo, mắt thấy, tai nghe, thì để ý suy nghĩ, ưa chấp pháp tướng, miệng thì nói hạnh Phật, mà lòng chẳng làm theo, cho nên nói: "Hữu tướng".

Người mê ngồi thiền, tính bề trừ vọng, chẳng học đạo từ, bi, hỷ, xả, trí huệ phương tiện, cũng như cây đá không có tác dụng, cho nên nói: "Vô tướng".

Chẳng chấp cả hai pháp tướng (hữu tướng, vô tướng) cho nên nói: "Phi hữu tướng". Lòng còn câu lý, cho nên nói: "Phi vô tướng"⁷⁵.

Vương Nhựt Hưu giải: Nhược noãn sanh, lớn như chim cánh vàng (Kim sí điểu); cho đến nhỏ như loài rận, rệp.

Nhược thai sanh: Lớn như voi, sư tử; bực trung như người; nhỏ như mèo, chuột.

Nhược thấp sanh: Như cá, trạnh, ba ba, cua đing, cho đến các thứ vi trùng trong nước.

Nhược hóa sanh: Như sâu, bọ trong các thứ gạo, bắp, trái, hột, ở cõi Thiên, nhơn, địa ngục mà hóa sanh ra.

Bốn loài trên đây, đều gọi là chúng sanh ở cõi "Dục giới".

Nhược hữu sắc: Sắc là sắc thân, là chỉ các hàng Thiên nhơn, từ cõi Sơ thiên Thiên cho đến cõi Tứ thiên Thiên, tuy có sắc thân, mà không có hình nam hay nữ. Đã hết tình dục, nên gọi "Sắc giới".

Nhược vô sắc: Là chỉ các Thiên nhơn cõi "Vô sắc giới", cao hơn cõi Tứ thiên Thiên - duy có tánh linh, không có sắc thân, nên gọi "Vô sắc".

Nhược hữu tướng: Là chỉ các Thiên nhơn cõi trời "Hữu tướng", Thiên nhơn ấy không có sắc thân duy có tánh tướng niệm mà thôi, từ đây trở lên, đều gọi "Vô sắc giới".

Nhược vô tướng: Là chỉ các Thiên nhơn cõi trời "Vô tướng", cao hơn cõi trời "Hữu tướng", một niệm lặng lẽ chẳng động, nên nói: "Vô tướng".

Nhược Phi hữu tướng Phi vô tướng: Là chỉ các Thiên nhơn cõi trời Phi tướng phi phi tướng, cao hơn cõi trời Vô tướng, một niệm vắng lặng chẳng động, nên nói Phi hữu tướng. Song chẳng phải cây đá mà không có tướng, nên nói: Phi vô tướng. Cõi trời này, sánh với ba cõi kia, thì lại cao tốt hơn, còn người thì sống rất lâu, chẳng những tám muôn kiếp mà thôi.

Lý Văn Hội giải: Nhược noãn sanh là bởi còn tham chấp cái vô minh, nên bị sự tối tăm nó bao phủ.

Thai sanh : là bởi xúc động cảnh trần nên mới sanh lòng tà vạy,

Thấp sanh: là vừa dấy ác niệm, liền đọa vào tam đồ ⁷⁶; cũng vì vậy mà mắc phải tham, sân, si.

Hóa sanh : là cả thấy phiền não vốn thiệt không căn, dấy lòng vọng tưởng, thì thoát nhiên mà có.

Kinh Giáo Trung có nói: "Cả thầy chúng sanh, tánh vốn cụ túc, tùy nghiệp mà chịu quả: Tại cái nhân vô minh nên sanh trứng; tại phiền não bao trùm nên sanh con; tại tùy các loại ưa muốn đắm thắm, nên sanh chỗ ướt; tại hay khởi ra phiền não, nên sanh hóa.

Lại nói: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, nếu hồi quang soi lại, mà còn chỗ tham lậu, thì phải đọa vào bốn loài: thai, noãn, thấp, hóa.

Sắc, tinh, hương, vị, nếu hồi quang soi lại, mà không chỗ tham lậu thì chứng đặng bốn quả A La Hán.

Ông Phó Đại Sĩ có làm lời tụng:

Không sanh vừa khởi hồi Phật cảm ứng phân bày.

Trước dạy trụ như thế, Sau khuyên tu cách này.

Noãn, thai cùng thấp, hóa Phương tiện động từ bi.

Bằng chấp mê tà kiến, Thì trụ tướng chẳng sai.

Hữu sắc: là kẻ phạm phu, lòng còn chấp có, vọng sanh phải quấy, chẳng tỏ cái lý "không tướng".

Vô sắc: là chấp trước cái tướng "không", chẳng tu phước huệ.

Hữu tướng : là mắt thấy, tai nghe, liền sanh vọng tưởng, miệng thì nói hạnh Phật, mà lòng chẳng làm theo.

Vô tướng: là ngồi thiền trừ vọng, cũng như cây đá, chẳng học đạo từ bi, trí huệ, phương tiện.

Phi hữu tướng, như Kinh Giáo Trung nói: "Có không đều dứt, nói, nín thầy quên". Bằng có lòng chấp bỏ, ghét thương, thì chẳng tỏ lý Trung đạo.

Ông Lâm Tế Thiên sư có giải: Vào phạm, vào Thánh, vào nhiễm, vào tịnh, chôn chôn hiện ra các quốc độ, đều là các pháp tướng "không", vậy mới thiệt là thấy rõ lý chơn chánh. Bằng ai còn yêu Thánh, ghét phạm, thì hãy còn nổi chìm trong biển sanh tử.

Phi vô tướng : là còn có lòng cầu lý.

---o0o---

19.-ÂM

Ngã giai linh nhập Vô dư Niết bàn nhi diệt độ chi.

NGHĨA :

Ta đều khiến cho đặng rõ lý Vô dư Niết bàn (giải thoát) mà diệt độ.

Giải : Lý Văn Hội giải: Ngã : là Phật tự xưng, giai : là gồm, linh : là khiến, nhập : là tỏ thấu, Vô dư : là chơn thường vắng lặng.

Kinh Pháp Hoa có nói: "Phật sẽ vì trừ dứt, khiến thấy chẳng còn dư...".

Niết bàn : là lòng Bồ Tát không còn chấp bỏ, ví như mặt trăng tròn vo êm lặng. Còn chúng sanh bởi mê về pháp "Niết bàn không tướng", nên mắc phải cái thân sanh tử có tướng.

Diệt : là trừ dứt; độ: là hóa độ.

Lục Tổ giải: Như Lai chỉ rõ trong ba giới, chín cõi đều có sẵn cái lòng "huyền diệu Niết bàn" khiến cho tự mình tỏ ngộ lấy.

Vô Dư : là không còn cái tập khí ⁷⁷ phiền não.

Niết bàn: viên mãn, thanh tịnh khiến cho dứt hết cả thấy tập khí chẳng sanh nữa, thì mới hợp với lý ấy.

Độ : là đưa qua biển lớn sanh tử.

Lòng Phật bình đẳng, nguyện cùng với cả thấy chúng sanh: đồng tỏ ngộ cái lý Vô tướng Niết bàn viên mãn thanh tịnh; đồng độ qua khỏi biển lớn sanh tử, đồng chứng quả với chư Phật.

Muôn sự phiền não sai biệt nhau, đều bởi lòng ô nhiễm, mới có thân hình vô số, đều gọi chung là chúng sanh. Cái lòng đại bi phổ hóa của Như Lai, đều khiến cho đặng rõ lý Vô dư Niết bàn mà diệt độ cả.

Trong Chứng Đạo Ca có nói: "Kẻ ngộ đồng lên nẻo Niết bàn".

Chú giải: Niết bàn : là chẳng sanh chẳng diệt. Niết: là chẳng sanh, bàn : là chẳng diệt, tức là nẻo "Vô sanh".

Ông Xung Ứng Chơn Nhơn, Châu Sử Khanh, lúc luận đàm cùng ông Bất Thác Hòa thượng, có chỉ khói nhang mà nói: "Muốn rõ Hữu dư Niết bàn của người học đạo, hãy coi tro trong lư thì biết. Còn muốn rõ Vô dư Niết bàn của người học đạo, hãy coi tro trong lư đã bay đi hết thì biết".

Vương Nhựt Hưu giải: Niết bàn: là Vô vi.

Kinh Lăng Già có nói: "Niết bàn là chỗ thanh tịnh, chẳng chết chẳng sống; cả thầy các bậc tu hành đều nương về đó". Vậy thì, Niết bàn là chỗ để siêu thoát nẻo luân hồi, xa lìa đường sanh tử. Thiệt là chỗ rất nhiệm màu, chớ chẳng phải gọi là chết. Người đời không rõ lý ấy, nên nhận lầm là chết, thiệt rất sai lầm.

Vô dư Niết bàn tức là Đại Niết bàn là nói ngoài Niết bàn này lại không còn chi dư nữa, cho nên nói: Vô dư Niết bàn.

Bài này nói chín loại chúng sanh, trong các thế giới của bài trước đã giải, đều hóa độ cho đặng làm Phật và chúng đặng Niết bàn cả.

--- o0o ---

20.-ÂM

Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thiệt vô chúng sanh đặc diệt độ giả .

NGHĨA :

Diệt độ chúng sanh vô lượng vô số vô biên như vậy, nhưng thiệt chẳng có chúng sanh nào mà đặng diệt độ cả.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Cả thầy chúng sanh đều bởi trong nghiệp duyên mà hiện ra.

Hễ làm nghiệp duyên người, thì sanh làm người.

Tu nghiệp duyên cõi Trời, thì sanh về cõi Trời.

Tạo nghiệp duyên súc sanh, thì sanh làm súc sanh.

Gây nghiệp duyên địa ngục, thì sanh ở địa ngục.

Chín loài chúng sanh, như bài trên đã nói, thì không chi là chẳng phải bởi nghiệp duyên mà sanh ra. Vốn thiết không có chi gọi là chúng sanh cả, nên Bồ Tát phát tâm hóa độ cho, đều đặn thành Phật, đồng chứng Niết bàn, chớ thiết không có một chúng sanh nào nhờ cái pháp Niết bàn cả.

Tăng Nhưặc Nột giải: Trong cái nghĩa bực nhứt ⁷⁸ thì không có chúng sanh nào độ đặn, tức là tâm thường trụ.

Bằng thấy có độ đặn, tức là còn sanh diệt. Cũng bởi cả thầy chúng sanh, bỗng lại ⁷⁹ vốn là Phật; thì có chúng sanh đâu mà độ? Cho nên nói:

Chơn pháp giới bình đẳng,

Phật không độ chúng sanh.

Trần Hùng giải: Trong cái "tánh" đã sẵn có trí huệ Đại thừa, nhưng chúng sanh chẳng hay tự tỏ ngộ lấy.

Phật, thiết mở đường tỏ ngộ cho chúng sanh vô lượng vô số vô biên; khiến cho những chúng sanh trong lòng còn các sự ngu si tà kiến, phiền não thấy đều diệt độ. Diệt độ rất nhiều như vậy, sao lại nói: Không có chúng sanh nào đặn diệt độ?

- Là bởi để về phần chúng sanh, tự tánh tự độ lấy, chớ Phật ta nào có công chi.

Trong kinh Bảo Đàn, Lục Tổ có nói: "Tự tánh tự độ, gọi là chơn độ".

Kinh Tịnh Danh có nói: "Cả thầy chúng sanh, bốn tánh sẵn diệt độ, chẳng cần phải diệt độ nữa".

Văn Thù Bồ Tát hỏi Phật: "Thế nào là thiệt không có chúng sanh nào đặng diệt độ?".

Đáp: "Tánh vốn thanh tịnh, chẳng sanh chẳng diệt, nên không có chúng sanh nào đặng diệt độ cả, cũng không có Niết bàn nào mà đến cả; đều để về phần chúng sanh tự tánh tự độ lấy mà thôi".

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

Bằng ai muốn tỏ biết,

Cả thầy Phật ba đời,

Hồi quang tánh Pháp giới,

Gây việc bởi lòng người.

Bài kệ trong Tạo Hóa Nhơn Tâm có nói:

Nghiệp duyên bởi tại lòng.

Ảnh hưởng nào sai chạy.

Tạo hóa vốn không làm,

Quần sanh tự tạo lấy.

Lý Văn Hội giải: Vô lượng vô số vô biên chúng sanh : là khởi ra vô lượng vô số vô biên lòng phiền não.

Đắc diệt độ là đã tỏ ngộ, thì lòng không chấp bỏ, cả thầy phiền não đổi làm diệu dụng, cho nên nói: "Không có chúng sanh nào đặng diệt độ cả".

Kinh Bửu Tích có nói:

"Người khôn cùng khổ lạc.

Chẳng động tợ hư không".

Tiêu Diêu Ông giải: Thường hay xem xét tánh phiền não vốn không, việc đã qua rồi thì thôi, chớ nên lưu ý.

Lại nói: Tánh phiền não vốn không, chớ nên nghi ngại, phải coi như mộng huyễn, không cần chú ý. Dầu cho cái tình còn động, có khác nào cái tiếng dội kia, dội rồi liền dứt.

---o0o---

21.-ÂM

Hà dĩ cố ? - Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát.

NGHĨA :

Bởi có sao ? - Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát mà có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì chẳng phải là Bồ Tát .

Giải : Lục Tổ giải: Người tu hành cũng có bốn tướng.

1. - Lòng có năng sở, mà khinh dễ chúng sanh là ngã tướng.
2. - Ý mình là người giữ giới, khinh kẻ phá giới là nhơn tướng.
3. - Nhàm chán cái khổ của ba đường ⁸⁰ muốn sanh về các cõi Trời là Chúng sanh tướng.
4. - Lòng muốn sống lâu mà cầu tu nghiệp phước, chấp pháp chẳng quên là thọ giả tướng.

Có bốn tướng ấy tức là chúng sanh; không bốn tướng ấy tức là Phật.

Tăng Nhược Nột giải: Ngã tướng : là bởi cái lực thức ⁸¹ của mình nối nhau chẳng dứt. Trong ấy lại chấp "có ta", hiểu như thế, là chấp theo bề trong, cho nên nói: "Ngã tướng".

Nhơn tướng: là ngoài cái cảnh lục đạo ⁸² kêu chung là người, các cảnh ấy mỗi thứ còn có chấp trước, phân biệt, hơn thua; có đây, có kia. Hiểu như thế là chấp theo bề ngoài, cho nên nói: "Nhơn tướng".

Chúng sanh tướng : là bởi cái tâm thức, trước hết nhờ tinh cha huyết mẹ, rồi tiếp theo có bốn âm: Sắc, thọ, tưởng và hành hòa hiệp lại, cho nên nói: Chúng sanh tướng.

Thọ giả tướng: là kẻ cho mạng căn một đời của ta chẳng dứt, cho nên nói: "Thọ giả tướng".

Trần Hùng giải: Tham, sân, si, ái là bốn nghiệp dữ.

Tham thì hay vì việc "riêng của mình, ấy là có ngã tướng".

Sân thì hay phân biệt người ta, ấy là có nhơn tướng.

Si thì ngang ngược, chẳng kính nhường, ấy là chúng sanh tướng.

Ái thì trông mong cho đặng sống lâu, ấy là thọ giả tướng.

Như Lai chẳng chấp có độ chúng sanh, mà cho là có công. Rốt lại cũng chẳng có chi là "Sở đắc", là bởi đã dứt hết bốn tướng.

Kinh Viên Giác có nói: "Chưa trừ dứt bốn tướng, chẳng đặng quả Bồ đề".

Bồ Tát phát lòng cầu đạo Vô thượng Bồ đề, thọ giáo pháp "Không tướng" của Như Lai, há còn có bốn tướng sao? Nếu còn có một tướng nào, thì ắt đây lòng chấp có độ chúng sanh, tức là kiến thức của chúng sanh, chớ chẳng phải là Bồ Tát. Bồ Tát cùng chúng sanh, tánh vốn chẳng khác; ngộ thì chúng sanh là Bồ Tát, mê thì Bồ Tát là chúng sanh; cũng bởi mê, ngộ bốn tướng ấy mà thôi.

Hà dĩ cô là lời biện luận. Phật e cho các Bồ Tát chẳng tỏ cái lý "không tướng của chơn không", vì vậy nên mới biện luận đến bốn tướng ấy.

(Trong phần thứ 17 và 25 cũng đều nói như vậy).

Nhan Bính giải: ⁸³:Nhứt thế chúng sanh: Kinh Niết Bàn có nói: "Thấy đặng tánh Phật, chẳng gọi là chúng sanh, không thấy đặng tánh Phật, thì gọi là chúng sanh".

Ma ha: Đại, là Phật gọi ông Tu Bồ Đề cùng các bậc Đại giác tánh.

Hoặc loài sanh trướng, sanh con, sanh chỗ ướm, sanh hóa, là loài xuẩn động hàm linh (bò, bay, máy, cựa) có hình sắc, không hình sắc, có tình tưởng, không tình tưởng, cho đến chẳng thuộc hai cảnh có không; chúng sanh hình thể tuy chẳng đồng, nhưng chơn tánh vốn không có khác.

Chín loài chúng sanh ấy, Phật đều khiến cho tỏ lý Vô dư Niết bàn mà diệt độ cả.

Niết bàn: Chẳng sanh gọi là Niết, chẳng tử gọi là bàn.

Trong kinh có nói:

"Nhu Lai chứng Niết bàn.

Bật dứt đường sanh tử".

Diệt độ: Là diệt dứt cả thảy phiền não, độ qua khỏi biển khổ sanh tử.

Linh : là khiến, là Phật đều khiến cho tỏ ý Vô dư Niết bàn.

Vô dư: Bực La Hán, tuy chứng đặng Niết bàn, nhưng hãy còn dư thân trí, nên nói: Hữu dư Niết bàn. Đến bực không còn dư thân trí, mới gọi: Vô dư Niết bàn.

Thiệt vô chúng sanh đắc diệt độ giả là chúng sanh đã tỏ ngộ bản tánh vắng lặng rồi, lại còn diệt độ cái gì nữa! Nếu như bản tướng mà chưa đặng bấy giờ trừ dứt thì đâu phải là bực Bồ Tát giác tánh?!

(Chỗ này ông Nhan Bính có dẫn bài tụng của ông Phó Đại Sĩ, song đã có đăng nơi đệ thứ hai, đoạn Trường hàng số 18, nên không đem vào đây).

Lý Văn Hội giải: Ngã tướng : là ý mình có danh vị, quyền thế, giàu có và tài năng, ưa cầu thân cùng bực cao sang, mà khinh bỉ những người hèn dốt.

Nhơn tướng: là chấp lòng năng sở ; chấp lòng tri giải, chưa đặng nói đặng, chưa chứng nói chứng; ý mình giữ giới khinh kẻ phá giới.

Chung sanh tướng: là có cái lòng hy vọng, hoặc nói chánh làm tà, miệng lành lòng dữ.

Thọ giả tướng: là trong lúc hiểu tự hồ như "ngộ" nên đối cảnh sanh tình, chấp trước các tướng, mong cầu sự phước lợi.

Có bốn tướng ấy thì đồng với chung sanh, chẳng phải là Bồ Tát.

Lâm Tế Thiên sư giải: Trong cái thân điền ⁸⁴ ngũ uẩn có vị "Vô vị Chơn nhơn" ⁸⁵, sộ sộ rõ ràng sao chẳng biết dùng? Ấy vậy mỗi giờ chớ cho hờ dớt, thì trước mắt đều là đó (xúc mục giai thị).

Bởi tình sanh nên trí mới khác, vì vọng tướng nên thể mới riêng. Vậy nên phải luân hồi trong ba cõi, mà chịu các điều thông khổ.

Dám hỏi các người: "Trước mắt đều là đó, mà đó là cái chi?".

Mỗi mỗi non sông nào trở ngại.

Trùng trùng lâu các mặc kinh doanh.

Xuyên Thiên sư giải: Đội trời đạp đất, mũi thẳng mắt ngang.

Tụng:

Sờ sờ đạo cả,

Chói chói rõ ràng.

Người người sẵn đủ,

Kẻ kẻ hoàn toàn.

Bởi chung sai một niệm,

Hiện tượng cả muôn ngàn.

---o0o---

CHƯƠNG TƯ

22.-ÂM

Phú thứ, Tu Bồ Đề!

NGHĨA :

Lại nói tiếp: Tu Bồ Đề này!

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phú thứ là biên tiếp thêm lời vấn đáp của Phật cùng Tu Bồ Đề. Ấy là lời của người viết kinh nói.

Nhan Bính giải: Phú thứ : là lại nói tiếp.

Lý Văn Hội giải: Phú thứ: là tiếp thêm bài trước, khởi ra lời sau.

---o0o---

23.-ÂM

Bồ Tát u pháp ưng vô sở trụ, hành ư Bồ thí.

NGHĨA :

Bồ Tát làm việc Bồ thí, theo phép, thì không có chỗ trụ .

Giải : Sớ Sao giải: Ưng vô sở trụ: Ưng: là nên, vô sở trụ: là lòng chẳng nên chấp trước.

Lý Văn Hội giải: Bồ Tát u pháp : là nên cả thầy pháp "không tướng".

Ưng vô sở trụ : là không chấp trước cả thầy các pháp.

Kinh Pháp Hoa có nói: "Trong mười phương quốc độ. Chỉ có pháp Nhứt thừa".⁸⁶

"Ấy gọi là tâm. Tâm tức là pháp, pháp tức là Tâm".

Hạng người trong hai bức thờ ⁸⁷ chẳng hay tỏ ngộ, nói ngoài tâm riêng có pháp, lại sanh điều chấp trước theo pháp tướng.

Ấy là kiến giải đồng với chúng sanh.

Ông Tiêu Diêu Ông có giải: Kẻ phàm phu chẳng biết tự mình là Phật, chỉ cầu ở ngoài, chấp tướng mê chơn, phân biệt cảnh khác, chẳng vì giúp ích cho đạo, chỉ mong phước lợi, ví như tên bắn trên không, người vào chỗ tối.

Ông Cu Chi Hòa Thượng, hề gặp ông Tăng nào đến hỏi đạo, thì đưa lên một ngón tay. Vậy nên Phật Giám Thiên sư có lời tụng:

Chẳng khả dụng tâm kiếm ở ngoài,

Trong tiêu tức đó có do lai,

Báo tin Đạt Ma Tây thiên lại,

Chỉ tại Cu Chi một ngón tay.

Bồ Tát thì ngộ đặng "nhơn, pháp" đều không, lòng không chấp bỏ, rõ thấu Thánh phàm một bực, sắc không một loài, lành dữ một thể.

Long Tế Hòa Thượng giải:

Tụng:

Tâm, cảnh chẳng còn sanh,

Sắc, không mới hiểu rành,

Bồn lai như muốn rõ,

Ở nước biển non xanh.

Ấy là lòng của Bồ Tát không còn chi trụ trước.

Hành u bố thí: Bố nghĩa là khắp; thí nghĩa là tản ra. Là nói dứt hết bốn tướng: "Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả" cùng cái lòng phiền não, vọng tưởng, chấp bỏ, ghét thương.

Đức Thế Tôn dùng giáo pháp mà bố thí, trong thì diệt trừ cả thấy chấp trước, ngoài thì lợi ích cho cả thấy chúng sanh.

Bồ Tát bố thí không nên trụ trước, chẳng thấy có "ta" là người bố thí, chẳng thấy có "người" là kẻ thọ thí, chẳng thấy có "vật" là của tín thí. Ba thể đều không, trụ "chỗ không trụ". Thanh tịnh bố thí ; chẳng sợ mình nghèo, chẳng trông trả ơn, chẳng cần phước báu.

Kẻ phàm phu bố thí, vọng cầu phước lợi. Ấy là bố thí trụ tướng.

Vĩnh Gia Đại Sư giải:

Cầu phước nhơn, thiên mà bố thí.

Như tên bán bồng giữa hư không

Tiêu Diêu Ông giải: Như người tụng kinh Kim Cang này, mà tỏ đặng lý: Trụ cái tâm không chỗ trụ, đặng cái pháp không chỗ đặng; ấy là tu Huệ nghiệp.

Bằng người mỗi ngày có công đọc tụng, mà vọng cầu phước lợi; ấy là tu phước nghiệp.

Hai điều ấy, cách nhau rất xa, như trời với vực vầy.

Kinh Pháp Hoa có nói: "Như đời sau có người đọc tụng kinh này, mà chẳng còn tham muốn những đồ ăn uống, y phục mền chiếu, là vật để nuôi sự sống, thì cái sở nguyện mới là chẳng uổng".

Trương Vô Tận giải: Phàm người học đạo, chẳng nên để ý về sự ăn no, mặc ấm, cốt yếu tại nơi cầu pháp Vô thượng Bồ đề là pháp xuất thế gian. Bằng cho việc ấy là không vừa ý mà hờn lòng, chỉ lo về sự ăn mặc thì có ích chi?

---o0o---

Sở vị bất trụ sắc bồ thí, bất trụ thính, hương, vị, xúc, pháp bồ thí.

NGHĨA :

Là nói: Chẳng trụ sắc mà bồ thí, chẳng trụ thính, hương, vị, xúc, pháp mà bồ thí⁸⁸.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Sắc: là hình sắc; thính : là âm nhạc; hương: là hơi hám; vị: là mùi vị; xúc : là nam nữ tình dục, cảm xúc; pháp: là so lường suy nghĩ. Phương pháp ấy là dạy bảo chúng sanh chẳng cho mê chấp sáu trần.

Trần Hùng giải: Kinh Ma ha Bát Nhã có nói: "Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết hơi, lưỡi biết mùi, thân biết trơn láng, mềm mỏng, ý biết phương pháp".

Lại trong Sám Pháp có nói: "Mắt nhiễm sắc, tai nhiễm tiếng, mũi nhiễm hơi, lưỡi nhiễm mùi, thân nhiễm mịn màng mềm mại, ý nhiễm phương pháp, nên gây ra cả thầy nghiệp".

Đây nói " trụ" nghĩa là sự biết và sự nhiễm.

Kẻ phàm phu sáu căn chẳng tịnh, nên tham chấp sáu điều ấy cho vừa ý muốn, ấy là sáu trần. Có một điều nào trong căn, trần mà chưa vừa, thì cũng bồ thí mong cầu cho đặng. Ấy là bồ thí trụ tướng.

Bồ Tát vưng giáo pháp "Không tướng" của Như Lai, không cầu sai sự ưa muốn, không chấp lòng hay bồ thí, chỉ dùng pháp mà bồ thí, lợi ích cả thầy chúng sanh, như nước lưu thông trong đất. Chẳng có chi ngăn ngại. Ấy là bồ thí không trụ tướng.

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

"Sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp,

Cả thầy "lục căn" chẳng vọng sanh,

Vì tế độ chung cho chúng loại,

Trí "Vô thượng tối thắng" thường hành".

Ấy là làm việc bố thí.

Kinh Hoa Nghiêm, cuốn thứ 24 cũng có nói: "Nhãn thức biết cả thấy các thứ sắc; nhĩ thức biết cả thấy các thứ thanh; tỷ thức biết cả thấy các thứ hương; thiệt thức biết cả thấy các thứ vị; thân thức biết cả thấy các thứ xúc; ý thức biết cả thấy các thứ pháp".

Kinh Thiên Địa Bát Dương có nói: "Nhãn thường thấy cả thấy vô tận sắc; nhĩ thường nghe cả thấy vô tận thanh; tỷ thường ngửi cả thấy vô tận hương; thiệt thường nếm cả thấy vô tận vị; thân thường cảm giác cả thấy vô tận xúc; ý thường tư tưởng cả thấy vô tận pháp".

Như trong hai hiệu kinh ấy đã nói: "Cả thấy các thứ thanh, và cả thấy vô tận thanh". Mà ông Vương chỉ nói thanh là âm nhạc, thì e lỗi về sự nê chấp theo âm nhạc?

Lại nói: Cả thấy các thứ xúc, và cả thấy vô tận xúc, mà ông Vương chỉ nói xúc là nam nữ tình dục, thì e lỗi về sự nê chấp theo nam nữ tình dục?

Trương Vô Tận giải: Bất trụ sắc bố thí là tánh trí huệ soi thấy cả thấy đều không.

Đàn na: là kẻ bố thí.

Bực Bồ Tát có chấp sắc đâu mà bỏ.

Gọi là bố thí là như thuốc đối với bệnh, không đối với có. Có cùng bệnh đã trừ, không với thuốc đều bỏ. Sắc, không đã dứt, Trung đạo đâu còn, thì có pháp chi mà đặng?

Hai bực thừa (Nhị thừa) bỏ sắc chấp không, mà cho là bố thí chẳng trụ sắc.

Trong kinh của Huyền Trang Pháp sư dịch, có nói: "Không trụ sắc, không trụ chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp một cách như nhau". Cho nên không, có thấy đều không trụ. Nghĩa là: Có cái không đâu mà chấp, có cái có đâu mà bỏ! Không, có vốn đồng một thể bình đẳng. Bình đẳng mà bố thí mới là đặng tánh Pháp giới (Lý tánh của Chơn như).

Chẳng chấp có bố thí, chẳng chấp không bố thí, hai bên có không dùng cho ngăn ngại, lòng bố thí rộng lớn cũng như hư không, thì đặng công đức lại cũng như vậy. Cho nên trong kinh này, lấy mười phương hư không mà so sánh cùng phước bố thí cũng là ý đó.

Ông Phó Đại Sĩ có lời tụng :

Pháp môn của lục độ, Gồm sáu hạnh ba đàn,
Vô hủy, tư sanh, pháp, Tu trì giới luật toàn;
Hai bên đều chẳng lập, Trung đạo cũng không an.
Tìm lý "Vô sanh nhẫn" Kíp trừ vọng phản quang.

Bất trụ tịnh : là thanh tịnh không ngăn ngại.

Thi la: là giới.

Hai bực thừa làm tướng: Tịnh là do sắc sanh ra, mới theo tịnh trần mà phân biệt. Nghe vui thì mừng, nghe buồn thì thương; muốn bỏ tịnh mà chấp không tịnh, lại cho là giới.

Bồ Tát có tịnh đâu mà bỏ? Nếu cho có sắc, thì tịnh do đó mà sanh, sắc đã vốn không, thì tịnh do đâu mà có? Bằng đã ngộ đặng lý ấy, tuy ở trong vòng sanh tử, mà sanh tử chẳng ràng buộc đặng, ở trong cảnh lục trần mà lục trần cũng không ô nhiễm đặng; dầu ở nơi nào, chốn nào, lòng cũng vẫn thường thanh tịnh.

Tụng:

Tri giới đặng thanh tịnh, Kiếp vô lượng tạo nhân,
Vọng tâm như oán tặc, Tham ái, tợ Sâm Thần
⁸⁹
Chỗ dục không mê dục, Ở trần chẳng nhiễm trần,

Nương theo Ly Cấu Địa ⁹⁰ Ất chúng Pháp vương
thân (Phật).

Bất trụ hương : là thấy sắc mà vẫn thanh tịnh.

Sản đề : là nhẫn nhục.

Hai bực thừa vọng sanh nhẫn nhục, bởi e phạm về chấp trước, nên muốn lánh xa, lại cho là nhẫn nhục. Như vậy là bỏ sắc chấp không, chẳng tỏ lý Trung đạo, đâu biết đặng hương trần là vốn không.

Bồ Tát, nhẫn cũng không nhẫn, nhục cũng không nhục, chỉ để tự tánh cho thanh tịnh, chẳng sanh lòng khởi diệt, nên tâm địa mới là tỏ ngộ.

Cho nên Cổ Đức có nói : "Kẻ sĩ minh tâm tỏ như gương sáng, thấu rút các hình, không chi ngăn ngại, hàm dung sự thanh tịnh, bao la, không bờ không bực.

Lại có lời tụng:

Cảnh nhục như sừng thỏ Nhẫn tâm tựa huyễn phao,

Dụng công phu chớ trễ, Điều khổ nạn liền tiêu.

Chi quấy mà chi phải? Chẳng hèn cũng chẳng cao.

Giặc tham sân muốn dứt, Lấy trí huệ làm đao.

Bất trụ vị là nói tánh chúng sanh cùng tánh Như Lai vốn không phân biệt.

Tỳ ly da: là tinh tấn.

Tỏ đặng cái căn của lưỡi vốn không, là chẳng chấp vị.

Cho nên nói: Ăn những món chi, ví như uống thuốc, dầu ngon hay dở, chớ khá khen chê.

Ông Triệu Pháp sư có nói: "Hội đủ muôn pháp đem về nơi mình, chỉ có bực Thánh hơn mà thôi".

Ông Triệu Thái Phó có nói: "Cả thầy phàm phu đều là mê muội, bằng có kẻ nào hồi tâm tín ngưỡng, tìm xét lý mâu cho tâm địa sáng suốt, ấy là mê mà đặng ngộ".

Ông Kinh Sơn Quả Thiên sư có nói: "Phật với chúng sanh tướng vốn không khác, chỉ vì mê ngộ, nên khác nẻo, đường".

Ông Huỳnh Nghiệt Thiên sư có nói về: "Trí thực và thức thực: "Thân tứ đại có sự đáng lo là: Đối với đau. Tùy phận mà cấp dưỡng, chẳng chấp trước, nên nói trí thực; có tình ưa đắm mùi ngon, vọng sanh lòng phân biệt, chỉ toan đẹp miệng, chẳng biết chán nhàm, nên nói thức thực".

Hai bực thừa, tuy chẳng chấp các mùi ăn uống, nhưng còn chấp các mùi đạo pháp, lại lấy làm chỗ tham chấp đó mà cho là tinh tấn.

Lòng Bồ Tát đối với pháp tướng, như chiêm bao, huyễn hoặc; gặp duyên thì thí, qua rồi thì thôi.

Kinh Viên Giác có nói: "Soi tỏ các tướng như chồn hư không, ấy gọi là Như Lai tùy sự thuận lợi mà giác tánh".

Ông Phó Đại Sĩ có lời tụng:

Bởi tánh huệ cần tu, Chứng thành địa thứ tư.

(Diệu huệ địa)

Tục, chơn đâu có thiệt, Nhơn pháp thấy đều hư.

Cao hạ không tham chấp, Nhân duyên hãy diệt trừ.

Hồi quang đừng giải đãi, Chẳng những đến Vô dư.

Bất trụ xúc là nói lòng không chấp bỏ: trong đó Bồ đề đâu mà chấp, ngoài có phiền não đâu mà bỏ.

Thiền na : là tịnh lự (dứt lo).

Hai bực thừa nhận cái xúc làm sắc thân:

Như sắc thân mà có, Xúc trần mới tính trừ.

Sắc thân nguyên chẳng có, Xúc lại có bao giờ?

Hựu: Tỏ lý xúc không sanh, Uông công toan chẳng
chấp.

Bao nhiêu những pháp môn. Vốn có chi là pháp?

Lục Tổ có nói: "Cả thầy muôn pháp đều bởi tâm sanh, tâm chẳng chỗ sanh
thì pháp không chỗ chấp".

Ông Thái Dương Thiền Sư có lời tụng:

Thái Dương pháp thiên, Mỗi bữa liên miên.

Luôn luôn không dứt, Xúc mục là duyên.

Bằng hay đặng vậy, Pháp pháp hiện tiền.

Ông Phó Đại Sĩ có lời tụng:

Sông thiền con phẳng lặng, Sóng tịnh nước đều bình.

Có định tâm liền giác, Không lo, tánh ắt linh.

Y tha do vọng khởi, Biến kế hẩn hư danh,

Bằng rõ thông nguyên lý, Nghĩa viên thành mới minh.

Bất trụ pháp là soi thấy thân tâm, pháp tướng đều không.

Bát Nhã: là trí huệ.

Các pháp thuộc ý, ý thuộc thức, thức ấy là vọng.

Trong kinh Kim Cang Tam muội có nói: "Cảnh giới thấy đó chẳng phải bản
thức của ta".

Hai bực thừa phân biệt các tướng đều là vọng thức, thì bản thức lại có đâu
mà đặng!

Bồ Tát tỏ thấu cái bản thức đã rốt ráo, nên mới không phân biệt.

Ông Phó Đại Sĩ có lời tụng:

Huệ đấng dường mặt nhật, Năm uẩn tợ thành Càn⁹¹

Sáng tối thường xen lẫn, Xưa nay thấy rõ ràng.

Chấp nên chưa dứt vọng, Nhơn ngã hẵn còn mang.

Dùng trí hồi quang lại, Hư danh sẽ tỏ tường.

Lời tụng chung sáu pháp Ba la mật :

Ba kiếp đại tăng kỳ⁹², Tu muôn hạnh chỉnh tề.

Ngã nhơn nay đã ngộ, Thánh đạo cử theo về.

Lý "nhị không"⁹³ lần tỏ, Hạnh "tam muội"⁹⁴
chẳng nghi.

Ở an nơi cảnh đẹp, Thông thả có lo chi?

Lâm Tế Thiền sư giải: Phật có pháp Lục thông là:

- 1.- Đến chỗ sắc chẳng bị sắc nhiễm.
- 2.- Đến chỗ thanh chẳng bị thanh nhiễm.
- 3.- Đến chỗ hương chẳng bị hương nhiễm.
- 4.- Đến chỗ vị chẳng bị vị nhiễm.
- 5.- Đến chỗ xúc chẳng bị xúc nhiễm.
- 6.- Đến chỗ pháp chẳng bị pháp nhiễm.

Bởi tỏ thấu sáu thứ ấy đều là không tướng, nên nó không thể ràng buộc đặng. Vậy mới gọi là người hành đạo không nhơ nhiễm. Tuy là còn cái thân ngũ uẩn uế trược, nhưng cũng chứng đặng bậc Địa Hạnh Bồ Tát.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Vốn một điểm tinh minh chia sáu căn hòa hiệp. Một điểm tinh minh là một cái tâm, sáu cái hòa hiệp là sáu căn. Căn đều hiệp với trần:

Nhãn hiệp với sắc, Nhĩ hiệp với thanh;
Tỷ hiệp với hương; Thiệt hiệp với vị;
Thân hiệp với xúc; Ý hiệp với pháp.

Ở trung gian sanh ra sáu thức, cộng là 18 giới. Bằng tổ đặng 18 giới ấy, cả thấy đều không. Thân sáu thứ hòa hiệp làm một tinh minh, thiệt là người tỏ ngộ; chỉ còn có cái chơn tâm rỗng rang thanh tịnh mà thôi.

---o0o---

25.-ÂM

Tu Bò Đề, Bò Tát ứng như thị bố thí: bất trụ u tướng.

NGHĨA :

Tu Bò Đề! Bò Tát nên bố thí như vậy: Chẳng nên trụ tướng .

Giải : Lục Tổ giải: Bố thí mà cái tâm không trụ tướng chẳng chấp là có bố thí ; chẳng thấy có vật bố thí, chẳng phân biệt có người thọ thí, cho nên nói: Bố thí không chấp tướng.

Tăng Nhưặc Nột giải: Ứng như thị bố thí :là chỉ về sáu trần. Bất trụ tướng bố thí là chẳng chấp các tướng của sáu trần. Bằng bố thí mà chấp tướng thì chỉ có đặng phước báu hơn thiên mà thôi.

Lý Văn Hội giải: Bò Tát ứng như thị bố thí là diệt trừ cả thấy các lòng phiền não ghét thương; nhưng bốn tánh phiền não đều là "vọng kiến", thì có chi đâu mà bỏ?

Trong Kinh có nói: Cả thấy các cái "có" đều như chiêm bao huyễn hoặc, cả thấy các cái "không" đều là giấc là ma.

Tiêu Diêu Ông giải: Tánh phiền não là cảnh giới của Phật. Phải quán tưởng tánh phiền não vốn không, mới thiết là người tu hành học đạo.

Bằng nương theo pháp quán tưởng, làm cho chín chắn, thì chẳng cần cầu pháp chi khác nữa.

Vả chẳng người kiến tánh, trong mười hai giờ, phàm gặp cảnh thuận nghịch, lòng vẫn an vững tự nhiên, chẳng đổi dời theo muôn cảnh. Dầu người mắng nhiếc, ta vẫn như không, thì những lời ác ấy trở lại cho người. Cho nên nói: "Ai làm nấy chịu".

Ví như có người cầm đuốc mà toan đốt trời, càng thêm một nhọc, nào có ích chi!

Vậy nên Cổ Đức có nói:

Lòng theo muôn cảnh chuyển,

Lý chuyển rất nên mau.

Tùy hạng người viên giác,

Chẳng vui cũng chẳng rầu.

---o0o---

26.-ÂM

Hà dĩ cố? Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lương.

NGHĨA:

Bởi có sao? Nếu Bồ tát bố thí chẳng trụ tướng, thì phước đức không thể so lường đặng.

Giải : Sớ Sao giải: Hà dĩ cố : là tỏ ý hỏi- Bố thí vốn để cầu phước, nay bảo chẳng chấp tướng, là ý làm sao? - Phật tự đáp: "Như Bồ Tát bố thí chẳng chấp tướng, thì phước đức không thể so lường đặng". Bằng thông cái lý ba thể chuyển luân đều không mới gọi là bố thí chẳng chấp tướng.

Bất trụ : là lòng chẳng chấp hữu vi.

Trần Hùng giải: Đức Thế Tôn có đáp cùng ông Văn Thù rằng: "Thí của là người phạm, thí pháp là bực Thánh".

Kẻ phạm phu bố thí dùng bảy báu đầy cả tam thiên thế giới, đặng mà cầu phước. Ấy là thí tài là bố thí trụ tướng.

Vả lại làm như vậy, là mong cho đặng phước báo nhơn thiên, khi hưởng hết rồi, thì cái kiếp luân hồi cũng chẳng khỏi. Bực Bồ Tát bố thí, chỉ một lòng thanh tịnh lợi ích cho cả thầy chúng sanh, đặng bực đại thí chủ thí pháp. Ấy là bố thí không trụ tướng.

Tuy chẳng cầu phước, mà tự nhiên lia khỏi cái khổ sanh tử, hưởng đặng sự khoái lạc: Siêu thoát ba cõi, tự tại muôn đời. Cho nên nói: Phước đức vô hạn, không thể so lường bàn nghĩ đặng.

Phật thương chúng sanh đời mạt thế, mắc phải sáu trần ô nhiễm, chưa dễ gì hóa độ cho đặng, nên mới dùng cái thuyết phước đức vô hạn mà khuyên nhủ, cho mau tỏ ngộ về hội Pháp thí.

Kinh Duy Ma có nói: "Nên làm hội Pháp thí, chớ chẳng cần làm hội tài thí".

Nhan Bính giải: Trụ là chấp trước. Bồ Tát đối với Phật pháp thì nên bố thí không chấp trước. Bố thí là xả thí, là chẳng trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Sáu điều ấy, gọi là sáu trần: nhãntham sắc, nhĩ tham thanh, tỷ tham hương, thiệt tham vị, tinh trần đối với nhau gọi là xúc, tham trước hữu vi gọi là pháp. Bỏ tánh vẫn thanh tịnh vốn không sáu căn, thì sáu trần do đâu mà có? - Cho nên Phật nói: "Nên phải bố thí như thế, chẳng đặng trụ tướng". Bằng bố thí không trước tướng, thì phước đức sánh tày chơn hư không không thể so lường đặng".

Lý Văn Hội giải: Bất trụ u tướng là chẳng phải duy có thứ sắc thấy đó mới là tướng, cho đến các thứ phân biệt, cũng đều gọi là tướng cả. Các tướng ấy đều bởi nhân duyên mà sanh ra. Phải biết cả thầy thứ phân biệt đều như mộng huyễn, gặp duyên thì thí duyên qua rồi thì thôi. Cho nên Phật nói: "Phạm chỗ nào có tướng đều là hư vọng".

Lại ông Tây Minh Hòa Thượng có nói:

Pháp tướng, bằng như có, Mới cho rằng trụ tướng.

Pháp tướng vốn là không, Nên rằng không trụ tướng,

Bồ thí đã không trụ tướng, thì phước đức lại làm sao mà so lường đặng?

Tiêu Diêu Ông giải: Phải biết các pháp như chiêm bao, như huyễn hoặc, như bóng, như tiếng dội, như trăng dưới nước, như bóng trong gương.

Lại nói: Tỏ thấu cả thấy pháp, chẳng chấp cả thấy tướng; lòng như hư không tự nhiên, không ngăn ngại. Nếu lòng còn trụ tướng thì thuộc về chấp pháp. Cho nên biết cả thấy pháp không trụ cả thấy tướng, mới thấy đặng tánh Phật.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Không tầm mà bồ thí Công đức khó so lường.

Tê độ người nghèo thiếu, Nghĩa hơn chớ tính bàn.

Hạng phàm phu thấp thỏi Hay cổ võ khoe khoang,

Muốn rõ hình đàn thí, Hư không khắp thập phương.

Xuyên Thiên sư giải: Muốn đi khắp thiên hạ, chẳng chi bằng "Nhứt nghệ tinh".

Tụng:

Gám tốt xứ Tây Xuyên,

Thêm hoa mới vện tuyền.

Muốn tin cho chắc chắn,

Bắc đầu phía Nam xem.

Trống không chẳng vương ly hào niệm.

Bởi thế nên xưng "Đại Giác Tiên".

---oOo---

27.-ÂM

Tu Bồ Đề ! Ý ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ?- "Phát dã, Thế Tôn !". - "Tu Bồ Đề! Nam, Tây, Bắc phương tứ duy thượng, hạ hư không, khả tư lương phủ?". - "Phát dã, Thế Tôn!". - "Tu Bồ Đề! Bồ Tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệc phục như thị, bất khả tư lương. Tu Bồ Đề ! Bồ Tát đản ung như sở giáo trụ".

NGHĨA :

Này Tu Bồ Đề ! Ý ông thế nào? Hư không phương Đông, có so lường đặng chăng?- "Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng đặng".- "Tu Bồ Đề! Còn như hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc bốn hướng bên cạnh, phương trên và phương dưới, có so lường đặng chăng?".- "Bạch đức Thế Tôn ! Chẳng đặng".- "Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí mà chẳng trụ tướng, thì phước đức lại cũng như vậy; không thể so lường đặng. Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên trụ theo chỗ ta dạy đó". (TRỤ CHỖ KHÔNG TRỤ)

Giải : Lý Văn Hội giải: Phát dã Thế Tôn: là ông Tu Bồ Đề nói cõi hư không, ta suy nghĩ, thiết không thể so lường đặng. Bất khả tư lương : là đã giác ngộ rồi, lòng không "năng sở" tức không có bốn tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, thì có chi đâu mà so lường! Đản ung như sở giáo trụ: là những người học đạo phải y theo lời Phật dạy, trụ chỗ " không trụ" thì sẽ đặng tỏ ngộ.

Tạ Linh Vận giải: Lời Thánh không sai, lý chẳng khá bỏ, nên phải an tâm mà vưng theo lời dạy của Phật.

Trần Hùng giải: Phật bảo: Nên trụ theo chỗ ta dạy đó, đồng một nghĩa với câu "Trụ vô sở trụ", trong kinh Hoa Nghiêm.

Pháp của Như Lai dạy Bồ Tát, không ngoài cái pháp "Trụ vô sở trụ", còn Bồ Tát chịu giáo pháp của Như Lai, không dám biến cải, chỉ phải y theo lời dạy là: Lấy pháp không trụ mà làm chỗ trụ.

Kinh Lăng Nghiêm có nói: "Trụ chỗ Bát Nhã Ba la mật".

Kinh Văn Thù Bát Nhã có nói: "Phật hỏi ông Văn Thù Sư Lợi:

- "Nên làm thế nào mà trụ vào Bát Nhã Ba la mật?".
- "Dùng pháp không trụ là trụ Bát Nhã Ba la mật".
- "Thế nào pháp không trụ mà gọi là trụ Bát Nhã Ba la mật?".
- "Dùng pháp không trụ tương tức là trụ Bát Nhã Ba la mật".

Vậy thì pháp trụ đã rõ ràng, không còn chi là chẳng phải cái ý nghĩa trụ chỗ không trụ.

Kinh Tam Muội có nói:

"Thuyết pháp của Như Lai, Lý "vô trụ" chẳng ngoài.

Ta tuân theo giáo lý, Mới thiết kính tôn Ngài".

Nhan Bính giải: Tứ duy là bốn hướng góc: Như Đông Nam, Đông Bắc v.v... Bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng góc thượng phương và hạ phương cộng chung là mười phương.

Phật hỏi: "Hư không của mười phương, có thể so lường đặng chăng?".

Tu Bồ Đề: "Không thể so lường đặng", là bởi không có chi lớn hơn hư không của mười phương, nên Phật mượn đặng ví dụ với phước đức.

Phó Đại Sĩ có nói:

Muốn biết hình đàn thí,

Hư không khắp thập phương.

Phật nói: "Bồ Tát bố thí không trụ tướng, phước đức lại cũng như cõi hư không ấy không thể so lường tính toán đặng. Bồ Tát phải theo chỗ chỉ dạy của Phật mà trụ. Phật dạy chỗ trụ đó, lộng lạc như cõi hư không của mười phương là: Trụ chỗ không trụ.

Xuyên Thiên sư giải: Đáng cho là biết lẽ.

Tụng:

Hư không bốn thể lớn bao la,

Lý đạo lại càng quá thâm xa.

Trăng gió năm hồ thường tụ tại,

Chào xuân đua nở lập lòe hoa.

---o0o---

CHƯƠNG NĂM

28.-ÂM

Tu Bò Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng khiến Như Lai phủ?".

NGHĨA :

Này Tu Bò Đề! Ý ông thế nào? Có nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai chăng?".

Giải : Bảo Tích Như Lai giải: Chơn thân của Như Lai vốn không sanh diệt, rỗng rang hằng còn, nhưng mượn năm uẩn mà chịu sắc thân như người phạm, hầu có thuyết pháp hóa độ. Cũng nhập thân vào thai mẹ vậy; song, sánh với tướng phạm đều là khác, cho nên nói: "Bằng thấy các tướng chẳng phải tướng, tức rõ đặng Như Lai".

Tụng:

Tướng phạm dầu diệt tánh còn hoài,

Thê giác Chơn như chẳng kém phai.

Tỏ lý "đoạn, thường" căn quả khác,

Mới rằng Phật, nhãn thấy Như Lai.

Vương Nhựt Hưu giải: Đây nói Như Lai là chơn tánh Phật.

Phật kêu ông Tu Bồ Đề mà hỏi: "Có nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Chơn tánh Phật chăng?".

---o0o---

29.-ÂM

Phát dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đăc kiến Như Lai.

NGHĨA :

Bạch đức Thế Tôn! Không. Không nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Ông Tu Bồ Đề trả lời: "Không". Rồi lại bạch cùng đức Thế Tôn: "Không nên dùng thân tướng mà cho là chơn tánh Như Lai". Vây thì, trước nói "không" là nói đại lược rồi sau mới nói rõ.

Lý Văn Hội giải: Bất khả dĩ thân tướng đăc kiến Như Lai : là ông Tu Bồ Đề nói: "Sắc thân thì có tướng, pháp thân thì không tướng". Sắc thân là đất, nước, lửa, gió, (địa, thủy, hỏa, phong) giả hiệp lại mà thành, Pháp thân là không hình dạng tướng mạo; sắc thân tức phàm phu, pháp thân tức Như Lai. Ông Tu Bồ Đề cho hạng phàm phu chỉ biết có sắc thân, chớ chẳng thấy đặng pháp thân, nên mới đăp như thế !

---o0o---

30.-ÂM

Hà dĩ cố? - Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng.

NGHĨA :

Bởi có sao? - Bởi Như Lai thường nói thân tướng, tức chẳng phải thân tướng.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Đây nói Như Lai là sắc thân của Phật.

Ông Tu Bò Đề tự hỏi: "Bởi có sao chẳng nên dùng thân tướng mà cho là chơn tánh Như Lai?". Rồi tự đáp: "Như Lai thường nói: Thân tướng không phải là chơn thiệt". Cho nên nói: "Chẳng phải thân tướng" vì không có cái thân tướng chơn thiệt".

Lý Văn Hội giải: Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng: Phi là không sắc thân. Phạm phu gọi sắc thân là thiệt có, mới chấp trước mà tu hành, nên không thấy đặng tánh Phật; phải bị sanh tử luân hồi trở nên thâm trọng. Còn pháp thân của Như Lai, vốn không có tướng. Cho nên nói: "Thân tướng là chẳng phải thân tướng".

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

"Phật lấy pháp làm thân.

Thanh tịnh như hư không"..

Cho nên ông Vân Môn Đại sư có nói: "Nếu khi đó mà ta gặp thì đập một roi cho chết, mà cho chó ăn". Ấy là người Đại thừa tiên giác, mở trói gỡ niêm, giải nghi phá chấp cho đời vậy.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Người học đạo như muốn biết lẽ nhiệm mầu, chỉ có đừng chấp trước điều chi trong lòng thì đủ.

Pháp thân của chơn Phật cũng như hư không, nên nói Pháp thân tức hư không. Hư không tức Pháp thân. Người đời gọi Pháp thân khắp cả hư không, trong hư không có hàm súc Pháp thân, chớ chẳng biết Pháp thân tức là hư không, hư không cũng tức là Pháp thân.

Hư không cùng Pháp thân, tướng không khác; Phật cùng chúng sanh tướng không khác; sanh tử cùng Niết bàn tướng không khác; phiền não cùng Bò đề tướng cũng không khác: "Liả cả thầy tướng tức là chư Phật".

Xuyên Thiên sư giải: Nói thử coi, hiện nay đi, đứng, nằm, ngồi là tướng gì đó? Đừng ngủ gục!

Tụng:

Vào sông kiếm nước khéo cơ cầu!

Lên núi còn tìm núi ở đâu?

Yến nói oanh kê cùng một cách,

Hỏi chi ba trước với ba sau.

---o0o---

31.-ÂM:

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng tức kiến Như Lai".

NGHĨA:

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Phàm chỗ nào có tướng đều là hư vọng. Bằng cho các tướng chẳng phải tướng tức rõ đặng Như Lai".

Giải : Trần Hùng giải: Ông Tu Bồ Đề muốn cho mỗi người đều tự thấy Phật tánh của mình. Vậy nên mới nói: "Là chẳng phải thân tướng".

Sắc thân là cái thể không có chơn thiệt của tướng, cho nên nói: "Đều là, hư vọng".

Pháp thân chẳng phải tướng, trong ấy chỉ có cái bản thể của Chơn Như.

Bằng thấy các tướng chẳng phải tướng, là thấy trong sắc thân, trong tự tánh có Như Lai. Như Lai mà không cầu ở ngoài, thì mới thấy tự tánh.

Kinh Bảo Đàn có nói: "Phật tức là tánh, lìa tánh thì không còn Phật nào khác".

Nhan Bính giải: Phật hỏi: "Nên dùng thân tướng mà cho là Như Lai chẳng?".

Ông Tu Bồ Đề đáp: "Chẳng nên".

Như Lai : là tự tánh, chẳng phải có tới lui, còn sắc thân tứ đại, vốn bởi vọng niệm mà sanh ra. Bằng chấp lấy thân tướng hư vọng ấy, mà muốn rõ chơn tánh Như Lai, thì ví như nhận kẻ giặc làm con, hẳn không phải lẽ. Cho nên

Phật bảo ông Tu Bồ Đề: "Phàm chỗ có tướng đều hư vọng, bằng thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai". Như biết hồi quang phản chiếu, thấy dạng thân tướng không có chi là tướng, thì mới rõ tự tánh Như Lai.

Lý Văn Hội giải: Phàm sở hữu tướng giai thị như vọng; Hư : là chẳng thiết; vọng: là không chơn. Đã không chơn thiết, thì tướng tức là chẳng phải tướng.

Lại nói : "Chẳng phải có một mình thân tướng của Phật, là chẳng phải tướng mà thôi. Phàm cái chi mà có tướng, cũng đều là hư vọng cả.

Sắc thân có tướng, nên nói là hư vọng; còn Pháp thân không có tướng, nên nói là chẳng phải tướng".

Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai, là nói: Tướng hư vọng tức là "Nhơn không"; chẳng phải tướng tức là "Pháp không". Bằng biết nhơn, pháp đều không thì rõ tự tánh.

Kinh Pháp Hoa có nói : "Tất cả các tướng, thấy đều vắng lặng". Lại nói: "Bực Bồ Tát xem các pháp tánh không có hai tướng cũng như hư không".

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Như Lai nói sắc thân, Phương tiện độ thời nhân.

E đọa vào không kiên, Nên quyền phải giả xưng,

Tướng bả hai có mấy? Hình tám chục không
nhưng

Giác thể nguyên không thể, Không thân mới thiết
chân.

Xuyên Thiền sư giải: Núi là núi, nước là nước. Phật ở đâu?

Tụng:

Có tướng sờ sờ là giả vọng,
Không hình bật bật tức thiên khô;
Đàng hoàng sộ sộ nào xen lộn;
Chói lói hào quang khắp thái hư.

---o0o---

CHƯƠNG SÁU

32.-ÂM:

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phá hữu chúng sanh đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sanh thiết tín phủ?". Phật cáo Tu Bồ Đề: "Mạc tác thị thuyết: Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế, hữu trì giới tu phước giả, u thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thiết".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như có chúng sanh nào đặng nghe những câu bài giảng giải như vậy, có sanh lòng tin thiết chăng?". Phật bảo Tu Bồ Đề: "Chớ có nói lời ấy khi Như Lai diệt độ rồi, sau năm trăm năm sau⁹⁵ có kẻ nào trì giới tu phước, mà sanh lòng tin những câu bài ấy, thì lấy đó làm thiết.

Trần Hùng giải: Kinh Hoa Nghiêm có nói:

"Tin, thiết cội nguồn của đạo đức,

Vun bồi cả thảy những căn lành".

Kinh Trí Độ Luận có nói : Pháp pháp như biển cả, duy có sự tin mới đặng vào; bởi sự thiết tín là cái thêm thang của thiết đế.

Ông Tu Bồ Đề nghi chúng sanh chẳng sanh lòng thiết tín, mới hỏi như vậy. Phật lại e ngăn ngại lòng thiết tín của chúng sanh, nên bảo rằng: "Chớ nói lời ấy".

Tăng Nhược Nột giải: Trì giới là chẳng làm điều dữ, tu phước là vung chịu những việc lành. Và lại trì giới tu phước tức là gieo căn lành.

Lý Văn Hội giải: Đắc văn như thị ngôn thuyết v.v.. giải: Ông Tu Bồ Đề nói: Trước kia Phật đã nói: Bồ thí không trụ tướng, tức là Nhân thâm, thấy đặng chơn tánh Như Lai, không có tướng, tức là Quả thâm, đã luận về "nhân quả", thế này không ai tin mà nghe theo, nên mới hỏi như vậy.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Quả lớn bởi nhân thâm, Lý màu nhiệm khó tầm.

Đến thời kỳ mật kiếp, E đạo pháp tiêu trầm.

Thiện Hiện nghe chưa rõ. Nghĩa cao sợ phải lầm.

Bằng hai tin pháp ấy Mới thiết bực minh tâm.

Hữu trì giới tu phước là: Không chấp trước các tướng, tức là trì giới, lòng hăng vắng lặng, không các vọng niệm, tức là tu phước. Người ấy chẳng bị các cảnh mê hoặc, mới sanh lòng tin chắc, lấy đó làm thiết.

Từ Thọ Thiên sư giải:

"Niệm niệm thường yên lặng.

Hằng ngày có đại công".

Ấy là cái dấu bước của chư Phật ba đời, Tổ Sư lục đại làm cái công không có công, thì công ấy chẳng hư mất.

Xuyên Thiên sư giải: Phật vàng chẳng tự độ khỏi lò, Phật cây chẳng tự độ khỏi lửa, Phật đất chẳng tự độ khỏi nước.

Tụng:

Hình dung ba Phật đều không thiết,

Ở trước con người trước mắt người.

Biết đặng bốn lai là quý báu,

Mừng xuân chim hót đóa hoa cười.

---o0o---

33.-ÂM:

Đương tri thị nhơn, bất ư nhứt Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật, nhi chúng⁹⁶ thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở chúng chư thiện căn.

NGHĨA:

Nên biết người ấy, chẳng những là gieo căn lành trong một kiếp Phật, hai kiếp Phật, ba, bốn, năm kiếp Phật, mà đã gieo các căn lành, đến vô lượng ngàn muôn kiếp Phật rồi vậy.

Giải : Lý Văn Hội giải: Bất ư nhứt Phật, nhị Phật là một kiếp thì một vị Phật ra đời - Chúng chư thiện căn là cả thấy việc lành của thế gian kể chẳng xiết; đại khái là chẳng làm các điều dữ, vâng chịu những việc lành.

Kinh Pháp Hoa có nói:

Phương tiện khéo tùy nghi, Không còn quái ngại chi,

Lòng hoan hỷ sốt sắng, Thành Phật hẳn đương thì.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Nương người, (y tha) không tự lập,

Mượn có đặng làm ra,

Ác lặn cây không bóng,

Đèn soi sáng cả nhà.

Lục Tô giải: Sao gọi là gieo các căn lành? Là đối với chư Phật phải một lòng cúng dường thuận theo giáo pháp, đối với các vị Bồ Tát, bậc Thiện tri thức, Sư Tăng, cha mẹ, người tuổi cao đức lớn, và bậc Tôn Trưởng, thường phải cung kính cúng dường, vâng lời dạy bảo chẳng nên trái ý, ấy là gieo các căn lành. Đối với cả thầy chúng sanh nghèo khổ, đầy lòng thương xót, chẳng nên khinh bỉ, có yêu cầu điều chi, tùy sức mình mà tế độ, ấy là gieo các căn lành; đối với cả thầy kẻ hung dữ phải nhu hòa nhịn nhục, vui vẻ phụng thờ, chẳng nên trái ý, đừng khiến kẻ ấy phải lòng hoan hỷ, dứt sự hung hăng, ấy là gieo các căn lành; đối với chúng sanh trong sáu đường chẳng có; sát hại, khi dễ, nhieéc mắng, chửi đánh cùng là ăn thịt, thường làm việc lợi ích cho chúng nó, ấy là gieo các căn lành.

Vương Nhựt Hưu giải: Sao gọi là gieo các căn lành?- Là lòng chí thành niệm danh hiệu của Phật, hoặc dung một nén hương, hoặc lạy, hoặc dung một vật chi mà cúng dường, đều gọi là gieo các căn lành.

Tăng Nhực Nột giải: Phải rõ đã gieo nhiều căn lành là thấy Phật nhiều, nghe pháp nhiều, mà tu hành lại cũng nhiều.

---o0o---

34.-ÂM:

Văn thị chương cú, nãi chí nhưt niệm sanh tịnh tín giả. Tu Bồ Đề: Như Lai tất tri tất kiến, thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức.

NGHĨA:

Nghe những câu bài ấy, cho đến nhưt niệm⁹⁷ sanh lòng tin chắc, thì Tu Bồ Đề này: Như Lai đều biết hết thấy hết, các chúng sanh ấy đặng cái phước đức vô lượng như vậy (gieo căn lành).

Giải - Lục Tô giải: Lòng tin: là tin pháp Bát Nhã Ba la mật hay trừ cả thầy phiền não; tin pháp Bát Nhã Ba la mật hay thành tựu cả thầy công đức xuất thế gian; tin pháp Bát Nhã Ba la mật hay xuất sanh cả thầy chư Phật; tin chắc Phật tánh của tự mình Bản Lai thanh tịnh, không có ô nhiễm, sánh với tánh của chư Phật bình đẳng như một; tin chắc chúng sanh trong sáu đường

bỏ lại không tướng; tin chắc cả thầy chúng sanh đều đặng thành Phật. Ấy mới là lòng "Tịnh tín".

Lý Văn Hội giải: Nãi chí nhưt niệm sanh tịnh tín là kẻ phàm phu ở trong các pháp, khởi sanh ra cả thầy điều tà kiến, lành, dữ, Thánh, phàm, có lòng chấp bỏ, mỗi mỗi đều là vọng niệm, nên không sanh lòng tịnh tín đặng. Còn Bồ Tát tỏ ngộ nhơn, pháp đều không, không các vọng niệm, lòng hằng thanh tịnh, tin nghe chánh pháp cho nên nói: Nhưt niệm sanh lòng tin chắc. Đắc như thị vô lượng phước đức là Như Lai rõ biết chúng sanh không vọng niệm, lòng hằng thanh tịnh kính tin chánh pháp, sanh đặng trí huệ: Công đức cùng tột không thể so lường đặng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Tín tâm sanh một niệm, Chư Phật thầy tường trì.

Bằng trước tu nhân ấy, Ất sau chứng quả ni.

Ba tăng kỳ đại kiếp, Sáu độ hạnh thường trì.

Gieo đặng nhân vô lậu, Đáng xưng bất khả tư nghi⁹⁸.

Xuyên Thiên sư giải: Gieo giống cam thảo thì ngọt, gieo giống huỳnh liên thì đắng; làm nhân nào thì đặng quả nấy.

Lại nói: Trồng dưa đặng dưa, trồng đậu đặng đậu.

Tụng:

Một, hai vị Phật đến muôn ngàn.

Sống mũi nằm xuôi cặp mắt ngang,

Thở trước đã từng gieo thiện lực,

Ngày nay mới đặng phước hoàn toàn.

Tu Bồ Đề! Tu Bồ Đề!!

Mặc áo, ăn cơm điều tiểu sự,

Sao còn riêng có chỗ nghi nan!!

---o0o---

35.-ÂM:

Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Bởi các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp cũng không có tướng phi pháp.

Giải : Lý Văn Hội giải: Vô phục ngã nhơn v.v. là không ý thị: Danh vị, quyền thế, giàu có, tài năng, tinh tấn, trì giới mà khinh bỉ kẻ ngu dốt, nghèo hèn, lười biếng, phá giới; lại không có lòng năng sở trì giới, không có lòng tham cầu hy vọng; lời nói và việc làm phù hợp với nhau - Vô pháp tướng, là trong kinh có nói: "Tâm sanh thì cả thấy pháp sanh, tâm diệt thì cả thấy pháp diệt, lòng đã thanh tịnh thì các pháp đều không". Cho nên không chấp bỏ cả thấy các pháp tướng, tà kiến lành dữ, Thánh phàm - Diệt vô phi pháp tướng là không chấp lòng tri giải, không chấp lòng sở đắc, không nhơn, không pháp. Trong thì tỏ đặng thiệt tướng, ngoài thì ứng với hư duyên.

Triệu Pháp sư giải: Vô pháp tướng là rõ cái pháp chẳng phải có, để trừ lòng chấp có. Diệt vô phi pháp tướng là rõ cái pháp chẳng phải không, để trừ lòng chấp không.

Tăng Nhược Nột giải: Pháp tướng là tà kiến về chấp có. Phi pháp tướng là tà kiến về chấp không. Bỏ hết cái chấp hai bên, cho nên nói "không".

Viên Ngộ Thiên sư giải: Người khôn lanh, gót chân đạp sát đất, xương sườn xương sống cứng như sắt, đạo khắp thế gian, xem muôn vật đều giả dối, tự tâm làm chủ. Chẳng theo tình đời, dứt tuyệt ngã nhơn, bỏ hết tri giải; bấy

giờ đặng thấy tánh, thành Phật. Trục chỉ cái diệu tâm làm thêm thang. Đến khi có làm việc chi, thì ngoài ứng theo hư duyên mà chẳng sa vào hang ổ. Rõ đặng một chút sự lâu dài, giữ thân tâm vắng lặng, vượt khỏi cảnh trần lao; đặng như vậy, thì đã lành mà lại thêm lành.

Xuyên Thiên sư giải: Tròn tợ Thái hư, không thiếu cũng không dư.

Tụng:

Pháp cùng phi pháp tướng:

Buông nắm tức bàn tay⁹⁹

Muôn dặm mây bay vệt,

Trời xanh một dạng bày.

---o0o---

36.-ÂM:

Hà dĩ cố? - Thị chư chúng sanh nhược tâm thủ tướng, tức vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? - Nhược thủ phi pháp tướng, tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

NGHĨA:

Bởi có sao? Bởi các chúng sanh ấy, nếu lòng còn chấp tướng, tức còn trước tướng, ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Nếu chấp pháp tướng, cũng là trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Bởi có sao? Bằng chấp phi pháp tướng, cũng là trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Giải: Lý Văn Hội giải: Lòng còn chấp tướng ắt sanh vọng niệm, nên mắc phải bốn tướng ấy.

Viên Ngộ Thiên sư giải: Chư Phật mở bày, Tổ sư chỉ dạy, duy cái diệu tánh khẳng khái phụng thừa, chẳng sanh một niệm, tốt thấu ngọn nguồn, đến lúc hoàn thành không lao tâm lực tự tại tiêu điều, vốn không chấp bỏ, mới thiệt là chỗ nhiệm mầu.

Tiêu Diêu Ông giải: Có niệm không tỏ, là cảnh giới kẻ phàm, có niệm có tỏ, là cảnh giới người hiền, không niệm có tỏ là cảnh giới bậc Thánh.

Người trí tự hiểu lấy, dầu có nói, nói cũng không đặng.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư nói với Bùi Thừa tướng : Phật với chúng sanh, chỉ có một cái tâm, vốn không sai biệt. Cái tâm ấy từ đời vô thủy đến nay, không hình không tướng, chẳng sanh chẳng diệt, ví như hư không, không có bờ bực; duy có cái tâm ấy mới thiệt là Phật.

Phật với chúng sanh vốn không khác lạ, nhưng bởi chúng sanh chấp sự tướng cầu ở ngoài, càng cầu càng mất. Dùng Phật mà tìm Phật, lấy tâm mà cầu tâm, dầu cùng kiếp mãi đời, rốt không chi đặng. Chớ nào biết dứt tướng quên lo, thì tự nhiên có Phật hiện tiền!

Tâm tức là Phật, Phật tức chúng sanh. Khi làm chúng sanh tâm cũng không bớt, lúc làm chư Phật tâm cũng chẳng thêm; gặp duyên thì thí, duyên qua rồi thì thôi. Vốn đã sẵn đủ chẳng đợi mượn sự tu hành mới có.

Bằng chẳng tin chắc cái tâm là Phật, dầu cho tu hành trải bao nhiêu kiếp, cũng không thành đạo đặng.

Thủ Pháp tướng : là cho ngoài cái tâm lại có pháp, nên mới chấp các tướng.

Lại nói: Tạo dữ, tạo lành đều là trước tướng. Trước tướng tạo dữ, luống chịu luân hồi, trước tướng tạo lành luống chịu lao khổ; thấy đều chẳng bằng tự mình nhận biết bản tâm.

Ngoài tâm không pháp, tâm tức là pháp. Ngoài pháp không tâm, mà nếu cho tâm là không tâm, thì tâm trở nên có. Cả thấy duy có tự mình hiểu lấy mà thôi.

Nhược thủ phi Pháp tướng : là còn các tướng: Chấp bỏ lành dữ, phạm Thánh.

Từ Thọ Thiên sư giải:

Tụng:

Đồ sộ chùa xưa cửa Thuận Thiên,
Bóng thiêu nhấp nhoáng vọi khe tiên.
Bỏn lai vật vật tâm là pháp,
Trong đây mấy người đặng liễu nhiên?

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Nhơn không, pháp cũng không	Hai tướng bỏn lai đồng
Biến kể danh chưa rõ,	Y tha lý chẳng thông.
Viên thành ngày một ngấm,	Lưu chuyển thưở nào xong.
Muốn biết vô sanh nhẫn,	Như như chẳng động lòng.

---o0o---

37.-ÂM:

Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp.

NGHĨA:

Như thế thì, chẳng nên chấp pháp, cũng chẳng nên chấp phi pháp.

Giải : Lý Văn Hội giải : Bất ưng thủ pháp v.v... là có không đều bỏ, nói nín thả quên.

Nếu dùng pháp tướng tức là chấp pháp, còn dùng phi pháp tướng tức là chấp không; có chấp thì phiền não đầy sanh, không chấp thì tín tâm thanh tịnh.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Không vẫn nguyên nơi có, Vì không, có mới sanh.

Có không đâu có khác, Không có vốn không hình.

Không có nào chơn thể, Có không bởi vọng tình.

Có không như tiếng dội, Không có lý nên minh.

Xuyên Thiên sư giải: Vàng chẳng đổi vàng, nước không rửa nước.

Tụng:

Leo cây níu nhánh cũng chưa rành,

Chót núi buông tay mới đại danh.

Gió lạnh canh khuya câu chẳng có,

Đầy thuyền duy có bóng trăng thanh.

---o0o---

38.- ÂM :

Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết như đấng Tỳ Khuru tri ngã thuyết pháp như phiệt¹⁰⁰ dụ giả, pháp thượng ung xả, hà huống phi pháp?

NGHĨA:

Bởi cái nghĩa ấy, nên Như Lai thường dạy các thầy Tỳ khuru phải biết Ta nói pháp, ví như cái bè. Pháp còn phải bỏ thay, huống chi là chẳng phải pháp.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật¹⁰¹ (phiệt), là kết tre và cây thành bè đặt làm đò đưa rước, là đồ để đi dưới nước cũng như ghe vậy. Dĩ thị nghĩa cố là chỉ các lời nói của bài trước.

Phật thường dạy các thầy Tỳ Khuru, phải biết việc thuyết pháp của Phật, ví cũng như ghe và bè vậy. Lúc chưa qua sông thì không nên không dùng ghe,

bè, ví như lúc chưa tỏ ngộ chơn tánh thì không nên không dùng Phật pháp; còn khi đã qua sông rồi thì không còn ghe bè nữa, ví như khi tỏ ngộ chơn tánh rồi thì không cần Phật pháp nữa vậy.

Như thế thì, khi tỏ ngộ rồi, Phật pháp còn phải bỏ thay hướng chi là ngoại đạo. Cho nên nói: "Pháp còn phải bỏ hướng chi là chẳng phải pháp".

Ông Phó Đại Sĩ có tụng:

Nên mượn bè qua biển,

Đến bờ khỏi dùng thuyền,

Lời nói ấy rất nên đúng lý.

Tăng Nhưặc Nột giải: Kinh Phật Dục có nói: "Nếu biết đặng nghĩa ví dụ dùng bè ấy, thì pháp lành còn phải bỏ, hướng chi là pháp chẳng lành. Như muốn qua sông trước phải dùng bè, khi qua đến bờ phải bỏ nó lại".

Nhan Bính giải: Pháp tướng thuộc có, phi pháp tướng thuộc không, đều còn tà kiến cả hai, hẳn phải dứt hết. Cho nên nói: "Không nên thủ pháp cũng không nên thủ phi pháp".

Dĩ thị nghĩa cố v.v... Phật là thuyền lớn; ví như người lúc chưa qua sông, phải mượn thuyền bè, khi đã đến bờ rồi phải bỏ thuyền bè đi, không nên chấp trước; cũng như người chưa qua khỏi biển khổ sanh tử, phải mượn Phật pháp mới độ thoát đặng, khi độ đặng rồi, pháp cũng phải bỏ. Cho nên ông Triệu Châu có nói: "Có, có một chữ Phật, ta cũng chẳng muốn nghe".

Phật pháp còn phải bỏ hướng chi là chẳng phải Phật pháp.

Lý Văn Hội giải: Chấp có nói không, thì dùng bè mà chi? Chấp có đã bỏ, chấp không đâu còn, như đã qua sông, đâu dùng bè nữa?

Ông Phó Đại Sĩ có tụng:

Nên mượn bè qua biển, Đến bờ khỏi dụng thuyền,

Ngã nhơn danh đã cưỡng, Giáo pháp chấp sao nên

Hai phía đều không lập, Trung lưu cũng chẳng yên,

Hữu vô bằng có một, Phải bị ô tâm điền.

Vả lại khi chưa rõ tánh, đương ở trong biển khổ sanh tử, mà gặp đặng bực thiện tri thức, lấy lời dạy bảo, phân biệt các pháp tướng, chùng thấy đặng tự tánh rồi, thì đâu còn chấp trước nữa.

Pháp thượng ưng xả: Trong kinh có nói:

"Bằng muốn hiểu rành cảnh giới Phật.

Trong lòng thanh tịnh tự hư không"

Ngoài không còn một pháp chi mà kiến lập; thì pháp còn phải bỏ, huống chi là chẳng phải pháp.

Xuyên Thiên Sư giải: Nước đến thì sông thành.

Tụng:

Trọn ngày lãng xãng,

Việc ấy không can.

Chẳng cầu giải thoát,

Chẳng muốn thiên đàng,

Bằng hay niệm đặng lòng vô niệm,

Trên đỉnh Tỳ lư cũng bước ngang.

---o0o---

CHƯƠNG BẢY

39.-ÂM:

Tu Bồ Đề? Ý ý vân hà? - Như Lai đắc A nậu đả la tam miệu tam bồ đề gia? Như Lai hữu sở thuyết pháp gia? Tu Bồ Đề ngôn: "Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A nậu đả la tam miệu tam bồ đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết".

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề? Ý ông thế nào? - Như Lai có đặng pháp Vô thượng Chánh đặng Chánh giác chăng? Như Lai có chỗ chi thuyết pháp chăng? Tu Bồ Đề bạch Phật: "Như con rõ nghĩa của Phật nói, thì không có định chắc pháp chi kêu là Vô thượng Chánh đặng Chánh giác, cũng không có định chắc pháp chi mà Như Lai nói".

Giải : Tăng Nhược Nột giải: Không sanh tỏ thấu ý Phật nên nói trong cái nghĩa thứ nhứt, không có định chắc là có pháp chi mà đặng, và có pháp chi mà thuyết.

Trần Hùng giải: Trong kinh Lăng Già luận bảy thứ "không" có , có nói. Cả thấy pháp, lia bỏ lời nói là không; nghĩa thứ nhứt thì bực Thánh trí mới là đại không.

Như Lai tỏ đặng lý mâu nhiệm của nhưn không vốn không pháp chi mà đặng, cũng không pháp chi mà thuyết, nên mới lập ra lời hỏi ấy.

Đạo Vô thượng Bồ đề là nghĩa thứ nhứt tất sâu xa không thể hình trạng đặng; hoặc trì giới nhẫn nhục mà đặng; hoặc tinh tấn thiền định mà đặng; hoặc xây tháp cất chùa, hoặc xưng niệm Nam mô cũng đều đặng cả, đâu có phải câu nệ theo pháp chi mà nhứt định hay sao?

Như Lai thương chúng sanh chưa tỏ ngộ, chẳng nở làm thình mà không dùng ngôn thuyết, hoặc vì kẻ có chí cầu Thắng pháp mà thuyết, hoặc vì kẻ cầu Vô thượng huệ mà thuyết, hoặc vì kẻ cầu Thanh Văn mà thuyết, hoặc vì kẻ cầu làm Bích Chi Phật mà thuyết, đều ứng theo cơ duyên mà trả lời, tùy chỗ cầu hỏi mà đáp lại, nào có pháp chi định chắc đâu?

Phật đã tỏ thấu cái nghĩa biến thông không chấp không trước, còn ông Tu Bồ Đề nói hai lần "không có pháp chi định chắc" vậy không phải là rõ đặng nghĩa của Phật thuyết hay sao?

Lý Văn Hội giải: Như Lai hữu sở thuyết pháp gia: Là ý của Phật hỏi đó, là còn e cho người nói Như Lai có chỗ thuyết - Vô hữu định pháp là căn khí có chậm mau, tài học có cao thấp, tùy cơ duyên mà lập pháp, nhận chứng bịnh mà đầu thang.

Kinh Pháp Hoa có nói: "Các căn khí có mau chậm, hoặc tinh tấn giải đãi, tùy theo tài lực mà thuyết pháp, cho nên pháp không định chắc mê ngộ khác nhau. Khi chưa tỏ ngộ tợ hồ không chỗ đặng, đến khi tỏ ngộ rồi tợ hồ có chỗ đặng. Đặng cùng không đặng đều là vọng kiến, nhưng chẳng nên chấp trước mới hiệp lý trung đạo; nào phải có pháp chi định chắc mà thuyết đâu?"

Xuyên Thiên sư giải: Lạnh thì nói lạnh, nóng thì nói nóng.

Tụng:

Mây ở Nam san mưa Bắc san,

Giống lừa, giống ngựa kẻ muôn ngàn.

Kìa coi lấy nước vô tình đó,

Mấy chỗ theo vương mấy chỗ tròn.

---o0o---

40.-ÂM:

Hà dĩ cô? - Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết phi pháp phi phi pháp.

NGHĨA:

Bởi có sao? Bởi chỗ thuyết pháp, của Như Lai, đều chẳng nên chấp, là chẳng nên nói phi pháp cùng chẳng phải phi pháp.

Giải : Tạ Linh Vận giải: Phi pháp là chẳng có, phi phi pháp là chẳng không; có không đều không, mới là đúng lý.

Vương Nhựt Hưu giải: Pháp là vì chúng sanh mà lập ra, chớ chẳng phải là có pháp chơn thiệt, cho nên nói: "Chẳng phải pháp". Nhưng mà, cũng phải

mượn pháp để khai ngộ cho chúng sanh, lại cũng không nên nói quyết là "Chẳng phải phi pháp". Cho nên nói: "Chẳng phải phi pháp".

Trần Hùng giải: Pháp của Như Lai thuyết đó, là pháp Vô thượng Bồ đề, dùng tâm tánh mà tu thì đặng, chớ không dùng sắc tướng mà lấy đặng; nếu lấy đặng thì làm sao thấu đáo đến chỗ nhiệm mầu của tánh lý? Dùng tâm truyền thì đặng, chớ dùng lời nói mà nói thì không đặng; nếu nói đặng thì làm sao mà siêu thoát cái phạm vi của ngôn ý? Cho nên ông Tu Bồ Đề mới biện luận đến hai lần "chẳng nên".

Cái pháp ấy, nhiệm mầu huyền diệu sâu xa khó hiểu, một lý cho là có, tuy có mà chẳng hề có, một lý cho là không, tuy không mà chẳng hề không. Ấy là cái ý nghĩa "phi pháp chẳng phải phi pháp". Chơn không mà chẳng không, cũng như vậy chẳng?

Lý Văn Hội giải: Bất khả thủ : là ông Không Sanh rất e cho người học đạo không tỏ cái ý "vô tướng" của Như Lai. Bất khả thuyết: là rất e cho người học đạo chấp trước những câu bài của Như Lai nói. Phi: là không - Phi phi : là chẳng không.

Huỳnh Nghiệt Thiên Sư giải: Pháp vốn chẳng có, nhưng chớ cho là không, pháp vốn chẳng không, nhưng chớ cho là có. Nói không, thành ra đoạn diệt, nói có, phạm vào tà kiến.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Tu hành lìa luận thuyết, Tự thở hẵn vô nhơn.

Lý nhị không viên mãn, Chứng tam muội pháp thân

Trước tâm thì phải vọng, Không chấp mới rằng chơn

Nếu tỏ "phi phi pháp", Tiêu diêu khỏi lục trần.

Xuyên Thiên sư giải: Vậy là làm sao?

Tụng:

Làm sao cũng chẳng đặng,
Chẳng sao cũng chẳng đặng.
Trông rỗng cõi hư không,
Chim bay không ảnh dạng,
Thôi!
Giông ruồi ngựa xe lại trở về,
Đông Tây Nam Bắc dầu du ngoạn.

---o0o---

41.-ÂM:

Sở dĩ giả hà? - Nhứt thế Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu si biệt.

NGHĨA:

Sở dĩ sao? - Cả thầy Hiền Thánh đều dùng pháp "vô vi" mà cũng có hơn kém.

Giải : Sở Sao giải: Chưa tỏ đặng lý nhơn không; pháp không đều gọi là chấp trước, tỏ hai cái lý không ấy gọi là vô vi.

Bồ Tát đều chứng đặng hai cái lý không; Thanh Văn mới khởi nhơn không chưa thông pháp không, cho nên nói: "Khởi đặng một cái quấy" (ly nhứt phi). Việן chứng cái nghĩa ấy cho nên nói: "Mà có hơn kém".

Lục Tổ giải: Căn tánh của ba bậc thừa, sự hiểu rõ chẳng đồng nhau, nghe thấy có cao thấp, cho nên nói: "hơn kém" Phật nói cái thuyết "vô vi" ấy tức là "vô trụ", vô trụ tức là "vô tướng", vô tướng tức là "vô khởi", vô khởi tức là "vô diệt", rỗng rang vắng lặng, tỏ soi đều đủ, xem xét không ngại, mới thiệt là tánh Phật giải thoát.

Phật tức là giác, giác tức là quán chiếu (hồi quang phản chiếu) quán chiếu tức là trí huệ, trí huệ tức là Bát Nhã.

Vương Nhựt Hưu giải: Đã nói là Hiền Thánh đều dùng pháp vô vi mà có hơn kém là có sao? Là bởi pháp vô vi, hễ tỏ đặng còn thấp thì làm người Hiền, như bốn quả Tu Đà Hoàn v.v... tỏ đặng cao thì làm bậc Thánh, như Bồ Tát, Phật. Bởi vậy nên mới nói là "hơn kém" đó chăng?

Nhan Bính giải: Phật hỏi ông Tu Bồ Đề: "Nhu Lai đặng Vô thượng Chánh giác chăng! Như Lai có chỗ chi thuyết pháp chăng?".

Đáp: Như tôi rõ đặng cái nghĩa lý của Phật, đều không có pháp chi như định là Vô thượng Chánh giác và thuyết pháp cả - Bởi sao vậy? Là bởi chỗ thuyết pháp của Như Lai như người uống nước, lạnh ấm tự mình biết lấy.

Bất khả thủ, bất khả thuyết phi pháp phi pháp : Pháp thuộc về có, phi pháp thuộc về không. Chấp có thì trước tướng, chấp không lại lạc vào không. Cho nên nói: "Chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp".

Dĩ là dùng, vô vi là tự nhiên giác tánh, không mượn ai làm nên cả thầy Hiền Thánh đều dùng phép vô vi ấy. Nhưng mà pháp vốn là vô vi, bởi hiểu có cao thấp mới sanh ra hơn kém chớ đáo đầu thì cũng có một mà thôi.

Lý Văn Hội giải: Pháp tánh vô vi vốn không có tướng như định là cao thấp đặng, bằng có như định hẳn không hơn kém. Hữu si biệt là căn khí có mau chậm, tài học có thấp cao, cho nên nói: "hơn kém". Mà đã có hơn kém thì không có tướng như định.

Hải Giác Nguyễn Thiền Sư

Tụng:

Chế nhiều đồ khéo quý,

Bởi thợ hay dùng trí.

Hà tất chốn Tỳ va,¹⁰²

Người người rằng bất nhị.¹⁰³

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Pháp, nhơn đều gọi chấp, Tỏ thấu thấy vô vi.
Bồ Tát đặng tề chứng , Thanh Văn khỏi nhứt phi.
Bằng tham sân dứt hết, Thì thiệt tướng còn chi.
Quán ấy mà thường dụng, Hẳn thành Phật chẳng
nghĩ.

Xuyên Thiên sư giải: Sai thù chừng một mảy, trời đất cách xa nhau.

Tụng:

Người chánh nói pháp tà,
Phép tà trở lại chánh.
Người tà nói pháp chánh,
Phép chánh thấy đều tà.
Quít Giang Nam chỉ miền Giang Bắc,
Bờn tón chào xuân nầy nở hoa.

---o0o---

CHƯƠNG TÁM

42.-ÂM:

Tu Bồ Đề: Ư ý vân hà? - Nhược nhơn mãn tam thiên đại thiên thế
giới thất bảo ¹⁰⁴ dĩ dụng bố thí, thị nhơn sở đắc phước đức ninh vi đa phủ?

NGHĨA:

Này Tu Bò Đè: Ý ông thế nào? - Bằng có người dùng bảy báu chất đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, đem ra mà bố thí, người ấy có đặng phước đức nhiều chăng?

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Tam thiên đại thiên thế giới là chỗ có ánh sáng của mặt nhật, mặt nguyệt đây, gọi là một tiểu thế giới, nơi trung gian có núi Tu Di, mặt nhật mặt nguyệt thì vận hành chung quanh núi ấy, nên bốn phía chia ra làm bốn châu thiên hạ là: Phương Nam: Diêm Phù Đề, phương Đông: Phất Bà Đề; phương Tây: Cù Và Ni; và phương Bắc : Uất Đan Việt.

Còn đường vận hành của mặt nhật mặt nguyệt, thì từ phân nửa núi trở xuống mà thôi, cho nên sự cao của núi ấy, thì phân nửa núi sắp lên, cao khỏi trên đường vận hành của mặt nhật mặt nguyệt; trên ấy lại chia ra bốn phương mỗi phương có tám cõi trời; và ở trung gian một cõi, cộng là ba mươi ba cõi trời; gọi là Tam thập Tam thiên. Tiếng Phạm kêu là cõi Trời Đạo Lợi (Đạo Lợi Thiên).

Bốn châu thiên hạ mà có mặt nhật mặt nguyệt vận hành đó là một cõi tiểu thế giới, một ngàn tiểu thế giới như vậy là một tiểu thiên, một ngàn tiểu thiên là một trung thiên, một ngàn trung thiên là đại thiên. Bởi ba lần nói: "thiên" cho nên nói: "Tam thiên đại thiên", chớ kỳ thiệt có một đại thiên mà thôi; như vậy đó mới kêu là "Đại thế giới" (ba mươi ba ngàn triệu: 33.000.000.000 thế giới).

Ninh vi đa phủ: Chữ ninh là của Thầy phiên dịch dùng làm chữ trợ, chẳng cần để ý khảo nghĩa làm chi.

Lục Tổ giải: Bài này là Như Lai hỏi cái ý đó thế nào? Bồ thícúng dường là phước đức ở ngoài thân, thọ trì kinh điển là phước ở trong thân, cũng gọi là Công đức. Thân phước là ăn mặc, tánh phước là trí huệ, tuy có ăn mặc mà tánh ngu mê, là kiếp trước bố thí cúng dường mà không thọ trì kinh điển. Còn thông minh trí huệ lại nghèo hèn thiếu ăn thiếu mặc, là kiếp trước trì kinh nghe pháp mà không bố thí cúng dường.

Tu phước đức bề ngoài tức là sự ăn mặc, tu phước đức bề trong tức là Trí huệ. Tiền tài là báu của thế, Bát Nhã là báu trong tâm; trong ngoài song tu mới là toàn đức.

Ấy là xưng tụng "Công đức trì kinh hơn phước đức bố thí".

Sớ Sao giải: Thất bảo là kim, ngân, lưu ly, san hô, mã não, pha ly, xích chơn châu.

Ý Phật muốn rõ vô vi, nên trước đem phước hữu lậu mà hỏi ông Thiện Hiện : "Dùng bảy báu đầy cả Tam thiên thế giới đem ra bố thí, đặng phước đức nhiều chăng?". Bài sau ông Tu Bồ Đề đáp lại.

---o0o---

43.-ÂM:

Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ có? - Thị phước đức, tức phi phước đức tánh, thị cố, Như Lai thuyết phước đức đa".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều. Bởi có sao? - Bởi phước đức ấy, chẳng phải phước đức tánh, cho nên Như Lai nói phước đức nhiều".

Giải : Tạ Linh Vận giải: Phước đức vốn không có tánh bởi tùy nhân duyên mới có nhiều, nhiều thì dễ chấp trước nên phải bỏ đi.

Lục Tổ giải: Dùng bảy báu đầy Tam thiên thế giới mà bố thí, đặng phước tuy nhiều, nhưng không chút chi lợi ích cho tánh cả. Nương theo "Ma ha Bát Nhã Ba la mật đa" mà tu hành, khiến cho tự tánh chẳng đọa vào quả báo mới gọi là công đức tánh.

Lòng có "năng sở" là chẳng phải công đức tánh; dứt lòng "năng sở" mới gọi là công đức tánh; tuân theo giáo pháp của Phật, làm theo hạnh của Phật, mới gọi công đức tánh; không tuân theo giáo pháp của Phật, không làm theo hạnh của Phật; là chẳng phải Công đức tánh.

Tăng Nhưặc Nột giải: Ông Không Sanh nói bảy báu đầy cả đại thiên đó, hễ báu nhiều thì phước nhiều, cho nên nói: "Rất nhiều".

Thị phước đức là "sự phước" - Tức phi phước đức tánh là chẳng phải phước đức của tánh Bát Nhã; mà đã chẳng phải "lý phước" thì chẳng đến

quả Bồ đề - Thị cố Như Lai thuyết phước đức đa là sự phước của thế gian, cho nên nói "nhiều".

Tăng Tử Vinh giải: Bồ thí mà trụ tướng, chỉ đặng cái nhân hữu lậu, phước báu của cõi nhơn Thiên mà thôi còn là tướng mà trì kinh thì mới chứng đặng cái lý vô vi, công đức vô cùng vô tận.

Trần Hùng giải: Chứa của báu mà bồ thí, trì kinh cho tinh tấn, đều là một phần trong sáu độ.

Phật hóa độ chúng sanh, chưa hề ngăn trở việc bồ thí, nhưng sự tinh tấn lại càng ưa hơn.

Bởi người đời hay chấp sự dùng bảy báu cho nhiều mà bồ thí, để cầu phước lợi, chớ chẳng biết dùng cái báu của giác tánh đặng mà tu công đức trong tánh mình. Cho nên Ngài gộp lại mà hỏi, đặng so sánh sự hơn thua.

Trì kinh tinh tấn, là nói theo lý tánh mà tu, tánh vốn đầy khắp chôn Thái hư, thì công đức cũng như vậy, cho nên nói: Công đức tánh.

Chứa báu mà bồ thí là mượn vật mà tu, vật có chừng thì phước đức cũng có chừng, sánh với công đức tánh không đặng. Cho nên ông Tu Bồ Đề nói: "Phước đức ấy là chẳng phải công đức tánh". Lại đoán ngay rằng: "Như Lai nói phước đức nhiều đó là bởi có số hạn, nên mới tính nhiều ít đặng".

Ngũ Tổ thường nói: "Tự tánh, nếu mê, phước nào cứu đặng". Lục Tổ cũng nói: "Công đức ở trong tự tánh, chẳng phải bồ thí cúng dường mà cầu đặng". Lại nói: "Mình tự ngộ tự tu lấy, mới thiệt công đức của tự tánh".

Lời của hai Tổ nói đó thiệt là rất đúng với huyền lý.

Nhan Bính giải: Phật hỏi: "Bằng người dùng bảy báu đầy cả thế giới mà bồ thí đặng phước nhiều chẳng?".

Ông Tu Bồ Đề đáp: "Phước đức tuy nhiều, rốt lại chẳng phải công - đức tánh".

Lý Văn Hội giải: Dùng bảy báu đầy cả đại thiên thế giới mà bồ thí, ấy là bồ thí trụ tướng, để mong cầu phước lợi, đặng phước tuy nhiều, nhưng không có minh tâm kiến tánh đặng.

Ông Phó Đại Sĩ có lời :

Tụng:

Chứa báu cả tam thiên,

Đặng đem chường phước điền.

Chi gây nhân trược lậu,

Chẳng khỏi cõi nhơn Thiên.

Vậy nên biết bồ thí trụ tướng là chẳng phải phước đức tánh - Nếu lòng không "năng sở" mà biết kiến tánh minh tâm, mới là Phước đức tánh

Xuyên Thiên sư giải: Việc chi cũng bởi vô tâm mà đặng.

Tụng:

Thí báu đầu đầy cả đại thiên,

Phước duyên chẳng thoát khỏi nhơn Thiên

Phải tường phước đức nguyên không tánh,

Mua đặng "phong quang" khỏi dụng tiền.

---o0o---

44.-ÂM:

Nhược phục hữu nhơn, u thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đặng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

NGHĨA:

Bằng có người thọ trì kinh này hẳn đến những tứ cú kệ lại vì người mà diễn thuyết, thì phước này hơn phước đức kia.

Giải : Sớ Sao giải: Thử kinh là người người sẵn có, kẻ kẻ vẹn toàn, trên từ chư Phật, dưới đến loài rận, kiến v.v... đều có kinh này. Ấy là tâm diệu viên giác không chi sánh kịp.

Nhan Bính giải: Phục hữu hơn ư thử kinh trung thọ trì v.v.. Thọ là bấy giờ thừa thọ (vâng chịu) - Trì là buổi buổi phụng trì (vâng giữ).

Bằng diễn thuyết lại cho người khác, cũng như một ngọn đèn, mời ra trăm ngàn muôn ngọn, thì phước ấy hơn phước kia - Thế nào là hơn phước kia? - Là bởi phước kia là phước thí bảy báu tức là bố thí trụ tướng thì đặng cái phước hữu lậu mà thôi, đến khi phước hết rồi cũng phải đọa lạc.

Còn công này: Bởi trì kinh mà ngộ tánh. Tứ cú kệ hiện ra ở trước, đồng như chôn Thái hư, lịch kiếp cũng không hề hoại, cho nên nói:

Cầu phước hơn Thiên mà bố thí,

Như tên bán bồng giữa hư không.

Hựu: Hết trốn thì tên rơi xuống đất,

Gây nên kiếp khác chí không đoạt.

Đâu bằng pháp "Thiệt tướng vô vi",

Nhảy một nhảy vào trong cõi Phật.

Kinh Tứ Cú Quyết Nghi Kim Cang là cốt tủy của Đại Tạng kinh, còn Tứ cú kệ lại là cốt tủy của kinh Kim Cang. Bằng người thọ trì kinh này mà không rõ thấu Tứ cú kệ ở chỗ nào, thì đâu có thoát khỏi vòng sanh tử mà làm Phật làm Tổ đặng.

Xưa nay luận Tứ cú kệ chẳng phải là một; hoặc nói thịnh, hương, vị, xúc, pháp; hoặc nói hai bài kệ trong kinh này; hoặc nói câu : "Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai" ; hoặc nói nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt; hoặc nói Hữu vi, Vô vi, Phi hữu vi, Phi vô vi; hoặc nói Hữu đế, Vô đế, Chơn đế, Tục đế; đều là chấp sự thấy hiểu của mình chớ không chi là định luận.

Duy có Đồng Bài Ký có nói: Thiên Thân Bồ Tát lên cung Đâu Suất hỏi Đức Di Lặc: "Thế nào là Tứ cú kệ?". Đáp: Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả. Còn Lục Tổ Đại sư lại nói là : Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Bằng chấp theo mấy lời không định chắc, không căn cứ đó, nào khác chi đếm đồ châu báu của người, thì mình không hưởng đặng lấy nửa đồng. May nhờ ông Phó Đại Sĩ lộ cái tiêu tức, rất nên thân thiết như vậy: "Luận về Tứ cú kệ, khẩn khẩn chẳng nên rời " - Lấy đó mà suy thì Tứ cú kệ, vốn chẳng phải là câu, ở ngoài, chỉ tại tâm địa ta tỏ sáng mới thiệt là Tứ cú kệ. Bằng chẳng phải vậy, sao Lục Tổ lại giải Tứ cú kệ là: "Ngã nhơn chóng dứt, vọng tưởng mau trừ ", dứt lời liền thành Phật!

Ví bằng kệ ấy mà truyền miệng đặng, chỉ dạy đặng dùng thông minh mà suy nghĩ đặng; thì Phật ta là Thầy cõi Thiên nhơn, ở thế bốn mươi chín năm, thuyết pháp cho cả chúng sanh, đến ba trăm năm mươi độ; còn trong kinh này đến mười bốn chỗ nói Tứ cú kệ, so lại không chỉ bảo cho rõ ràng đoạn đích? Có phải Phật ta tiếc chi mấy lời nói mà không thuyết pháp đâu? Cũng bởi e cho người chấp lấy ngón tay làm mặt nguyệt, luống nề có theo câu CHẾT trong kinh mà không lo hồi quang phản chiếu câu SỐNG của tự mình.

Vả lại Phật ta còn không dám chấp trước mà chỉ dạy thay hướng chi lài ? Ta sở dĩ nói câu sống đây là: Sanh tử thoát ngoài vòng, Thánh phàm đứng dưới gió. Trong chỗ nhứt dụng thường hành, chữ chữ phóng quang, đầu đầu hiện rõ, vốn không một điểm bút mặc nào mà ó đặng. Dầu kẻ có tài nghe rồi liền hiểu cũng phải ngẩn ngơ, hướng chi là những hạng kiến thức hẹp hòi, mà phân biệt phải quấy cho đặng! Duy có độ lượng hơn người mới biết đặng cái lỗ mũi vốn là ở trước mặt.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Chứa báu cả tam thiên, Đặng đem chuông phước điền.

Chỉ gây nhân trực lậu, Chẳng khỏi cõi nhân thiên.

Dùng Tứ cú trì tụng, Với Chư Phật tạo duyên.

Biển vô vi muốn tới, Thuyền Bát Nhã mau lên.

Vua Huyền Tông giải: Tam thiên trân bảo tuy nhiều, hưởng hết phải mang sanh diệt.

Tứ cú kinh văn vẫn ít, tỏ rồi chứng quả Bồ đề.

Bách Trọng Thiên sư giải: Nhân, nhĩ, tỹ, thiệt, mỗi mỗi bằng chẳng tham nhiễm cả thầy các pháp, mới gọi là thọ trì Tứ cú kệ, cũng gọi là Tiên nhơn trong bốn quả, mà cũng gọi là bực La Hán đặng Lục thông.

Bằng hay Thọ trì Tứ cú kệ công đức lớn hơn phước bố thí bảy báu đầy cả Đại thiên kia.

Trần Hùng giải: Kinh Tam muội có nói: "Cả thầy Phật pháp đều thâu lại ở trong "Tứ cú kệ". Cho nên ngộ đặng cũng không phải tại học chữ nghĩa cho nhiều, chỉ trong nhứt niệm mà tỏ ngộ thiệt đế thì mới thông thấu Thiên tánh đặng.

Bằng có người sốt sắng tu hành: Để lòng thì khẩn khẩn giữ lâu không nản, còn nói ra thì ai nấy cũng đều thông. Người như vậy chẳng phải là giác tánh riêng cho một mình mình mà thôi, mà cũng giác tánh cho cả muôn triệu người nữa; công đức ấy không phải lớn sao? Sánh lại thì hơn phước đức của bảy báu đó rất nhiều.

Lý Văn Hội giải: Thọ trì là thân, khẩu, ý đều thanh tịnh.

Hiểu thấu nghĩa kinh, làm theo lời dạy, ví như thuyền vượt biển, không chỗ chẳng thông; ấy cũng kêu là thọ trì. Đã không hiểu nghĩa kinh mà lại thêm giải đãi, lòng miệng khác nhau, ví như thuyền vào xẻo nhỏ, ắt phải trở ngại; ấy chẳng phải là thọ trì.

Tứ cú kệ, ông Xuyên Thiên sư có giải ở quyển chót trong phần Ứng Hóa Phi Chơn, đệ 32.

Trương Vô Tận giải: Phật là Vô thượng Pháp vương, lời vàng tuyên bá giáo thánh văn linh, bằng một phen đọc tụng thì đặng Chuyển pháp luân. Quý Dạ xoa truyền khắp hư không, thâu đến Tứ thiên vương, Tứ thiên vương tiếp đặng, đệ báo đến Phạm thiên, thông khắp mọi nơi tối sáng. Các vị Long thần đều ưa mến, ví như chiếu lệnh nhà vua truyền bố khắp trong hoàn vũ, ai dám chẳng tuân? Công đức tụng kinh rất oai nghiêm thế ấy.

Bằng chỉ lưu hình thức mà không dụng tinh thần, ngoài lạng lẽ mà trong xao động, tầm hàng đếm chữ mà thôi, thì có khác nào: Chim hót xuân, ve ngâm hạ, dầu có tụng cả muôn ngàn biến, cũng không ích gì.

Ông Trì Dương Hương San cậy ông Thiên sư sai một ông Tăng qua Đại Thông Trấn cầu kinh nơi nhà họ Trần, có làm bài tụng:

Văn lạ nghĩa nghi tìm thấu lý,

Chớ lâu đời cứ giùi trong giấy,

Xem kinh phải dụng lực xem kinh,

Thường thấy xem kinh duy mắt thấy.

---o0o---

45.-ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhứt thể chư Phật cập chư Phật A nậu đa la tam miệu tam bồ đề pháp, giai tùng thử kinh xuất.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Cả thầy chư Phật với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều do nơi kinh này mà ra.

Giải : Sớ Sao giải: Trong kinh nói: "Chư Phật ba đời và cả thầy diệu pháp A nậu Bồ đề đều bởi kinh này mà ra", là tỏ cái công quả trì kinh đã mãn, cho rõ nghĩa của bài trước.

Lại Tâm Kinh có nói: " Chư Phật ba đời bởi nhờ pháp Bát Nhã Ba la mật đa mà đặng quả A nậu Bồ đề, cũng đồng nghĩa ấy".

Lại Trung Quốc sư có nói: Kinh này ví như đại địa, vật chi chẳng phải bởi đất mà sanh? Chư Phật chỉ tại cái tâm, pháp nào chẳng phải bởi tâm mà lập? Cho nên nói: "Đều bởi kinh này mà ra".

Vương Nhựt Hưu giải: A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề là chơn tánh - Nhứt thiết chư Phật A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề là pháp của chư Phật cầu Chơn tánh.

Hà dĩ cố : là Phật tự hỏi "Bởi có sao mà thọ trì giảng giải kinh này lại đặng phước đức nhiều hơn phước đức bồ thí bảy báu đây cả tam thiên thế giới kia?". - Lại tự đáp: "Cái pháp cầu chơn tánh của cả thầy chư Phật đều bởi kinh này mà ra". Vậy thì công đức của kinh này thiệt rất lớn không cùng không tốt.

Nhan Bính giải: Hà dĩ cố nhứt thiết chư Phật v.v... là Đại Tạng kinh và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư vị cổ Phật, đều bởi kinh này mà ra - Thử kinh là ngoài ra không còn kinh nào nữa.

Tăng Nhưặc Nột giải: Giai từng thử kinh xuất là chẳng phải chỉ câu văn lời nói trong kinh này mà chỉ là cái thiết tướng Bát Nhã, tức là cái tâm. Cái tâm ấy làm tánh thể cho khắp cả các pháp. Tự mình nhứt niệm thì sanh ra cả thầy các pháp.

Lý Văn Hội giải: Phước đức không tướng sanh ra Ứng thân Phật; trí huệ không tướng sanh ra Chơn thân Phật, là nói bởi trong cái tâm của tự mình xuất sanh ra pháp Bồ đề.

Xuyên Thiên sư giải: Nói thử coi, kinh này ở đâu mà ra?

Trên đỉnh Tu Di, giữa giòng đại hải chẳng?

Tụng:

Phật Tổ ban ơn mới dụng quyền,

Lời lời ghi chép để tuyên truyền.

Kinh này tông chỉ là vô tướng.

Ở giữa không trung vượt thiết thuyền.

Mà đừng có hiểu lầm đa!

---000---

46.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Sở vị Phật Pháp giả, tức phi Phật Pháp.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Gọi là Phật Pháp ấy, nhưng chẳng phải Phật Pháp.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Sở vị Phật pháp là cái pháp A nậu đa la tam miệu tam bồ đề của bài trên nói đó.

Phật e cho người nê cố rằng có Phật Pháp, cho nên nói: "Phật Pháp chẳng phải có Phật Pháp chơn thiệt, chỉ cưỡng danh là Phật Pháp vậy thôi. Là bởi Phật Pháp xưa nay vốn không hề có, chỉ mượn đặt mà khai ngộ cho chúng sanh, chớ đối với bản tánh thì không chi là chơn thiệt cả".

Lục Tổ giải: Như Lai nói "Phật", khiến cho người giác, nói "Pháp", khiến cho người ngộ. Bằng không giác ngộ, còn chấp Phật Pháp ở ngoài, thì không phải là Phật Pháp.

Nhan Bính giải: Sở vị Phật Pháp tức phi Phật Pháp là nói rồi liền bỏ.

Lý Văn Hội giải: Hai bực thừa chấp trước các tướng cho là Phật Pháp, nên mới tầm cầu ở ngoài.

Văn Thù Sư Lợi giải: Cả thầy chúng sanh ngu mê điên đảo chẳng biết giác ngộ. Và lại các pháp tu hành đều chẳng lìa khỏi thân mình. Bằng theo ngoài thân mà tu hành, hẳn không phải lẽ.

Bồ Tát đối với cả thầy Phật Pháp, đều không chấp trước, mà cũng chẳng lìa bỏ; thấy như không thấy, nghe như không nghe, tâm cảnh vắng lặng tự nhiên thanh tịnh. Cho nên nói: "Phật Pháp nhưng chẳng phải Phật Pháp".

Người hiểu đạo đã > giác ngộ< rồi thì biết các tướng đều không. Chỉ phải dùng vị sở đắc tri giải¹⁰⁵ làm phương thuốc hay, mới trị cái tâm bệnh vọng tưởng chấp trước đặt, thì tâm địa tự nhiên điều phục, không còn chi quái ngại nữa.

Xuyên Thiên Sư giải: Đem táo ngọt đổi bầu đắng của người.

Tụng:

Phật pháp không pháp,

Hay tha hay đoạt.

Có phóng có thu.

Có sanh có sát.

Nơi giữa mi gian phóng bạch hào.

Người ngu còn đợi hỏi Bồ Tát.

---o0o---

CHƯƠNG CHÍN

47.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Ý ông vân hà? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm: "Ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ?". Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu Đà Hoàn danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập: Bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu Đà Hoàn" ¹⁰⁶.

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Tu Đà Hoàn có tướng như vậy: "Tướng mình đặng quả Tu Đà Hoàn chăng?". Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Không thể đặng. Bởi có sao? - Bởi Tu Đà Hoàn, kêu là quả Nhập Lưu, nhưng không chỗ nhiễm (nhập) là chẳng nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên gọi là Tu Đà Hoàn".

Giải : Trần Hùng giải: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán là bốn quả. A La Hán là bực nhứt trong cả thảy hạng hàm phu. Phật bảo ông Di Lặc Bồ Tát, trong kinh Pháp Hoa đã thường nói: Bảo ông Đại Huệ Bồ Tát, trong kinh Lăng Già cũng đã thường có nói.

Trong kinh Đại Niết Bàn Phật có nói: "Bằng thầy Tỳ Khưu nào muốn đựng quả Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì phải cầu tu tập hai pháp: Xa ma tha và Tỳ bà xá na.

Trong kinh Đại Bát Nhã có nói: Quả Dự Lưu, quả Nhứt Lai, quả Bất Hườn, quả A La Hán, cũng như đây nói bốn quả vậy.

Lại nói: Lúc tu hành, pháp Bát Nhã Ba la mật không nên chấp trước, quả Dự Lưu, quả Nhứt Lai, quả Bất Hườn, quả A La Hán, hay là thấy bốn A La Hán ấy đắc quả, mà không có sanh lòng "sở đắc".

Nay Phật ta e bốn quả A La Hán ấy, chẳng biết lấy sự vô niệm làm tông, mà manh lòng sở đắc, cho nên lập bốn điều hỏi: "Có tướng cho mình đựng quả, đựng đạo chăng?". Ông Tu Bồ Đề đều đáp "không"; rồi lại biện luận đựng mà hình dung thiệt lý của cái "sở đắc".

Vả lại Nhập Lưu là mới nhập vào lưu của bậc Thánh nhơn.

Tu Đà Hoàn đã chứng đựng quả Nhập Lưu, nên gọi là Nhập Lưu, mà lòng không "sở đắc", nên nói: "Không chỗ nhập". Sở dĩ nói không chỗ nhập đó, là không nhập cái cảnh giới của lục trần.

Nên nói: Tu Đà Hoàn.

Lý Văn Hội giải: Phật hỏi quả thứ nhứt: Tu Đà Hoàn đó, là biết thân là vọng, muốn thấu lý vô vi, dứt trừ cái tướng chấp trước nhơn ngã, dùng lòng không chấp, hợp với lý không "sở đắc". Không chấp thì lòng không, không sở đắc thì lý tịnh; tuy vậy mới bỏặng phiền não thô trọng, chớ chưa dứt hết phiền não vi tế. Quả ấy khỏi đọa vào A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Ấy là quả trước nhứt của người học đạo.

Tiêu Diêu Ông giải: Phiền não là cội gốc của Bồ đề, bằng người tỏ thấu mà luyện tập, thì đựng cái pháp xuất thế gian; ví như gò cao đất nông, thì không sanh bông sen đặng vì bông sen chỉ sanh nơi đất bùn, đất ướt mà thôi.

Lại nói: Chớ cho phiền não làm hao kém lòng Bồ đề, ví như mặt nhật, mặt nguyệt ẩn trong mây khói, mà vẫn không hao kém, châu ngọc rớt nơi bùn lầy, mà cũng chẳng ố nhơ, không sợ phiền não ngăn ngại, chỉ lo gìn giữ lòng Bồ đề.

Nhập Lưu là bỏ phàm nhập Thánh, là mới vào bực Thánh.

Nhi vô sở nhập là tu cái nghiệp vô lậu, không nhiễm sáu trần, nhưng mà chưa lìa khỏi cảnh trần đặng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Mới bỏ phàm vào Thánh. Bớt phiền não tế vi.

Trừ xong lòng hữu ngã, Lên tới nẻo vô vi.

Thân trước gây nhân quả, Ngày nay biết ghét chê.

Nhơn thiên chuyển bảy kiếp, Ưa thù tịnh quên về.

Bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là nhàm chỗ ồn ào, tìm nơi thanh vắng; nhưng cảnh sáu trần hãy còn tưởng niệm. Sở dĩ nói không nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là vậy.

Viên Ngô Thiên sư giải: Nghiệp duyên chưa dứt, thì đối với cảnh đời còn biết bao là điều giao thiệp! Xử cảnh ấy, phải làm làm sao cho có rỗng rang thanh thang mới đặng. Người đời đều phải tùy theo duyên phận, bắt tất lánh chỗ ồn ào tìm nơi thanh vắng? Chỉ làm cho trong không ngoài thuận, tuy ở chốn náo nhiệt nhộn nhạo, cũng điềm nhiên an ổn; xảy có mảy may gì còn sai suyển thì ắt không thể nào làm đặng.

---o0o---

48.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Ý vân hà? Tư Đà Hàm năng tác thị niệm: "Ngã đắc Tư Đà Hàm quả phủ?". Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? - Tư Đà Hàm danh Nhứt Vãng Lai, nhi thiết vô vãng lai, thị danh Tư Đà Hàm".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Tu Đà Hàm có tướng như vậy: "Tướng mình đặng quả Tu Đà Hàm chăng?". Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Không thể đặng". Bởi có sao? - Bởi Tu Đà Hàm, kêu là quả Nhứt Vãng Lai, nhưng thiệt không cái tướng Vãng Lai, nên gọi là Tu Đà Hàm".

Giải : Triệu Pháp sư giải: Nhứt Vãng Lai là một kiếp sanh cõi người, rồi mới đặng vào Niết bàn, cho nên nói: Quả Nhứt Vãng Lai. Nhi thiệt vô vãng lai là khi chứng quả vô vi, chẳng còn chấp tướng vãng lai nữa.

Lục Tổ giải: Tu Đà Hàm kêu là quả Nhứt Vãng Lai, là sanh về cõi Trời, rồi phải sanh xuống cõi người, chừng chết ở cõi người lại trở sanh về cõi Trời.

Cõi Dục giới có chín điều "tư hoặc" (lâm tướng) đã dứt đặng sáu điều, nên nói: Quả Tu Đà Hàm.

Bực Đại thừa Tu Đà hàm, mắt thấy các cảnh, lòng còn có một lần sanh diệt, chớ không có hai lần, cho nên nói: Quả Nhứt Vãng Lai.

Vương Nhựt Hưu giải: Nhứt Vãng Lai là cái sắc thân chỉ có một lần qua lại cõi Trời cõi người, còn cái chơn tánh vẫn khắp cả hư không, thế giới, đâu có chi là qua lại! Cái sắc thân qua lại đó chẳng phải là chơn thiệt, chỉ cưỡng danh là qua lại, cho nên nói: "Thiệt không có qua lại".

Trần Hùng giải: Nhứt Vãng Lai là một lần lên cõi Trời, một lần lại cõi người, rồi không trở lại thế gian nữa.

Tu Đà Hàm đã chứng đặng quả Nhứt Lai nên nói: Nhứt Vãng Lai.

Vả lại, lòng không chấp cái sở đắc, mà cũng không còn tướng sanh diệt; nên nói: Tu Đà Hàm.

Lý Văn Hội giải: Quả thứ hai: Tu Đà Hàm, là tu hành tinh tấn, tu nghiệp Vô lậu, niệm niệm không chấp cảnh giới sáu trần, nhưng cái tâm chưa đặng trọn rỗng rang thanh tịnh.

Nhứt Vãng Lai là Báo thân mãn rồi lại phải sanh về cõi Trời một lần nữa.

Thiệt vô vãng lai là niệm trước xảy vọng, niệm sau liền giác, thiệt không có lòng chấp là đắc quả, mà lòng đã không "ta", đâu còn qua lại, cho nên nói: "Thiệt không cái tướng qua lại".

---o0o---

49.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Ý y vân hà? A Na Hàm năng tác thị niệm: "Ngã đắc A Na Hàm quả phủ?". Tu Bồ Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? - A Na Hàm danh vi Bất Lai, nhi thiệt vô Bất Lai, thị cố danh A Na Hàm".

NGHĨA:

"Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? A Na Hàm có tướng như vậy: Tướng mình đặng quả A Na Hàm chăng?". Tu Bồ Đề bạch Phật "Bạch đức Thế Tôn ! Không thể đặng. Bởi có sao? - Bởi A Na Hàm, kêu là quả Bất Lai, nhưng không chấp cái tướng Bất Lai; nên gọi là A Na Hàm".

Giải : Tăng Nhược Nột giải: A Na Hàm : là Bất Lai. Đã dứt sự tư hoặc của cõi Dục giới, không sanh về cõi ấy nữa cho nên nói: Bất Lai.

Nhi thiệt vô Bất Lai : là không chấp cái tướng Bất Lai.

Trần Hùng giải: Bất Lai là không trở lại sanh ở cõi Dục giới nữa.

A Na Hàm đã chứng đặng quả Bất Lai nên nói: Bất Lai. Và lại lòng không có "sở đắc", mà cũng không còn tướng Bất Lai, nên nói A Na Hàm!

Lý Văn Hội giải: Quả thứ ba A Na Hàm là đã tỏ nhơn, pháp đều không, tiệt tu hạnh tinh tấn, niệm niệm không thối chuyển cái lòng Bồ đề.

Danh vi Bất Lai là đã diệt trừ đặng. Trong không lòng dục, ngoài không cảnh dục; đã lìa cõi Dục giới không còn sanh trở lại nữa, nên nói: "Bất Lai".

Trong lòng vắng lặng không "ta", không còn có tướng Bất Lai cho nên nói: "Thiệt không chấp tướng Bất Lai".

Xuyên Thiên Sư giải: Các điều (làm) không thường, cả thấy đều khổ.

Tụng:

Ba vị Thịnh Văn thoát nghiệp trần.

Tới lui tìm đạo có sơ thân.

Rõ ràng bốn quả nguyên không quả,

Hóa độ thân không tức Pháp thân.

---o0o---

50.-ÂM:

Tu Bò Đề! Ư ý vân hà? A La Hán năng tác thị niệ: "Ngã đắc A La Hán đạo phủ?". Tu Bò Đề ngôn: "Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? - Thiết vô hữu pháp danh A La Hán". Thế Tôn! Nhực A La Hán tác thị niệ: Ngã đắc A La Hán đạo, tức vi trước ngã, nhơn, chúng sanh thọ giả".

NGHĨA:

Tu Bò Đề! Ý ông thế nào? - A La Hán có tướng như vậy: "Tướng mình đặng đạo A La Hán chăng?". Tu Bò Đề bạch Phật : "Bạch đức Thế Tôn ! Không thể đặng. Bởi có sao? Bởi thiết không có pháp chi, kêu là A La Hán cả".

Bạch đức Thế Tôn! Nếu A La Hán mà có tướng như vậy: "Tướng mình đặng đạo A La Hán, tức là trước tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả".

Giải : Tạ Linh Vận giải: A La Hán : là Vô Sanh, không còn thân tướng, không còn sanh nữa; nên nói: Vô Sanh. Bằng có lòng tướng niệ thì còn có tướng ngã, nhơn.

Có lời chú giải như vậy: "Quả A La Hán, sanh đã hết, hạnh đã lập, công việc đã xong, chẳng có hậu hữu nữa. Đối với các tướng các pháp, thiết không có cái "sở đắc", lại cũng không sanh về ba cõi nữa, cho nên nói: Bất Sanh".

Tăng Nhực Nột giải: A La Hán gồm có ba nghĩa: 1. Dứt hết phiền não nghi hoặc; 2. Hậu thân chẳng còn sanh nữa; 3. Đáng chịu cho nhơn thiên cúng dường. Lại cũng gọi là quả Vô học.

Từ Sơ quả cho đến quả A La Hán, cũng đều chứng cái thể vô vi ấy, chớ không còn riêng có pháp chi cả. Bởi không còn chấp bỏ, cho nên mới có mấy lần nói "thiệt không" đó.

Lại nói: Bằng A La Hán có đầy lòng tưởng rằng "đắc quả", thì còn có sự lỗi về chấp trước tướng ngã nhỏ.

Trần Hùng giải: Các lậu nghiệp đã hết, không còn phiền não nữa, nên nói: A La Hán.

A La Hán chỉ làm theo cái pháp sẵn có, là pháp Bát Nhã Ba la mật mà đắc đạo; bằng tự có pháp chi, thì hẳn chưa dứt lòng "sở đắc", đâuặng xưng là quả ấy. Cho nên nói: Thiệt không có pháp chi gọi là A La Hán cả".

Kinh Pháp Hoa có nói: "Đối với các pháp không nhiễm, cũng chứng đặng quả A La Hán", là vậy đó.

Từ quả Tu Đà Hoàn cho đến A La Hán, từ đắc quả cho đến đắc đạo, cứ theo thứ lớp mà tu, thì đạo Vô thượng Bồ đề, cũng có thể theo thứ lớp mà đến đặng.

Nhan Bính giải: Tu theo bốn quả ấy, kêu là Tứ bất hườn.

Tu Đà Hoàn danh vi Nhập Lưu là tùy thuận thể tình - Nhi vô sở nhập là bỏn tánh vốn không, cho nên nói: Ở trần chẳng nhiễm trần - Tu Đà Hàm, danh Nhứt Vãng Lai là sắc thân tuy có qua lại, mà Pháp thân lặng lẽ chẳng động; thiệt không có qua lại.

A La Hán danh vi Bất Lai là đã dứt sanh tử- Nhi thiệt vô Bất Lai là cưỡng danh là Bất Lai, chớ thiệt không có chi động tịnh - A La Hán năng tác thị niệm ngã đắc A La Hán đạo là còn trước tướng.

Thiệt không có pháp chi, chỉ cưỡng danh là A La Hán vậy thôi.

Trần Hùng giải: Thế Tôn là kêu; Thế Tôn đặng khởi sự hỏi. Niệm là lòng móng tưởng (vọng niệm).

Ông Tu Bồ Đề bạch đức Thế Tôn: "Bằng A La Hán có tướng cho mình đắc đạo, là manh lòng "sở đắc" thì bốn điều trước tướng sai lầm đó, không chi là

không làm. Cho nên nói: "Phải bị trước tướng ngã, nhờn, chúng sanh, thọ giả".

Lý Văn Hội giải: Quả thứ tư A La Hán là ông Tu Bồ Đề đã đặng quả ấy, vì các nghiệp lậu đã hết, không còn sự phiền não - Thiết vô hữu pháp là có phiền não đâu mà dứt, có tham sân đâu mà bỏ; tình không thuận nghịch, cảnh trí đều quên, đâu có lòng chi hòng chấp là đắc quả! Lòng ta đã không, thì không có tướng mình là "đắc đạo". Bằng tướng có chỗ đắc đạo, có chỗ đắc pháp, ấy là hạnh của kẻ phàm phu, thì phải còn chấp tướng về ngã, nhờn, chúng sanh, thọ giả.

---o0o---

51.-ÂM:

Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc vô tránh tam muội, nhờn trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất, ly dục A La Hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệm: Ngã thị ly dục A La Hán.

NGHĨA:

Bạch đức Thế Tôn! Phật nói con là người đặng pháp vô tránh tam muội, thiết đứng bực nhất, mà cũng là bực ly dục A La Hán thứ nhất nữa. Bạch đức Thế Tôn! Con chẳng tưởng như vậy : Tôi mới phải bực ly dục A La Hán.

Giải : Lục Tổ giải: Tam muội : là chánh thọ, hay là chánh kiến: Là khỏi chín mươi lăm thứ tà kiến là chánh kiến.

Vương Nhựt Hưu giải: Tam muội hay là Tam Ma Địa, hay là Tam Ma Đề là Chánh định, hay là Chánh thọ, là cách tư tưởng của pháp nhập định. Chánh định là pháp chánh của nhập định- Chánh thọ là trong khi định phải tư tưởng một cái cảnh giới, mà chẳng phải là vọng tưởng, cho nên nói: Chánh thọ. Người đời chẳng biết lý ấy, lại cho pháp tam muội là cái lý thú hay, nên thấy ai hay về nghề điểm trà thì kêu là điểm trà tam muội, còn hay về nghề giảng đọc lại kêu là giảng đọc tam muội, đều là chẳng biết chỗ khởi duyên, nên vọng sanh mà đặt tên như thế.

Trong hạng người đặng pháp Tam muội duy có ông Tu Bồ Đề là bực nhất.

Tăng Nhưặc Nột giải: Vô tranh, trong kinh Niết bàn có nói: Ông Tu Bồ Đề trụ chỗ hư không.

Bằng có chúng sanh nào chẳng ưa ta đứng, thì ta trọn ngày ngồi hoài chẳng dậy, còn chẳng ưa ta ngồi, thì ta trọn ngày đứng mãi không dòi; một niệm chẳng dậy, các pháp không tranh.

Tam muội là đặng cái chỗ nhiệm màu của lý vô tranh, đứng bực nhứt trong hàng đệ tử.

Lý Văn Hội giải: Tam muội : là chánh định; niệm niệm không sanh diệt, gọi là chánh định. Cho nên nói: Trong hạng người tam muội thiết là đứng bực nhứt.

Ly dục A La Hán: là hay lia bỏ cả thấy pháp, mà lòng cũng không có chấp rằng Ly dục; bốn tướng vi tế thấy đều dứt hết, chẳng sanh lòng tham nhiễm; cho nên nói: Ly dục.

Lại nói: Cái lòng "không ta" đã vắng lặng, chẳng còn tướng như vậy: "Ta Ly dục", "ta đắc đạo". Bằng tư tưởng như thế, thì lòng còn sanh diệt, chẳng đặng gọi là bực Ly dục A La Hán.

Xuyên Thiên sư giải: Năm chặt thì mây che cửa động, lỏng buông thì trăng lặn vực trong.

Tụng:

Nói ngựa hà tăng ngựa,

Kêu, trâu vị tất trâu.

Hai bên đều bỏ hết,

Trung đạo lại còn đâu.

Chim hót bay xa trời sáu cửa!

Kiền khôn tự tại khó tìm cầu.

---o0o---

52.-ÂM:

Thế Tôn! Ngã, nhược tác thị niệ: Ngã đắc A La Hán đạo, Thế Tôn tức bất thuyết Tu Bồ Đề thị nhạo A Lan Na hánh¹⁰⁷ giả. Dĩ Tu Bồ Đề, thiết vô sở hành, nhi danh Tu Bồ Đề thị nhạo A Lan Na hánh" (1).

NGHĨA:

Bạch đức Thế Tôn! Bằng con có tưởng như vậy: Con đặng đạo A La Hán, thì đức Thế Tôn chẳng có nói Tu Bồ Đề này ưa làm theo hạnh A Lan Na. Bởi Tu Bồ Đề này, thiết không có làm cái chi, mới gọi là Tu Bồ Đề, ưa làm theo hạnh A Lan Na cho.

Giải : Tăng Nhược Nột giải: A Lan Na : là Vô tranh. Ông Tu Bồ Đề có nói: "Đức Thế Tôn tuy xưng tán Ta, nhưng Ta thiết không tưởng như vậy; bằng Ta có tưởng như vậy, thì đức Thế Tôn chẳng chịu nhận cho Ta là đặng cái hạnh Vô tranh bực nhưt".

Lại nói: Lìa sự tham dục của ba cõi, chúng đặng đạo pháp của bốn quả, thấu lý Vô tranh tam muội, mới đặng gọi là Tu Bồ Đề; bởi chữ Tu Bồ Đề là Không Sanh cho nên nói: "Ưa làm theo hạnh lành A Lan Na. Bằng chấp trước có chỗ làm thì không phải là hạnh Vô Tranh".

Trần Hùng giải: Tam muội là Chánh thọ, hiểu lý Vô sanh nhĩn, ưa sự vui vắng lặng, là bực Vô tranh tam muội.

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

"Còn tranh còn sanh tử

Không tranh tức Niết bàn".

Lục Tổ có kệ rằng:

Tranh là lòng thắg phụ,

Trái với lý hành đạo.

Trước tướng đã sanh tâm,

Tài nào đặng tam muội.

Ông Tu Bồ Đề đã chứng đặng cái lý màu nhiệm không tướng của chơn không đặng sáu muôn pháp Tam muội, mà pháp Vô tranh tam muội lại là đúng hơn hết.

Dùng sức Tam muội mà siêu thoát ra khỏi ngoài vật cảnh, chẳng bị vật cảnh nó dắt dẫn dắt xô; vậy mới đáng cho là Ly A La Hán bực nhất.

Ông Tu Bồ Đề lại hỏi đức Thế Tôn: "Tôi chẳng có tướng như vậy" thì đủ biết cho ông không còn lòng "sở đắc".

Lại nói Ông Tu Bồ Đề e đại chúng chẳng biết bỏ lòng "sở đắc" nên mới câu hỏi đức Thế Tôn đến ba bốn phen.

Ngã là Tu Bồ Đề tự xưng, Tu Bồ Đề cũng là ông tự xưng - Nhạo là ưa - Nói "Nhạo A La Hán" là người ưa làm hạnh Vô tranh.

Vả lại manh động ở lòng là niệm, còn làm ra công việc là hành. Có làm công việc ấy, thì có hạnh ấy, có hạnh ấy thì bỏ cái "sở đắc" ấy. Ông Tu Bồ Đề đặng Vô tranh tam muội là bởi có hạnh ấy vậy.

Vả chẳng, nói: "Vô sở hành" là bởi lòng không "sở đắc". Có hạnh ấy mà lòng không "sở đắc", thiệt rất đáng cho đức Thế Tôn xưng tặng cho là ưa làm theo hạnh A Lan Na.

Nhan Bính giải: Bằng A La Hán còn vọng niệm, còn tướng "sở đắc" thì bị trước bốn tướng.

"Phật thuyết: Ngã đắc Vô tranh Tam muội hơn trung "Vô tranh" là tánh Phật bao hàm cả Đại thiên thế giới, không có đấu tranh.

Tam muội : là chánh kiến, là bực nhất trong hạng người thường, và không có đua tranh - Thị đệ nhất ly dục A La Hán đã dứt hết lục dục - A Lan Na hạnh là không có cái hạnh ngã hơn - Thị nhạo A Lan Na hạnh là tốt thâu bốn tánh vắng lặng rạo rít, thiệt không có cái sở hành. Sở hành gọi "là hạnh", nhạo là ưa.

Lý Văn Hội giải: A Lan Na: vô tranh. Nếu lòng còn tưởng như vậy là lòng còn sanh diệt tức còn tranh đấu - Tu Bồ Đề thiết không có cái sở hành là không sanh diệt. Bởi vậy, Phật mới khen ông, là ưa theo hạnh A Lan Na.

Bách Trọng Thiên sư giải: Nếu bây giờ, mà cả thầy các pháp, còn dính lưu mảy may trong tạng phủ, thì chẳng siêu thoát ra khỏi vòng cho đặng; bằng sanh lòng động niệm có "sở cầu", "sở đắc", thì thành ra con giã can.¹⁰⁸

Còn trong lòng không có "sở cầu", "sở đắc", thì người ấy không sanh các điều dữ, không chấp tướng ngã như, ấy là nhét hòn núi Tu Di vào trong hột cải.

Chẳng khởi cả thầy tham sân, thì uống nước của bốn biển cả mới đặng.

Chẳng đem những câu chuyện mừng giận vào lỗ tai, đối với cả thầy các cảnh không làm lỗi rối loạn, không giận giữ, mừng vui, dứt bỏ, thâm thập cho đặng thanh tịnh; ấy là người vô sự. Đặng như vậy thì hơn cả thầy những ông Tăng tri giả, tinh tấn; đáng cho là có thiên nhãn, có Pháp giới tánh, xe chở nhân quả. Phật ra đời hóa độ chúng sanh.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Không sanh thì không diệt, Không ngã ắt không
nhơn.

Dứt đặng nhân phiền não, Trừ luôn nghiệp hậu thân.

Cảnh tâm đều tịch tịnh, Quyết định khỏi tham sân.

Trí mọn khôn bi mẫn. Tự mình dưỡng tánh chơn.

Xuyên Thiên sư giải: Chiêu đối với lời nói trước thì lại không hạp.

Tụng:

Bụng sò ả ngọc xanh,

Kẹt đá vùi châu đỏ.

Có xạ tự nhiên thơm,

Cần chi đứng trước gió.

Sanh nhai coi lại tợ hồ không.

Ứng dụng đầu đầu đều sẵn có.

---o0o---

53.-ÂM:

Phật cáo Tu Bồ Đề: "U ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở; ư pháp, hữu sở đắc phủ?" - "Phất dã, Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thiết vô sở đắc".

NGHĨA:

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Ý ông thế nào? Như Lai thưở trước ở chỗ Phật Nhiên Đăng; pháp có chỗ chi đặng chăng?".

"Bạch đức Thế Tôn ! Không. Như Lai khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thiết không có chỗ chi đặng pháp cả".

Giải : Lưu Đầu giải: Thuở Như Lai còn làm Bồ Tát, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với cái pháp rốt ráo không có chỗ chi mà đặng, ấy là nói không chấp trước.

Lục Tô> giải: Phật Nhiên Đăng là thầy thọ ký của Phật Thích Ca Mâu Ni, nên mới có câu hỏi ông Tu Bồ Đề: "Khi ta ở chỗ thầy ta mà nghe pháp, vậy có đặng pháp chi chăng?".

Ông Tu Bồ Đề vẫn biết cái pháp là nhờ thầy chỉ dạy, nhưng thiết không có chi mà đặng; chỉ tỏ tự tánh nguyên lai là thanh tịnh, vốn không một mảy trần lao, vắng lặng mà thường quang chiếu ắt tu thành Phật. Cho nên biết đức Thế Tôn khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, cái pháp thiết không có chi mà đặng cả.

Vương Nhục Hưu giải: Như Lai : là Phật tự xưng - Tích là thuở xưa - Nhiên Đăng là Phật Đỉnh Quang là Bồn sư của Phật Thích Ca.

Trần Hùng giải: Tám vị Vương tử đều học với Phật Diệu Quang, đặng thành đạo Phật, mà vị Phật sau rốt hết là Phật Nhiên Đăng; 16 vị Vương tử đều xuất gia làm Sa Di; đều đặng huệ của Phật, mà vị Phật sau rốt hết là Phật Thích Ca Mâu Ni.

Phật Nhiên Đăng là thầy thọ ký của Phật Thích Ca. Ngài nhờ thầy chỉ dạy, đặng pháp Vô thượng Bồ đề làm đặng một vị Pháp Vương của đạo Thích, mà cái pháp lại không có chỗ chỉ đặng hay sao. Duy tại không chấp cái chỗ chỉ đặng đó thôi.

Phật e các bậc Bồ Tát chưa dứt đặng lòng sở đắc nên lập lời hỏi ấy. Còn ông Tu Bồ Đề rất tỏ ý của Phật, nên đáp: "Chẳng đặng".

Vả lại, nói cái pháp, thiệt không có chỗ chỉ mà đặng, là bởi biết Như Lai vốn đặng tâm truyền.

Còn nói "thiệt" là để dứt lòng nghi của đại chúng.

Lý Văn Hội giải: Ư pháp hữu sở đắc phủ là Như Lai muốn phá lòng chấp trước của hai bậc thừa, cho nên mới hỏi lời ấy.

Ông Bạch Lạc Thiên có hỏi ông Xuyên Thiên sư: "Không tu không chứng, nào khác kẻ phàm phu?".

Đáp: "Phàm phu bị vô minh, hai bậc thừa còn chấp trước, khỏi hai bịnh ấy mới là chơn tu".

Người chơn tu chẳng cần năng, chẳng giải đãi; cần thì gần chấp trước, giải đãi thì đọa vô minh. Ấy là lẽ mầu nhiệm của cái tâm, mà cũng là pháp môn của người bắt đầu học đạo.

Ư pháp thiệt vô sở đắc là ông Tu Bồ Đề nói Như Lai tự tánh vốn là thanh tịnh, nên lúc Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng, cái pháp, thiệt không chỗ chỉ mà đặng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Trước xưng rằng Thiên Huệ, Nay hiệu gọi Năng Nhơn.

Xét kỹ duyên đều vọng, Suy ra thể chẳng chơn.

Tự như nào có quả, Thiệt lý hẳn không nhân.

Thọ ký đình ninh đó, Đâu hay bởi cữ thân.

Xuyên Thiên sư giải: Xưa đó, nay cũng đó.

Tụng:

Một tay chỉ thiên, Một tay chỉ địa.

May mảy chẳng xem, Đông Tây bốn phía.

Bình sanh đởm lượng lớn tà trời.

Day xích xí quần ma khiếp vía.

---o0o---

54.-ÂM:

" Tu Bồ Đề! Ý y vân hà? - Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ?". -
"Phát dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? . Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang
nghiêm thị danh trang nghiêm".

NGHĨA:

" Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ
chẳng?".

- "Bạch đức Thế Tôn ! Không.Bởi có sao? Bởi trang nghiêm Phật độ,
nhưng chẳng phải trang nghiêm, chỉ cưỡng danh là trang nghiêm".

Giải : Triệu Pháp sư giải: Ấy là nói tâm độ Phật liả tướng trang nghiêm.

Sớ Sao giải: Phật độ là diệu tánh của Phật là chơn tâm của chúng sanh. Tâm độ như vậy, nên cho là tướng hảo trang nghiêm chẳng?

Phát dã là ông Thiện Hiện lấy lý mà đáp.

Hỏi : "Thế nào là tâm độ không trang nghiêm? Thế nào là tánh không có tướng, thể đồng hư không? Còn trang nghiêm thế nào, mới gọi là trang nghiêm".

Đáp: Sáu độ, muôn hạnh: Bồ thí, giới, tinh, nhẫn, định, huệ, các môn ấy và cả thầy thiện pháp đều gọi là trang nghiêm.

Lại nói: "Nếu còn chấp đoạn kiến, thường kiến thì chẳng phải Tịnh độ".

Trong kinh nói: "Muốn tịnh Phật độ thì mới tịnh tâm, tịnh tâm tức là tịnh Phật độ".

Hỏi: Tâm thế nào là tịnh?

Đáp: Ngoài chẳng nhiễm sáu trần, trong không chấp ngã như, không chấp đoạn diệt, ấy là Tịnh độ.

Vương Nhựt Hưu giải: Bởi có sao? Đã là Bồ Tát mà còn nói trang nghiêm là làm sao? Là mỗi một Đại thế giới thì có một vị Phật hóa độ. Như thế giới này là chỗ của Phật Thích Ca hóa độ còn thế giới phương Đông là chỗ của Phật A Súc Bệ hóa độ vậy. Mỗi một đại thế giới thì có một vị Phật hóa độ, cho nên mỗi đại thế giới đều gọi là Phật độ.

Mà nói Bồ Tát trang nghiêm đó, là Bồ Tát ở trong Phật độ làm các việc tốt lành, để cải cách cho thế giới: cũng như đức Phật A Di Đà, thuở còn làm Bồ Tát, làm ra vô lượng việc tốt lành; nên nghiệp phước, duyên lành ấy cải cách thế giới đặng, như đại địa đều là vàng bạc, rừng cây lâu đài, đều là châu báu v.v.. cho nên nói: Trang nghiêm.

Phật lại tự hỏi: "Bởi có sao?". Bồ Tát nói mình phải trang nghiêm Phật độ cho thanh tịnh, là chẳng phải chơn thiệt? Rồi tự đáp: "Trang nghiêm Phật độ nhưng chẳng phải trang nghiêm, chỉ cưỡng danh là trang nghiêm"; là trong

chơn tánh chẳng có chi trang nghiêm; mà nói trang nghiêm đó là hư danh vậy thôi, bởi có một chơn tánh chơn thiệt, chớ không có chi chơn thiệt cả.

Trần Hùng giải: Kinh Duy Ma có nói: "Tùy cái lòng tịnh cõi Phật tịnh". Như vậy thì lòng ta thanh tịnh, tức là Phật độ trang nghiêm, chớ có cần chi những điều trang sức bề ngoài.

Cung điện bằng châu báu, lầu đài lại vẽ vờ đều là trang sức bề ngoài, ấy là trang nghiêm của kẻ phàm phu, chớ không phải trang nghiêm của bậc Bồ Tát.

Muốn biết trang nghiêm của bậc Bồ Tát, thì phải tìm cầu trong chỗ chẳng trang nghiêm, thì hẳn có đủ muôn hạnh trang nghiêm; cho nên nói: Trang nghiêm.

Lý Văn Hội giải:

Trang nghiêm Phật độ là cất chùa, viết kinh,

Bồ thí, cúng dường, ấy là trước tướng trang nghiêm, còn lòng thanh tịnh chẳng vọng ngoại cầu, tự tại, tùy duyên, không có chi "sở đắc", đi, đứng, nằm, ngồi, đứng với lý đạo. Cho nên nói: Trang nghiêm Phật độ.

Bàng Bà đang xem Tạng kinh, ông Duy Na xin hỏi nghĩa

hồi hương. Bàng Bà lấy cái lược ở phía trước đó, giắt lên đằng sau ót mà nói:

"Hồi hương đó đa!". Như thế thì cái tâm không còn chi là

"năng sở".

Nghiêm nghị không năng sở,

Diệt trừ tướng ngã nhơn.

Đoạn thường đều chẳng nhiễm.

Siêu xuất cõi trần huòn.

Xuyên Thiên sư giải: Cái khổ của mẹ đẻ, áo vải ông Thanh Châu.

Tụng:

Rửa ráy toàn thân sắc trắng phau,

Tranh hơn vẽ đẹp với hoa, lau.

Cửu cao sẵn chỗ làm chun đứng,

Đầu đỏ càng xinh lại hại nào?¹⁰⁹

---o0o---

55.-ÂM:

"Thị cô, Tu Bồ Đề! Chư Bồ Tát Ma ha tát ứng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ứng trụ sắc sanh tâm, bất ứng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh tâm, ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

NGHĨA :

"Bởi vậy. Nay Tu Bồ Đề. Các đại Bồ Tát nên sanh tâm thanh tịnh như vậy; chẳng nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên sanh tâm không chỗ chi trụ".

Giải : Sớ Sao giải: Ứng : là nên, là nói "nên sanh tâm thanh tịnh như vậy"; là Phật dạy sanh tâm chơn như không nhiễm.

Hỏi : Thế nào là sanh tâm thanh tịnh?

Đáp : Chẳng nên sanh tâm trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Lại Kinh Lăng Nghiêm có nói: "Bằng chuyển vật đặng thì đồng với Như Lai", kẻ phàm phu bị vật dục nó chuyển, còn Bồ Tát chuyển đặng vật. Chuyển đặng như vậy, cho nên nói: "Nên sanh tâm không có chỗ trụ".

Vương Nhựt Hưu giải: Bồ Tát Ma ha tát : là Giác chúng sanh, hay là Đại chúng sanh, kỳ thiết đều gọi là Bồ Tát cả - Như thị : là chỉ lại bài văn sau, là

chẳng nên sanh tâm trụ chỗ có hình sắc, mà cũng chẳng nên sanh tâm trụ chỗ có tiếng tăm, hơi hám, mùi vị, cảm xúc và cả thấy phương pháp nữa.

Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm : là chẳng nên sanh tâm trụ trước sáu trần, chỉ nên sanh tâm "không sở chỗ trước".

Chư Phật giáo hóa chúng sanh, có nghĩa bực nhứt và nghĩa bực nhì. Kinh này nói nghĩa bực nhứt, tuy rất cao mà dễ hiểu, nhưng vậy chớ không dễ gì mà thấu đáo chỗ ráo rột cho đặng. Còn pháp Tịnh độ tuy là nghĩa bực nhì mà mỗi người đều có gọi thể hành đạo đặng cả.

Phật nói tu Tịnh độ mà rõ nghĩa bực nhứt, đọc tụng kinh điển Đại thừa là bực "Thượng phẩm, thượng sanh" là bực Bồ Tát, thoát khỏi vòng sanh tử. Vậy thì người tu Tịnh độ chẳng nên chẳng hiểu nghĩa kinh này mà thọ trì đọc tụng, hầu có lên trên bực Thượng phẩm Thượng sanh?

Trần Hùng giải: Bồ Tát trang nghiêm đã chẳng phải là tại trang sức bề ngoài, thì hẳn nên cầu ở lòng ta. Nếu lòng mà thanh tịnh, lại còn trang nghiêm nào hơn nữa? Cho nên nói: "Nên sanh tâm thanh tịnh như vậy".

Phàm sanh tâm trụ trước vào sáu trần đều không phải là tâm thanh tịnh; Bồ Tát có nên như thế sao?

Vả chẳng, tâm của Phật vốn là thanh tịnh không tướng, đâu có chỗ chi mà trụ; Bồ Tát thọ giáo pháp của Như Lai cũng nên như thế. Cho nên nói: "Nên sanh tâm không có chỗ trụ". Đồng với câu : "Nên sanh tâm không có chỗ trụ" trong phần thứ mười bốn.

Phật nói về cái khổ của sáu trần, thường thường dùng sắc mà nói trước, rồi kể đó mới nói thanh, hương, vị, xúc, pháp thì càng thấy tướng sáu trần duy cái sắc là thể tình dễ mê nhiễm hơn hết.

Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ vừa đến câu: "Nên sanh tâm không có chỗ trụ"; dứt lời Lục Tổ liền tỏ ngộ mà nói: "Nào dè tự tánh vốn là thanh tịnh; nào dè tự tánh vốn không sanh diệt, nào dè tự tánh vốn đã sẵn đủ; nào dè tự tánh vốn không lay động".

Ngũ Tổ nói: "Chẳng biết bốn tâm học đạo vô ích, bằng dứt lời mà biết đặng bốn tâm, thấy đặng tự tánh, tức là bực Trượng phu Thiên nhơn sư" (Thầy của cõi trời cõi người).

Lý Văn Hội giải: Lòng của Bồ Tát thường thường vắng lặng: Không các vọng niệm, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng động chẳng lay, ấy là lòng thanh tịnh; còn lòng của phàm phu bị vô minh diệt vọng tưởng điên đảo các tà kiến, chấp bỏ lành dữ phàm Thánh; ấy là lòng trược loạn.

Bất ưng trụ sắc sanh tâm : là nếu lòng thanh tịnh, thì chẳng bị các cảnh nó hoặc loạn.

Tiêu Diêu Ông giải: Bằng người mà tâm cảnh thanh tịnh là cõi tịnh của Phật, còn tâm cảnh trược loạn là cõi uế của ma.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Tâm ý đều an lặng, Tức là Tịnh độ nhân,

Đâu cầu dùng phước trí Hẳn bỏ dứt tham sân

Nghiêm nghị không năng sợ, Diệt trừ tướng ngã nhờn.

Đoạn thường đều chẳng Siêu xuất cõi trần hườn.
nhiễm,

Xuyên Thiên sư giải: Tuy vậy biết liệu thế nào! Trước mắt kia biết làm sao đặng?

Tụng:

Thấy sắc không mê sắc,

Nghe thanh chẳng đắm thanh.

Sắc, thanh không trở ngại,

Mới đáng bực viên minh.

Lý Văn Hội giải: Tâm của chúng sanh vốn không có chi mà trụ, bởi tại cái cảnh cảm xúc mà sanh; chẳng biết xúc cảnh là không, lại tưởng thế pháp là

có, bèn trụ theo cảnh; cũng ví như viên hầu mò nguyệt, mắt bệnh thấy hoa vậy.

Cả thầy muôn pháp đều bởi tại tâm mà sanh ra; bằng ngộ chơn tánh tức là không trụ. Tâm không chỗ trụ tức là trí huệ, thì không có các phiền não; ví như hư không không có chi quái ngại. Còn tâm có chỗ trụ, tức là vọng niệm, thì sáu trần đều khởi lên; ví như đám mây lại qua không định.

Kinh Duy Ma có nói: "Muôn đặng Tịnh độ thì phải tịnh tâm, tùy theo cái tâm tịnh tức là Phật độ tịnh".

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Nếu tâm mà thanh tịnh thì chẳng cần phải mượn ngôn thuyết chi, chỉ không cả thầy tâm tức là trí "vô lậu". Bọn người, mỗi ngày đi, đứng, nằm, ngồi, chuyện giảng, chớ nên chấp trước pháp Hữu vi; trong nháy mắt, lúc buông lời, đều phải giữ theo pháp Vô lậu.

Những kẻ tu hành học đạo đời nay, đều chấp trước cả thầy thanh sắc, chẳng biết làm cho cái tâm đặng như hư không, như cây khô, khối đá, như tro nguội, lửa tàn; vậy mới có một ít phần hạp với lý đạo cho.

Bằng không như vậy, thì một ngày khác cũng phải bị vua Diêm vương khảo đả. Bọn người, chỉ phải lìa bỏ cái pháp có, không cái tâm như mặt nhật, thường ở chốn hư không, chẳng chấp có soi sáng, mà tự nhiên soi sáng, như vậy há không phải là một việc nhẹ ít tốn công lực hay sao?

Đến lúc ấy, không còn có chỗ dựa nương, tức là con đường của chư Phật; mới thiết là "Nên sanh tâm không có chỗ trụ"; ấy là Pháp thân thanh tịnh của bọn người, là pháp Vô thượng Chánh giác vậy.

Xuyên Thiên sư giải: Lui lại, lui lại, xem coi khối đá động kia cà.

Tụng:

Canh khuya nhà vắng thủ lâm tuyền.

Phẳng lặng êm đềm cảnh tự nhiên.

Hà sự gió Tây xao xác thổi.

Bỗng nhiên inh ỏi nhận kêu sương.

---o0o---

56.-ÂM:

"Tu Bồ Đề! Thí như hữu nhơn, thân như Tu Di sơn¹¹⁰ vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?". Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? - Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân".

NGHĨA:

"Tu Bồ Đề! Ví như có người, thân bằng núi chúa Tu Di ý ông thế nào - Thân ấy có lớn chăng?". Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Rất lớn. Bởi có sao? - Bởi Phật nói chẳng phải thân, mới gọi là thân lớn".

Giải : Vương Nhựt Hữu giải: Tu Di sơn vương là bởi núi ấy cao hơn hết các núi trong bốn châu thiên hạ. Sơn vương là núi chúa của các núi.

Mặt nhật, mặt nguyệt, đi chung quanh núi ấy mà phân ra ngày đêm, bởi ấy mà chia bốn phía làm bốn châu thiên hạ. Ở trên có ba mươi ba cõi Trời, thiết đáng cho là rất lớn. Thân người có đâu mà lớn như thế? Ấy là sự thí dụ nên nói: "Ví như có người thân như núi chúa Tu Di" - Tuy rất lớn như thế mà cũng chẳng phải chơn thiết, chỉ cưỡng danh vậy thôi. Cho nên nói: "Phật nói chẳng phải thân, mới gọi là thân lớn". Sao vậy? Là bởi có hình, tướng đều là hư vọng. Tam thiên thế giới cũng đều là hư vọng, hướng chi là thân Tu Di sơn. Duy có chơn tánh mới là chơn thiết mà thôi.

Kinh này nói nghĩa thứ nhứt của chơn tánh, nên cho cả thấy đều là hư vọng. Cả thấy sở dĩ đều cho là hư vọng đó, là bởi có hình tướng; mà đã có hình tướng thì phải hư hoại, dầu chưa hư hoại là do nơi nghiệp lực nó duy trì, có phải là chẳng hư hoại đâu đến khi nghiệp lực hết rồi thì cũng phải hư hoại vậy. Duy có chơn tánh không có hình tướng, nên không hoại đặng, vậy nên mới cho là không hoại. Từ đời vô thủy, đến nay không có hao kém, nên nói: "Chơn tánh thường trụ".

Trần Hùng giải: Núi Tu Di cao lớn đến ba trăm ba mươi sáu muôn dặm (3 triệu 360 ngàn dặm) là chúa của các núi; mà nó chơn thân lớn như thế hẳn không thể ấy. Duy có Phật thì chơn tánh thanh tịnh không có tướng không trụ trước, không quái ngại, bao cả Thái hư, trùm cả sa giới; dầu núi Tu Di cũng chẳng đủ mà so sánh với sự lớn ấy đặng.

Phật muốn cho người tỏ ngộ chơn tâm, nên mượn cái "thân lớn" mà hỏi, còn ông Tu Bồ Đề tỏ thấu ý Phật nên mới đáp: "Rất lớn" rồi lại e cho đại chúng chưa hiểu, nên lại nói: "Phật nói chẳng phải thân, mới gọi là thân lớn".

Phi thân: là Pháp thân, tức chơn tâm.

Ông Văn Thù Bồ Tát hỏi đức Thế Tôn: "Sao gọi là thân lớn?".

Đáp: "Chẳng phải thân, mới là thân lớn".

Đủ cả thấy giới, định, huệ, tỏ pháp thanh tịnh, mới là "thân lớn", cũng là chỉ cái chơn tâm mà nói.

Như thế thì, chơn tâm cũng có thể mà nuốt cả núi Tu Di đặng.

Nhan Bính giải: Sắc thân tuy lớn như núi Tu Di, rốt lại cũng chẳng phải lớn, là bởi còn sanh diệt.

Phật nói: "Chẳng phải thân", mà chẳng phải thân tức là thân. Còn bản tánh không có cái thân vọng ấy, nên nói: Thân lớn, là nói Pháp thân của Phật sung mãn bao trùm khắp cả pháp giới.

Lý Văn Hội giải: Sắc thân tuy lớn nhưng tâm lượng cũng nhỏ dẫu cho thân hình bằng núi chúa Tu Di đi nữa, mà có tướng thì cũng có thể so lường đặng. Còn tâm lượng của pháp thân rộng lớn sánh tày hư không, không hình không tướng, không thể so lường; cho nên nói: "Thân lớn".

Viên Ngộ Thiên sư giải: "Chẳng lên núi Thái Sơn, chẳng biết trời cao, chẳng vượt biển Thương Minh chưa tường biển rộng". Ấy là luận về cái phạm vi còn hèn thấp, chớ như hạng xem cõi nhơn thiên ở trong hạt lúa, biển cả ở đầu mây lông, cõi Phù Tràng Vương, Hoa tạng giới ở trong lông mày lông nheo; thì nói thử coi người ấy an thân lập mạng ở chỗ nào? - Hiểu rõ đặng cùng chăng? Ấy là.

Vô lượng hư không khôn đặng chứa,

Rỗng rang thấu đến chỗ Oai Âm ¹¹¹.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Chỉ núi Tu Di lớn, Dùng so sánh Pháp thân.

Châu vi bao bảy báu, Độ hạnh rất nhiều môn.

Sắc đẹp khoe xanh trắng, Duyên lành kết quả nhân.

Có hình đâu phải lớn, Không tưởng mới là chơn.

Xuyên Thiên sư giải: Giả như có, rồi ở chỗ nào?

Tụng:

Thế giới bao nhiêu vật hữu hình,

Tu Di sừng sừng cũng hư danh.

Dầu cho người chỉ muôn điều có.

Ta nói đều "không" lý mới minh.

Phải theo chỗ ấy mà ngộ nhập.

---o0o---

CHƯƠNG MUỖI MỘT

57.-ÂM:

"Tu Bồ Đề! Như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẵng Hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa ninh vi đa phủ?"

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Như dùng số cát trong sông Hằng mà ví dụ có những sông Hằng khác nhiều bằng số cát như vậy.

- Ý ông thế nào? Số cát của những sông Hằng ấy sao ? Có nhiều chăng ?"

Giải : Vương Nhật Hưu giải: Xứ Tây Thổ có con sông kêu là sông Hằng. Phật hay dùng cát của sông ấy mà nói, là bởi chúng nhơn thường thấy nên mượn đặng ví dụ cho dễ hiểu.

Phật cũng dùng cát ấy mà hỏi ông Tu Bồ Đề: "Nhiều chăng? Là muốn cho biết trước số cát ấy là thật nhiều, rồi sau mới nói".

Chữ "ninh" nhà nho thủ nghĩa như chữ khởi, như thử là "làm sao" là của thầy phiên dịch dùng để làm chữ trợ, không cần phải khảo nghĩa.

---o0o---

58.-ÂM:

Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thê Tôn ! đản chư Hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa !".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thê Tôn! Rất nhiều. Những sông Hằng còn nhiều vô số thay, huống chi là cát!".

Giải : Lý Văn Hội giải: Như Hằng hà trung sở hữu sa số là mỗi hột cát thì một sông Hằng, mà nói số cát của những cả thủy sông ấy, vậy thì sông Hằng còn nhiều vô số thay, huống chi là cát.

Xuyên Thiên sư giải: Trước ba ba, sau cũng ba ba.

Tụng:

Tằng mằng đếm cát một, hai, ba;

Cát ví sông Hằng số quá đa.

Trước mắt ngắm xem không một pháp.

Mới là tịch tịnh, Tát bà ha.

---o0o---

59.-ÂM:

"Tu Bồ Đề! Ngã kim thiệt ngôn cáo nữ! Nhược hữu: Thiện nam tử, thiện nữ nhơn dĩ thất bảo mãn nhĩ sở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới dĩ tụng bố thí, đăc phước đa phủ?".

Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn!".

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đăng vị tha nhơn thuyết, nhi thử phước đức thắng tiền phước đức".

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Nay ta bảo thiệt ngươi! Nếu có : trai lành, gái tín nào, dùng bảy báu đầy cả hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới ấy, đem ra mà bố thí, có đặng phước nhiều chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Bằng trai lành, gái tín nào thọ trì theo trong kinh này cho đến những tứ cú kệ và diễn thuyết lại cho người khác, thì phước đức ấy hơn phước đức trước kia".

Giải : Triệu Pháp sư giải: Bởi cái phước bố thí thì còn nhiễm nên còn chìm đắm trong tam hữu (ba cõi). Còn phước trì kinh thì thanh tịnh, siêu thăng qua bờ kia đặng, cho nên nói: "Hơn".

Sớ Sao giải: Phật lại nói rõ phước vô vi hơn phước hữu vi - Kinh Viên Giác có nói: "Có pháp môn Đại Đà la ni kêu là Viên Giác; lưu bố ra cả thấy tánh chơn như Niết bàn".

Như vậy thì nếu không có Tứ cú kệ trong kinh này làm sao mà Viên Giác diệu tánh đặng? Bởi Viên Giác diệu tánh nên lưu bố ra cả thấy pháp Chơn như, lý của Niết bàn; cái nẻo chăng sanh chăng diệt từ đó mà ra.

Nghĩa nhiệm màu này cũng đồng với nghĩa trong phần thứ tám.

Tỏ dạng như vậy, thọ trì không bỏ, tự lợi lợi tha, khắp cùng loại hữu tình đều rõ đạo ấy; phước ấy tức là phước vô vi, hơn phước bố thí bảy báu hằng hà kia. Vậy nên đệ này mới gọi là đệ "Vô Vi phước lớn".

Vương Nhựt Hưu giải: Phật lại bảo ông Tu Bồ Đề: "Nhu trai lành, gái tín nào thọ trì theo nghĩa lý trong kinh này, cho đến những Tứ cú kệ rồi giảng giải lại cho người khác thì đã khỏi ác nghiệp buộc ràng, mà lại đặng tỏ ngộ chơn tánh. Còn người nghe đặng cái chí lý này, rồi cũng lần lần tỏ ngộ chơn tánh".

Lâu ngày thì căn lành viên mãn: Siêu thoát luân hồi, khỏi vòng sanh tử, muôn kiếp cũng không cùng tận. Cho nên phước đức ấy nhiều hơn phước bố thí bảy báu đầy cả hằng hà thế giới kia đến vô lượng vô số.

Phật thường nói thí của có khi hết, thí pháp hưởng không cùng; thí của chẳng siêu khỏi cõi trần, thí pháp thoát ra khỏi ngoài tam giới.

Ấy vậy thì phước thí pháp hơn phước kia vô lượng vô số, chẳng có chi là lạ cả.

Trần Hùng giải: Bảy báu tuy nhiều, bất quá là vật hữu hạn của nhơn gian, dùng mà bố thí, thì chỉ đặng cái phước hữu hạn mà thôi. Bằng sánh với câu kệ trong kinh này, nếu ngộ đặng thì sanh về Thiên giới, há không phải là hơn kém cách xa nhau cả muôn triệu hay sao?

Kinh Tam Muội có nói: "Nếu như có người đem vàng bạc đầy cả thành mà bố thí, cũng chẳng bằng người thọ trì "Tứ cú kệ" của kinh này".

Nay có trai lành, gái tín nào, mà thọ trì kệ ấy chẳng những là rõ đặng tự tánh, lại giảng giải cho người cũng kiến tánh nữa, thì cả hai đều đặng sanh về Thiên giới thành đạo Vô thượng Bồ đề, xem lại cái phước bảy báu kia vẫn không đủ luận. Cho nên nói: "Hơn phước đức trước kia".

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

Như vật báu trong xá,

Không đến không thấy rõ

Phật pháp chẳng ai truyền,

Tuy huệ cũng không ngộ.

Vậy thì các công đức giảng giải còn có chi là lớn hơn.

Nhan Bính giải: Đem bảy báu đầy cả thế giới mà bố thí, đặng phước tuy nhiều, nhưng thuộc về phước hữu lậu, thì chưa khỏi đặng sự cùng tận, chẳng bằng thọ trì Tứ cú trong kinh này, rồi giảng dạy lại người khác, tỏ đặng chỗ "tri kiến" của Phật, thì phước đức ấy lịch kiếp vẫn còn. Cho nên nói: "Hơn phước đức trước tướng kia".

Lý Văn Hội giải: Thậm đa Thế Tôn : là bố thí bảy báu đầy cả hằng hà tam thiên thế giới, đặng phước rất nhiều. Thọ trì Tứ cú kệ: Ông Xuyên Thiên sư đã có giải rõ trong phần Ứng hóa phi chơn đệ ba mươi hai.

Vị tha hơn thuyết: là nếu giải kinh nghĩa Đại thừa này mà giáo hóa chúng sanh tỏ ngộ cái lòng: "Trụ chỗ không trụ" "đặng phép không đặng". Phải biết thọ trì kinh này là công đức vô vi hơn phước đức hữu vi là phước đức bố thí bảy báu đầy cả hà sa thế giới.

Trí Giải Thiên sư giải:

Tụng:

Kẻ sông Hằng đã quá, Những cát lại càng nhiều.

Chứa báu bằng như thể, Thí tài số biết bao.

Chấp mê theo tướng giả. Lùng lấy nhận tài cao.

Sánh với bốn câu kệ, Phước kia có chút nào.

Xuyên Thiên sư giải: Thau thiệt cũng không đổi vàng đặng.

Tụng:

Đếm cát sông Hằng luống cực thân.

Lăng xăng sao khỏi, cảnh lao trần.

Đâu bằng tu dưỡng chơn như tánh,

Cây rui đơm chồi đẹp vẻ xuân.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI HAI

60.-ÂM:

Phục thứ: "Tu Bồ Đề! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng đương tri thử xứ, nhứt thiết thế gian; Thiên, Nhơn, A tu la giai ung cúng dường như Phật tháp miếu".

NGHĨA:

Lại nói tiếp: "Này Tu Bồ Đề! Chỗ nào tứ cú kệ, phải biết chỗ ấy, cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la đều nên cúng dường, cũng như tháp chùa, của Phật vậy".

Giải : Trần Hùng giải: Tùy thuyết là tùy thuận theo chúng sanh mà thuyết pháp.

Thuyết kinh này, đến chỗ Tứ cú kệ thì cả Thiên, Nhơn, A tu la các đạo đều dùng: Hoa hương, chuỗi hạt, tràng phan, bửu cái, hương đăng, mà cung kính cúng dường, như có tháp Xá lợi của Chơn thân Phật ở đó vậy, hướng chỉ là đọc tụng toàn cả bộ kinh này! Phải biết đọc tụng toàn cả bộ kinh này, thì cái pháp đẳng thành tựu đó, là pháp thượng thượng "xuất thế gian", chớ chẳng phải là pháp tầm thường.

Cho nên Đàn kinh có nói: "Pháp Ma ha Bát Nhã Ba la mật là pháp rất tôn thượng đứng bực nhứt".

Tạ Linh Vận giải: Phong tảo pháp thân gọi là tháp, tạo tượng, lập chùa gọi là miếu.

Thê thánh nghi thần đều ở trong Tứ cú kệ nên phải dụng cúng trí kinh cho hết lòng.

Lục Tổ giải: Tùy chỗ nào có người ta, thì nên giảng kinh này; thường phải giữ lòng không sợ đắc, ắt trong thân ấy hiện toàn thân Xá lợi của Như Lai. Cho nên nói: "Như chỗ tháp miếu của Phật".

Lòng thanh tịnh mà nói kinh này, khiến cho thính giả trừ lòng mê vọng, tỏ ngộ bốn lai Phật tánh, thường giữ sự chơn thiết thì cảm phục đến Thiên, Nhơn, A tu la, Nhơn, Phi nhơn, các đạo cũng đều đến cúng dường người trì kinh ấy.

Vương Nhựt Hưu giải: Nói tùy chỗ nào là cả thấy những chỗ.

Bằng có người thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết, thì công đức oai nghi lực thiết rất lớn, cho nên chỗ đó thành tháp miếu, mà cả thấy mỗi người và Thiên đạo, A tu la đạo cũng đều cung kính.

A tu la có ba thứ: một thứ thuộc về cõi Trời; một thứ thuộc về cõi người; một thứ thuộc về cõi súc sanh. Đại khái cũng như người, nhưng lòng tham sân cũng còn trọng, nên phải thác sanh về loại ấy. Hễ có phước lớn thì sanh về cõi Trời. Phước nhỏ sanh về cõi người, bực hạ thì sanh về súc sanh.

Tăng Nhưặc Nột giải: Tháp miếu nói đủ thì là: Tháp bà, là phần mộ hay là mả tròn - Miếu là chi đề, chỗ thờ cốt Phật.

Lý Văn Hội giải: Tùy thuyết là lòng không phân biệt, các lý thuyết, tùy chỗ khác nhau, gặp phạm thì nói phạm, còn gặp Thánh thì nói Thánh.

Đương tri thử xứ là nói cái tâm ấy - Như Phật tháp miếu là bằng người chỉ tham danh lợi lòng không thanh tịnh mà nói kinh này, thì trở lại đọa vào luân hồi chớ có ích chi. Như lòng thanh tịnh thì phải vắng lặng chẳng khởi vọng niệm. Dùng lòng không sợ đắc không tri giải ấy mà nói kinh này khiến cho những thính giả sanh lòng thanh tịnh, không các vọng niệm mới gọi là cúng dường, thì tuy huyền thân tức là Pháp thân. Trong ấy có hiện toàn thân Xá lợi của Như Lai, cảm phục đến cõi Thiên, Nhơn đều phải cung kính, nào có khác chi là tháp miếu.

---o0o---

61.-ÂM:

Hà huông hữu nhơn tận năng thọ trì đọc tụng!

Tu Bồ Đề! Đương tri thị nhơn thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp.
Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

NGHĨA:

Hướng chi, là người thọ trì đọc tụng toàn cả kinh này!

- Tu Bồ Đề! Phải biết người ấy thành tựu đặng cái pháp tối thượng đệ nhất ít có. Bằng như chỗ nào có kinh điển này, tức có Phật, hoặc như bực đệ tử tôn trọng vậy.

Giải : Lục Tổ giải: Tự tâm tụng đặng kinh này, tự tâm rõ đặng kinh này, tự tâm thể đặng cái lý không chấp trước, tuy ở chỗ nào cũng thường tu theo hạnh Phật, thì tự tâm tức là Phật. Cho nên nói: "Ở các chỗ ấy tức là có Phật".

Vương Nhựt Hưu giải: Tôn trọng đệ tử : là đệ tử đặng tôn, đặng trọng, là thuộc về bực đại đệ tử, như Bồ Tát v.v...

Bằng hay thọ trì đọc tụng, thì như có Phật cùng đại đệ tử ở đó vậy.

Tăng Nhược Nột giải: Kinh là Pháp Bảo.

Tức vi hữu Phật : là Phật Bảo.

Nhược tôn trọng đệ tử : là Tăng Bảo.

Kinh điển sở tại chi xứ : là Tam Bảo ở chung lại.

Đệ tử : là sự học thì sau thầy, nên nói đệ; sự hiểu bởi thầy mà sanh ra, nên nói tử.

Lại nói: Dùng theo lễ phụ huynh mà thờ thầy, nên nói đệ tử.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Ba la mật lục độ,

Công đức lớn hằng hà.

Kệ bốn câu thường tụng, Báu vô số khó quá
Pháp môn đều rõ thấu, Cảm phục đến Tu la,
Kính sám hằng tôn tặng, Thịnh danh tợ Phật Đà.

Lý Văn Hội giải: Thành tựu là thấy tánh không nghi - Tối thượng đệ nhất v.v... là Phật với chúng sanh vốn không sai khác.

Bằng lòng thường thanh tịnh, chẳng sanh chẳng diệt, không các vọng niệm, thì bây giờ chắc đặng thành Phật.

Cao Thiên sư giải: Thân, khẩu, ý thanh tịnh, ấy là Phật xuất thế; thân, khẩu, ý không tịnh, ấy là Phật diệt độ.

Sở tại chi xứ v.v... là như cả thầy trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, lòng không khởi diệt, rỗng rang thanh tịnh, thường giữ theo hạnh Phật, niệm niệm tinh tấn, không có xao lãng, thì chỗ ấy tự tâm là Phật. Ấy là con nhà Phật, cho nên mới đáng tôn trọng.

Lại nói:

Tức tâm là Phật, Phật đây nè!

 Tìm mạch nơi ngoài thiệt quá mê.

 Nhứt niệm rỗng rang về bốn địa,

 Dễ như rửa cẳng bước lên ghe.

Lại nói: Tâm tức là Phật vốn không Phật khác, Phật tức là tâm vốn không tâm khác; ví như bàn tay nắm, như nước thành sóng; sóng tức là nước, nắm cũng bàn tay.

Ông Vô Nghiệp Thiên sư hỏi ông Mã Tổ: "Thế nào tức tâm là Phật?".

Đáp: "Tại người không rõ cái tâm ấy, ngoài ra thì không có vật chi, mê tức chúng sanh, ngộ tức Phật, ví như bàn tay nắm, nắm cũng bàn tay". Dứt lời Sư liền ngộ.

Ông Tăng hỏi Ông Mã Tổ:

- Thế nào là Phật?

Đáp: - Tức tâm là Phật.

Ông Bách Trượng hỏi Ông Trường Khánh:

- Thế nào là Phật?

Đáp: - Cỡi trâu tìm trâu.

Ông Tăng hỏi Ông Thủ Sơn Hòa Thượng:

- Thế nào là Phật?

Đáp: - Nàng dâu cỡi lừa, mẹ chồng giắt trống.

Ông Sơn Khuê Thiên sư có lời tụng :

Nhỏ gọi nàng dâu lớn mụ gia,

Cũng đồng địa rị cách không xa.

Đáng cười cỡi ngựa còn tìm ngựa.

Yên ngựa xương lừa xét chẳng ra.¹¹²

Ông Tăng hỏi ông Từ Thọ:

- Thế nào là Phật?

Đáp : - Gánh nước bán ở bờ sông.

Ông Tăng hỏi ông Thái Dương:

- Thế nào là Phật?

Đáp : - Thế nào là chẳng phải Phật?

Ông Tăng hỏi ông Qui Tông:

- Thế nào là Phật?
- Ta nói với người, người tin chẳng?.
- "Hòa Thượng nói thiệt đâu dám chẳng tin".
- "Là người đó đa!".

Xuyên Thiên sư giải: Hiệp lại cũng như vậy.

Tụng:

Tợ biển thâm sâu, như non kiên cố.

Lật lại trở qua, chẳng đi chẳng trụ.

Sư tử lông vàng nhảy khỏi hang,

Hét gầm lũ cáo cả kinh hoàng,

Dùng mưu trù hoạch không dùng võ,

Ngoại đạo tà ma thấy phục hàng.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI BA

62.-ÂM:

Nhĩ thời Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh?
Ngã đẳng vân hà phụng trì?".

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Thị kinh danh vi Kim Cang Bát Nhã Ba la mật dĩ
thị danh tự, nhữ đương phụng trì?".

NGHĨA:

Khi ấy Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên chi? Chúng con phải phụng trì thế nào?".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Kinh này đặt tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Ông nên dùng nghĩa của danh tự ấy mà phụng trì?".

Vương Nhựt Hưu giải: Bát Nhã Ba la mật: Trí huệ đáo bỉ ngạn. - Kim Cang trí huệ đáo bỉ ngạn là nói: rõ đặng kinh này thì trí huệ cũng như loài kim bén chắc, đoạn dứt ngoại vọng, mà thẳng đến bờ kia, là chỗ của chư Phật và Bồ Tát. Dĩ thị danh tự.v... là vưng theo nghĩa ấy mà tu trì.

Trần Hùng giải: Ông Liễu Tông Nguyên có nói: Chỉ dạy rõ rệt hơn hết, có chi cho bằng kinh. Kinh này khi chưa đặt tên. Ông Tu Bồ Đề xin Phật đặt tên. Phật đặt là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật", lại dạy phải phụng thừa vưng giữ theo danh tự ấy, nhứt tâm truyền bá cho thiên hạ đời sau.

Lý Văn Hội giải: Kim Cang là vật bén chắc, nên mới mượn loại kim mà ví dụ - Bát Nhã là: trí huệ, là Phật dạy chúng sanh hãy dùng sức trí huệ đặng soi thấu các pháp, thì có pháp chi vật chi mà chẳng phải là không, ví như thép bén hễ chạm đến vật chi thì cũng đều phải đứt phải nát, vậy cho nên nói: "Bát Nhã Ba la mật là đến bờ bên kia". Nếu lòng thanh tịnh, cả thấy vọng niệm chẳng sanh thì mới độ thoát cái biển khổ sanh tử đặng. Nhữ đương phụng trì là lòng phải phụng trì trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, chớ có phân biệt ngã nhưn phải quấy.

Viên Ngộ Thiên sư giải: "Vừa manh động ra việc phải quấy, thì rối loạn bốn tâm", chỉ có một câu ấy làm cho kinh động bấy nhiêu người, phải so sánh suy nghĩ. Bằng đờm đờng đặng, dứt bỏ đặng, thì sẽ thấu một bên chỗ Phật. Bằng như theo lời nói ấy, mà chuyên trở cái chỗ rối loạn, thì phải hồi quang, phản chiếu mới đặng.

Thiên Đàn Thạch Cổ Ký có nói: "Thất độ mảy may gây phải cái nhân hắc ám; tà ngôn giây phút, phạm vào sự quấy cấm không. Phật trời nghe thấy, gang tấc chẳng xa, căn dặn người ai, xét suy cho kỹ".

Lư Sơn Qui Tông Thường Thiên sư có nói: Có ông Tọa chủ đến ra mắt, lại nhằm lúc ông đương dầy cỏ, kẻ gặp một con rắn, ông bèn chặt đứt.

Tọa chủ nói: "Bấy lâu hâm mộ nhà Sư, nay mới biết nguyên là một Sa môn hạnh xấu". Ông nói: "Áy, người xấu hay ta xấu?"

Các người hãy nói thử coi, ông Tăng ấy quấy lại chỗ nào?

Ông Phần Dương Chiêu Thiên sư có làm lời tụng:

Lư nhạc Tông sư bực thượng ky (cơ),

Gặp duyên chặt rắn dấy từ bi.

Ngu si Tọa chủ sanh mê chấp.

"Hạnh xấu" gây nên việc thị phi.

Ông Tử Tâm Hòa Thượng có nói: "Việc ấy, nếu cho là phải, thì như bị gai đâm trong con mắt; bằng cho là không phải, thì như mở mắt mà ngủ gục". Các người nói thử coi, rốt lại, sao mới là phải? Có hiểu rõ chăng?"

Dễ bề luyện sắt ra vàng bạc,

Khó nổi khuyên người dứt thị phi.

Xuyên Thiên sư giải: Hôm nay cũng việc tình cờ, đi ra một chút ai ngờ gặp to.

Tụng:

Nước chẳng nhận chìm, Lửa không cháy thét

Gió chẳng hề xiêu; Dao không thể chặt.

Mềm lụn hơn tơ; Cứng khur quá sắt.

Dưới đất trên trời; Xưa nay chả biết...

Hả! hả!!

---o0o---

63.- ÂM:

Sở dĩ giả hà? - Tu BỒ ĐỀ! Phật thuyết Bát Nhã Ba la mật, tức phi Bát Nhã Ba la mật, thị danh Bát Nhã Ba la mật.

NGHĨA:

Sở dĩ sao? - Này Tu BỒ ĐỀ! Phật nói Bát Nhã Ba la mật, nhưng chẳng phải Bát Nhã Ba la mật chỉ cưỡng danh là Bát Nhã Ba la mật.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Sự nói dùng trí huệ đến bờ kia, thì trong chơn tánh không chi mà có, nên nói chẳng phải trí huệ đến bờ kia, chỉ cưỡng danh là trí huệ đến bờ kia đặng dùng mà hóa độ chúng sanh vậy thôi.

Trần Hùng giải: Ông Liễu Tông Nguyên có nói: "Pháp, thiết rất đúng, thì có pháp chi mà hơn pháp Bát Nhã!". Kinh Lăng Già có nói: "Dùng trí huệ mà quan sát, chẳng đọa vào hai bên, đặng đến địa vị bực Thánh tự giác, ấy là pháp Bát Nhã Ba la mật".

Kinh Tam Muội có nói: "Lòng chẳng chấp có tâm, chẳng chấp hư không, chẳng nương các pháp, chẳng trụ trí huệ, ấy là Bát Nhã Ba la mật ". Vậy thì pháp Bát Nhã Ba la mật là một pháp rất đúng! Nguyên của chính miệng Phật nói ra; nên nói "Phật nói", rồi sau lấy tâm mà truyền tâm, thì chứng đặng pháp Bát Nhã Tam muội ấy; pháp ấy thoát khỏi ra ngoài sự ngôn ý, mà cũng không có chi là "sở đắc". Vậy chẳng phải là Bát Nhã Ba la mật chớ đặt là tên gì?

Đã chẳng phải như vậy mà đặt tên như vậy, vậy mới là đúng với cái tên; vậy thì cái câu: "Người nên phụng trì" đó cũng bởi nơi danh tự ấy.

Nhan Bính giải: Ấy là ông Tu BỒ ĐỀ xin Phật đặt tên kinh, rồi lại hỏi: "Thế nào mà phụng trì?".

Đáp : "Kinh này đặt tên là Bát Nhã Ba la mật".

Vả lại cái bỗn tánh diệu minh rỗng rang như cõi Thái hư thể đã là không thì có tên chi mà đặt?

Như Lai e người sanh lòng đoạn diệt, bắt đắc dĩ phải cưỡng mà đặt vậy thôi. Cho nên ông Phó Đại Sĩ có tụng:

"E người sanh đoạn diệt,

Quyền phải lập hư danh".

Lý Văn Hội giải: Phật thuyết Bát Nhã Ba la mật: là sự chắc của thiệt tướng Bát Nhã, sự bén của cái quang chiếu Bát Nhã; dứt đặng nguồn cội phiền não mà thấu đến nẻo Niết bàn.

Tức phi Bát Nhã Ba la mật là đã biết pháp thể vẫn không vốn không vọng niệm; bằng không chi quái ngại, hà tất phải trì giới nhẫn nhục? Rõ ràng thanh tịnh, tự tại tiêu diêu, mới là Bát Nhã Ba la mật.

Xuyên Thiên sư giải: Cũng còn sự so sánh.

Tụng:

Một tay đê, một tay xách;

Thôi tiêu quảng nhíp trường canh,

Đòn không dây khảy khúc vô sanh,

Chả>ng cần xang, xê, ca ngâm mới.

Âm điệu thông rồi hiểu giả danh.

---o0o---

64.-ÂM:

"Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ?".

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết".

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có chỗ chi thuyết pháp chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như Lai không có chỗ chi thuyết pháp cả".

Giải : Nhan Bính giải: Phật hỏi: "Có chỗ chi thuyết pháp chăng?". Ông Tu Bồ Đề đáp: "Như Lai không có chỗ chi thuyết, là bởi tỏ ngộ rồi, thì không có chỗ lại nói đặng; bằng nói có chỗ thuyết, tức là chê Phật".

Cho nên khi Phật sắp nhập Niết bàn, ông Văn Thù xin Phật "Chuyển pháp luân" lại. Phật bảo rằng: "Ta ở thế 49 năm, chưa hề nói lấy một chữ gì, mà nay ngươi xin ta "Chuyển pháp luân" lại! Vậy thì Ta có Chuyển pháp luân hay sao?".

Lại Phật có kệ rằng:

Từ sau khi Giác ngộ,

Sông Bạt đề vào ngụ;

Hai chỗ chỉ trên đây,

Chưa hề nói một chữ.

Lý Văn Hội giải: Bản tâm vốn tịnh, các pháp vốn không, lại có pháp chi mà thuyết - Hai bực thừa còn chấp nhơn, pháp là có, nên mới có chỗ thuyết. Còn Bồ Tát tỏ ngộ nhơn, pháp đều không, nên không có chỗ thuyết.

Cho nên trong Kinh mới nói: "Bằng có người nói Như Lai có chỗ thuyết pháp tức là chê Phật".

Từ Thọ Thiên sư giải:

Tụng:

Tự tánh dường thu nguyệt

Vực sâu màu nước biếc;

Vật chi dám sánh tày;

Mà biểu làm sao thuyết.

Ông Hàng Sơn nói chẳng đặng thì nín. Các người có nói đặng chẳng? Làm sao cho cái miệng như tấm tảng đá, mới tỏ rõ thấu đáo đặng.

Bằng hay, tỏ ngộ tướng, tánh vốn không, có không đều bỏ, nói, nín thả quên; vậy mới thấy đặng tự tánh thanh tịnh cho. Tuy trọn ngày nói cũng không có nói, tuy trọn ngày thuyết cũng là không thuyết.

Bảo Ninh Đồng Thiên sư giải:

Tụng:

Con cái trong thân cả lũ đoàn,

Đứa xung tái bá đứa xung vương.

Thế mà có đứa không hay nói,

Đại Phật từ bi chẳng dám đương.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Trong danh không có nghĩa Trong nghĩa cũng không .

Đạo trí huệ rèn đức, Ắi tham vọng phá banh.

Kíp qua nơi bỉ ngạn, Mới khơi chốn mê tình.

Người trí tu chơn tánh, Đứa ngu chuộng sắc, thanh.

Xuyên Thiên sư giải: Nói nhỏ nhỏ, nói nhỏ nhỏ!

Tụng:

Vào cỏ tìm người chẳng quản bao,

Dùng dao gọt vết mó tay vào.

Tới lui vi bằng không tông tích,

Văn thể rành rành chẳng thấy sao?

---o0o---

65.-ÂM:

"Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần thị vi đa phủ?". Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn!". Tu Bồ Đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh, vi trần; Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới.

NGHĨA:

"Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Trong tam thiên đại thiên thế giới có những vi trần, vậy là nhiều chăng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

- Tu Bồ Đề! Những vi trần, Như Lai nói chẳng phải vi trần chỉ cường danh là vi trần - Như Lai nói thế giới, cũng chẳng phải thế giới, chỉ cường danh là thế giới.

Giải : Trần Hùng giải: Kinh Hoa Nghiêm có nói: Trong ba ngàn đại thiên thế giới là bởi tại vô lượng nhân duyên mà tạo ra cả thảy chúng sanh, chớ không phải thế giới nào khác hơn nữa. Ngộ cũng chỗ ấy, mà mê cũng chỗ ấy. Lòng ngộ là lòng thanh tịnh có lòng ấy mà ở thế giới ấy là thế giới thanh tịnh; lòng mê là lòng vi trần; có lòng ấy ở thế giới ấy, tức là thế giới vi trần.

Ấy vậy: Biết bao nhiêu là vi trần, thì biết bao nhiêu là thế giới. Cho nên ông Tu Bồ Đề đáp: "Rất nhiều", thiệt là đáng lắm.

Lại nói: Chư vi trần là cái lòng vi trần của cả thảy chúng sanh.

Phật Hóa thân ở nơi vi trần thế giới, ứng hiện ra biết bao nhiêu là đại thân lực, khai mở cái pháp Thanh tịnh Vô cấu:

1. Khiến cho cả thầy chúng sanh, đều sanh lòng thanh tịnh, không thể cho vi trần nó ô nhiễm, nên nói: Chẳng phải vi trần.

2. Đặng cái pháp xuất thế gian, không để cho thế gian nó vi phạm, nên nói: Chẳng phải thế giới.

Thế Tôn đáp với ông Văn Thù: "Nói thế lìa thế, nói trần lìa trần"; ấy là cái pháp ráo rớt. Còn nói: "Chẳng phải vi trần, chẳng phải thế giới", tức là cái lý lìa trần lìa thế vậy.

Nhan Bính giải: Thế giới, vi trần, cả hai đều chẳng phải chơn thiệt.

Trong kinh có nói: "Cả thầy núi non có khi sụp lở, cả thầy sông rạch có khi khô cạn, duy Pháp thân thường còn, chẳng hoại".

Lý Văn Hội giải: Vi trần là chúng sanh, vọng niệm nên phiền não, khách trần nó che lấp cái tánh thanh tịnh, ví cũng như bụi trần ô nhiễm vậy.

Vọng tưởng phiền não như thế, cũng như người nhắm con mắt thấy hoa trên không, kẻ si mê mò trăng dưới nước, bắt bóng trong gương; đã uổng công lại thêm vô ích.

Phó Đại Sĩ

Tụng:

Vi trần thành thế giới, Thế giới hóa vi trần.

Giới ấy nhơn thiên quả, Trần là trực lậu nhân.

Nhân vi trần chẳng thiệt, Quả thế giới không chơn.

Nhân quả cho rằng huyễn, Mới thanh tịnh pháp thân.

Tụng tiếp:

Vọng tưởng dây thành rắn, Chấp mê bởi tại lòng.

Nhát, kinh ma xó tối, Nhắm, thấy sắc trên không.

Một việc tuy không khác, Ba người nói chẳng đồng.

Biết rằng đều mộng huyễn, Xe lớn mặt thông dong.

Triều Thái Phó giải: Niệm sanh, niệm dứt đều bởi tại lòng. Niệm sanh thì cả thấy phiền não đều sanh, niệm dứt thì cả thấy phiền não đều dứt; đã tự lòng thì phải làm thế nào đặng cho không niệm.

Cổ Đức có nói:

Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện,

Sáu căn vừa động đám mây che.

Sát Thiên sư giải:

Chơn tịnh vừa sanh may mảy niệm,

Diêm phù đã chốc tám ngàn năm.

Tiêu Diêu Ông giải:

Tụng:

Chẳng sợ niệm sanh, Chỉ e ngộ trễ.

Ngộ mau dứt mau, Nhị diệu hạp lẽ.

Lỗi cải quấy chừa, Nhan, Cừ¹¹³ kính lễ.

Viên Ngộ Thiên sư lên Pháp đường nói :

Mười phương tụ hội về,

Kẻ kẻ học vô vi.

Ấy thiệt trường thi Phật,

Tâm không mới trúng đề.

Đại trượng phu phải có chí khí oanh liệt khảng khái, anh linh, đập phá Hóa thành, về nhà ngồi an ổn. Ngoài chẳng thấy có cả thầy cảnh giới, trong chẳng thấy có tự mình, trên chẳng thấy có chư Thánh, dưới chẳng thấy có phàm phu; sạch sạch bóng, đỏ đỏ thắm, một niệm chẳng sanh như thùng không đáy. Như vậy không phải là "tâm không" sao?

Đến chỗ ấy lại còn rầy đánh nữa sao? - Lại còn huyền diệu lý tánh nữa sao? - Lại còn kia đây phải quấy nữa sao? - Bây giờ ví như một điểm tuyết rớt trong lò lửa, như thế không phải là trường thi Phật hay sao?

Tuy vậy mà cũng phải nương lấy thêm thang, ví bằng đừng nói cái câu "nương thêm thang" rồi nói làm sao chớ?

Ấy là:

Trong hội quần tiên không ảnh tích,

Giữa trường đa sĩ chiếm khôi khoa.

Tiêu Diêu Ông giải: Tan canh thức dậy duyên niệm chưa sanh, tinh thần tĩnh minh, bên tai chỉ nghe tỏ rõ, như có ba thứ diệu âm: một là tiếng rửa ngọc dưới suối trong, hai là tiếng khánh ngân khua động trên không; ba là tiếng ve kêu véo vắt; lắng lẽ lắng nghe giúp mùi thiền duyệt, ở yên diệu cảnh chẳng có chi hơn. Hiểu rõ đặng cùng chăng?

Người đầu xem giống hình cò ốm,

Tai bịnh nghe in tiếng dế kêu.

Phi vi trần thị danh vi trần: là một niệm tỏ rồi nên diệu dụng niệm trước không các vọng tưởng, rỗng rang thanh tịnh, là chẳng phải vi trần, niệm sau không thanh tịnh ấy là vi trần.

Phi thế giới thị danh thế giới : là bằng không vọng niệm tức thế giới Phật, còn có vọng niệm tức thế giới chúng sanh. Niệm trước thanh tịnh tức chẳng phải thế giới, niệm sau không thanh tịnh tức là thế giới.

Tạ Linh Vận giải: Tan ra làm vi trần, hiệp lại thành thế giới, không tánh là chẳng chẳng phải vi trần thế giới, giả danh là vi trần thế giới.

Xuyên Thiên sư giải: Phương Nam: Thiêm Bộ Châu, phương Bắc: Uất Đôn Việt.

Tụng:

Trên trời che, Dưới đất chở,

Đói thì ăn, buồn thì ngủ,

Đông độ Tây thiên, Tây thiên Đông độ,

Tháng giêng, mồng một tức đầu năm,

Đồng cả thế gian đâu cũng có.

---o0o---

66.-ÂM:

Tu Bò Đê! Ư ý vân hà? - Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ? - Phát dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? - Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng?".

NGHĨA:

Tu Bò Đê! Ý ông thế nào? - Nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai chăng? - Bạch đức Thế Tôn! Không - Chẳng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai.

Bởi có sao? - Bởi Như Lai nói ba mươi hai tướng, nhưng chẳng phải tướng, chỉ cưỡng danh là ba mươi hai tướng?".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Vi trần trong tam thiên thế giới thiết cũng là nhiều; nhưng gặp mưa thì thành bùn, mà bị lửa lại thành ra ngói gạch, hẳn không có định thể, không chỉ là chơn thiết vi trần cả; cho nên nói: Chẳng phải vi trần, chỉ cưỡng danh vậy thôi.

Ấy là nói về vật thiệt nhỏ mà thiệt nhiều, còn như vật thiệt lớn như là thế giới, mà thế giới cũng chẳng phải là chơn thiệt; đến khi kiếp số hết rồi thì phải hư hoại. Ấy là hư vọng chẳng phải chơn thiệt chỉ cưỡng danh là thế giới.

Phật tuy hiện sắc thân ra ba mươi hai tướng, chớ đến khi nhập Niết bàn thì cũng đều không cả. Chẳng nên dùng tướng ấy mà cho là chơn tánh Phật, cho nên nói: Chẳng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là chơn tánh Như Lai - Chử Như Lai này tức là chơn tánh Phật, còn bài sau nói: "Như Lai nói ba mươi hai tướng", chữ "Như Lai" đó tức là sắc thân Phật.

Phật nói : "Ta nói ba mươi hai tướng là chẳng phải tướng" (chẳng phải tướng chơn thiệt), chỉ cưỡng danh vậy thôi.

Đại ý trong phần này nói: Nhỏ như vi trần, lớn như thế giới, tốt như sắc thân Phật, thầy đều hư vọng giả hiệp, chỉ có cái hư danh mà thôi, rốt rồi cũng phải biến hoại, duy có cái chơn tánh mới là chơn thiệt; nên từ xưa đến nay chẳng hề biến hoại.

Trần Hùng giải: Ba mươi hai tướng tốt đẹp khác thường, hình thể sáng chói như ngọc lưu ly. Tướng ấy chẳng phải là tại dục ái mà sanh, cũng như Kinh Lăng Nghiêm nói vậy. Nếu nói không phải tại dục ái mà sanh thì hẳn bởi tại tiền thân có tu ba mươi hai hạnh mà có.

Người đời luống chấp ba mươi hai tướng mà chẳng tu ba mươi hai hạnh, thì làm sao mà thấy đặng Pháp thân Như Lai?

Lại nói: Như Lai bởi có hạnh ấy nên mới có tướng ấy.

Nói tướng là đại ý nói bởi ba mươi hai hạnh, còn nói chẳng phải tướng là nói Pháp thân.

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Pháp thân của chư Phật không thể nghĩ bàn đặng, không hình sắc cũng không ảnh tượng".

Vậy nên nói ba mươi hai tướng của Như Lai, là bởi có ấy, chớ không chi khác.

Kinh Bát Nhã có nói về ba mươi hai tướng của Như Lai:

1. Dưới bàn chân đầy đủ,
2. Dưới chân có cả ngàn chỉ khu ốc,
3. Tay chân mềm dịu,
4. Ngón chân như chân nhạn,
5. Ngón tay ngón chân đều no tròn,
6. Gót xứng với bàn chân,
7. Bàn chân xứng với gót,
8. Hai chân tròn vót như chân nai,
9. Tay dài thòng tới đầu gối,
10. Âm tướng qui tàng,
11. Chân lông ửng màu xanh tía,
12. Lông đều xoay qua phía hữu,
13. Da trơn mịn không dính dơ,
14. Màu da sắc vàng,
15. Tay chân vai cổ, bảy chỗ đầy đủ,
16. Cổ tròn lạ thường,
17. Hai cái nách no đủ,
18. Dung nghi đoan chánh,
19. Thân tướng trang nghiêm,
20. Hình thể xứng nhau,

21. Oai dung như sư tử,
22. Chói hào quang mỗi phía một tâm,
23. Hàm răng bốn mươi cái khít và bằng,
24. Bốn răng cắm trắng và bén,
25. Trong miệng có mùi thơm,
26. Lưỡi dài che đặng cả cái mặt,
27. Tiếng Phạm dịu dàng đủ giọng,
28. Lông nheo như Ngưu vương,
29. Con mắt có quầng đỏ,
30. Mặt như trăng tròn,
31. Chỗ gian mi có lông trắng,
32. Trên đầu lồi thịt lên như đầu tóc.

Nhan Bính giải: Cứ theo tướng tốt đẹp của Như Lai là cái bốn tánh rộng rang vắng lặng không có tướng chi cả, chớ chẳng phải dùng ba mươi hai tướng mà cho bốn tánh đặng.

Khi Phật ở trên cõi Trời Đao Lợi, ông Mục Liên biểu thợ chạm ba mươi hai tướng của Phật; thợ chạm đặng có ba mươi một tướng, duy còn tướng Phạm âm chạm không đặng.

Ông Viện chủ hỏi ông Nam Tuyên: "Thế nào là tướng Phạm âm?"

Đáp: "Sái thì hai người".

Lý Văn Hội giải: Tam thập nhị tướng là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, trong năm căn ấy đều đủ sáu hạnh Ba la mật; là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Còn cái căn ý sẵn đủ pháp Vô trụ, Vô vi, đủ hạnh thanh tịnh mới gọi là ba mươi hai tướng.

Như Lai thuyết tam thập nhị tướng v.v... là nói Pháp thân có danh không tướng, nên nói chẳng phải tướng, mà đã tỏ đặng chẳng phải tướng thì rõ đặng chơn tánh Như Lai.

Tiêu Diêu Ông giải: Phải biết Pháp thân của chư Phật, bốn tánh không có thân chi, lấy tướng hảo trang nghiêm mà làm thân. Cho nên ông Lâm Tế có nói: "Chơn Phật không hình, chơn đạo không thể, chơn pháp không tướng" là vậy.

Xuyên Thiên sư giải: Mượn áo của bà mừng tuổi bà.

Tụng:

Người có thì ta có,

Người không ta cũng không.

Có, không đều chẳng chấp,

Đôi diện miệng mồm đồng.

---o0o---

67.-ÂM:

"Tu Bồ Đề? Nhược hữu Thiện nam tử; Thiện nữ nhơn, dĩ Hằng hà sa đặng thân mạng¹¹⁴ bố thí.

NGHĨA:

"Tu Bồ Đề! Bằng có trai lành, gái tín nào đem thân mạng bằng như số cát sông Hằng mà bố thí.

Giải : Lý Văn Hội giải: Như có người đem cả thân mạng mà bố thí đặng cầu đạo Vô thượng Bồ đề, là trụ tướng bố thí.

Kinh Thiên Yếu có nói: "Nếu mà cầu tướng bề ngoài, dầu lịch kiếp cũng không chi đặng".

Lại kinh Giáo Trung có nói: "Nếu tướng cho có thân mà bỏ đặng, thì chẳng tỏ cái nghĩa Uẩn không".

Thuở xưa có vua nước Kế Tân mang gươm đến chỗ ông Sư Tử Tôn giả¹¹⁵ mà hỏi rằng:

- Sư tỏ đặng cái lý Uẩn không chẳng?.

- Đã đặng rồi.

- Hãy cho ta cái đầu.

- Thân còn chẳng có, huống chi là đầu.

Dứt lời vua bèn chém đầu Tôn giả, thì thấy máu trắng như sữa, phun vọt lên cao hơn một trượng, rồi thình lình cái tay của vua tự nhiên rụng xuống.

Bởi biết đặng nhơn, pháp đều không, nên bồ thí chẳng trụ tướng. Sở dĩ ông Tôn giả không sợ chết là thế ấy.

Ông Phó Đại Sĩ có lời tụng:

"Pháp tánh không sau trước,

Dung quang chẳng cự tân.

Uẩn không là giả hiệp,

Chỉ có ngã cùng nhân".

Cho nên đem cả thân mạng mà bồ thí thì trở lại không hạp với đạo Bồ đề. Nếu chẳng rõ đặng Phật tánh, dầu cho đem cả thân mạng như số cát sông Hằng, mà bồ thí, nào có ích chi!

Tụng tiếp:

Dùng thân mạng bồ thí, Nghiệp phước lợi càng xa.

Ngăn ngại lòng A nậu, Lu mờ tánh Mật đa,

Vườn khờ mò bóng nguyệt, Mất chóa lượm vàng hoa.

Biển ái thường chìm nổi, Sông mê luống lại qua.

---o0o---

68.-ÂM:

Nhược phục hữu nhơn u thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đặng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thậm đa".

NGHĨA:

Nếu lại có người giữ theo trong kinh này mà thọ trì cho đến những tứ cú kệ và diễn thuyết lại cho người khác, thì đặng phước rất nhiều".

Giải : Nhan Bính giải: Đặng thân mạng bố thí, đặng là sánh, là tuy ham làm phước chớ rốt lại cũng chẳng rõ bốn tánh. Ví như sanh nhằm nhà giàu sang kiêu căng phóng túng thì không dễ gì là chẳng tạo nghiệp, hẳn phải bị lấy nghiệp báo; đâu bằng thọ trì Tứ cú kệ rồi vì người mà giảng giải; tự lợi lợi tha, đặng phước rất nhiều.

Phó Đại sĩ giải:

Tụng:

Tứ cú trong kinh nói, Nên trì niệm tại thân.

Người ngu coi tợ huyễn, Kẻ trí nhận rằng chân,

Pháp tánh không sau trước, Dung quang chẳng "cự tân".

Uân không là giả hiệp, Chỉ có ngã cùng nhân,

Xuyên Thiên sư giải: Hai sắc chung một bản.

Tụng:

Rành nghề chùy ít hay rành kiếm,

Người thiện nghệ đều gồm lão luyện,

Khỏi dụng an bài sẵn tự tâm,

Xử thân phải đủ tài quyền biến.

La la lý! Lý la la!...

Trên non hoa trở, Dưới nội chim ca.

Lúc này mà đắc ý, Tùy chỗ tát bà ha.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

69.-ÂM:

Nhĩ thời Tu Bồ Đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thu, thế lụy bi khắp, nhi bạch Phật ngôn:

"Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển; ngã từng tích lai sở đắc huệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh".

NGHĨA:

Khi ấy, Tu Bồ Đề nghe nói kinh này, tỏ đặng cái nghĩa sâu xa, nên sa nước mắt, than khóc mà bạch Phật rằng: "N hư đức Thế Tôn ít có! - Phật nói kinh điển rất sâu xa đường ấy, tôi từ khi đặng huệ nhãn đến nay, chưa từng nghe đặng kinh như vậy".

Giải : Trần Hùng giải: Thâm giải nghĩa thú là ông Tu Bồ Đề đã tỏ cái lý không tướng của chơn không.

Thế lụy bi khắp : là thương phận mình gặp Phật rất muộn nên không tỏ ngộ sớm.

Nhan Bính giải: Thâm giải là rất sáng suốt, tỏ ngộ.

Lý Văn Hội giải: Ông Tu Bồ Đề nghe thuyết kinh này tỏ ngộ nhơn pháp đều không thấu đặng cái lý trung đạo, nên than thở là ít có rồi cảm động mà sa khóc.

Vị tăng đắc văn : là khi trước đặng huệ nhãn, biết cái có là không, ngày nay nghe kinh này: cái không lại cũng bỏ.

Ấy là tỏ lý Trung đạo, nên muốn đem giáo pháp mà truyền lại đời sau.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Nghe rõ lý kinh giải, Nửa vui nửa lại rầu,
Khách trần đừng có nhiễm, Năng sở cũng không cầu.
Tỏ tánh mê cho chóng, Chứng thành Phật chẳng lâu.
Bởi nhờ trí tự tại, Phương tiện dạy người tu.
Xuyên Thiền sư giải: Đáng cười cho; nói dẫu trước mặt.

Tụng:

Từ nhỏ từng quen thú bốn phương,
Non Đoài mấy độ với sông Tương.
Một mai gặp đặng đàn hương lý,
Biết đã nhiều năm lạc dặm trường.

---o0o---

70.-ÂM:

Thế Tôn! Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh, tức sanh thiệt tướng; đương tri thị nhơn thành tựu đệ nhất hy hữu công đức.

NGHĨA:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu lại có người đặng nghe kinh này, mà lòng tin thanh tịnh, bèn sanh thiết tướng, phải biết người ấy thành tựu cái công đức thứ nhứt ít có.

Giải : Lý Văn Hội giải : Tín tâm thanh tịnh là tin đặng cái bổn lai không có pháp chi mà đặng; chẳng khởi vọng niệm, lòng thường vắng lặng, rỗng rang thanh tịnh.

Tức sanh thiết tướng : là rỗng rang tỏ ngộ, muôn pháp bởi lòng thanh tịnh mà kiến tạo ra mới là thiết tướng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Vốn chẳng tâm "vô cảnh", Cảnh "vô tâm" vẫn không.

Cảnh vong tâm phải dứt, Tâm diệt cảnh nào mong.

Thiết tướng kinh thường , Nhiệm màu lý khó thông.
nói,

Liễu tri duy có Phật, Tiểu Thánh hẳn không trông.

Trần Hùng giải: Trong cái tánh có đủ Pháp thân của Như Lai, như vậy mới gọi là sanh thiết tướng.

Kinh Viên Giác có nói: "Cả thấy thiết tướng đều bởi tánh thanh tịnh, tỏ lý mà chứng đặng thiết tướng; ta vốn biết cái công đức thành tựu Pháp thân cũng không hơn đặng". Cho nên nói: "Thứ nhứt ít có", thiết đáng thay!

Trong kinh này, thường thường hề nói đức thì có nói phước, đây lại nói riêng công đức mà không nói phước, là đến khi công thành quả mãn thì phước không đủ luận.

Cho nên trong Đàn kinh có câu: "Công đức ở trong Pháp thân chẳng phải ở tại phước".

Nhan Bính giải: Tức sanh thiết tướng: là tỏ đặng tự tánh.

Thành tựu đệ nhưt v.v.. là: mê tức Phật là chúng sanh, ngộ tức chúng sanh là Phật. Đạo của chư Phật đồng với nhau, không có pháp chi bằng bậc đặng.

---o0o---

71.-ÂM:

Thế Tôn! Thị thiết tướng giả, tức thị phi tướng; thị cố, Như Lai thuyết danh thiết tướng.

NGHĨA:

Bạch đức Thế Tôn! Thiết tướng ấy, nhưng chẳng phải tướng; cho nên Như Lai nói: Cường danh là thiết tướng.

Giải : Nhan Bính giải: Phật nói: "Thiết tướng không có tướng". Còn nói cái thiết tướng ấy, nhưng chẳng phải tướng, là trống rỗng như cõi Thái hư, không có chút hình tướng chi. Nếu tỏ đặng thiết tướng thì không nên chấp trước lấy nó; như lời tụng của ông Phó Đại Sĩ: "Bỉ ngạn tránh xa đi" thì thiết tướng chỉ có cái hư danh, vốn không có chi mà đặng.

Lý Văn Hội giải: Tức thị phi tướng : là thiết tướng không có tướng, nên nói: "Chẳng phải"; nhưng mà chẳng phải là không có thiết tướng! Ví như: lông rùa, sừng thỏ, thì nói: Rùa không lông, thỏ không sừng, chớ không nói: Không có lông rùa, sừng thỏ. Còn thiết tướng thì nó thiết tướng chẳng có tướng, chớ không nói chẳng có thiết tướng vậy.

Đạt Ma giải: Nếu rõ thiết tướng thì biết "chẳng phải tướng". Nếu rõ "chẳng phải tướng" thì các sắc tướng cũng vậy. Phải biết ở nơi sắc mà chẳng có sanh sắc, ở nơi tướng mà chẳng có ngại tướng, ví như chất muối trong nước, sắc thanh trong màu, quyết rằng thiết có, nhưng chẳng thấy hình là vậy.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Chúng sanh với thọ giả,

Ngũ uẩn cường hư danh.

Sùng thờ không chi thiết,

Lông rùa chẳng có hình.

Xuyên Thiên sư giải: Sơn hà đại địa chỗ nào mà có?

Tụng:

Lóng nghe nước phẳng , Xa thấy núi xanh xanh. lặng.

Xuân hết hoa còn lại, Người gần chim chẳng kinh.

Đâu đâu bày đã lộ, Vật vật thể đều bình.

Sao lại còn chưa rõ, Điều điều thiện rất minh.

---o0o---

72.-ÂM:

Thế Tôn! Ngã kinh đặc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì bất túc vi nan.

NGHĨA:

Bạch đức Thế Tôn! Con nay đặng nghe kinh điển như vậy, tin hiểu mà thọ trì, chẳng đủ là khó.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Tín giải : là tin theo nghĩa ấy mà hiểu rõ. Thọ trì: là vưng theo nghĩa ấy mà trì tụng.

Trần Hùng giải: Không lòng hồ nghi là tín, hiểu thấu ý nghĩa là giải, kính vưng khẩn khẩn là thọ, bội phục luôn luôn là trì.

Lý Văn Hội giải: Tỏ ngộ nhờn pháp đều không, lòng không chấp bỏ, rộng rang thanh tịnh, ấy là tín giải thọ trì.

Như Lai dùng pháp từ bi phương tiện đặng hóa độ người mê; mê tức Phật là chúng sanh, ngộ tức chúng sanh là Phật. Nếu hay tỏ ngộ muôn pháp đều

không, nhận chứng bệnh mà đầu thang; dùng: mê đối ngộ, lành đối dữ, tịnh đối động, huệ đối ngu. Các thứ tu hành duy có so sánh như thế, việc ác chẳng nên làm, điều lành phải ráng sức.

Cứ do theo đó mà làm, thì thông dong tự tại nào có khó chi!

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Không sanh nghe lý nhiệm, Như cỏ lộn trong vừng (cây).

Kẻ tục xem môn dạy, Tợ sen ở lửa hừng.

E người sanh đoạn diệt, Nên Phật vạch che giảng.

Các tướng đều lìa bỏ, Rõ ràng ứng, hóa thân.

Xuyên Thiên sư giải : Bằng sau không nói, thì lời trước khó thông.

Tụng:

Khó khó!... Khó tợ lên trời quá khó khăn.

Dễ dễ!! Dễ như thức, ngủ, dễ như ăn.

Đi thuyền yếu tại người coi lái Ai nói phong ba dậy đất bằng

---o0o---

73.-ÂM:

Nhược đương lai thế, hậu ngũ bá (_ 1 _) tuế, kỳ hữu chúng sanh đặc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhơn tức vi đệ nhất hy hữu.

Hà dĩ cố? - Thử nhơn vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

NGHĨA:

Nếu qua đến đời vị lai, sau năm trăm năm sau, có chúng sanh đặng nghe kinh này, tin hiểu mà thọ trì, thì người ấy thiệt là đệ nhứt rất ít có.

Bởi có sao? - Bởi người ấy, không ngã tướng, không nhơn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

Giải : Lý Văn Hội giải: Bằng người lòng thường vắng lặng rỗng rang thanh tịnh, chẳng chấp các tướng; ngộ cái tâm không có chỗ trụ, tỏ cái pháp không có "sở đắc", vậy mới là "thứ nhứt ít có".

Xuyên Thiên sư giải: Đi đứng nằm ngồi, ăn cơm mặc áo, lại có việc gì?

Tụng:

Đất thì chắc, Gió thì tan;

Lửa tánh nóng, Nước tánh hàn.

Phật Đà chân đạp đất , Cột phương ngọn đưa lên.

Muốn tin cho chắc chắn, Bắc đẩu phía Nam xem.

---o0o---

74.-ÂM:

"Sở dĩ giả hà? - Ngã tướng tức thị phi tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức thị phi tướng.

Hà dĩ cố? - Ly nhứt thiết tướng, tức danh chư Phật".

NGHĨA:

"Sở dĩ sao? - Ngã tướng, tức chẳng phải tướng, mà nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng cũng tức là chẳng phải tướng.

Bởi có sao? - Lìa cả thấy tướng, tức là chư Phật".

Giải : Lý Văn Hội giải: Tức thị phi tướng: là trước nói "không tướng", ấy là bỏ tướng đặng rõ cái nghĩa "không", rồi lại nói "chẳng phải tướng", ấy là tỏ ngộ bốn tướng bỗng lai chẳng sanh, cho rõ cái thiệt tướng.

Ly nứt thể chư tướng v.v... là tỏ ngộ thiệt tướng thì không có chi bằng bực đặng; nên biết người ấy chẳng chấp hai bên, chẳng chấp Trung đạo; cả thầy không trụ, tức là chư Phật.

Lại nói: Lìa tướng thanh tịnh thì rõ lý Tam không, mới đúng với thiệt tướng, mới ráo rớt viên mãn; trước thì Nhơn không, kế đó Pháp không, sau mới Không không. Chư Phật ba đời đồng chứng lý ấy, cho nên nói là:"Phật".

Xuyên Thiên sư giải: Lòng chẳng phụ người, mặt không sắc hổ.

Tụng:

Tre già nứt mọt non,

Nhành cũ đơm hoa mới.

Mưa giục khách vào nhà,

Gió đưa bươm chạy tới.

Trúc rậm không ngăn nước lớn ròng,

Non cao dễ đón mây qua lại.

---o0o---

75.-ÂM:

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Như thị, như thị".

NGHĨA:

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Như vậy, như vậy".

Giải : Lý Văn Hội giải: Như thị như thị: là Phật nhận cho ông Tu Bồ Đề đã rõ đặng cái nghĩa không, rất hợp theo pháp ý của Như Lai.

Trần Hùng giải: Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Lìa các tướng hòa hiệp, ấy là bực Thượng giác".

Phật mà nói là Giác, là: ngoài giác lìa cả thấy tướng có, trong giác lìa cả thấy tướng không; chỗ tướng mà lìa tướng, chỗ không mà lìa không, nên mới đặt cái lý diệu màu không tướng của chơn không.

Bởi vậy mới gọi là Phật.

---o0o---

76.-ÂM:

Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị kinh, bất kinh, bất bố ¹¹⁶, bất úy, đương tri thị nhơn, thậm vi hy hữu.

NGHĨA:

Lại như có người chẳng nghe kinh này, chẳng ngại, chẳng sợ, chẳng nhút nhát, phải biết người ấy, rất là ít có.

Giải : Triệu Pháp sư giải: Bực Đại thừa văn huệ giải, là một khi nghe kinh không có sắc sợ, nên nói "chẳng ngại".

Bực Đại thừa tư huệ giải : là tin chắc không nghi, nên nói chẳng nhút nhát.

Bực Đại thừa tu huệ giải: là vững giáo lý mà tu hành, không có khi báng, nên nói chẳng sợ.

Trần Hùng giải: Chẳng ngại thì lòng không nghi, chẳng nhút nhát thì lòng không sợ, chẳng sợ thì lòng không thối.

Lý Văn Hội giải: Bất kinh, bất bố, bất hủ: là nếu lòng vắng lặng rỗng rang thanh tịnh sánh tày hư không thì có chi mà kinh sợ! - Thậm vi hy hữu: là những bực thượng căn khí đáng nghe kinh này lòng xét thọ trì, hằng không thối chuyển nên biết người ấy thiệt là có.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Bằng phát tâm hành đạo, Phải tỏ lý hai bên.
Tịch tịnh sao rằng tướng, Bò đê há gọi duyên.
Không xe không kẻ cỡi, Chẳng pháp chẳng chi non.
Muốn rõ thông chơn đế, Trước tìm lấy bốn nguyên.

Xuyên Thiên sư giải: Bối tự mình mình.

Tụng:

Mấy lông hút biển cả, Hột cải nhét non Tu.
Chói lói vùng minh nguyệt, Tung bùng khắp đại châu.
Dò đặng đàng về quê quán cũ Đông, Tây, Nam, Bắc hết phiêu lưu

---o0o---

77.-ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu BÒ ĐÊ! Như Lai thuyết đệ nhất Ba la mật, tức phi đệ nhất Ba la mật, thị danh đệ nhất Ba la mật.

NGHĨA:

Bối có sao? Này Tu BÒ ĐÊ! Như Lai nói Ba la mật thứ nhất, (Bát Nhã Ba la mật) nhưng chẳng phải Ba la mật thứ nhất, chỉ cường danh là Ba la mật thứ nhất.

Giải : Số Sao giải: Hà dĩ cố: là nêu rõ pháp tối thắng trong cái nhân địa.

Đệ nhất Ba la mật: Ba la mật có mười thứ: 1. Bồ thí; 2. Trì giới; 3. Nhẫn nhục; 4. Tinh tấn; 5. Thiên định; 6. Trí huệ; 7. Từ; 8. Bi; 9. Phương tiện và 10. Bất thối.

Nói Ba la mật thứ nhất tức là Bồ thí Ba la mật.

Hỏi: Thế nào là nói pháp Bồ thí là thứ như?

Đáp: Pháp Bồ thí gồm đủ cả muôn hạnh thấu đến quả Bồ đề, cũng nhờ hành cái pháp ấy, bởi nó sanh xuất đặng các điều lành.

Nói "chẳng phải" là e người có lòng năng sở.

Trước phải bỏ cái giả danh mà làm pháp Bồ thí vô trụ tướng. Cho nên nói "Chỉ cưỡng danh là pháp Ba la mật thứ như".

Lý Văn Hội giải: Như Lai thuyết đệ như Ba la mật : là nếu tỏ ngộ chẳng phải tướng thì thấu đến bờ kia; thiệt tướng không có hai, nên nói: thứ như.

Phi đệ như Ba la mật : là tỏ ngộ non, pháp đều không, thì có sanh tử đâu mà độ, có bờ kia đâu mà đến, rồi có chỗ nào là thứ như! Cho nên nói: "Chẳng phải thứ như".

Thị danh đệ như Ba la mật: là tỏ ngộ cả thấy pháp, thì biết cả thấy pháp đều là giả danh.

Kinh Pháp Hoa có nói:

"Chỉ dùng danh tự giả,

Đặng dắt chúng sanh vào".

Nếu tỏ ngộ đặng lý ấy tức là vào trong pháp môn kiến tánh. Cho nên nói: "Chỉ cưỡng danh là pháp Ba la mật thứ như".

Giả danh ấy cũng như lấy lá cây vàng, giả làm vàng, đặng để dỗ con nít khỏi khóc đó thôi.

Hai bực thừa nghe nói giả danh, tưởng cho rằng thiệt, rồi chấp theo đó mà tu đặng thoát vòng sanh tử; vốn chẳng biết có sanh tử đâu mà là.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Đạo pháp Ba la mật, Phân ra cả chục tên.

Vọng chơn chia đẳng cấp, Mê ngộ cách rào phen.

Trong lửa tìm nguồn nước, Trên không kiếm tiếng rền

Như như nào đặng mát, Vậy mới gọi viên minh.

Xuyên Thiên sư giải: Mở bát rõ ràng, ra tay chỉ vẽ.

Tụng:

Gọi là đệ nhứt Ba la mật,

Từ ấy mới thiên sai vạn biệt

Mặt qui, đầu thần đối diện đây,

Lúc này, chớ nói rằng không biết.

---o0o---

78.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai thuyết, phi nhẫn nhục Ba la mật, thị danh nhẫn nhục Ba la mật.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai nói chẳng phải nhẫn nhục Ba la mật, chỉ cưỡng danh là nhẫn nhục Ba la mật.

Giải : Số Sao giải: Nhẫn nhục Ba la mật : là Ba la mật thứ ba trong mười Ba la mật.

Vương Nhựt Hưu giải: Phật bảo ông Tu Bồ Đề: "Nếu nhẫn nhục đặng thì không dấy lòng sân, không hỗn loạn chơn tánh, mới đến đặng cái "bồ kia" của Bồ Tát và chư Phật. Cho nên nói: Nhẫn nhục Ba la mật.

Phật khi thì tự xưng Như Lai, khi xưng Phật, khi xưng Ta. Xưng Ta là Ngài xưng riêng, còn xưng Như Lai, Phật là Ngài và chư Phật Như Lai đều có nói. Trọn cả bộ kinh này cũng đều như vậy.

Phật nói: Ta cùng chư Phật nói nhĩn nhục Ba la mật, đó không phải là Ba la mật chơn thiệt, bởi trong chơn tánh không có nhĩn nhục Ba la mật. Cho nên nói: "Chỉ cưỡng danh là nhĩn nhục Ba la mật".

Lý Văn Hội giải: Nhĩn nhục Ba la mật là nếu có chấp lòng "năng nhĩn" tức còn thấy có chơn tướng, thì không thông lý "chẳng phải tướng": ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Ông Thái Dương Thiên sư giơ đũa lên hỏi ông Tăng: Biết chẳng?

Đáp: Chẳng biết.

Sư nói: Phùng lên sáng lò sa giới, tắt rồi vốn chẳng có chi !

Ông Bàn Cư sĩ hỏi ông Mã Tổ: Chẳng làm bạn với muôn pháp là người gì?

Đáp : Hồi quang tự chiếu đi, chùng nào người hớp một bụng cho hết nước sông Tây Giang rồi ta sẽ nói cho.

Viên Ngộ Thiên sư giải: Hiểu đặng lý ấy cho thấu đáo thì muôn pháp ở trước mắt đều tiêu trầm, vọng tưởng từ đời vô thỉ cũng dứt tuyệt.

Lại nói: Cái "không lớn" không còn chi ngoài, cái hình lớn không thấy hình đặng; rút cả thế giới lại bằng hột lúa, thâu hư không lại bằng hột châu nắm trong tay, kéo nước Tân La cùng nước Ba Tư cụm đầu lại; ở Đông Thắng Thần châu bắn mũi tên quá trúng cái gò bên Tây Cù Va Ni - Sở dĩ nói: Sở khô bằng đại thiên thế giới, suy nghĩ ra thành thói cũ lệ xưa. Bằng chưa ra khỏi ám giới, còn can thiệp sự kiến tri, nghe lời nói nào cũng như vịt nghe sấm, như gãi ngứa ngoài vẩy. Bây giờ bỏ hết căn trần dứt hết cảnh sạ còn dư lại một cái "tuyệt sách"¹¹⁷ không nhiễm hai bên. Chùng ấy rồi nói cho là câu gì? Có hiểu rõ chẳng?

Chánh thị:

Sư tử đá ngồi trong Phật điện,

Côn Lôn sắt đứng giữa băng dương.

Như Lai thuyết phi nhãn nhục Ba la mật: là tỏ ngộ nhơn pháp đều không, không có tướng nhãn nhục. Ấy mới hiểu cái lý "chẳng phải tướng": Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Cho nên nói: "Chẳng phải nhãn nhục".

---o0o---

79.-ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Như ngã tích vi Ca Lợi Vương cát triệt thân thể, ngã ư nhĩ thời, vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? - Ngã ư vãng tích tiết tiết chi giải thời; nhược hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ung sanh sân¹¹⁸ hận.

Tu Bồ Đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bá thế tác nhãn nhục Tiên nhơn, ư nhĩ sở thể, vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Như Ta thuở trước bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể, trong khi ấy, Ta không ngã tướng, không nhơn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng. Bởi có sao? - Hồi thuở trước, khi Ta bị rã rời xương thịt, nếu Ta có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phải sanh lòng hờn giận.

Tu Bồ Đề! Lại nhớ đến năm trăm đời về trước, Ta làm vị Tiên nhãn nhục, trong cái đời ấy, không ngã tướng, không nhơn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng.

Giải : Triệu Pháp sư giải: Ca Lợi Vương : là cái việc trong nhân duyên của Như Lai. Lúc ấy Bồ Tát đã rõ đặng cái lý "không ta" cho nên hay nhãn nhục.

Tụng:

Uẩn thân đâu phải có,

Tứ đại vẫn là không.

Đưa cổ vào grom bạc,

Dường như chém gió Đông.

Nếu lấy theo các vị đại Tông sư mà luận, thì trước nói pháp Quyền giáo hữu vi, sau mới nói rõ cái thiết tướng vô vi. Còn lấy theo "Bảo Pháp" mà luận thì: Ca là biệt danh của huệ; Lợi là đao; mà chẳng phải đao của thế gian. Vương là tâm. Ấy là dụng đao trí huệ đặng cắt đứt cái thân thể "vô minh phiền não".

Ứng sanh sân hận là nói Sắc thân với Pháp thân chẳng đồng nhau; phải biết trong lúc cắt đứt thân thể đó chẳng thấy có thân tướng, cũng chẳng thấy có bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, thì có chỗ chi mà sân hận?

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Vị như cỡi hư không, ở trong mười phương không thể cầu đặng", nhưng mà chẳng phải là không hư không; lòng của Bồ Tát cũng in như thế.

Lục Tổ giải: Ca Lợi Vương là Vua vô đạo cực ác. Thế: là đời.

Trong nhân duyên năm trăm đời của Như Lai tu hành pháp Nhẫn nhục Ba la mật, mới đặng bốn tướng chẳng sanh.

Lý Văn Hội giải: Như ngã tích vị v.v... là Như Lai lập giáo, pháp môn phương tiện rất nhiều; bằng lấy theo cái tướng của giáo pháp mà nói, thì trong kinh vẫn nói "Bị vua Ca Lợi cắt đứt đến nỗi xương thịt rã rời", không hề phát tâm sân hận.

Xuyên Thiên sư giải: Người trí chẳng trách kẻ ngu.

Tụng:

Như dùng đao chặt nước,

Thôi ánh sáng lửa hường.

Có sáng thì không tối,

Việc này cũng chẳng can.

Ca Lợi Vương! Ca Lợi Vương!

Nào hay điều quấy quá,

Gây đặng sự vinh quang.

Lý Văn Hội giải: Nhẫn nhục Tiên non là Như Lai đã năm trăm đời tu cái hạnh Nhẫn nhục Ba la mật, nên muốn khiến cho cả thầy chúng sanh đều thành tựu cái pháp Nhẫn nhục Ba la mật ; chẳng chấp các tướng.

Thấy cả thầy những người mê ngộ, hiền ngu, giàu nghèo, quý tiện, đều bình đẳng cung kính không sanh lòng khinh bỉ, nhẫn đến kẻ hung cùng đánh đập thầy đều nhẫn nhục mà lại đem lòng vui vẻ không có giận hờn.

Viên Ngộ Thiên sư giải: Đại phạm làm bực Thiện tri thức thì:

1. Giao tiếp với người phải lấy lòng từ bi, nhu hòa, thừa thuận,
2. Xử thân phải lấy lòng bình đẳng không tranh.

Nếu người dùng những điều hung ác mà gia hại ta, dùng những việc phi lý mà can phạm ta, chê bai nhục mạ ta, thì ta nên thôi bộ tự xét lấy mình, không so đo hơn thiệt, cũng chẳng giận hờn; bây giờ bỏ hết cũng như trước khi chưa có gây ra việc chi vậy, thì tự nhiên cái ma nghiệt nó sẽ tự tiêu; bằng so đo hơn thiệt, tiếng lại lời qua, thì biết bao giờ là cùng, mà lại cũng chẳng hiển dương đặng cái lực lượng của mình. Như vậy với hạng thường non nào có khác, cho nên cần phải thực hành như thế thì tự nhiên có lo chi là người không kính phục!

Vả chẳng người thấy tánh, nghe người khi báng¹¹⁹ như uống cam lồ, trong lòng mát mẻ, không có sự chi phiền não thì cái sức định huệ mới thành tựu đặng, nên chẳng bị sáu giặc nó cướp giật của báu trong nhà, công đức pháp tài sẽ từ ấy mà đặng sung mãn tăng tiến.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Kẻ bạo ngược vô đạo, Tức là Ca Lợi Vương.

Thiệt lòng sao quá độc, Hại Phật bị nhiều thương.

Kinh quá năm trăm thế, Thời gian mấy vạn nưon.

Chỉ nhờ môn nhẫn nhục, Mới chứng đặng chơn thường.

Xuyên Thiên sư giải: Không phép chi trước mắt, mặc dầu liễu lục hoa hồng;
chẳng lóng chút bên tai, tự ý oanh kêu yến hót.

Tụng:

Tứ đại nguyên "vô ngã", Sắc thân tức thị không.

Lý hư vô rộng lớn, Vòng vũ trụ bao dung,

Tu Di như cũ thường trợ trợ,

Ai kẻ nói xàm "cắt địa phong"?

---o0o---

80.-ÂM:

Thị cố, Tu Bồ Đề! - Bồ Tát ung ly nhứt thiết tướng, phát A nậu đa la tam
miệu tam bồ đề tâm.

NGHĨA:

Bởi vậy, Tu Bồ Đề này! Bồ Tát nên lìa cả thấy tướng, mà phát tâm Vô
thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải : Trần Hùng giải: Lìa cả thấy tướng tức là chư Phật, mà Bồ Tát mà chịu
cái giáo pháp không tướng của Như Lai. Nếu muốn chứng quả Phật phải
phát lòng Vô thượng Bồ đề, bởi vì lòng Bồ đề Vô thượng tức là lòng thanh
tịnh không tướng.

Vậy thì Bồ Tát nên lìa cả thấy tướng mà phát lòng ấy mới chứng quả Phật
đặng.

Lý Văn Hội giải: Ly nhứt thể tướng là lòng thường vắng lặng, chẳng sanh chẳng diệt, rỗng rang thanh tịnh. Ấy là lìa cả thấy tướng.

Xuyên Thiên sư giải: Phải! Đồng cũng dùng nó, khác cũng dùng nó.

Tụng:

Hễ có trong tâm, Thì phát ra bộ,

Tuyết nguyệt phong hoa, Trời xưa đất cũ.

Gà mỗi tàn canh gáy nhặt khoan,

Chào xuân xú xú hoa đua nở.

---o0o---

81.-ÂM:

Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thính, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng sanh vô sở trụ tâm; nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ.

NGHĨA:

Chẳng nên sanh tâm trụ sắc, chẳng nên sanh tâm trụ thính, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm không có chỗ trụ. Bằng tâm có trụ, tức là chẳng phải trụ.

Giải : Triều Thái Phó giải: Chuyên tu pháp Thiền định thì cả thấy trong mỗi giờ, tùy việc chi luận biện hoặc quán tưởng, chỉ làm cho đặng trụ chỗ không trụ thì đã đủ.

Quyển Tăng Triệu Ngũ Luận có nói: "Lòng của Thánh nhơn, trụ chỗ không trụ".

Quyển Nội Giải Chú có nói: "Trụ chỗ vô vi, ấy là có trụ; còn trụ không phương hướng, mới là không trụ".

Lục Tổ Đàn Kinh có nói: "Pháp môn của ta không trụ làm gốc".

Quyển Tọa Vong Luận Dục của ông Tư Mã Tử Vi có nói : "Chẳng nương theo một vật mà lòng thường trụ". Lại nói: "Phép xuất thế gian, dùng không chấp làm gốc".

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Cả thấy cảnh giới không sanh lòng chấp trước, thân, khẩu, ý thanh tịnh, trụ nơi hạnh "Vô ngại", mới diệt trừ cả thấy tội chướng".

Thế gian chịu cái kiếp sanh, đều bởi chấp trước có "ta" nếu lìa sự chấp trước ấy thì không có cái kiếp sanh vậy". Kinh Niết bàn có nói: "Phàm phu chấp "sắc" lại, cũng chấp "thức". Bởi chấp thức nên sanh lòng tham nhiễm, mà phải bị cái sắc nó buộc trói, rồi cái "thức" nó cũng buộc trói nữa. Bởi nó buộc trói đó, cho nên chẳng khỏi bị đại khổ: sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi và cả thấy phiền não đặng".

Vương Nhựt Hưu giải: Ứng : là nên. Bất ưng trụ sắc sanh tâm : là chẳng nên sanh tâm trụ trước những chỗ có hình sắc: như ưa lầu đài rộng lớn, đồ đạc tốt đẹp v.v...

Bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc sanh tâm: là chẳng nên sanh tâm trụ trước nơi thanh âm, hơi hám, mùi vị và chỗ cảm xúc; như ưa âm nhạc, ca hát, long não, đàn hương, xạ hương, món ngon vật lạ, gái tốt hầu xinh, đều là sanh tâm trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc cả.

Bất ưng trụ sắc sanh tâm : là Phật pháp vốn tùy cái căn khí của chúng sanh mà lập giáo, nếu trụ trước là còn chấp pháp, thì không do đâu mà thấy chơn tánh đặng. Cho nên chẳng nên sanh tâm trụ trước nơi pháp .

Ứng sanh vô sở trụ tâm: là hễ có trụ trước thì chẳng sanh tâm niệm.

Nhược tâm hữu trụ v.v... là tâm còn trụ trước thì chẳng phải chơn trụ.

Phải làm sao cho một niệm vắng lặng ví như hư không, thì mới rõ chơn tánh đặng.

Phần này đại lược đồng với phần thứ mười, mà đây còn nói lại nữa là muốn nói thêm cho rõ nghĩa; cũng bởi e có đệ tử nào nghe chưa thấu và kể đến sau chưa nghe, cho nên mới nói lại.

Phàm trong kinh này, chỗ nào nói điệp lại nghĩa cũng đều như vậy cả.

Lý Văn Hội giải: Bất ưng trụ sắc, thanh v.v.. là lòng chấp sáu trần, tức còn chấp các tướng; chấp bỏ thương ghét, không có thưở nào mà thôi đặng.

Ứng sanh vô sở trụ tâm là lòng không có trụ, tùy chỗ mà giải thoát, trong ngoài căn trần thấy đều trừ diệt; bằng cả thấy đều vô tâm, tức là không trụ.

Ông Triệu Châu có nói: "Ta thấy muôn triệu người đều là người muốn tìm cái chỗ làm Phật, nhưng trong số ấy kiếm lấy một người vô tâm cũng không đặng!...".

Tăng Nhưặc Nột giải: Lòng vốn không hình bởi khách trần mà có tướng; trần diệt tâm diệt, chơn tâm rỗng rang.

Ông Sát Thiên sư giải:

Tụng:

Hỏi người tâm ẩn, ẩn làm sao?

Thầy dạy là ai, dạy cách nào?

Lịch kiếp sờ sờ còn giả hiệu,

Lâu đời đạm đạm há phai màu!

Sen trong lò lửa làm thân tướng,

Thẻ tợ hư không chẳng thấp cao.

Chớ nói vô tâm rằng trúng đạo.

Vô tâm, nhưng cách mấy giang rào.

Viên Ngộ Thiên sư giải: Bồ Tát tại gia, tu theo hạnh xuất gia cũng như sen sanh trong lửa, vì bởi sự danh vị, quyền thế, nên ý khí khó mà điều phục đặng. Huông chi lại thêm lấy cái tâm hỏa thường thường ung đốt, trăm mối ngổn ngang; trừ ra những hạng tự mình bấy giờ tỏ ngộ; bỗng tánh diệu viên đến an nghỉ nơi cái trường "đại tịch", "đại định", mới làm đặng. Rỗng rang cái tánh bình thường, thấu chứng cái lý vô tâm, xem cả thấy pháp như mộng

huyền, bọt bèo, tâm địa thên thang tùy thời ứng tiết, tiêu khiển đều dứt trừ, rồi tùy cái lực lượng của tự mình mà hóa độ người chưa ngộ, đồng vào trong biển "Pháp tánh" vô vi vô sự. Vậy thì một phen ra khỏi cõi Nam Diêm Phù Đề này cũng chưa có chi là mệt sức.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Cúng dường chư Phật mười phương, không bằng cúng dường một người đạo Nhơn vô tâm. Thế nào là vô tâm? - Vô tâm là cái thể như như: trong thì như cây đá chẳng động chẳng lay, ngoài thì như hư không không ngăn không ngại.

Vả lại Phật thường nói cát sông Hằng, chư Phật, Bồ Tát, Đệ Thích, Phạm Thiên đi ngang qua cát cũng chẳng mừng, trâu dê trùng kiến đi ngang qua cát cũng chẳng giận, trần báu thơm tho cát cũng chẳng tham, cứt đá như uế cát cũng không góm. Như vậy mới là vô tâm.

Lìa cả thầy tướng thì chúng sanh với chư Phật vốn không sai khác. Nên phải làm thế nào choặng vô tâm thì mới là rốt ráo.

Nhược tâm hữu trụ v.v... là cái lòng chơn như vốn không chỗ trụ; nếu không trụ cả thầy pháp tướng thì mới đúng với lý đạo, còn trụ vào pháp thì sai với chánh giáo. Đã sai chánh giáo tức là chẳng phải chỗ trụ.

---o0o---

82.-ÂM:

Thị cố, Phật thuyết Bồ Tát tâm, bất ưng trụ sắc bồ thí.

NGHĨA:

Cho nên, Phật nói tâm của Bồ Tát chẳng nên trụ sắc mà bồ thí.

Giải : Tạ Linh Vận giải: Bất trụ sắc : là không chấp lấy tiền của mà bồ thí.

Trần Hùng giải: Lòng Bồ Tát là lòng gì? Là lòng không trụ Bồ Tát sáu căn thanh tịnh không có chỗ trụ, chớ có phải là bồ thí đặng mà cầu các sự muốn cho mãn ý đâu?

Các sự khổ, gốc bởi mấy căn không tịnh mà ra. Cho nên Phật đoán ngay rằng: "Không nên trụ sắc mà bồ thí".

Lý Văn Hội giải: Bất ưng trụ sắc bố thí là Bồ Tát có thấy có thân tướng đầu mà bỏ?

Hoặc ở trong nhà, hoặc ở ngoài đường, gặp cả thấy những người ngu mê nghèo khổ, mắng nhiếc đánh đập, lục soát tài vật, mà hay chịu thuận theo ý chúng nó, khiến sanh lòng hoan hỷ, không trở ngại giận hờn. Ấy là cái nghĩa bố thí.

Còn để tranh biện phải quấy, tiếc tiền của làm cho nghịch ý sanh ra hờn giận. Ấy là chẳng phải bố thí.

Huỳnh Nguyệt Thiên sư giải: Phạm phu chẳng chịu không tâm, e lạc vào không, chớ chẳng biết từ tâm vốn là không.

Người ngu trừ việc chẳng trừ tâm, kẻ trí trừ tâm chẳng trừ việc. Còn lòng Bồ Tát ví như hư không, cả thấy đều bỏ, có làm phước đức chi cũng đều không chấp trước.

Nhưng sự bỏ có ba bậc:

1. Trong ngoài thân tâm cả thấy trừ bỏ, ví như hư không không chỗ chấp trước, tùy sức giúp người: năng sở đều quên. Ấy là bậc "Đại xả".
2. Một phần lo hành đạo bố đức, một phần lo trừ bỏ, không lòng hy vọng. Ấy là bậc "Trung xả".
3. Làm nhiều việc lành, có lòng hy vọng, nghe pháp biết cái lý "không" rồi lại không chấp. Ấy là bậc "Tiểu xả".

Đại xả như đuốc trước mặt, không còn chi là mê ngộ. Trung xả như đuốc ở một bên, hoặc có sáng có tối. Tiểu xả như đuốc ở sau lưng, không thấy những hầm hố mà tránh.

Phó Đại sĩ giải:

Tụng:

Bồ Tát nên cao trí, Từ bi chẳng dám vong.

Hiển thân hùm đờ dạ, Cắt thịt ó no lòng.
Tinh tấn ba kỳ kiếp, Biếng lười một phút không.
Hạnh này như tổ ngộ, Sa giới thầy đều tôn.

---o0o---

83.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích nhứt thiết chúng sanh, cố ưng như thị bố thí.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích cho cả thầy chúng sanh, nên phải bố thí như vậy.

Giải : Lục Tổ giải: Bồ Tát chẳng phải vì tự mình vọng cầu chỗ ngũ dục đặng khoái lạc mà bố thí, chỉ vì trong thì phá lòng kiên tham, ngoài thì lợi ích cho cả thầy chúng sanh mà bố thí.

Trần Hùng giải: Bảy báu tuy đầy đại thiên thế giới, bằng núi Tu Di, cũng có khi phải hết, bố thí dùng của ấy làm sao cho đủ khắp cả mọi phương đặng.

Các vị Bồ Tát không cầu các sự tham muốn, không có lòng "năng thí", không có vật "sở thí". Phạm có lợi ích cho chúng sanh, thì việc chi cũng làm. Vậy thì, những loại hàm linh bảo thức, cả thầy đều gọi ơn nhuần.

Cái lòng bố thí thì phải như thế.

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

"Chẳng phải tự mình cầu khoái lạc,

Quyết vì cứu độ cả quần sanh.

Lý Văn Hội giải: Ưng như thị bố thí là kiệm tiện với mình mà hời hợt với người, ấy là lợi ích cho cả thầy chúng sanh. Còn lòng miệng in nhau, sự hiểu sự làm một cách, là lợi ích cho tự mình.

Học hiểu Phật pháp, tự nhiên, rỗng rang đều đủ kiến văn, rõ thấu muôn cảnh, không có chấp trước tức là người giải thoát tử ngộ. Như thế thì há không lợi ích hay sao?

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Phát tâm vì tự tánh, Công đức mới tu hành.

Không trông làm đại Phật, Có ý giúp quần sanh.

Từ bi bi lộng lộng, Trí huệ, huệ rành rành.

Tự lợi gồm tha lợi, Tam thừa há rập ranh.

Xuyên Thiên sư giải: Chỗ có Phật không đặng ở, chỗ không Phật mau chạy qua; đời sau chớ nói ta chẳng nói!

Tụng:

Sớm chơi Nam nhạc, Tối đạo Thiên Thai.

Rượt theo theo chẳng kịp, Phúc vắng vắng bên tai.

Tự đứng tự đi nào quái ngại, Đặng khoan khoan thể cũng khoan hoài.

---o0o---

84.-ÂM:

Như Lai thuyết nhứt thiết chư tướng, tức thị phi tướng; hựu thuyết: Nhứt thiết chúng sanh, tức phi chúng sanh.

NGHĨA:

Như Lai nói cả thấy tướng, tức là chẳng phải tướng; lại nói: Cả thấy chúng sanh, tức là chẳng phải chúng sanh.

Giải : Lục Tổ giải: Như Lai nói những tướng Ngã nhờn, rốt lại rồi cũng phải phá hoại, là bởi chẳng phải tướng chơn thiệt. Cả thấy chúng sanh đều là giả danh, nếu lìa vọng tâm thì chúng sanh cũng không có. Cho nên nói chẳng phải chúng sanh.

Trần Hùng giải: Trong kinh có nói: "Phàm chỗ có tướng đều là hư vọng"; người đều nói Như Lai không chỗ chi thuyết, thì Như Lai thuyết cả thấy tướng hư vọng hay sao? Vốn chẳng biết Như Lai có chỗ thuyết chơn thiệt, mà chỗ thuyết ấy là cái tướng không tướng của chơn không, rồi kể đó thì thuyết cái "chẳng phải tướng".

Kinh Niết bàn có nói: "Thấy đặng tánh Phật thì chẳng phải là chúng sanh, chẳng thấy tánh Phật, mới là chúng sanh".

Như Lai nói cả thấy các tướng là bởi có lòng thương xót chúng sanh; bằng tỏ ngộ đặng cái lý không tướng của chơn không, thấy đặng tự tánh Phật, thì tức là "chẳng phải chúng sanh".

Nhan Bính giải: Bỏn tánh vẫn không, không có chi mà đặng; há lại có cả thấy các tướng cùng cả thấy chúng sanh hay sao?

Lý Văn Hội giải: Hay giữ gìn giới luật, tu hành pháp lành, dùng mà bố thí lợi ích cho chúng sanh, không trụ các tướng, thì các tướng vốn không. Cho nên nói: "Chẳng phải tướng".

Còn chúng sanh là ngũ ấm hòa hiệp mà có. Cho nên cưỡng danh là chúng sanh.

Xuyên Thiên sư giải: Có sở trường riêng, chẳng cần đem ra.

Tụng:

Không phải tướng, không phải chúng sanh,

Mừng xuân cụm liễu, liễu lo oanh.

Núi sông trắng biển rành rành nói,

Mà cũng chưa thông luồng tức mình...

Chớ tức mình!

Mây vệt da trời muôn dặm xanh...

---o0o---

85.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Như Lai thị chơn ngữ giả, thiết ngữ giả, như ngữ giả bất cưỡng ngữ giả, bất dị ngữ giả.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Như Lai nói chơn chánh, nói chắc thiết, nói đúng lý, chẳng nói giả dối, chẳng nói lạ kỳ.

Giải : Tạ Linh Vận giải: "Chơn" thì chẳng dối, thiết thì chẳng hư. "Như" ắt trúng lý, "chẳng dối" là chẳng phải vọng ngữ, chẳng khác trước sau như một. Lời Thánh không làm, rất đáng tu hành theo.

Trần Hùng giải: Ấy là nói chơn thiết không vọng không hư. Ấy là nói như như hạp theo cái lý chơn như; chẳng phải lời hư dối, chẳng phải lời quái lạ. Vậy nên mới phá đặng cái lòng hồ nghi của chúng sanh.

Nhan Bính giải: Chơn mà không giả, gọi là nói: "Chơn". Thiết mà không hư, gọi là nói "thiết". Như như chẳng động gọi là nói "như", cho đến "chẳng nói dối", là Phật chẳng dối gạt người. Chẳng nói lạ là Phật không làm điều quái lạ.

Vậy thì năm lời nói ấy, là muốn cho người sanh lòng tin thiết, mà chẳng muốn sanh lòng nghi hoặc.

Lý Văn Hội giải: Mê thì cả thấy đều là vọng, nên chẳng chơn, chẳng thiết, chẳng như, có dối, có lạ, còn ngộ thì cả thấy chơn, cả thấy thiết, cả thấy như, chẳng dối, chẳng lạ.

Lại nói: Chơn ngữ : là cả thấy loại hàm linh đều có tánh Phật - Thiết ngữ : là cả thấy pháp vốn không có chi mà có. Như ngữ : là cả thấy muôn pháp bản lai không động - Bất cưỡng ngữ: là nghe cái pháp ấy đều đặng giải thoát - Bất dị ngữ : là cả thấy muôn pháp vốn là vắng lặng thì có chi mà "lạ"!

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Chúng sanh cùng uẩn giới, Danh khác thể không hai.

Mê tưởng tâm là có, Ngộ rồi lý chẳng ngoài.

Lời chơn lời há vọng, Nói thiệt nói đâu sai.

Sau trước nào đời đời, Như như tướng bốn lai.

Xuyên Thiên sư giải: Biết ơn thì ít, phụ ơn thì nhiều.

Tụng:

Hai cái năm tiền vốn một quan,

Chú trai, ông lão cũng là chàng.

Rành rành đối diện phân cho nó,

Chờ có xuân phong giá mới tan.

Nói chơn dạ! Nói thiệt dạ!

Hỳ hỳ hỳ! Hả hả hả!

---o0o---

86.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thiệt vô hư.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Pháp của Như Lai đặng, pháp ấy không thiệt không hư.

Giải : Lục Tổ giải: Vô thiết : là pháp thể vắng lặng không tướng chi mà đặng, vô hư : là trong ấy có hà sa tánh đức dùng không hết.

Vương Nhựt Hưu giải: Pháp này là bởi chúng sanh mà lập ra, chớ chẳng phải bởi trong chơn tánh, cho nên nói: "Chẳng phải chơn thiết"; nhưng mà chẳng nên chẳng mượn pháp mà tỏ ngộ chơn tánh và chẳng phải luống không có chỗ dùng, cho nên nói: "Chẳng phải hư vọng".

Trần Hùng giải: Pháp là lấy tâm mà truyền tâm thì pháp nào chẳng phải bởi tâm mà lập ra? Như Lai dùng cái tâm không có sở đắc mà đặng cái pháp không tướng của chơn không. Pháp ấy là tâm ấy; chơn thể thường còn.

Một lý cho là thiết, nhưng mà thiết cũng như hư; không biết sở dĩ sao là thiết mà diệu dụng vô phương; một lý cho là hư, nhưng mà hư cũng như thiết, không biết sở dĩ sao là hư.

Thiết mà không thiết, hư mà không hư. Ấy là sự diệu lý của chơn không vậy.

Lý Văn Hội giải: Thử pháp vô thiết : là tâm thể vắng lặng, không có tướng chi mà đặng - Vô hư: là trong có hà sa công đức, dùng hoài không hết, muốn nói là thiết thì có hình đâu mà xem, có tướng đâu mà thấy; muốn nói là hư thì làm sao mà có tác dụng đặng? Cho nên, chẳng nên nói có, cũng chẳng nên nói không; có mà chẳng có, không mà chẳng không, cũng chẳng dùng ngôn từ chi mà cho đặng cả. Thấu đặng lý ấy, duy có hạng Thánh nhơn vậy chăng?

Nếu không lìa tướng mà tu hành, thì quyết không có do đâu mà tỏ ngộ cái pháp ấy đặng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Bỏ chấp mới là thiết, Bằng còn chấp tức là hư.

Chẳng không cũng chẳng có Chi thiếu lại chi thừa?

Đau, thuốc thang điều trị, Mạnh phương pháp diệt trừ.

Lý tam không tỏ đặng Xuất chúng nhập Vô dư.

Xuyên Thiên sư giải: Chất môi trong nước,

Sắc thanh trong màu.

Tụng:

Mềm lụn quá tơ,

Cứng khur hơn sắt.

Thấy đó sậm sờ,

Tim theo vắng bắt.

Nằm ngồi đi đứng vẫn loanh quanh,

Ai nấy cũng chưa hề biết mặt.

Hả hả!!

---o0o---

87.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí, như nhơn nhập ám, tức vô sở kiến. Nhược Bồ Tát tâm, bất trụ pháp nhi hành bố thí, như nhơn hữu mục, nhựt quang minh chiếu kiến chủng chủng sắc.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Nếu lòng của Bồ Tát còn chấp pháp mà làm việc bố thí, thì cũng như người vào chỗ tối, không thấy chi cả. Còn như lòng của Bồ Tát chẳng chấp pháp mà làm việc bố thí, thì cũng như người đã có con mắt mà lại được ánh sáng chói rõ của mặt trời thấy tất cả mọi việc.

Giải : Vương Nhựt Huru giải: Bố thí : là pháp thí, là pháp để hóa độ chúng sanh.

Bằng Bồ Tát chấp pháp mà Bồ thí, là dạy chúng sanh chấp pháp, thì do đâu mà rõ đặng chơn tánh? Cho nên nói: Như người vào chỗ tối thì không thấy chi cả.

Còn chẳng chấp pháp mà hóa độ chúng sanh, thì chúng sanh bởi ấy mà khai ngộ, rõ đặng chơn tánh, cho nên nói: "Như người đã có con mắt mà lại đặng cái chói sáng của mặt nhật thì thấy tất cả mọi vật".

Tăng Nhưặc Nột giải: Bồ thí không tương lòng chẳng chấp pháp, thì rõ đặng chơn như, cũng như người có mắt lại có ánh sáng thì thấy rõ cả thấy các cảnh.

Trần Hùng giải: Bồ Tát là xung chung các người tu hành.

Nếu Bồ Tát còn chấp tâm pháp, còn chỗ trụ mà Bồ thí, có sự hy cầu, thì màn vô minh che áng lòng tham ái đầy xô, có thể nào tỏ ngộ cái diệu lý không tương của chơn không đặng. Ví như người ở trong nhà tối, mờ mờ mịt mịt, nào thấy đặng một vật chi.

Còn Bồ Tát đã diệt trừ, tâm pháp, không chỗ trụ mà Bồ thí, không có hy cầu, thì mở bừng nhãn lực Kim Cang, đốt tỏ tâm đặng Bát Nhã, tỏ ngộ đặng cái pháp Vô thượng Tri kiến của Như Lai. Ví như người có mắt ở chỗ ánh sáng mặt trời, thì hắc bạch phân minh, không mảy may nào ẩn khuất đặng.

Một bản chú giải không đề tên tác giả nói: Có chấp trước thì bị màn vô minh che áng, ắt chẳng tỏ ngộ đặng cái diệu lý của chơn như, ví như tự mình mịt mờ mà biểu người tỏ rõ. Còn không chấp trước thì rỗng rang không ngăn ngại, tỏ ngộ đặng cái pháp Vô thượng Tri kiến của Như Lai.

Tự giác đã viên mãn rồi giác tha mới đặng.

Lý Văn Hội giải: "Như nhơn nhập ám tức vô sở kiến": là lòng của chúng sanh vốn không có trụ; mà lòng không trụ, hẳn thấy đặng cái thiệt tướng của các pháp, tức là Bồ Tát.

Hai bực thừa lòng còn chấp pháp, nên chẳng thấy cái thiệt tướng của các pháp.

Nếu bỏ nẻo Bồ đề, thì nào có khác chi những kẻ phàm phu, ví như người bỏ chỗ sáng mà vào nơi tối vậy.

Như nhơn hữu mục v.v... là hai bực thừa chẳng thấy sắc mà trụ sắc, ví như chẳng thấy hàm hồ mà sụp vào hàm hồ. Còn bực Bồ Tát thấy sắc mà chẳng trụ sắc, ví như thấy hàm hồ mà không sụp vào hàm hồ vậy.

Cả thấy các pháp chỉ có cái tánh giả danh, hai bực thừa chưa có huệ nhãn, nên chẳng phân chơn giả đặng. Còn bực Bồ Tát đã có huệ nhãn, nên thấy cả thấy sắc đều là không tướng.

Đạt Ma giải: Chẳng thấy sắc tức thị là sắc.

Tiêu Diêu Ông giải: Sự thấy: có phải, có chẳng phải, là vọng nhãn của thế gian; còn không phải, không chẳng phải, là chơn nhãn của xuất thế gian.

Sự biết: có đặng, có chẳng đặng, là vọng tâm của thế gian, còn không đặng, không chẳng đặng là chơn tâm của xuất thế gian.

---o0o---

88.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Đương lai chi thể, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn năng ư thử kinh thọ trì đọc tụng, tức vi Như Lai dĩ Phật trí huệ; tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Qua đến đời sau, nếu có trai lành gái, tín nào giữ theo kinh này mà thọ trì đọc tụng, tức là Như Lai dùng trí huệ của Phật; biết chắc người ấy, thấy chắc người ấy, đều thành tựu đặng, cái công đức vô lượng vô biên.

Giải : Trần Hùng giải: Đương lai chi thể: là đời tượng pháp và mạt pháp, sau khi Như Lai diệt độ - Thử kinh là kinh chép cái pháp không tướng của chơn không.

Kinh này, đương đời chẳng phải người đã có gieo căn lành, thì khó mà gặp đặng; bằng hay thọ trì đọc tụng, thì chẳng những là học ở tại miệng mà thôi, mà lại là một cái lý hay về sự học nghiên cứu trong tâm trí vậy. Vậy nên mới nói là hay.

Đặng như vậy, thì Như Lai há nỡ bỏ ta, mà dùng không dùng cái linh tánh Vô thượng kiến tri đặng soi xét ta sao? Vậy thì cái công đức vô lượng vô biên thầy đều thành tựu cả.

Chẳng phải là riêng lợi cho một mình mình, mà cũng lợi khắp cả quần sanh; chẳng phải là lợi ở một đời mà cũng lợi khắp cho cả ngàn muôn ức kiếp nữa.

Sở dĩ nói công đức vô lượng vô biên là vậy đó.

Nhan Bính giải: Như Lai đặng cái pháp kiến tánh chẳng thuộc về hai cảnh có, không cho nên nói: "Không thiệt không hư".

Nếu Bồ Tát lòng còn chấp trước mà bố thí, ấy là trước tướng, mà đã nói là trước tướng, thì không có trí huệ, cũng như người vào trong nhà tối, không thấy vật chi vậy. Còn lòng không chấp trước mà bố thí, là hạng rộng rang tỏ ngộ chẳng bị người lừa dối, ví như người có mắt, lại thêm ánh sáng mặt nhựt vọi vào, thì thấy cả thấy hình sắc rõ ràng không ẩn khuất.

Bằng đời sau có trai lành, gái tín, hay thọ trì đọc tụng kinh này, bấy giờ đốn ngộ, gọi là thọ, làm không ngưng nghỉ gọi là trì; ấy là tự tánh Như Lai.

Đĩ là dùng, là hay dùng trí huệ của Phật.

Sở dĩ nói trí huệ đó là kiến tánh sáng suốt không phải là thông minh ngoại đạo; biết cả người ấy, thấy cả người ấy, đều đặng thành tựu cái công đức kiến tánh vô lượng vô biên.

Lý Văn Hội giải: Đương lai chi thế là đời ngũ trược ác thế, sau năm trăm năm sau, sau khi Như Lai diệt độ.

Tức vì Như Lai đĩ Phật trí huệ là như lòng người thường thường tinh tấn, đọc tụng kinh này, thì cái tánh giác huệ sẽ sáng suốt.

Nên phải tỏ ngộ như pháp, đều không, chẳng bị cả thấy các cảnh: lành dữ, phạm Thánh nó hoặc loạn, thì đồng với cái tánh của trí huệ của Như Lai.

Tất tri tất kiến v.v... là chư Phật ba đời không có chi mà chẳng tri kiến.

Những người tỏ ngộ hay thành tựu đặng cái công đức vô lượng vô biên.

Xuyên Thiên sư giải: Té cũng nơi đất, mà dậy cũng nơi đất; đất có nói với ông cái chi đâu?

Tụng:

Muôn việc như thường trên thế giới,

Không chi lực lượng nhưng không hoại,

Như thường ví tợ trận thư phong,

Không ý lạnh người, người lạnh lầy.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

89.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sơ nhứt phận dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí; trung nhứt phận, phục dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí; hậu nhứt phận, diệt dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí, như thị vô lượng bá thiên vạn ức kiếp, dĩ thân bồ thí...

Nhược phục hữu nhơn văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ. Hà huống thơ tả thọ trì, đọc tụng, vị nhơn giải thuyết?

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có trai lành, gái tín nào, buổi mai dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bồ thí, buổi trưa lại dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bồ thí, buổi chiều cũng dùng thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bồ thí, dùng thân mạng mà bồ thí vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp như vậy...

Bằng lại có người nghe kinh điển này, lòng tin chẳng trái, thì phước đức ấy hơn phước đức bồ thí kia. Huống chi là biên tả, thọ trì, đọc tụng và vì người mà giải thuyết?

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Sơ nhựt phận là sớm mai, trung nhựt phận là trưa, hậu nhựt phận là chiều, là bên xứ Tây Thổ nói như vậy. Bởi Phật giảng sanh xứ ấy, nên nói theo thổ âm xứ ấy.

Bằng có người một phen dấy lòng tin thiết kinh này, thì đặng phước nhiều hơn người mà mỗi ngày ba thời dùng cả hằng hà thân mạng mà bố thí cả trăm ngàn muôn ức kiếp vô lượng vô số đó. Vì bởi bố thí thì đặng cái phước báu vô lượng, là phước của thế gian, thì phải hưởng phước của thế gian. Nhiễm lấy các sự phiền não, cũng bởi nguyên nhân ấy mà ra; lại cũng bị cái nhân ấy mà gây ra nghiệp dữ nữa.

Còn người nghe kinh điển này, lòng tin chẳng trái, thì từ ấy đã gieo căn lành. Căn lành đã gieo, thì càng ngày càng tăng trưởng, càng lâu càng thanh mậu, là phước xuất thế gian, thì phước bố thí kia làm sao mà sánh kịp!

Vậy nên mới hơn cái phước bố thí vô lượng vô số đặng.

Vả lại mỗi ngày có ba thời, đâu có đặng cả hằng hà thân mạng mà bố thí, ấy là lời ví dụ, ví dụ cho nhiều cho tốt bậc đặng không có chi sánh kịp đó thôi.

Trần Hùng giải: Phật e người đời chấp trước cái thuyết nhẫn nhục của Phật, mà luống dùng thân mạng đặng bố thí, thì tự tánh mình với tánh người khác, không mấy nào lợi ích cả. Cho nên đã có nói rồi trong phần thứ 13, mà đây lại nói nữa, là đặng cứu chữa sự lỗi ấy.

Triệu Pháp sư giải: Từ sớm mai đến giờ Thìn là buổi mai, từ giờ Thìn đến giờ Vị (Mùi) là buổi trưa, từ giờ Vị (Mùi) đến giờ Tuất là buổi chiều. Mỗi ngày trong ba thời ấy, mà đem thân mạng đến trăm ngàn muôn ức kiếp mà bố thí, cũng chẳng bằng thọ trì kinh này, đặng mà rõ tự tánh là thâm hiểu cái lý thiết tướng, như pháp đều không. Tức là hạng người đại giác ngộ.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Chúng sanh với thọ giả, Ngũ uẩn cường hư danh.

Sùng thờ nguyên không thiết, Long rùa há có hình,

Xả thân ví vọng thức, Thí mạng bởi mê tình.

Luận rõ phước cùng tri, Chỉ bằng đọc tụng kinh.

Lý Văn Hội giải: Tín tâm bất nghịch : là tin thuận theo lý, nên nói chẳng nghịch.

Kinh Pháp Hoa có nói: "Chiêm ngưỡng tôn nhan mắt không xao lãng", là lòng thường tinh tấn không ngừng nghỉ.

Thọ trì, đọc tụng: sự hiểu, sự làm, ứng với nhau là thọ, đồng mãnh tinh tấn là trì. Vị nhơn giải thuyết: là người đã tỏ ngộ rõ đặng tự tánh, phương tiện vì người giải rõ kinh này, khiến cho tỏ ngộ thiết tướng thành đạo Vô thượng. Người bỏ thí không trụ tướng ấy, thì công đức có bờ bực, hơn các công đức của người dùng thân mạng cả ngàn muôn ức kiếp kia đến ngàn muôn ức bội.

Xuyên Thiên sư giải: Phước báu Thiên, Nhơn mà chẳng không, Phật pháp chưa chiêm bao đã thấy.

Tụng:

Sớm trưa bỏ thí phát tâm đồng,

Công đức vô biên tính chẳng cùng.

Chi bằng tín tâm đừng có chấp.

Một tay đánh phá cõi hư không.

---o0o---

90.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghì. Bất khả xưng lượng vô biên công đức.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Nói tóm lại, thì kinh này có cái công đức vô biên, không thể bàn nghĩ đặng, không thể cân lường đặng.

Giải : Triệu Pháp sư giải: Tở đặng pháp môn này thì công đức đã quá cái tâm cảnh, nên không thể lấy tâm trí mà suy nghĩ đặng, quá cái ngôn cảnh nên không thể lấy ngôn thuyết mà bàn tính đặng.

Vương Nhựt Hưu giải: Bất khả nghi : là không thể dùng tâm trí, ngôn thuyết mà suy nghĩ bàn tính đặng.

Bất khả xứng lượng : là đã nói không thể bàn tính thì chữ xứng này không phải nghĩa xứng ngôn thuyết, ấy là nghĩa xứng cân lượng.

Thuở xưa chữ xung (không dấu) và chữ xứng (dấu sắc), hai chữ thông dụng đặng, nên nói: Bất khả xứng : là không lấy cân mà cân đặng. Bất khả lượng: là không dùng lường mà lường đặng.

Nhan Bính giải: Mỗi ngày dùng cả hằng hà thân mạng mà bố thí, (nghĩa là nhiều). Bố thí như thế cho đến vô lượng, vô số kiếp, mà không bằng người tin theo kinh điển này, nhứt tâm chẳng trái, (chẳng trái là làm theo). Phước đức ấy còn hơn phước hữu vi kia thay, huống chi là phát tâm biên tả thọ trì, đọc tụng, rồi giảng giải lại cho người hiểu rõ!

Dĩ yếu ngôn chi v.v... là chư Phật than thở không bằng cái phước đức rất lớn không bờ vực ấy.

Lý Văn Hội giải: Vô biên công đức : là người trì kinh này tỏ ngộ như pháp đều không, rõ thấu cái lý thiết tướng, thì công đức lớn lao cũng như lòng của Phật không có bờ vực, không cân lường đặng vậy.

---o0o---

91.-ÂM:

Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết.

NGHĨA:

Như Lai vì phát khởi cho bậc Đại thừa mà nói, vì phát khởi cho bậc Tối thượng thừa mà nói.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Thừa ¹²⁰: là xe - Đại thừa là xe của Bồ Tát.

Bực A La Hán mới hết sanh tử, chưa độ chúng sanh đặng, ấy là Tiểu thừa, cũng như xe nhỏ chở đặng có một mình mình mà thôi.

Bực Duyên Giác, nửa vì người nửa vì mình, ấy là Trung thừa, cũng như cái xe bực trung vậy.

Bực Bồ Tát là Đại thừa, cũng như xe lớn chở hết cả thầy chúng sanh đặng.

Kinh này là muốn phổ độ cả thầy chúng sanh, cho nên vì phát khởi bực Bồ Tát Đại thừa mà nói.

Phát: là phát khởi - Phát Đại thừa : là phát khởi đặng tế độ chúng sanh - Tối thượng thừa: là Phật thừa; Phật lại độ luôn cả các vị Bồ Tát, thì còn trên bực Đại thừa nữa cho nên nói: "Tối thượng thừa".

Là bởi không còn bực thừa nào mà trên bực thừa này nữa nên nói là Tối thượng.

Kinh này lại cũng để phát khởi cho Phật thừa mà nói, là Phật hóa độ Bồ Tát cũng dùng thuyết lý trong kinh này.

Lý Văn Hội giải: Vị phát Đại thừa giả thuyết: là trí huệ sáng suốt rõ đặng tu tánh, sắc không đều bỏ, chẳng chấp hai bên: hai bên đã không đâu còn trung đạo! Chẳng nhiệm các cảnh ấy là sự hành đạo của bực Đại thừa Bồ tát vậy.

Lại nói: Vị phát Đại thừa giả thuyết: là có như ướm đậu mà góm, có thanh tịnh đâu mà cầu, có chi bỏ mà bỏ, cũng chẳng nói không bỏ; có chi trụ mà trụ, cũng chẳng nói không trụ; tâm lượng quảng đại rộng rang như cõi hư không, không có bờ bực. Ấy là cái địa vị của chư Phật Tối thượng thừa.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Khi Như Lai hiện thế, muốn thuyết cái chơn pháp nhưt thừa, lại e chúng sanh dấy lòng khi báng, mà phải chìm đắm trong vòng khổ hải; còn như không thuyết, lại e đọa vào kiên tham chẳng vì chúng sanh mà phổ độ cho cái diệu đạo? Cho nên mới lập ra pháp môn phương tiện: thuyết ba bực thừa. Thừa có đại tiểu, chỗ đặng có thấp cao, đều không có phép chi nhưt định. Cho nên nói: Duy có cái đạo nhưt thừa, nếu có cái thứ hai thì chẳng thiệt.

Xuyên Thiên sư giải: Như chặt một cuộn tơ, một đao đều đứt cả.

Tụng:

Hóa thành đánh phá cho tan nát,

Huyền diệu trại co giò nhảy thoát,

Tùy thích ngao du Bắc chí Nam,

Chẳng tầm mịch Thế Âm Bồ Tát

Thuyết Tội thượng, Thuyết Đại thắng (thừa).

Đánh một tay rướm máu, Đập một gậy nổi lằn.

---o0o---

92.-ÂM:

Nhược hữu nhơn năng thọ trì, đọc tụng, quảng vị nhơn thuyết, Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xung, vô hữu biên, bất khả tư nghì công đức. Như thị nhơn đẳng, tức vi hảm đảm Như Lai A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NGHĨA:

Bằng có người hay thọ trì, đọc tụng (kinh này) và diễn thuyết rộng khắp ra cho người khác, thì Như Lai đều biết cho người ấy, đều thấy cho người ấy, thành tựu đặng cái công đức vô lượng, vô số, vô biên, không bàn nghĩ đặng. Những hạng người như thế, mới gánh vác nổi cái đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai.

Giải: Tạ Linh Vận giải: Ngàn năm chẳng sa sụp, cũng bởi người hoằng hóa mới đạo, gánh vác vận hành là cái nghĩa hảm đảm.

Lý Văn Hội giải: Quảng vị nhơn thuyết v.v... là bực thượng căn thượng khí rõ thấu kinh này, tỏ ngộ lý Phật; trì kinh Đại thừa này, rồi giảng giải lại cho người khác, khiến cho các học giả đều thấy cái lý không tướng của tự tánh, thấy cái bản nguyện của tự tâm là Phật, thì nên biết công đức của người ấy không có bờ bực, không cân lường đặng.

Ông Mã Tổ có nói: "Bọn người nên biết tự tâm là Phật, tâm ấy tức là tâm của Phật".

Lại nói: "Ngoài tâm không Phật khác, ngoài Phật không tâm khác".

Ông Phật Quốc Bạch Thiền sư có lời tụng:

Tâm tâm là Phật, Phật là tâm.

Phật Phật tâm, tâm tức Phật tâm.

Tâm Phật ngộ rồi không một vật,

Chỉ me đở khác Phật và tâm.

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Bằng không tin tự tâm là Phật, hẳn không phải lẽ".

Ông Viên Ngộ Thiền sư có nói: "Tức tâm tức Phật, đã từng chỉ dẫn đành rành, không Phật không tâm lắm lúc khuyên răn tỏ rõ, sao còn chẳng liên theo lời dạy mà bấy giờ tỏ ngộ, mới thấy đặng người xưa lòng son khăn khăn; nếu còn chút dằn dả thì phải ngẩn ngơ mà chớ!".

Kinh Tâm Phật có tụng:

Phật là tâm, tâm là Phật,

Tâm Phật nguyên lai không một vật.

Bằng biết chẳng chi Phật với tâm.

Mới rằng Phật Pháp thân chơn thật.

Phật, Phật, Phật nào mô dạng.

Một đóa viên quang trùm các tượng.

Nguyên thể vẫn là không thể chi,

Tượng mà không tượng mới rằng tượng.

Chẳng sắc chẳng không, chẳng phải không.

Chẳng xao chẳng lặng chẳng Tây Đông.

Không đồng không khác không không, có,

Khó bỏ khó dùng khó ngắm trông.

Trong ngoài rỗng rang diệu viên giác,

Một Phật độ nơi trong hột cát.

Hột cát hàm tàng cả đại thiên

Thân tâm mỗi mỗi đều không khác.

Các người phải biết không tâm pháp.

Chẳng sạch chẳng như chẳng tạo nghiệp.

Lành dữ muôn ngàn không có, không,

Mới rằng tín ngưỡng Phật Ca Diếp.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Người phải trừ bỏ tình phàm cảnh Thánh, thì ngoài cái tâm không có Phật chi khác.

Tổ sư phương Tây lại, chỉ rành toàn thể của người là Phật, sao ông chưa biết, còn chấp phàm chấp Thánh, cầu Phật ở ngoài; tự tâm mê hoặc, nên mới đối với ông mà nói "tức tâm là Phật", nếu một niệm sanh tình ắt phải luân hồi trong lục đạo!

Từ đời vô thi đến nay cũng chẳng đổi cái tâm chi khác, mà cũng không có pháp chi khác, cho nên nói: "Chánh đấng Chánh giác".

Tức vì hủ đảm v.v... là nghe kinh nghĩa cứ theo giáo pháp mà tu hành, rồi diễn thuyết lại cho nhiều người hiểu cái pháp không tướng, khiến cho người học đạo tỏ ngộ tâm địa, đừng làm theo cái hạnh không tướng, không chấp trước, khai phát ra cái trí huệ sáng suốt trong tâm, bỏ các trần lao vọng niệm,

đều thành đạo. Vô thượng bồ đề, cho nên nói: "Nên biết người ấy gánh vác
nổi cả tự tánh Như Lai Vô thượng Chánh giác ở trong thân mình".

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Tỏ tánh mê cho cho chóng,

Chứng thành Phật chẳng lâu.

Bởi nhờ trí tuệ tại,

Phương tiện dạy người tu.

Xuyên Thiên sư giải: Xé banh non Thai hóa¹²¹, duy có Cụ Linh Thần.

Tụng:

Trơ trơ như cụm núi Tất cả cũng trần ai,

Đỏm lược, xanh tròng mắt, Oai danh sấm chạc tai,

Chăn dân yên cảnh giới, Trong nước đúng anh tài

Lòng đan một mảnh - mênh mông biển,

Sóng tịnh trời êm mặc vãng lai.

---o0o---

93.-ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhược nhược tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhơn kiến,
chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ đọc tụng, vị
nhơn giải thuyết.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Bằng ưa theo tiểu pháp, thì còn chấp trước về ngã kiến, Nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến¹²² thì đối với kinh này không hiểu thấu, không thọ trì, không đọc tụng và cũng không vì người mà giảng thuyết đặng.

Giải : Vương Nhựt Hữu giải: Nhạo: là ưa. Tiểu pháp : là pháp ngoại đạo. Pháp ngoại đạo là trước tướng về ngã, Nhơn, sanh, thọ; nên mới nói lời ấy. Như thế thì không hợp với lý trong kinh này, cho nên không thọ trì, đọc tụng và giảng giải lại cho người khác đặng.

Trần Hùng giải: Tiểu pháp : là pháp Tiểu thừa.

Kinh Pháp Hoa có nói: "Căn khí thấp hèn thì ưa tiểu pháp" là hễ chí ý hẹp hòi thì không phát lòng Đại thừa đặng. Người như vậy phải đọa vào tà kiến, hẳn không biết đặng cái thuyết pháp Đại thừa, Tối thượng thừa đều ở trong kinh này - Nghe và đọc tụng còn không đặng thay, huống chi là giảng giải lại cho người khác.

Trước ngã Nhơn kiến là đọa vào tà kiến.

Kinh Viên Giác có nói: "Cầu cái pháp Đại thừa thì chẳng đọa vào tà kiến " là vậy đó.

Lý Văn Hội giải: Nhược nhạo Tiểu pháp là độ lượng của kẻ phàm phu ngu độn không có "tin nghe" đặng, hầu có học lên đạo pháp Vô thượng Bồ đề, chỉ tu phước huệ, làm theo cái pháp nhân quả luân hồi trong lục đạo. Dầu cho có răn học thì cũng chấp trước theo sự kiến văn mà giảng giải, lại cho người khác, đến khi bị người có nhãn lực khám phá thì tay chun run lập cập, đại bại nhứt trường!

Ông Bảo Ninh Đông Thiên sư có tụng:

Màu sắc khuôn hình xem chẳng lạ.

Người ai dám tưởng rằng đồ mạ.

Vào lò đốt thử thấp hay cao.

Rốt cuộc tự nhiên lòi bạc giả.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Người xưa tâm chí sáng suốt, vừa nghe đặng một lời thì liền tuyệt học¹²³, cho nên gọi là một vị nhơn đạo nhơn tuyệt học vô vi.

Còn người đời nay, chỉ muốn nhiều nghe rộng hiểu, muốn học cho cao mà cho là tu hành, nào ngờ sự nhiều nghe rộng hiểu, lại trở nên ủng tắc, vì bởi mấy món ấy đều là vị thuốc độc trong nẻo sanh diệt, chớ có ích chi cho chơn tánh đâu! Cả thấy những điều tri giải trước kia đều phải bỏ dứt cho cái tâm trở nên không không. Ấy là không Như Lai Tạng. Như Lai Tạng là không mảy mún chi mà có. Ấy là vị Pháp vương phá chấp xuất hiện trên thế gian.

Phật Tổ nói: "Khi ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp chi mà đặng", lời nói ấy nghĩa là không. Bằng các ông trừ dứt kiến tri, bỏ hết tâm cảnh, không còn chấp trước, ấy là người vô sự.

Giáo pháp tam thừa tức là một phương thuốc ứng cơ, tùy nghi mà thuyết, gặp bực nào thuyết theo bực ấy, mỗi mỗi không đồng nhau, nếu đặng tỏ ngộ thì chẳng bị sự hoặc loạn.

Thứ nhất là không nên dùng tâm trí, mà chấp cuộc theo văn chương. Bởi sao vậy? Là bởi "không có pháp chi định chắc mà Như Lai thuyết cả". Trong cái "tông pháp của Ta không luận cái việc ấy, chỉ phải dứt lo, dứt niệm thì thôi, chớ chẳng dùng sự tư tưởng biện luận".

Lại nói: Người học pháp Bát Nhã, chẳng thấy có một pháp chi mà đặng, không trông mong làm ba bực thừa, duy có một cái tánh chơn thiệt không đặng chứng đắc¹²⁴ đó thôi.

Còn nói rằng: "Ta đã chứng, đã đắc là hạng người ngã mạn cống cao (tặng mình khi người trên) hội Pháp Hoa, phui áo mà đi đều là bọn ấy".

Cho nên Phật nói: "Ta đối với pháp A nậu Bồ đề thiệt không có phép chi mà đặng, chỉ thâm hiểu mà thôi"; kẻ học đạo phải xét lấy. Phải theo chánh pháp mà tu hành, bỏ thế bốn tướng ngã, nhơn, sanh, thọ thì chẳng bị cả thấy các cảnh nó hoặc loạn việc tu hành.

Kinh Chánh Pháp Nhãn Tạng có nói: "Bằng muốn tu hành, phải theo chánh pháp, tâm thể dứt niệm, sánh đồng hư không, chẳng lạc Thánh phàm, thân tâm bình đẳng"; tu hành như thế mới là chánh pháp cho.

Xuyên Thiên sư giải: Kẻ nhon thấy biết là nhon, người trí xem tường là trí.

Tụng:

Không học văn, không học vũ,

Lao lao lục lục thường giống ruồi.

Bơ thờ chẳng hiểu báu nhà mình,

Cam chịu đại khờ đời cú rữ!

Trách ai cho đặng.

---o0o---

94.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhứt thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ, tức vi thị tháp, giai ưng cung kính, tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Nơi nào, chốn nào, bằng có kinh này, thì cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la đều nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy, tức là Bửu tháp, đều nên cung kính làm lễ chung quanh cùng là dùng các món hương hoa mà rải khắp nơi ấy.

Giải : Trần Hùng giải: Tại tại xứ xứ : là không phải một chỗ nào có chơn kinh này, cũng ví như có châu báu ma ni, hào quang, chiếu ánh cả thầy Thiên, Nhơn, A tu la đều phải cúng dường, cũng như chỗ bửu tháp tàng thân Xá lợi của Như Lai, thì ai lại không cung kính lễ bái và dùng các hoa hương mà rải chung quanh?

Các hoa hương cũng như kinh Pháp Hoa nói hoa hương: Tu Ngạt Na, Xa Đề Mạt Ly, Chiêm Bạc, Xích Liên, Thanh Liên và Bạch Liên vậy.

Nhan Bính giải: Đại thừa : là bực đại căn khí, một khi phát động thì Chuyển pháp luân, chẳng ưa Tiểu pháp.

Tôi thượng thừa: là chẳng ở địa vị Phật, chẳng trọng mình là có linh tánh, cao siêu khỏi Thập địa (mười nhân địa của Phật) tỏ ngộ cái đại pháp. Ấy là người ở trên chót cây trụ một trăm thước, lại bước lên trên một bước nữa.

Ông Trường Sa có tụng:

Đầu cây trăm thước đứng trên trên,

Tuy ngộ nhưng chưa đúng lý chân.

Trên chót bước lên trên một bước,

Mười phương thế giới hiện toàn thân.

Có ông Tăng hỏi ông Nam Tuyền: Quả như ở trên đầu cây trăm thước, làm thế nào mà bước lên trên nữa?

Đáp : Núi Lãng Châu sông Lễ Châu.

Hỏi : Xin Sư dạy lại.

Đáp : Trong bốn biển năm hồ nơi nào có chánh giáo của nước nhà, thì hai hạng người ấy¹²⁵, tức là người gánh vác tự tánh Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhược nhạo Tiểu pháp: Tiểu pháp là pháp hữu vi của thế gian, tuy trước bốn tướng; mà đã trước bốn tướng thì chẳng đáng nghe, thọ trì giảng giải kinh này.

Ở tại chỗ nào mà có kinh này cũng như có chùa Phật thì các đạo Thiên, Nhơn, A tu la đều cung kính lễ bái, thường đem hoa hương mà rải chỗ trì kinh và cúng dường người ấy.

Ấy là một người đủ lý ngộ tâm, thì các cõi thấy đều cúng dường¹²⁶.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Phát tâm vì tự tánh, Công đức mới tu hành.

Không trông làm đại Phật, Có ý độ quần sanh.

Từ bi bi lộng lộng, Trí huệ huệ rành rành.

Tự lợi gồm tha lợi. Tam thừa há rắp ranh.

Lý Văn Hội giải: Tại tại xứ xứ v.v... là cả thầy chúng sanh sáu căn vận động, mỗi thứ thi vi thường ở trong Pháp tánh Tam muội, nên tỏ lý ấy thì tức là ở chỗ đó có kinh này.

Nhứt thiết thế gian : là có cái lòng hữu vi.

Thiên, Nhơn, A tu la: Thiên : là có lòng lười biếng, nhơn : là có lòng lạnh dữ, A tu la : là có lòng hờn giận; cũng bởi còn lòng ấy nên chẳng đặng giải thoát.

Sở ưng cúng dường là nếu không cái lòng Thiên, Nhơn, A tu la mới là cúng dường (vô chấp). Tức vi thị pháp : là cái tánh giải thoát vợi vợi rõ ràng, cho nên nói là pháp - Dĩ chư hoa hương v.v... là phải ở trong cái tánh giải thoát, mở bừng sự tri kiến, vun bồi muôn hạnh thì tánh pháp giới tự nhiên hiển hiện.

Xuyên Thiên sư giải: Củ cải ở châu Trần, bánh bột Sư Vân Môn.

Tụng:

Cũng đồng chơi đạo, cũng đồng hương,

Đi đứng cùng nhau, bữa chữa thường.

Khát uống, đói ăn đều đối diện,

Cầu chi nhọc trí phải tư lương.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

95.-ÂM:

Phục thứ : "Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn thọ trì, đọc tụng thử kinh, nhược vi nhơn khinh tiệt, thì nhơn tiên thế tội nghiệp ung đọa ác đạo, dĩ kim thế nhơn khinh tiệt cố, tiên thế tội nghiệp tức vi tiêu diệt, đương đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NGHĨA:

Lại nói tiếp: "Này Tu Bồ Đề! Nếu trai lành, gái tín nào thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị chúng khinh dễ, là vì người ấy đời trước mắc tội nghiệp đáng lẽ đọa vào ác đạo, cho nên đời nay bị chúng khinh dễ, như vậy cái tội nghiệp đời trước mới là tiêu diệt, thì sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải : Tăng Nhược Nột giải: Bài trước nói về sự làm lành, bài này nói về sự dứt dữ; hề tạo ra nghiệp thì không trốn khỏi quả báo, còn tu pháp Bát Nhã đối đặng nghiệp trọng làm khinh.

Trong Đại Luận có nói: "Đời trước làm tội nghiệp đáng đọa vào địa ngục, bởi nhờ tự tánh Bát Nhã, nên chịu nghiệp khinh, là bị người khinh bỉ, cũng phạm tội trọng tử hình, mà có kẻ thế lực phò hộ, thì đặng chịu tội nhẹ; xử trượng mà thôi".

Trần Hùng giải: Tri chơn kinh này có cái công đức rất lớn lao, nên đáng cho các cõi nhơn, thiên, cung kính cúng dường; mà bởi sao, nay lại bị người khinh bỉ? Là bởi người ấy đời trước tội nghiệp nặng nề; đáng đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A tu la đời đời kiếp kiếp nay nhờ cái công trì kinh, nên chỉ bị người khinh bỉ mà thôi, thì tội nghiệp của đời trước đều tiêu diệt hết, sau này sẽ đặng thành tựu quả vị Bồ đề.

Người đời phần nhiều ưa làm dữ, mà không ưa làm lành, nhằm khi thấy người trì kinh ấy, bị người khinh tiệt, bèn cho là đọc kinh vô ích. Phước báu là lời nói luống, đến đời có sự mắng của ông Vân Môn, sự rầy của ông Dược Sơn. Những người tưởng như thế là làm cho mỗi người phải khởi lòng thối chuyển vậy.

Phật nói bài này là sở dĩ để giúp chỗ lành mà cứu chỗ thất cho đời.

Nhan Bính giải: Như người đời trước làm sự tội nghiệp, mà đời này bị người khinh tiện; đáng đọa vào ác đạo, mà hay thọ trì đọc tụng kinh này, bây giờ rõ tánh, ví như hư không của Thái Hư, mới biết là tánh tội vẫn không. Cho nên nói: "Tội nghiệp đời trước thấy đều tiêu diệt, lại đặng quả vị Vô thượng Chánh giác".

Thuở xưa có hai thầy Tỳ Khưu, một ông phạm tội dâm, một ông phạm tội sát, trong lòng không an, đến cầu ông Ba La Mật Tôn giả sám hối. Ông Ba La Mật dùng theo pháp Tiểu thừa mà sám hối cho hai ông; hai ông ấy càng thêm e sợ. Sau khi gặp ông Duy Ma Đại sĩ, vì giải thuyết việc ấy rằng: "Tánh tội vẫn không, không ở trung gian cùng trong hay ngoài". Hai ông ấy nghe rồi liền ngộ; bấy giờ vắng lặng rỗng rang, có tội đâu mà có!

Cho nên ông Vĩnh Gia có nói:

Thuyết phá của Duy Ma Đại sĩ.

Ví như trời nắng tuyết sương tiêu.

Phó Đại sĩ giải:

Tụng:

Tiền thân gây tội chướng, Nay lại thọ trì kinh.

Bằng bị người khi báng, Thế thì tội giảm khinh.

Nghiệp duyên như đã tỏ. Mê chấp chẳng còn sanh.

Tánh Bát Nhã thường quán, Tự nhiên sẽ chứng thành.

Lý Văn Hội giải: Ấy là nói: Như người thọ trì đọc tụng kinh này, đáng cho Thiên, Nhơn cung kính, mà lại bị các sự khổ vì đau ốm nghèo hèn lại bị người ghét bỏ; người đời thấy vậy cho là tụng kinh làm lạnh không có chi chứng nghiệm bèn sanh lòng nghi hoặc - Nào có biết: Nếu không công đức, trì kinh ấy thì phải đọa vào ác đạo; nhờ người khinh bỉ mà bởi đặng nghiệp báo trong ba đường, mau chứng thành quả vị Vô thượng.

Trương Vô Tận giải:

Tụng:

Bốn mùa lạnh nóng, mãi lần qua.

Phàm Thánh bao nhiêu chỉ sát na.

Tội nghiệp tiền thân nay phải chịu,

Chịu rồi mới hết nghiệp oan gia.

Xuyên Thiên sư giải: Chẳng bởi một việc, chẳng thêm đặng một sự khôn.

Tụng:

Khen không ắt, chê không ắt,

Một lý thông rồi muôn việc chắc.

Chẳng thiếu chẳng dư tợ Thái hư,

Ví người tặng hiệu Ba la mật.

---o0o---

96.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền, đắc trị bát bá tứ thiên vạn ức na do tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự, vô không quá giả. Nhược phục hữu nhưn ư hậu mật thế, năng thọ trì đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật, công đức bá phần bất cập nhưt, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Ta nhớ đời quá khứ, kiếp vô lượng a tăng kỳ, trước Phật Nhiên Đăng, Ta đã có gặp đặng tám trăm bốn ngàn muôn ức na do tha ¹²⁷ chư Phật, Ta thấy đều cúng dường thờ phụng, chẳng có bỏ qua. Nếu lại có người sau đời mật pháp ¹²⁸ hay thọ trì đọc tụng kinh này, chỗ đặng cái công đức sánh

với công đức của Ta cúng dường chư Phật thì công đức của Ta không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần ức; cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể mà đếm tính ví dụ đặng.

Giải : Sớ Sao : Phật nói "Cái công đức cúng Phật của Ta chẳng bằng công đức người trì kinh trong một phần ngàn muôn ức", cho nên nói: Cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể mà đếm tính ví dụ đặng.

Vương Nhựt Hưu giải: A tăng kỳ là vô ức số, na do tha: nhứt vạn vạn (một trăm triệu: 100.000.000).

Nói là vô lượng vô ức số kiếp, ở trước Phật Nhiên Đăng thì Phật Thích Ca thuyết kinh này đã cách đời Phật Nhiên Đăng đến vô ức vô số kiếp rồi.

Lại khi trước ấy gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na do tha chư Phật ra đời, thì cái kiếp số thiệt nhiều hết sức, mà Phật nhãn đều thấy đặng, bởi tánh huệ không cùng, nên những việc từ đời vô thi đến nay thấy đều biết cả; vậy mới đặng làm Phật. Người người cũng đều có tánh huệ ấy, nhưng bị căn trần nó che lấp, nên không đặng như thế.

Công đức cúng dường chư Phật như thế mà không bằng công đức trì kinh, bởi cúng dường thuộc về tài thí, phước báu ấy hưởng càng ngày càng bớt, rốt rồi cũng có khi hết. Còn trì kinh thuộc về gieo căn lành, thì căn lành càng ngày càng tăng trưởng cho đến thành quả Phật, nên mới không cùng. Dùng "có hết", sánh "không cùng"; cho nên nói: Chẳng bằng.

Trần Hùng giải: A tăng kỳ và na do tha đều là vô số. Lịch kiếp vô số, cúng Phật vô số thì cầu phước mà thôi, chẳng bằng thọ trì chơn kinh này thì rõ đặng bốn tánh, thoát khỏi luân hồi.

Ngũ Tổ có nói: "Trọn ngày cúng dường chỉ cầu phước điền, chẳng cầu thoát khỏi biển khổ sanh tử, tự tánh nếu mê, phước nào cứu đặng". Cho nên công đức cúng Phật tuy trăm phần, ngàn muôn ức phần cho đến toàn số cho nhiều, cũng ví như bụi cát đều không bằng một phần công đức trì kinh.

Người đời mặt thế, luống biết thờ Phật, mà chẳng biết chỗ ráo rớt của Phật đều bởi tại kinh này. Bằng bỏ kinh này rồi bởi đâu mà đặng, cho nên mới nói như thế, đặng phân ra hơn kém.

Vua Lương Võ Đế cất chùa, bố thí, cúng Phật, trì trai, hỏi ông Đạt Ma Tổ sư: Có công đức chăng?

Đáp : Không.

Người đời sau không tỏ đặng ý ấy.

Ông Vi Sư Quân ở Thiều Châu đem việc ấy mà hỏi Lục Tổ.

Đáp : Cất chùa, bố thí, cúng Phật, trì trai, ấy là tu phước, không thể đem phước ấy mà làm công đức. Công đức ở trong Pháp thân chớ chẳng phải tại tu phước.

Lại nói: "Công đức ở trong tự tánh chẳng phải bố thí, cúng dường mà cầu đặng". Cho nên nói: Phước chẳng bằng công đức, bố thí chẳng kịp trì kinh là vậy.

Lý Văn Hội giải: A tăng kỳ : là vô số.

Cúng dường A tăng kỳ hằng hà sa chư Phật, thí báu đầy cả đại thiên, bỏ thân mạng như vi trần, mà cái công đức ấy, cũng không bằng công đức của người trì kinh này, mà ngộ đặng chơn tánh một phần trăm ngàn muôn ức.

Ông Đạt Ma đáp cùng vua Lương Võ Đế: Công đức cất chùa, tả kinh, cúng dường, bố thí chỉ đặng phước báu nhỏ, thiên mà thôi, chớ thiệt chẳng phải là công đức.

Xuyên Thiên sư giải: Công chẳng bỏ luống.

Tụng:

Cúng Phật ngàn muôn phước thiệt nhiều,

Đâu bằng giáo pháp giữ làm theo,

Mực đen giấy trắng trong kinh dạy,

Mở mắt mà xem hãy chớ nheo.

Nước dọn dọn,

Gió hiu hiu.

Một thuyền gã Tạ ¹²⁹ tự tiêu diêu.

---o0o---

97.-ÂM:

Tu Bò Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn, ư hậu mặt thể hữu thọ trì đọc tụng thử kinh, sở đắc công đức. Ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhơn văn tâm tức cuồng loạn, hồ nghi bất tín...

NGHĨA:

Tu Bò Đề! Bằng có trai lành, gái tín nào, sau đời mặt pháp thọ trì đọc tụng kinh này, chỗ đắc công đức...Nếu ta nói cho hết, hoặc có người nghe, lòng bèn rối loạn, hồ nghi chẳng tin...

Giải : Tăng Nhược Nột giải: Hồ nghi; Hồ là con thú kêu là Giả can; tánh hay đa nghi. Mỗi khi lội qua sông thì vừa lóng tai vừa lội.

Bài trước tuy so sánh đặng rõ cái phước cho nhiều, nhưng cũng còn sơ lược; bằng nói thêm cho đủ, e thính giả hồ nghi, mà sanh lòng hoặc loạn.

Lý Văn Hội giải: Sở đắc công đức v.v... là cảnh giới tịnh diệu sau khi tỏ ngộ; trước kia nói về sự ưa tiểu pháp, là thuyết pháp đặng hàng trụ bực Tiểu thừa, khiến cho tỏ ngộ, đến nay mà hãy còn chưa tin.

Bằng nói về pháp kiến tánh của bực Đại thừa, cho người đặng rõ thông thấu đáo, thì ắt sanh ra nhiều sự cuồng loạn không tin, luống khiến cho hồ nghi thêm nữa.

---o0o---

98.-ÂM:

Tu Bồ Đề! Đương tri thị kinh nghĩa, bất khả tư nghì quả báo diệt bất khả tư nghì.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Phải biết nghĩa lý kinh này, không thể bàn nghĩ đặng và sự quả báo kết quả cũng không thể bàn nghĩ đặng.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Cụ là đủ. Nếu ta nói cho đủ, cho đúng cái công đức, thì lòng của nhơn gian cuồng loạn và hồ nghi mà chẳng tin, là bởi thiệt quá lớn, nên người rất kinh quái. Kinh quái lắm thì phải cuồng loạn. Còn không lắm, thì cũng hồ nghi mà không tin - Đương tri thị kinh v.v... là nghĩa của kinh này không dùng tâm trí mà nghĩ đặng, không dùng lời nói mà bàn đặng. Bằng người theo đây mà tu hành, thì cái quả báo há dùng trí nghĩ lời bàn đặng sao?

Phật thường nói công đức kinh này, đến đây lại xung tụng hết sức, vậy có phải là nói luống đâu? Là bởi kinh này là cái gốc tổ ngộ chơn tánh, siêu thoát luân hồi, thiệt là công đức không cùng không tột vậy.

Nhan Bính giải: A tăng kỳ : là bất khả số kiếp.

Phật ở trước đời Phật Nhiên Đăng đặng gặp vô số chư Phật, tất cả cúng dường thờ phụng, chớ hề bỏ qua. Bằng đời sau có người thọ trì đọc tụng kinh này, mà đặng cái công đức kiến tánh thì cái công đức cúng dường của ta khi trước chẳng bằng một phần trăm. Công đức kiến tánh có trăm ngàn muôn ức phần đến nỗi dùng pháp toán số thí dụ mà so sánh cũng chẳng đặng.

Phật nói: "Ta nói cái công đức trì kinh, hoặc cũng có người nghe mà sanh lòng cuồng loạn, nghi hoặc chẳng tin", nhưng phải biết kinh này và quả báo, không thể nghĩ bàn đặng; nếu chẳng tin lời Phật, mà trở lại chê báng, thì ác quả đã nhiều, thế nào cũng phải mang ác báo.

Lý Văn Hội giải: Nghĩa là nghĩa Bát Nhã, còn Bát Nhã là trí huệ - Quả báo là đặng cái công đức. Bởi trí huệ mà ngộ đặng Chơn tánh. Chư Phật ba đời lý cũng không khác. Cho nên cái nghĩa không thể nghĩ bàn đặng.

Tạ Linh Vận giải: Muôn hạnh thâm sâu, nghĩa lại khó lường, thì cái quả mầu diệu của đạo Bồ đề há lấy ý tứ gì mà suy nghĩ cho đặng?!

Xuyên Thiên sư giải: Thấy thấy đều chơn mảy nằm ngang trên con mắt.

Tụng:

Thuốc đắng đã tạt,

Lời thật mịch lòng.

Ấm lạnh tự mình biết,

Như cá hộp nước trong,

Chẳng cần chờ đến "Long Hoa hội",

Tự tánh đã từng thọ ký xong.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

99.-ÂM:

Nhĩ thời, Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?".

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, đương sanh như thị tâm: "Ngã ưng diệt độ nhưt thiết chúng sanh, diệt độ nhưt thiết chúng sanh dĩ, nhi vô hữu nhưt chúng sanh thiết diệt độ giả".

NGHĨA:

Khi ấy Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như có trai lành, gái tín nào, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ thế nào? Nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?".

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Như có trai lành, gái tín nào, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải sanh tâm như vậy: "Ta phải diệt độ cả thấy

chúng sanh, nhưng đã diệt độ cả thầy chúng sanh, mà không có một chúng sanh nào thiệt diệt độ cả".

Giải : Sớ Sao giải: Diệt độ như thế chúng sanh là trong khi vọng tưởng chấp bỏ như ngã, tham, sân, ganh ghét, và cả thầy lòng chẳng lành; ấy là cả thầy chúng sanh. Dùng cái lòng không ta, đem sự nhẫn nhục mà hàng phục, khiến cho tà ác chẳng sanh, tức là diệt độ cả thầy chúng sanh.

Dĩ là hết - Nhi vô hữu như v.v... là phiền não vọng tưởng, chấp bỏ, tham sân, cả thầy lòng chẳng lành vốn chẳng tự có, bởi các tình tham tài, sắc, ân ái quá trọng, mới có lòng ấy. Nay đã giác ngộ, nên dùng lấy chánh tri mà diệt độ. Nhưng cũng không thấy có thiệt diệt độ đặng, là vốn chẳng sanh nên cũng chẳng có diệt. Cho nên nói: "Mà không có một chúng sanh nào thiệt diệt độ cả".

Trần Hùng giải: Kinh Đại Niết Bàn có nói: "Khi mình chưa đặng độ, thì trước phải độ người".

Trong Sám Pháp có nói: "Trước độ chúng sanh, sau mới thành Phật, cho nên cái điều diệt độ cả thầy chúng sanh đó, là phần của Phật ta phải làm, nếu chẳng vậy thì thành ra tuyệt vật¹³⁰ rồi, làm sao mà làm Phật?".

Phật đã tỏ ngộ cái lý không tướng của chơn không, năng sở đều vắng lặng, nên tuy đã diệt độ cho chúng sanh, mà không khởi một niệm nào về sự đã diệt độ đó, lại cũng chẳng thấy có chúng sanh nào mà mình đã độ. Cho nên nói: "Không có một chúng sanh nào thiệt diệt độ cả".

Lý Văn Hội giải: Vân hà ưng trụ v.v... đã có chú giải trong phần Thiện Hiện khởi tinh, đệ thứ 2.

Đương sanh như thị tâm là hai bực thừa còn chấp trước các tướng, khởi các vọng niệm, nên Như Lai chỉ dạy, khiến cho lòng thường vắng lặng, rộng rang thanh tịnh.

Ông Mã Tổ có nói: "Thường khiến cho lòng như người mê không phân biệt phương hướng".

Ông Văn Thù Sư Lợi có nói: "Bởi lòng như hư không, không cần chi sự kính lễ".

Ông Bách Trọng Thiền Sư có nói: "Lòng tự như hư không thì học mới thành".

Huỳnh Nghiệt Thiền sư giải: Dùng lòng mà tịnh lòng, không có pháp chi khác, ấy là Chơn Phật.

Phật với chúng sanh cũng một cái tâm, không có chi khác. Ví như cội hư không, không xen không nhiễm, như mặt nhật soi khắp bốn châu. Khi mọc lên sáng cả thiên hạ, mà hư không vẫn chẳng có chi là sáng, đến khi lặn khuất, tối cả thiên hạ, mà hư không vẫn chẳng có chi là tối. Ấy là tại sự sáng tối nó xâu xé lẫn lộn với nhau đó thôi.

Tánh của hư không lộng lộng chẳng biến, cái tâm của Phật với chúng sanh cũng như thế.

Ngã ưng diệt độ v.v... là Phật nói: Ta muốn khiến cả thầy chúng sanh diệt trừ vọng niệm đặng rõ chơn tánh.

Ông Bạch Lạc Thiền có câu thơ:

Rỗng rang không một niệm,

Vắng lặng thiệt Thầy ta.

Khuê Phong Thiền sư giải: Hiểu thấu đặng các tướng không, thì lòng tự nhiên không niệm. Niệm khởi thì ngộ, ngộ rồi thì không; pháp môn đúng nhưt trong đạo tu hành, duy tại nơi ấy.

Từ Thọ Thiền sư giải: Hạng người căn tánh đĩnh đạc, một phen phát động liền Chuyển pháp luân, còn kẻ căn tánh ngu độn chỉ cứ ngẩn ngơ trong giấc mộng hôn.

Sơn Tăng này có cái đạo lý đề thức tỉnh sự chiêm bao ngủ gục ấy - Không có thể nào mà chẳng khuynh tâm thổ đờm (dĩ hơi) cho đặng, đặng mà thuyết phá cho các người.

Giây lâu lại nói: Hãy cần chiếu cố lấy cái lỗ mũi (sự suy nghĩ).

Kẻ ngu nghe lý ấy,

Như gặp khách qua đàng.

Người trí bấy giờ hội,

Cũng bằng đối đặng ăn.

Diệt độ nhưt thiết v.v... là chẳng thấy có chúng sanh nào mà mình độ cả. Nếu chẳng như thế, thì bị trước bốn tướng ngã, nhơn, sanh, thọ, tức là chẳng phải lòng thanh tịnh của Bồ Tát.

Xuyên Thiên sư giải: Nhân khi mê thương nguyện, bất ý đến Thương Châu (Cảnh tiên)

Tụng:

Nếu hỏi làm sao trụ, Chớ thiên trung hữu, vô;

Thân không nương vũ trụ, Chơn chẳng đạp Diêm phù,

Nhỏ tựa hình lân tích¹³¹, Nhẹ như cánh điệp thu¹³².

Chúng sanh độ hết, nhưng không độ,

Mới gọi tùy cơ đại trọng phu.

---o0o---

100.ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát.

Sở dĩ giả hà? - Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp, phát A nậu đa la tam muội tam bồ đề tâm giả.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát mà có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì chẳng phải là Bồ Tát. Sở dĩ sao? -

Này Tu Bồ Đề! Thiệt không có pháp chi mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả".

Giải : Lục Tổ giải: Tu Bồ Đề hỏi Phật: "Nhu Lai tịch diệt sau năm trăm sau, như có người phát tâm Vô thượng nên trụ thế nào, nên hàng phục cái vọng tâm thế nào?".

Đáp : "Phải phát tâm độ thoát cho cả thấy chúng sanh đặng thành Phật, nhưng chẳng nên thấy có một chúng sanh nào là độ thoát cả".

Bởi sao vậy? Là bởi trừ cái lòng năng sở, trừ cái lòng có chúng sanh, cũng trừ cái lòng ngã kiến nữa.

Vương Nhựt Hưu giải: Phần này đại khái cũng như trong phần thứ 3 đã nói. Đến đây Tu Bồ Đề lại hỏi nữa, là vì những thính giả mới đến sau, rồi Phật lại nói thêm một câu: "Thiệt không có pháp chi mà phát tâm Vô thượng cả nữa".

Vả lại, trước đã nói phát tâm Vô thượng nên sanh tâm như vậy, sanh tâm như vậy thì tức là có pháp, nếu không pháp thì làm sao cho rõ chơn tánh mà thành Phật đặng!

Vậy mà đây lại nói thiệt không có pháp chi mà phát tâm Vô thượng, là sao vậy? Là trước đã nói: "Nên sanh tâm như vậy", tâm ấy cũng chẳng phải ở trong chơn tánh mà có, cũng là cái tâm vọng vậy thôi. Nên nói "Thiệt không có pháp chi", là cốt ở tại chữ "thiệt". Xét cho kỹ thì trong chơn tánh không có pháp ấy, bởi Phật e cho đệ tử nhận lầm câu "nên sanh tâm vậy" đó là chơn thiệt, nên đến đây lại thuyết phá là chẳng phải thiệt.

Vậy thì, chẳng phải luống có một việc "vốn không có". Cả thấy chúng sanh nào mà phát cái tâm cầu chơn tánh, mà cái pháp ấy, lại cũng "Vốn không có nữa".

Bởi trong chơn tánh bỗng lai rỗng rang không không. Nên nói một pháp chẳng lập, một bụi trần chẳng nhiễm là vậy.

Nhan Bính giải: Đương sanh như thị tâm là nên phát cái tâm ấy.

Phật độ chúng sanh đã hết, nhưng bởi tánh vốn không nên thiết không có một chúng sanh nào mà đặng diệt độ cả. Nếu có sanh tâm chấp tướng mà cầu phước báu tức chẳng phải là Bồ Tát.

Thiết vô hữu pháp v.v... là sự thiết thì không có nhiễm lấy một chút trần ô, mà làm sao lại có pháp!

Lý Văn Hội giải: Tức phi Bồ Tát là hai bậc thừa chấp trước bốn tướng ngã, nhơn, sanh, thọ đã có chú giải nơi trước rồi.

Thiết vô hữu pháp là người mới ngộ đạo thì hãy còn có bốn tướng vi tế.

Còn có mấy may chấp lòng ngộ đạo là Ngã tướng; thấy có trí huệ mà hàng phục phiền não đặng là Nhơn tướng; thấy có cái ý hàng phục phiền não là Chúng sanh tướng; thấy có cái lòng thanh tịnh là Thọ giả tướng - Nếu không trừ bốn thứ vọng niệm ấy, thì đều là chấp pháp. Cho nên nói: "Thiết không có pháp chi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả".

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Không sanh xin hỏi lại, Chẳng phải vị cho thân.

Muốn phát tâm A nậu, Nên tường nghiệp quả nhân.

Chấp từ bi cũng vọng, Dùng tự tánh mới chân.

Pháp lập quyền mà độ, Xưa nay ít kẻ phân.

Xuyên Thiên sư giải: Thiếu hết một phần, đâu có đặng.

Tụng:

Ngồi tại giữa nhà trống lổng lổng,

Chẳng Nam chẳng Bắc chẳng Tây Đông.

Bằng không ôn độ của dương khí,

Đâu đặng đào hoa chói sắc hồng.

---o0o---

101.ÂM:

Tu Bồ Đề! Ý y vân hà? - Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề phủ?

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Khi Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp chi mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Như Lai là Phật tự xưng. Nhiên Đăng Phật là Bổn sư của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Phật kêu ông Tu Bồ Đề mà hỏi: "Khi trước ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng Bổn sư, có pháp chi mà đặng cái chơn tánh Vô thượng Chánh giác chăng?".

---o0o---

102.ÂM:

"Phát dã, Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề".

NGHĨA:

"Bạch đức Thế Tôn ! Không - Như con mà tỏ đặng nghĩa của Phật nói thì, thưở Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có pháp chi mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả".

Giải : Lục Tổ giải: Phật bảo ông Tu Bồ Đề: "Ta ở chỗ Sư ta, nếu không diệt trừ bốn tướng thì có đặng thọ ký chăng?". - Ông Tu Bồ Đề rất rõ cái lý không tướng cho nên nói: "Không".

Lý Văn Hội giải: Phật hỏi: "Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng có pháp chi đặng đạo Vô thượng chăng?". - Ông Tu Bồ Đề đáp: "Nếu còn chấp cái lòng tỏ ngộ tánh Bát Nhã, tức là có pháp thì còn có lòng sở đắc ". Cho nên nói: Không có pháp chi đặng đạo Vô thượng cả.

---o0o---

103.ÂM:

Phật ngôn: "N hư thị! N hư thị !".

NGHĨA:

Phật nói: "N hư vậy ! n hư vậy !".

Giải : Lý Văn Hội giải: Phật ngôn: N hư thị! n hư thị ! là rất hiệp với các pháp ý của Như Lai.

Xuyên Thiên sư giải: Nếu chẳng nằm chung một chõng giường, đâu tường chút ít đồ ăn mặc.

Tụng:

Đánh trống khảy tỳ bà, Hai đàn hội một nhà.

Chàng nương bờ lục liễu, Ta ngụ bãi phù sa.

Cảnh chiều lã rã luồng mưa rưới,

Ngút núi xanh xanh, ráng chói lòa.

---o0o---

104.ÂM:

Tu Bồ Đề! Thiệt vô hữu pháp, Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Thiệt không có pháp chi mà Như Lai đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Giải : Vương Nhựt Huru giải: Phật nhận lời của ông Tu Bồ Đề là rất phải, nên mới nói hai lần "như vậy"; rồi lại kêu ông Tu Bồ Đề mà nói theo lời ấy: "Thiệt không có pháp chi mà ta đặng chơn tánh Vô thượng cả", là cái ý rất nhận lời ấy vậy.

---o0o---

105.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược hữu pháp, Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề giả, Nhiên Đăng Phật tức bất dĩ ngã thọ ký: "Nhữ ư lai thế đương đắc tác Phật, hiệu: Thích Ca Mâu Ni".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Bằng có pháp chi mà Như Lai đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì Phật Nhiên Đăng, chẳng thọ ký cho ta: "Người qua đời sau, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni".

Giải : Vương Nhựt Huru giải: Nếu có pháp chi mà đặng, thì Phật Nhiên Đăng đã truyền rồi sao còn thọ ký rằng: Đời sau sẽ đặng làm Phật.

Thích Ca: Năng Nhơn ; Mâu Ni: Tịch Mặc. Năng Nhơn là tâm tánh bao la, hàm dung cả thủy. Tịch Mặc là tâm thể vắng lặng, động tịnh không can.

Hồi đời Châu vua Chiêu Vương năm thứ 26 nhằm ngày mùng 8, tháng 4, năm Giáp Dần (trước Chúa giáng sanh 624 năm) là ngày Thích Ca giáng sanh. Ngài sanh ra tại nách phía hữu của bà mẹ, liền đi bảy bước, chỉ tay mặt, hét giọng Sư tử hầu mà nói: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn (Trên trời dưới trời duy có Chơn lý là tôn trọng hơn hết). Chín vị Long thần ở trên không trung, phun ra thứ nước trong sạch đặng tắm cho Ngài.

Ngài tên tộc là Tất Đạt Đa dịch là Đốn Kiết, kêu là Thái tử Tất Đạt Đa.

Đến đời vua Mục Vương thứ 53 nhằm ngày 15, tháng 2, năm Nhâm Thân (trước Chúa giáng sanh 544 năm), Ngài nhập Niết bàn ở tại giữa cụm cây Ta La; nơi đại thành nước Cu Thi La hưởng thọ đặng 80 tuổi.

Có một bộ giải nghĩa, không đề tên tác giả (Vô Danh thị) có nói: "Muôn pháp vốn không, nếu cho rằng pháp mà có chỗ đặng, ấy là chấp tướng, thì lòng còn ngăn ngại; nếu cho rằng giác tánh mà có chỗ chứng, ấy là lòng chấp có Ta, và năng sở cũng chưa trừ. Phật há có ấn chứng chi đâu?".

Thọ ký: là tỏ ngộ chơn tánh thì hẳn đặng thành Phật.

Lý Văn Hội giải: Bằng có cả thấy pháp là có cả thấy lòng, nên nói: chẳng phải Phật pháp. Bằng không cả thấy pháp là không cả thấy lòng, làm sao mà không phải Phật.

Nên ông Long Nha Hòa Thượng có nói:

Sum suê cụm đại thụ, Chiu chít chim về đồ.

Đi, tự ý không cần, Tới, vô tâm chẳng rủ.

Nếu lòng đặng thể này, Lý đạo nơi trong đủ!

Dữ ngã thọ ký v.v... là trước nhớ trí huệ mà đặng kiến tánh. Bằng có lòng năng sở, tức là cái pháp mới chứng đắc, thì tánh đồng với kẻ phàm phu, đâu có thọ ký đặng. Vậy thì, không có chi thọ ký mới là thọ ký. Nếu lòng còn mảy mún đình lưu, hẳn không pháp chi mà đặng cả. Tự tánh vốn thanh tịnh, cho nên nói: "Đời sau sẽ đặng làm Phật".

Từ Thọ Thiên sư giải:

Tụng:

Linh dược nhà tiên một ít hoàn,

Uống vào thân thể đặng khinh thăng.

Trần duyên ví bằng còn may mảy,

Cách nẻo Bông lai dậm tám ngàn,

Phó Đại sĩ giải:

Tụng:

Cả hai nhơn với pháp, Nguyên thể cũng đồng như.

Pháp diệt nhơn liền dứt. Nhân không pháp hẳn trừ.

Pháp, nhân bằng có thiệt, Thọ ký chẳng là hư?

Nhứt thiệt danh đều vọng. Lậy chi gọi hữu, vô.

Xuyên Thiên sư giải: Nghèo tọt Phạm Đan, gan như Hạng Võ.

Tụng:

Chẳng còn miếng ngói, Không chỗ cầm chùy (dùi).

Ngày qua tháng lại. Ai biết là gì!

Ỗ! Ỗ!

---o0o---

106.ÂM:

Dĩ thiệt vô hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, thị cố, Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: "Nhữ ư lai thể đương đắc tác Phật, hiệu: Thích Ca Mâu Ni". Hà dĩ cố? Như Lai giả, Đức chư pháp như nghĩa .

NGHĨA:

Bởi thiệt chẳng có pháp chi mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta, mà nói như vậy: "Người qua đời sau, sẽ đặng làm Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni". Bởi có sao? - Như Lai ấy là, các pháp đều như như.

Giải : Vương Nhứt Hưu giải: Bài này nói Như Lai là chơn tánh Phật. Bởi như là chơn tánh, khắp cả hư không thế giới mà thường tự như; nếu muốn

hiện ra làm cả thầy đều chi, thì không chi là chẳng đặng nên nói Như; lại tùy sự cảm cách mà hiện ra nên nói: Như Lai, Như Lai: là chơn tánh. Nếu nói rõ là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói đại lược là Như, đại lược nữa là: Phật.

Vậy thì, Phật và Như Lai cũng có khi chỉ sắc thân mà nói. Như nói: "Như Lai có nhục nhãn chẳng". Như Lai dùng trí huệ của Phật biết tất cả người ấy v.v... Còn đây là nói chơn tánh. Chơn tánh cũng kêu là chơn như. Là ngoại vật thầy đều giả vọng, duy có cái tánh mới chơn; còn nói là Như thì đoạn chú giải trước đây nói: chơn tánh tự như, mà không có chi chẳng hiện ra đặng đó! Cho nên gọi tánh chơn thiệt là chơn như, mà cũng gọi là Như Lai nữa.

Tăng Nhưặc Nột giải: Như Lai tức chơn như; chơn như chẳng lìa các pháp cho nên nói: "Các pháp đều như như".

Trần Hùng giải: Phật thường biện luận về Ngài đặng cái tôn hiệu Thích Ca đó, là có sao? Bởi Ngài tỏ thấu các pháp không, nên mới đặng cái nghĩa như như. Như tức là chơn như.

Kinh Lăng Già có nói: "Lìa sự vọng tưởng chẳng thiệt ấy là trụ vào chỗ như như, như như ấy là đặng cái cảnh giới không có chỗ có".

Cho nên kinh Duy Ma có nói: "Như là chẳng hai, chẳng lạ; cả thầy pháp cũng đều như, các Thánh Hiền cũng là như, cho đến Phật Di Lặc cũng là như nữa".

Lý Văn Hội giải: Cả thầy các pháp bỗng lai thanh tịnh, bởi tại chấp bỏ phân biệt các pháp, cho nên trước loạn chẳng đặng tự như. Nếu lòng thanh tịnh thì tự nhiên như mặt nhật chói. Giữa trời tỏ rõ rạch ròi, đối với các pháp đều không chấp bỏ phân biệt, tức là "Các pháp đều như như".

Lại nói: Nếu chẳng tu nhân, hẳn không chứng quả. Nhưng phải biết chẳng có cái pháp nhân quả chi mà đặng. Các pháp đều như như, mà lý như tức là Phật.

Xuyên Thiên sư giải: Trụ đi, trụ đi!

Phật Văn Thù với Tịnh Danh cùng nhau luận về lý Bất nhị.

- Thế nào là Bất nhị?

- Chẳng đặng động chấp; động chấp thì phạt ba mươi roi.

Tụng:

Trên là trời, dưới là đất,

Trai thật trai, mà gái gái thật,

Thằng mục đồng cùng đưa giữ trâu,

Hát (la la lý) cười ngân ngát.

Ấy, là khúc điệu gì mà vui khoái cả muôn năm?

---o0o---

107.ÂM:

Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. - Tu Bồ Đề! -Thiệt vô hữu pháp, Phật đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NGHĨA:

Nếu có người nói : Như Lai đặng đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác...

Này Tu Bồ Đề! Thiệt không có pháp chi Phật đặng đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác cả.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật nói: Hẳng có người nói Phật đặng cái chơn tánh Vô thượng Chánh giác, ấy là vọng ngữ, sao vậy? - Là chơn tánh Ngài vốn đã tự có, chỉ có diệt hết ngoại vọng thì rõ chơn tánh.

Phàm nói đặng, là đặng ở ngoài; còn chơn tánh có đâu ở ngoài mà đặng! Cho nên, hỏi nói đặng tức là không thiệt.

Phật lại kêu ông Tu Bồ Đề mà tự đáp: "Như Lai đặng cái không có pháp chi đó, pháp đó mới là pháp chơn tánh Vô thượng Chánh giác. Bởi tánh thì

vốn tự có, còn pháp thì cầu ở ngoài, chỉ mượn pháp mà diệt trừ ngoại vọng
đặng minh chơn tánh đó thôi".

Há có cái pháp chi lại đặng, mà kêu là chơn tánh hay sao?

Trần Hùng giải: Như Lai đã đặng cái lý tâm truyền về đạo Vô thượng Bồ
đề, mà cái pháp vốn không chi là đặng.

Kẻ chưa hiểu lý của Như Lai nói: "Như Lai là có chỗ đặng", ấy là chẳng rõ
cái lời tâm truyền của Như Lai; nên Phật bảo ông Tu Bồ Đề: "Thiệt không
có chi mà đặng cả". Ấy là ngăn ngừa những lời lầm lạc của người đời vậy.

---o0o---

108.ÂM:

Tu Bồ Đề! Như Lai sở đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, ư thị trung vô
thiệt vô hư.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Như Lai đặng cái đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác, nơi
trong đây không thiệt không hư.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Như Lai đặng cái pháp chánh giác đó, là chỉ
cái chỗ đặng của Phật, cho rõ cái pháp của chơn tánh. Ấy là chẳng phải chỗ
có trong chơn tánh, cho nên nói: "Chẳng phải thiệt". Vậy mà cũng phải nhờ
đó mà tỏ chơn tánh, cho nên nói : "Chẳng phải hư".

Trần Hùng giải: Như Lai tỏ ngộ cái lý không có chi mà đặng; mà chỗ đặng
ấy tức đạo Vô thượng Bồ Đề; bởi đạo Vô thượng Bồ Đề có cái lý mâu diệu
của chơn không; thiệt mà không thiệt; hư mà không hư; đồng nghĩa với bài
Như Lai đặng pháp, trong phần thứ mười bốn.

Tăng Vi Sư giải : Vô thiệt là pháp Bồ Đề không có sắc tướng - Vô hư : là
chỗ không của sắc tướng tức là Bồ Đề. Nên biết cái pháp của Như Lai
chứng quả Bồ Đề, chẳng không chẳng có, cho nên nói: "Không thiệt không
hư".

Lý Văn Hội giải: Ư thị trung : là đồng thanh tịnh - Vô thiết : là chơn không, không có chi phân biệt. Kinh Cảnh Giới có nói: "Các thứ vọng dục chẳng nhiếp, nên sự kính lễ không lấy làm đều" - Vô hư là diệu dụng: là đủ cả hà sa đức dụng.

Xuyên Thiên sư giải: Giàu hiềm ngàn miệng ít, nghèo hận một mình nhiều.

Tụng:

Người đời kiếp sống tợ phù vân.

Họa thế đều không, tuyệt lục thân.

Đề mắt coi đời cho sáng suốt,

Đắm chìm đàng bi kẻ thời non.

---o0o---

109.ÂM:

Thị cô, Như Lai thuyết: Nhứt thiết pháp giai thị Phật Pháp.

NGÃI:

Bởi vậy Như Lai nói : Cả thầy pháp, đều là Phật Pháp.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Bởi có ấy nên Phật nói các pháp đều là pháp dùng để tu hành mà thành Phật. Vậy thì, cho là không có pháp đặng sao?

Nay nhà thiên đoạn tuyệt không dùng pháp, thì trái hẳn với lý trong kinh.

Phật sở dĩ nói rồi liền bỏ, là bởi chẳng nên câu nệ theo pháp, chớ phải là đoạn tuyệt đâu?

Ông Phó Đại Sĩ có tụng: "Nên mượn bè qua biển, đến bờ khỏi dùng thuyền". Nay nhà thiên không dùng pháp là như chưa đến bờ mà chẳng dùng thuyền. Vậy thì mình đã không khỏi đắm chìm trong biển khổ, mà lại làm cho người cũng bắt chước theo mà đắm chìm trong biển khổ nữa.

Trần Hùng giải: Phật tức tâm, tâm tức pháp. Có tâm Phật thì hẳn có pháp Phật.

Như Lai nói cả thầy pháp không có cả thầy ngoại đạo, tà thuyết xen lẫn ở trong, cho nên đoán ngay rằng: đều là Phật Pháp.

Lý Văn Hội giải: Cả thầy thế pháp đều là Phật Pháp.

Kinh Niết Bàn có nói: "Phật tức là Pháp, Pháp tức là Phật".

Mã Tổ giải: Cả thầy chúng sanh, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng khỏi đặng cái pháp tánh tam muội, ăn mặc nói năng, cũng ở trong cái pháp tánh; sáu căn vận dụng cả thầy sự thi vi cũng đều ở trong cái pháp tánh. Chẳng biết phản bản huòn nguyên, cứ bay nhảy theo dòng danh tướng, vọng khởi mê tình là tạo ra cả thầy. Nếu biết nhứt niệm hồi quang phản chiếu, toàn thể thành tâm, thì chỗ nào chẳng phải là Phật Pháp?

Xuyên Thiên sư giải: Rõ ràng trăm thứ cò, rõ ràng ý Tổ sư.

Tụng:

Biết trông hoa khoảnh khắc, Hay đặt rượu tu du.

Đòn khảy xanh bích ngọc, Lò cao thuốc bạch châu.

Thường những hạng hiền tài trí xảo.

Tự nhiên xuất sân cửa phong lưu.

---o0o---

110.ÂM:

Tu Bồ Đề! Sở ngôn nhưt thiết pháp giả, tức phi nhưt thiết pháp, thị cố, danh nhưt thiết pháp.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Gọi là cả thầy pháp ấy, nhưng chẳng phải cả thầy pháp, chỉ cường danh là cả thầy pháp.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật lại e cho người nê cố theo pháp, nên lại bảo ông Tu Bồ Đề: " Nói cả thầy pháp đó là chẳng phải cả thầy pháp chơn thiệt, chỉ mượn đặng mà tu hành chớ chẳng phải sự có trong chơn tánh, cho nên cường danh là cả thầy pháp vậy thôi".

Nhan Bính giải: Như Lai là cái pháp đều Như như, cũng cái ý nghĩa như như chẳng động.

Ư thị trung vô thiệt vô hư: vô thiệt là có chỗ nào mà rò kiếm đặng. Vô hư là chỗ nào mà chẳng phân minh, hư thiệt là đoạn thường, nên ông Phó Đại Sĩ có tụng: "Đoạn thường đều chẳng nhiễm", cho nên nói: "Chẳng phải cả thầy pháp".

Lý Văn Hội giải: Đối với các pháp, lòng không có sở đắc. Tỏ đặng các pháp là không, vốn không cả thầy pháp.

Kinh Pháp Hoa có nói:

Các pháp tự xưa nay,

Tướng thường thường vắng lặng.

Cổ Đức có nói: "Dùng thì tự biết mà thường vắng lặng, chẳng dùng thì vắng lặng mà thường tự biết", vậy mới hiệp với cái tánh diệu giác. Cho nên nói: "Cả thầy pháp".

Xuyên Thiên sư giải: Bực thượng đại nhơn chỉ có một ông Khưu (Đức Không Tử).

Tụng:

Pháp với không pháp, chẳng phải pháp,

Ròng ẩn trong ao đương ngút ngoắc,

Tâm với không tâm, chẳng phải tâm,

Ngăn lấp hư không tự cổ cầm (kim).

Ấy là tuyệt nẻo truy tầm.

Tứ hướng mây giăng luồng gió vệt,

Khấp trời tỏ rạng bóng trắng trong.

---o0o---

111.ÂM:

Tu Bồ Đề! Thí như nhon thân trường đại...".

Tu Bồ Đề ngôn: "Thế Tôn! Như Lai thuyết: Nhon thân trường đại, tức vi phi đại thân, thị danh đại thân".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Ví như thân người to lớn...".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như Lai có nói thân người to lớn nhưng chẳng phải thân lớn mới là thân lớn".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Ông Tu Bồ Đề, bởi thường nghe Phật nói lời ấy, nên hiểu đặng, bèn thưa đức Thế Tôn mà đáp: "Như Lai nói thân người to lớn là chẳng phải thiệt thân lớn chỉ cưỡng danh vậy thôi", cũng như nói trong phần thứ mười đó vậy.

Lý Văn Hội giải: Sắc thân có tướng là chẳng phải thân lớn. Pháp thân không tướng, to lớn không ngăn, cho nên nói "Thân lớn".

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Hư không tức Pháp thân, Pháp thân tức hư không. Cho nên nói: "Thân lớn".

Xuyên Thiên sư giải: Kêu là một vật thì chẳng trúng.

Tụng:

Trời sanh hình tướng sắc thân này.

Văn võ gồm tài học cho hay.

Bổn địa bấy giờ tìm đặng gặp,

Mới tường danh hiệu khắp Đông Tây.

---o0o---

112.ÂM:

Tu Bồ Đề! Bồ Tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn: "Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tức bất danh Bồ Tát".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế (thân lớn). Nếu có lời này: "Ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh thì chẳng gọi là Bồ Tát".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Bồ Tát là giác chúng sanh.

Phật lại bảo ông Tu Bồ Đề: Bồ Tát diệt như thị: như thị là chỉ bài trên, là nói giác ngộ cho chúng sanh, chẳng phải là chơn thiệt, cũng như thân lớn không chơn thiệt vậy, chỉ cưỡng danh mà thôi. Sao vậy? Là không chơn tánh đâu có chỉ là giác ngộ chúng sanh, duy có Phật mới là giác, mà giác tức là chơn tánh.

Nhược tức thị ngôn: thị ngôn là chỉ bài dưới, là nói Ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh, thì chẳng phải là giác ngộ chúng sanh, vì cho chúng sanh là có, mà ta diệt độ cho đặng thành Phật. Kiến thức như thế thì chẳng đặng gọi là giác ngộ chúng sanh, bởi cả thầy chúng sanh, chơn tánh vốn không, tùy nghiệp duyên mà hiện ra. Cho nên chẳng cho là "có".

Lý Văn Hội giải: Tức bất danh Bồ Tát là hai bực thừa mà chưa trừ bỏ sự phiền não vọng tưởng thì đồng với phàm phu; bỏ sắc chấp không, chẳng tỏ sắc tánh, tức là chẳng phải Bồ Tát.

Kinh Tịnh Danh có nói: "Sắc tánh vẫn không; chẳng chấp sắc, đoạn diệt không, ví người đau con mắt thấy hoa trên không, huyễn không phải lẽ".

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Tùy nghiệp hiện ra hình,

Đều là vật ký sanh.

Chơn không như tổ ngộ,

Bực tự tại anh danh.

---o0o---

113.ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Thiệt vô hữu pháp, danh vi Bồ Tát.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Nay Tu Bồ Đề Thiệt chẳng có nghĩa pháp chi gọi là Bồ Tát cả.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật lại tự hỏi: "Cớ sao bài trước nói cả thầy chúng sanh cho là có diệt độ, thì chẳng phải là giác ngộ chúng sanh", rồi tự đáp: "Thiệt không có pháp chi, mà gọi là giác ngộ chúng sanh, là bởi trong chơn tánh thiệt không có pháp chi gọi là giác ngộ chúng sanh cả".

Vả lại tu hành đến bực Bồ Tát, là nhờ cái pháp của Phật thuyết, mới biết đặng lý mà làm theo, mà lại nói thiệt không có pháp chi, là nói riêng cái pháp ở trong chơn tánh thiệt là không có đó thôi.

Lý văn Hội giải: Thiệt vô hữu pháp v.v... là cả thầy tánh vắng lặng xưa nay chẳng sanh, chẳng thấy có sanh tử, chẳng thấy có Niết Bàn, chẳng thấy có lành dữ, chẳng thấy có phàm Thánh, chẳng thấy có cả thầy pháp, mới gọi là thấy pháp. Chính trong lúc thấy đó cũng không có chi mà thấy, thì tức là Bồ Tát. Cho nên nói: "Thiệt không có pháp chi gọi là Bồ Tát".

---o0o---

114.ÂM:

Thị cố, Phật thuyết nhưt thiết pháp: Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

NGHĨA:

Bởi vậy, Phật nói cả thầy pháp không có tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Thị cố là những lời của bài trên nói, là nói thiết không có pháp chi gọi là giác ngộ cho chúng sanh cả.

Phật thuyết nhưt thiết v.v... là Phật nói các pháp, đều gọi ngã, nhơn, sanh, thọ ấy vốn là không có; bốn tướng ấy nói chung lại, đều gọi là chúng sanh; mà chúng sanh vốn không có, thì đâu có cái pháp giác ngộ chúng sanh!

Trần Hùng giải: Bài trước đã nói : "Thiết không có pháp" thì đâu có pháp chi mà thuyết?

Phật vốn không ngôn thuyết, mà có thuyết, bất quá là cái không tướng của chơn không vậy thôi.

Kinh Duy Ma có nói: "Pháp không có chúng sanh, nên bỏ chúng sanh cầu, pháp không có Ta, nên bỏ ngã cầu, pháp không có thọ mạng, nên bỏ cái lý sanh tử, pháp không có người nên bỏ những cái đời trước và sau". Ấy là cái pháp không tướng của chơn không - Phật nói : "Cả thầy pháp" là vậy đó, ngoài ấy thì Phật ta không có chỗ chi thuyết cả.

Nhan Bính giải: Sắc thân tuy lớn mà đâu khỏi cái nẻo sanh diệt! Có hạn lượng là chẳng phải thân lớn. Nếu tạo ra lời này: "Ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh" thì chẳng phải Bồ Tát. Mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh là Phật. Thiết không có pháp chi gọi là Bồ Tát. Cho nên Phật nói: "Cả thầy pháp có bốn tướng đâu mà đặng".

Xuyên Thiên sư giải: Kêu trâu thì trâu, gọi ngựa thì ngựa.

Tụng:

Mượn đồ làm lẽ dạ ân cần,

Pháp tắc trang nghiêm đúng thập phần.

Bóng trúc quét sân trần chẳng động,

Vùng trăng vượt biển nước không quàng.

---o0o---

115.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát tác thị ngôn: "Ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ Tát".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có nói lời này: "Ta phải có trang nghiêm Phật độ", thì chẳng phải là Bồ Tát.

Giải : Sớ Sao giải: Phật độ là tâm độ. Phật độ không có tướng, sao rằng trang nghiêm? Bằng có trang nghiêm thì tức là có thêm cái pháp!?

Trần Hùng giải: Dùng báu của định huệ mà trang nghiêm Phật độ của cái tâm, ấy là Bồ Tát; chẳng kể là có công mà người cũng không thấy đặng tông tích. Còn dùng báu của kim châu mà trang nghiêm Phật độ của thế gian, ấy là phàm phu; hay khoe công mà cần muốn cho người biết.

Kinh Văn Thù Bát Nhã có nói: "Vì cả thấy chúng sanh khai mở sự trang nghiêm lớn, mà lòng không thấy có tướng trang nghiêm"; Bồ Tát cũng như thế, nào có chịu khoe công mình. Nếu nói như thế là chưa trừ bốn tướng, tức kiến thức của phàm phu, đâu phải là Bồ Tát!

Lý Văn Hội giải : Ngã đương trang nghiêm v.v... trong kinh Diệu Định có nói: "Bằng có người làm nhà tịnh xá, bằng vàng bạc đầy cả tam thiên thế giới, tuy đặng phước đức bố thí vô lượng, mà lòng còn năng sở, tức chẳng phải Bồ Tát, không bằng nhứt niệm không lòng năng sở, thì đặng công đức hơn công đức trước kia cả trăm ngàn muôn bội".

---o0o---

116.ÂM:

Hà dĩ cố? - Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Như Lai nói trang nghiêm Phật độ, nhưng chẳng phải trang nghiêm, chỉ cưỡng danh là trang nghiêm.

Giải : Triệu Pháp sư giải: Đó là nói rõ về chẳng thông cái lý Pháp không, chấp có Tịnh độ trang nghiêm, thì chẳng phải Bồ Tát. Lại nói rõ cái lý Vô vi là tướng Phật độ trang nghiêm.

Vương Nhựt Hưu giải: Bài này đồng một ý với bài trong phẩm thứ 10, đến đây còn nói lại nữa là vì những thính giả mới đến sau, rồi lại nói tiếp luôn bài sau này nữa.

Trần Hùng giải: Như Lai sở thuyết là trang nghiêm Phật độ của cái tâm. Phật độ của cái tâm vốn thanh tịnh không có tướng, nào có cần chi sự trang sức, nên nói: "Là chẳng phải trang nghiêm".

Thường hơn dùng trang nghiêm làm trang nghiêm, còn Như Lai lại dùng chẳng phải trang nghiêm làm trang nghiêm, thì trong ấy có sự trang nghiêm màu diệu; nên mới gọi rằng trang nghiêm.

Tịnh Độ Luận có nói:

"Đủ các tánh trên bửu".

"Trang nghiêm đẹp vẹn toàn".

Người đời chấp lấy Phật độ của thế gian mà chẳng biết xét. Trước kia Phật đã có nói, mà đây còn nói nữa là cứu chữa chỗ tệ vậy.

Nhan Bính giải: Lòng thường thanh tịnh, chẳng nhiễm trần duyên, ấy là Phật độ trang nghiêm. Tuy nói là trang nghiêm, chớ chẳng nên chấp tướng trang nghiêm. Cho nên nói: "Chẳng phải trang nghiêm chỉ cưỡng danh vậy thôi".

Lý Văn Hội giải: Túc phi trang nghiêm v.v... là thiết không có pháp chi đặng đạo Bồ đề, thiết không có pháp chi gọi là Bồ Tát, thì đâu còn chấp tướng trang nghiêm? Như thế, thì tiêu điều tự tại, không còn mây may nào quái ngại nữa.

Thế nào là trang nghiêm, thế nào là chẳng phải trang nghiêm? Cho nên nói: "Chẳng phải trang nghiêm chỉ cưỡng danh là trang nghiêm".

---o0o---

117.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát thông đạt "vô ngã" pháp giả, Như Lai thuyết danh chơn thị Bồ Tát".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát tỏ thấu pháp "Vô Ngã", Như Lai mới gọi hẳn thiết là Bồ Tát".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Cứ theo trong kinh Lăng Già nói về cái lý Nhị Vô ngã là: Nhơn vô ngã và Pháp vô ngã¹³³. Nhơn vô ngã là người vốn không bền thể, bởi nơi nghiệp mà sanh ra, Pháp vô ngã là pháp vốn không bền thể, bởi nơi sự mà lập ra; cũng như làm cái nghiệp giàu sang thì sanh ở chỗ nghèo hèn; ấy là người vốn không bền thể. Còn muốn qua sông thì tạo ra thuyền bè, muốn đi bộ thì tạo ra xe cộ. Ấy là pháp vốn không bền thể, cả thấy pháp đều tùy duyên mà lập ra, thì tức là giả hiệp; mà giả hiệp tức là hư vọng. Bằng hiểu lý ấy mà ngộ đặng, ấy là kiến thức của bậc Bồ Tát. Cho nên nói: Như Lai mới gọi là hẳn thiết là Bồ Tát.

Nhan Bính giải: Thông đạt Vô ngã pháp là bấy giờ liền tỏ ngộ, như thùng (son) không đáy, trống rỗng tư bề, rỗng rang không có Ta. Thân ta đã không, pháp đâu lại có? Nhơn pháp đều không: ấy tức là Bồ Tát, còn cầu ở đâu nữa?

Lý Văn Hội giải: Thông đạt Vô ngã pháp là đối với các pháp tướng đều không chỗ ngăn ngại, mới gọi "thông đạt". Bằng còn chấp cái chỗ hay biết, ấy là ngã tướng. Không chấp có chỗ hay biết, thì rỗng rang thanh tịnh, ấy là không ngã tướng. Cho nên nói: "Hẳn thiết là Bồ Tát".

Có ông Tăng hỏi ông Mã Tổ : "Thấy hiểu thế nào mới đạt đạo đặng?".

Đáp: Tự tánh bản lai sẵn đủ, chỉ không chấp những việc lành dữ, mới gọi là "Người hành đạo".

Chấp lành, bỏ dữ, quán không, nhập định, đều thuộc về tạo tác cả. Nếu cứ tìm cầu ở ngoài, thì trở nên xa cách. Còn như niệm vọng tưởng là căn bản của nẻo sanh tử trong ba cõi, chỉ không có như niệm nào mới trừ cái căn bản của nẻo sanh tử đặng, ấy mới là một vị Pháp vương trên báu Vô thượng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Cả hai nhơn với pháp, Nguyên thể cũng đồng như.

Pháp diệt nhơn liền dứt, Nhơn không pháp hẳn trừ.

Pháp nhơn bằng có thiệt, Thọ kỳ chẳng là hư?

Nhứt thiết danh đều vọng, Lậy chi gọi hữu vô!

Xuyên Thiên sư giải: Lạnh cả trời đều lạnh, nục cả trời đều nục.

Tụng:

Chơn ngã nguyên không ngã Lạnh nhờ hơi đặng lửa.

Bồn tâm nhận có tâm, Trong chỗ tối mò kim.

Không ngã không tâm phân tỏ rõ. Hả hả !

Hạng người dường ấy có bao lăm.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

118.ÂM:

"Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Nhục nhãn phủ?".- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Nhục nhãn".- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Thiên nhãn phủ?".- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Thiên nhãn".- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Huệ nhãn phủ?".- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Huệ nhãn".- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Pháp nhãn phủ?".- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Pháp nhãn".- "Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ?".- "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Phật nhãn".

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Nhục nhãn chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai có Nhục nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Thiên nhãn chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai có Thiên nhãn".

- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Huệ nhãn chăng?".- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai có Huệ nhãn".- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Pháp nhãn chăng?".- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai có Pháp nhãn".- "Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Phật nhãn chăng?".- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai có Phật nhãn".

Giải : Nhựt Nguyệt Thù Quang Như Lai giải: Nhục nhãn là thấy đặng cái nhân duyên sanh diệt của sắc thân bốn loại: noãn, thai, thấp, hóa.

Thiên nhãn là thấy đặng cung điện của các cõi trời cái nhân duyên vận hành của mây mưa, tối sáng, tinh tú và nhựt nguyệt. Huệ nhãn là thấy đặng cái tánh huệ cao thấp của chúng sanh và cái nhân duyên luân hồi đầu thai của các bậc thượng phẩm hạ sanh. Pháp nhãn là thấy đặng cái nhân duyên của pháp thân đầy khắp cả ba cõi, không hình không tướng, khắp cả hư không cả pháp giới. Phật nhãn là thấy đặng thân của Phật, thế giới không chi sánh bằng, phóng hào quang soi thấu các chỗ hắc ám không ngăn không ngại, viên mãn thập phương; theo hào quang ấy mà thấy đặng bốn thể, biết có quốc độ của Niết bàn.

- Bằng có hạng người thượng căn thượng trí biết đặng nhân duyên ngũ nhãn của Như Lai, thì tức là bực Đại thừa Bồ Tát.

Trần Hùng giải: Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Nhục nhãn thấy cả thấy sắc; Thiên nhãn thấy cả thấy tâm của chúng sanh; Huệ nhãn thấy cả thấy cảnh giới, các căn khí của chúng sanh, Pháp nhãn thấy cả thấy thiết tướng của các pháp; Phật nhãn thấy thập lực của Như Lai". Trong kinh Đại Bát Nhã nói: thanh tịnh ngũ nhãn là vậy.

Thế Tôn hỏi về cái lý ngũ nhãn ông Tu Bồ Đề đều đáp có như lý ấy, thiết đáng khen là hay vấn đáp.

Nhan Bính giải: Sự trông thấy theo bực hóa thân là Nhục nhãn; soi khắp cả đại thiên là Thiên nhãn; đước trí thường tỏ là Huệ nhãn; tỏ các pháp đều không là Pháp nhãn; tự tánh thường giác là Phật nhãn.

Có ông Tăng hỏi vị Tôn túc: Quán Âm Bồ Tát¹³⁴ dùng bấy nhiêu tay mắt đặng làm cái gì?

Đáp: "Cả mình đều tay mắt cả".

Hạng thường hơn trong ngũ nhãn ấy cũng không có đặng lấy một nhãn, đâu lại đặng đến ba đến bốn! Tuy vậy nhưng mà phải làm sao như cái người ấy mới đủ ngũ nhãn đặng; là duy có bực tự tánh Như Lai.

Kinh Ngũ Nhơn Độ Tế Phẩm có nói: "Phật nói tùy thế gian mà khai hóa, nên vào nói năm đường¹³⁵ mà thanh tịnh ngũ nhãn".

1.- Nhục nhãn: ở chốn thế gian hiện thân tứ đại, bởi ấy mà khai hóa độ thoát chúng sanh;

2.- Thiên nhãn: ở trên chư Thiên và dưới thế gian, chỗ nào chưa biết chí đạo thì chỉ bảo lý Tam thừa.

3.- Huệ nhãn: chỗ nào chưa hay hiểu và trí độ chưa đúng đều khai hóa cho vào bực Đại huệ.

4.- Pháp nhãn: kẻ trí thức còn hẹp hòi, không đặng quảng đại, thấy đều khai hóa giải rõ cái nghĩa Pháp thân, vốn không đi, tới, khiến cho bình đẳng ba đời.

5.- Phật nhãn: kẻ còn mê hoặc chẳng biết chơn chánh, bị ám giới nó che ngăn, ví như người mê ngủ thì chỉ dạy cái hạnh bốn bực, bốn ơn: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn.

Nhứt tâm dùng trí huệ, hay quyền dung phương tiện, tùy nghi không lỗi, khiến cho cả thấy đều phát cái đạo chánh chơn vậy.

Lý Văn Hội giải: Cả thấy phạm phu đều đủ ngũ nhãn, mà bị cái vọng tâm che áng nên không rõ đặng tự tánh. Bằng không mê tâm vọng niệm, ví như cái mù áng đã bay đi hết, thì ngũ nhãn, tỏ sáng mới thấy đặng cả thấy sắc.

Trong ngoài vắng lặng, ấy là Nhục nhãn; rõ đặng chơn tánh mình, là pháp bình đẳng, ấy là Thiên nhãn; rõ đặng trí Bát Nhã trong tự tánh, ấy là Huệ nhãn; thấy các sắc tướng, lòng chẳng động lay, thấy cả thấy pháp đều không cả thấy pháp, thấy cả thấy tướng đều không cả thấy tướng, ấy là Pháp nhãn; thấy đời trước không có phiền não chi mà bỏ, đời này không có tự tánh chi mà giữ, đời sau không có Phật đâu mà cầu, ba đời thanh tịnh, ấy là Phật nhãn.

Lại nói: Dùng không tướng làm Pháp thân, ấy là Huệ nhãn; thấy đặng Như Lai.

Chỉ không, luận có, giả danh, lập tướng, ấy là Pháp nhãn; thấy đặng Như Lai.

Bằng tỏ lý có, không là chẳng có có không, hai bên vắng lặng, toàn thể Pháp thân khắp cả pháp giới; ấy là cụ túc Phật nhãn; thấy đặng Như Lai.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Nhục nhãn còn ngăn ngại, Như Thiên nhãn mới thông.

Pháp, soi tường tục đế, Huệ, xét thấu duyên không.

Phật, quá vừng hồng sáng, Thấy nhiều thể tánh đồng.

Viên minh trong pháp giới, Không chỗ chẳng hàm dung.

Xuyên Thiên sư giải: Đều ở dưới lông mày.

Tụng:

Như Lai có ngũ nhãn, Giáp mô chỉ hai con.

Đều đều chia đỏ trắng, Thấy thấy biện xanh vàng.

Kỳ trung có chút chi sai suyễn,

Tháng sáu nòng nân, xuống tuyết sương.

---o0o---

119.ÂM:

"Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như HẰNG hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?". - "Như thị, Thế Tôn ! Như Lai thuyết thị sa". - Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như nhưt HẰNG hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng hẰNG hà, thị chư HẰNG hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị, ninh vi đa phủ?". - "Thậm đa, Thế Tôn !".

NGHĨA:

"Này Tu BỒ ĐỀ! Ý ông thế nào? Như trong sông HẰNG có số cát, Phật nói là cát chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy; Như Lai nói là cát".

-Tu BỒ ĐỀ! Ý ông thế nào? Như dùng số cát trong một sông HẰNG mà ví dụ, có những sông HẰNG khác nhiều bằng số cát ấy, rồi có thế giới Phật bằng số cát của những sông HẰNG ấy, như thế, thiệt là nhiều chăng?".

- "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều".

Giải : Lục Tổ giải: Sông HẰNG là cái sông ở gần bên nhà Tịnh xá, chỗ Kỳ Viên, nước Tây Vực. Phật thuyết pháp thường hay chỉ sông ấy mà ví dụ.

Phật hỏi: "Cát ở sông ấy, mỗi hột cát ví một thế giới Phật, như vậy nhiều chẳng?". Cho nên ông Tu Bồ Đề mới đáp: "Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều".

Vương Nhựt Hưu giải: Hằng hà trung v.v... là mỗi hột cát là một sông Hằng - Thị chư Hằng hà v.v...; thị chư Hằng hà là mỗi hột cát là một sông Hằng, như thế thì số cát của cả thủy sông Hằng thiệt nhiều không xiết kể.- Phật thế giới như thị là thế giới nhiều như vậy thì số nhiều không thể nói.

Phật dùng việc ấy mà hỏi ông Tu Bồ Đề là có sao? Là khi đương đương thuyết pháp, trước hết muốn cho người tỏ ngộ tự tâm, nên không nhằm nản mà nói đi nói lại. Bởi vậy mới có mấy lời trong bài sau đây.

Phật thế giới là phạm một đại thế giới thì có một vị Phật hóa độ. Cho nên hề đại thế giới đều kêu là Phật thế giới.

Nhan Bính giải: Nói thế giới như số cát là nói sự nhiều.

- Hữu như thị đẳng v.v... đẳng là so sánh (ví). Dùng cát như thế mà ví sự nhiều của sông Hằng. Lại dùng những cát của cả thủy sông Hằng ấy mà ví thế giới Phật. Phật dùng như thế mà hỏi "nhiều chẳng" Cho nên ông Tu Bồ Đề mới đáp: "Rất nhiều".

Tăng Nhược Nột giải: Nêu những cát trong sông Hằng, mỗi hột cát là một thế giới; dùng như thế mà hỏi.

Lý Văn Hội giải: Hằng hà sa số là muốn rõ chúng sanh có các thứ vọng niệm, cho nên dùng vô cùng những cát mà ví dụ. Kinh Lăng Nghiêm có nói: "Phật Lưu Ly Quang Pháp Vương tử xem chúng sanh ở thế gian đều bởi nơi cái duyên vọng, bị cái phong đại (là một trong tứ đại) nó chuyển dời: quán việc thế thì động theo thời, quán cái thân thì động theo sự chỉ, (chỉ tức), quán cái tâm thì động theo sự niệm, các sự động đều có một bực không sai khác. Cái tánh của các sự động ấy; lại không chỗ theo, đi không chỗ đến, mười phương vi trần điền đảo, chúng sanh thủy đều hư vọng.

---o0o---

120.ÂM:

Phật cáo Tu Bồ Đề: "Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri".

NGHĨA:

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Những chúng sanh trong quốc độ ấy, có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết cả".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Sở hữu chúng sanh là phạm chúng sanh trong thế giới ấy là cả thấy chúng sanh. Như Lai, sở dĩ biết đặng cái tâm của cả thấy chúng sanh đó, là bởi tâm ấy đều là tâm vọng ở trong chơn tánh hiện ra. Mà đã sanh cái tâm vọng, thì Phật xem thấy hẳn có hình tướng rõ ràng. Bởi có hình tướng, cho nên mới biết. Bằng vắng lặng như hư không thì do đâu mà biết đặng?

Còn nói pháp "Tha tâm thông" là người nào khác khởi sanh tâm niệm thì Tha tâm thông cũng đều biết đặng cả.

Có người kia nắm con cò trong tay, mà hỏi vị Tha tâm thông; vị ấy biết ngay là con cò, là bởi tại người kia đã biết trước con cò rồi.

Còn nếu mình không biết số nhiều ít mà hỏi, thì Tha tâm thông không biết đặng, là bởi tại mình không biết trước.

Lấy đó mà luận thì nếu một phen khởi niệm dường như có hình tướng rõ ràng, nên có thể mà biết đặng.

Còn như Phật phải là có một pháp Tha tâm thông mà thôi đâu! Cho nên vô lượng chúng sanh, một phen khởi niệm, thấy đều thấy biết, không còn chi nghi ngại cả.

Nhan Bính giải: Nhược can là bao nhiêu; dầu bao nhiêu tâm, Như Lai cũng đều biết, bởi tâm cảnh sáng suốt không chỗ nào chẳng khắp rõ.

Tăng Nhược Nột giải: Nhược can: nhược là như, can là số.

Ông Nhan Sư Cổ có nói: "Là cái lời hỏi (bao nhiêu) của phép toán".

Nược can có hai thứ: một là lòng của phàm phu thế gian; hai là lòng của Thánh nhơn xuất thế gian, Như Lai đều biết hết, nên gọi là "Chánh Biến Tri".

Lý Văn Hội giải: Nhược can chủng tâm v.v... là Nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý; bằng khởi động niệm đều là quốc độ. Ở trong quốc độ có những chúng sanh, bao nhiêu những tâm sai biệt, số tâm tuy nhiều, nhưng tổng danh là vọng tâm; đã biết là vọng. Cho nên nói: "Đều biết cả".

Xuyên Thiên sư giải: Tu bỏ đặng rồi thương những kẻ; say mê tình lại ngán cho ai!

Tụng:

Đề mắt Đông Nam, Lưu tâm Tây Bắc.

Sẽ nói khi đen, Lại rằng vượn bạch.

Cả thấy chúng sanh cả thấy tâm,

Thường đeo đuổi mãi điều thình sắc.

---o0o---

121.ÂM:

Hà dĩ cố? Như Lai thuyết: Chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Như Lai nói cả thấy tâm, đều chẳng phải tâm, chỉ cưỡng danh là tâm.

Giải : Lục Tổ giải: Trong quốc độ ấy có những chúng sanh, cả thấy chúng sanh đều có bao nhiêu tâm sai biệt, số tâm tuy nhiều nhưng tổng danh là vọng tâm. Biết đặng vọng tâm là chẳng phải tâm; nên nói: Chỉ cưỡng danh là tâm.

Nhan Bính giải: Như Lai nói các thứ tâm thiệt không có chi mà đặng. Cho nên nói: "Chẳng phải tâm, chỉ cưỡng danh là tâm".

Lý Văn Hội giải: Phải biết vọng tâm là chẳng phải tâm; vốn không vọng niệm, chẳng khởi vọng tâm, tức là bản tâm của tự tánh. Cho nên nói: "Chỉ

cường danh là tâm". Tâm ấy tức là tâm của Bồ Tát, cũng kêu là tâm của Niết bàn của đại đạo và của Phật.

Ông Lâm Tế Thiền sư có lời tụng:

Bằng nhứt niệm tâm mà giải thoát,

Là tam muội pháp của Quán Âm.

Xuyên Thiền sư giải: Hay đau thì quen tánh thuốc.

Tụng:

Một lượn sóng đùa mấy lượn sanh,

Kiến bờ miệng chén biết đâu ranh.

Bây giờ cắt đoạn vì người đó,

Đặng xuất thân rồi mới đại danh.

---o0o---

122.ÂM:

Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề!

Quá khứ tâm bất khả đắc;

Hiện tại tâm bất khả đắc;

Vị lai tâm bất khả đắc".

NGHĨA:

Sở dĩ sao? Này Tu Bồ Đề!

Tâm quá khứ, không có chi mà đặng;

Tâm hiện tại, không chi có mà đặng;

Tâm vị lai, không có chi mà đặng".

Giải : Triệu Pháp sư giải: Nghe nói các thứ tâm, thì cho rằng có tâm thiệt, nên lo trừ bỏ; phải rõ tâm của ba đời đều không, cho nên trong Luận có nói: "Quá khứ đã hết, vị lai chưa khởi, hiện tại thì hư vọng". Ba đời xét cầu, rốt không chi đặng.

Sớ Sao giải: Chưa giác ngộ thì chẳng biết, nên tùy thời mà lưu chuyển mới có ba đời - Bằng giác ngộ đặng cái tâm chơn nhưt rồi, thì không có quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bằng có tâm quá khứ mà diệt đặng ấy là mình tự diệt. Có tâm vị lai mà sanh đặng, ấy là mình tự sanh. Đã có sanh diệt thì không phải là chơn tâm thường trụ, tức là tâm y tha, tâm hư vọng.

Bằng nhưt niệm có tâm sanh diệt thì thành ra 62 thứ tà kiến, 900 thứ phiền não.

Vương Nhựt Hưu giải: Cái chơn tâm thường trụ tức là chơn tánh. Vậy nên từ đời vô lượng vô số kiếp đến nay, thường nhưt định mà không biến động, chớ đâu có quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu có quá khứ, vị lai, hiện tại thì là vọng tưởng; tức là tam tâm.

Vả lại, như đói mà chưa muốn ăn thì cái tâm ấy là tâm vị lai; đói mà đương muốn ăn là tâm hiện tại; ăn rồi mà buông đũa muốn là tâm quá khứ, thì cái tâm ấy bởi việc mà khởi, việc qua rồi thì dứt. Cho nên nói vọng tưởng tâm.

Bất khả đắc là không, là tam tâm ấy bỗng lai không có, tại bởi việc mà có. Cho nên trong kinh Viên Giác sở dĩ nói: "Sáu trần bởi theo cái bóng ở ngoài mà làm cái tướng của "tự tâm", là nói chúng sanh dùng cái bóng của sáu thứ trần duyên mà làm cái tướng của tự tâm mình vậy".

Tăng Nhực Nột giải: Kinh Bốn Sanh Tâm Địa Quán có nói: Phật thường nói duy có cái tâm pháp là chủ của ba cõi; bốn nguyên của tâm pháp chẳng nhiễm bụi nhơ.

Thế nào là tâm pháp? Nếu nhiễm tham, sân, si của pháp ba đời thì ai gọi là tâm. Tâm quá khứ đã dứt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại chẳng trụ. Ở trong các pháp, đâu có tánh chi mà đặng? Ở ngoài các pháp đâu có tướng chi

mà đặng? Ở trung gian các pháp cũng đều chẳng có chi mà đặng cả. Tâm pháp bôn lai không có hình tướng, tâm pháp bôn lai không có chỗ trụ. Cả thầy Như Lai còn chẳng thấy tâm pháp thay, huống chi là ai mà thấy đặng tâm pháp!?

Nhan Bính giải: Tưởng nhớ việc trước là tâm quá khứ, tưởng nhớ việc bây giờ là hiện tại; tưởng nhớ việc sau là tâm vị lai. Ba điều tưởng nhớ ấy đều bỏ, không chấp, ấy là không có chi mà đặng.

Trong kinh có nói:

Niệm trước niệm sau với niệm này,

Niệm sau đừng nhiễm vào tà kiến.

Ấy là tam tâm không có chi mà đặng.

Cổ Ngữ có nói: "Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện" là cũng nói ba đời đều dứt, ba niệm đều vọng, rốt không chi đặng.

Kinh Vị Tăng Hữu có nói: "Ông Diêu Kiệt Tường Bô Tát nhận thấy một người nợ tưởng rằng mình có tạo nghiệp sát, ắt phải đọa vào địa ngục, chẳng biết thế nào mà cứu độ. Ngài bèn hóa ra một người, rồi cũng nói: "Tôi có tạo nghiệp sát, ắt phải đọa vào địa ngục". Người nợ nghe rồi nói: "Tôi cũng như thế". Người hóa ấy bảo rằng: "Duy có Phật mới cứu tội ấy đặng, vậy thì đi theo tôi đặng đến cầu Phật".

Người hóa bạch Phật: Tôi tạo nghiệp sát e đọa vào địa ngục, xin Phật cứu độ - Phật bèn bảo người: "Theo lời người nói tạo nghiệp sát đó, vậy bởi cái tâm nào mà người gây ra nghiệp ấy? Tâm quá khứ, hiện tại hay là vị lai? Bằng khởi cái tâm quá khứ, là tâm đã diệt, cũng không có chi là tâm; mà tâm vị lai là tâm chưa đến, cũng không có chi là tâm; còn tâm hiện tại là tâm chẳng trụ, cũng không có chi là tâm. Ba đời đều không có chi mà đặng, thì không khởi tác. Đã không khởi tác thì cái tướng của tội bởi đâu mà thấy.

Thiện nam tử này! Vả cái tâm không có chỗ trụ: chẳng ở trong, chẳng ở ngoài và cũng chẳng ở trung gian. Tâm cũng không sắc tướng, chẳng phải xanh, vàng, trắng, đỏ chi!

Tâm không có tạo, bởi không chi mà tạo: tâm chẳng phải huyễn hóa, bởi vốn chơn thiệt; tâm không bờ vực, bởi không có hạn lượng; tâm không chấp bỏ, bởi không có lành dữ; tâm không chuyển động, bởi không sanh diệt, tâm sanh như hư không, bởi không ngăn ngại; tâm không nhiễm tịnh, bởi lìa cả thảy các việc (kiếp số).

Này Thiện nam tử! Nếu tướng như thế, thì trong cả thảy pháp, đều không có chi mà cầu cái tâm đặng cả! Bởi có sao? Tự tánh của tâm là các pháp tánh. Các pháp đều không, ấy là tánh chơn thiệt. Bởi cái nghĩa ấy thì người cũng chẳng nên e sợ".

Lúc ấy người hóa nghe Phật thuyết pháp bèn bạch Phật rằng: "Nay tôi ngộ đặng tánh tội vẫn không, không còn e sợ". Người tạo nghiệp nọ cũng bạch Phật: "Nay tôi ngộ đặng tánh tội vẫn không, mà không còn tư tưởng những điều e sợ ấy nữa".

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Một niệm vừa manh động, Bởi tâm vọng sở hành.

Các tà kiến lẫn lộn, Những trược lậu tung hoành.

Quá khứ diệt không diệt. Vị lai sanh chẳng sanh.

Thường hay quán pháp ấy, Chơn, vọng, tự nhiên bình.

Lý Văn Hội giải: Tâm của ba đời không có chi mà đặng, bởi tại duyên mà sanh.

Triệu Pháp sư giải: Nghe nói cả thảy tâm thì cho rằng thiệt có tâm, nên toan dứt bỏ.

Phải rõ tâm của ba đời đều không, nên nói: Quá khứ đã hết, vị lai chưa khởi, hiện tại hư vọng; ba đời xét cầu rốt không chi đặng. Cho nên nói: Nếu ngộ đặng không pháp, không tướng, không sự, chơn tâm bình thường tức pháp thể vắng lặng: chẳng sanh, chẳng diệt, rỗng rang thanh tịnh đâu có niệm trước, niệm sau, niệm nay chi mà đặng.

Mã Tô> giải: Đạo chẳng cần tu, chỉ đừng ô nhiễm - Thế nào là ô nhiễm? Là có cái hướng thú sanh tử tạo tác, đều là ô nhiễm. Bằng muốn mau hiểu đạo, thì cái tâm bình thường, tức là đạo, - Thế nào là tâm bình thường? Là không tạo tác phải quấy, chấp bỏ, thương ghét, phạm Thánh. Cho nên trong kinh nói: "Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh Thánh Hiền thì tức là hạnh Bồ Tát".

Ông Triệu Châu hỏi ông Nam Tuyền:

"Thế nào là đạo?".

Đáp : Tâm bình thường là đạo.

Viên Ngộ Thiên sư giải:

Tụng:

Muốn biết đạo bình thường Thiên chơn ấy bốn nguyên.

Roi dùng mà cõi ngựa. Chèo để có đi thuyền.

Đói phải ăn là tánh, Buồn thì ngủ tự nhiên.

Bởi vì duyên mới đặng. Đặng đặng cũng không duyên.

Xuyên Thiên sư giải: Nói nhỏ nhỏ! Nói nhỏ nhỏ chỉ phải xì hơi ra lỗ mũi.

Tụng:

Ba đời cầu mãi có chi tâm,

Đôi mắt trơ trơ chỉ ngó chằm.

Tuyết, nguyệt, phong, hoa, thường trước mặt.

Hay gì rớt giáo khắc bè tầm.

---o0o---

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

123.ÂM:

"Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? - Nhược hữu nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhơn dĩ thị nhân duyên, đắc phước đa phủ?".- "Nhu thị, Thế Tôn! Thử nhơn dĩ thị nhân duyên, đắc phước thậm đa".- "Tu Bồ Đề! Nhược phước đức hữu thiệt, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa; dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa".

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem ra mà bố thí, người ấy, dùng nhân duyên như thế, có đặng phước nhiều chăng?". - "Bạch đức Thế Tôn! Thật vậy, người ấy dùng nhân duyên như thế thì đặng phước rất nhiều". - "Tu Bồ Đề! Nếu dùng phước đức có (hữu vi) thì Như Lai chẳng nói là đặng phước đức nhiều. Dùng phước đức không (vô vi), Như Lai mới nói là đặng phước đức nhiều".

Giải : Tự Tại Lực Vương giải : Như Lai Tuy bố thí như vậy chỉ đặng cái báu có ngăn ngại, chẳng phải công đức thanh tịnh vô vi. Cho nên Như Lai chẳng nói là nhiều.

Bằng có Bồ Tát dùng bảy báu Bồ đề ở trong thân Lô Xá Na (Phật tánh) mà trì trai lễ bái tán thán, theo cái tâm đặng hóa sanh công đức chẳng sanh chẳng diệt, chắc bén như Kim Cang cõi mây hương hoa vào cõi vô biên giới, khởi tạo ra cái đài sáng suốt, cúng dường chư Phật, cả thập thập phương. Ấy là công đức vô vi, bố thí kiến tánh, thì sẽ làm Bồ Tát.

Tụng:

Báu châu bố thí cả muôn ngàn.

Phước đức chưa cho đặng vẹn toàn.

Hiện diện tâm đặng dùng cúng dường.

Oai quang rực rỡ khắp mười phương.

Sớ Sao giải: Bằng cứ dùng châu báu đầy cả đại thiên mà bố thí, tuy phước cực nhiều, nhưng còn chấp trước đặng hy cầu phước hữu lậu: hễ có dư thì phải hết. Cho nên nói: "Nếu phước đức có thiệt thì Như Lai chẳng nói đặng phước đức nhiều".

Ấy là giải nghĩa lật trái lại.

Phước đức vô vi là không lòng hy vọng. Đã không hy vọng là bố thí không trụ tướng, ấy là phước vô vi.

Nếu theo cái lý vô trụ vô vi ấy mà bố thí, thì Như Lai mới nói: "Đặng phước đức nhiều".

Tăng Nhược Nột giải: Phước có là chấp tướng, phước không là lìa tướng. Lìa tướng nên nói là tánh. Tánh như hư không, nên phước vô lượng.

Nhan Bính giải: Dầu cho bố thí bảy báu đầy cả thế giới, ấy là cái nhân hữu lậu, quả nhỏ của Nhơn thiên, rốt lại cũng phải luân hồi, cũng phải đọa lạc, nên không nói là nhiều. Dùng phước đức "không", cho nên mới nói là "nhiều".

Nói về cái không đó, ông Triệu Châu dạy người thấy tánh có nói như vậy:

Tự nói : Con chó có tánh Phật chăng ?

Nên đáp : Không.

Rồi đem cái không ấy để trên lỗ mũi, đưa tới đưa lui, lâu lâu rồi tự nhiên có chỗ ngộ nhập. Vậy thì vậy! Nhưng rất không nên dùng cái nghĩa không mà hội ý.

Tăng Vi Sư giải: Thế Tôn bảo ông Tu Bồ Đề: Bằng người bố thí lấy sự vọng thức làm gốc, tu hành bố thí chấp trước cái năng sở, cho là phước ấy thiệt có, thì trở nên điên đảo, nên Như Lai chẳng nói phước đức nhiều.

Dĩ phước đức vô cố là bằng người bố thí lấy trí của Phật làm gốc, tu hành bố thí, thấy đều lìa tướng, chẳng chấp phước là thiệt có, thì không phải điên đảo nên Như Lai nói: Người ấy đặng phước rất nhiều.

Trí Giải Thiên sư giải:

Tụng:

Cả tam thiên thế thế giới, Chứa bảy báu trùng trùng.

Bồ thí dùng cầu phước, Thiện duyên ví tợ giông.

Còn hơn người bỏn xén, Nào hiểu nghĩa chơn tông.

Tứ Cú ân cần tụng, Mới tường tất lý không.

Lý Văn Hội giải: Phạm phu trụ tướng, bồ thí bảy báu đặng hy cầu phước lợi, ấy là vọng tâm, thì đặng phước đức, chưa đủ là nhiều. Chẳng bằng cái phước thanh tịnh không trụ. Cái phước không có chỗ đặng đó, đồng với hư không, không có bờ vực.

Xuyên Thiên sư giải: Còn hơn là lao tâm về việc khác.

Tụng:

Minh tượng đầy trân bửu,

Đạo nhơn ít cúng dung,

Dầu cho nhiều trước phú,

Đâu sánh ít thanh bần.

Vọng tượng bởi vô tâm mới đặng.

Ly Châu thất tại dụng tinh thần?

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯỜI

124.ÂM:

"Tu Bồ Đề: Ư ý vân hà? Phật, khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?".- "Phật đã Thế Tôn. Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến.

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề? Ý ông thế nào? Có nên dùng sắc thân cụ túc mà cho là Phật chẳng?" - "Bạch đức Thế Tôn! Không. Chẳng nên dùng sắc thân cụ túc mà cho là Như Lai đặng.

Giải : Trần Hùng giải: Sắc thân là 32 tướng. Cụ túc là không thiếu kém - Có đủ 32 hạnh nên mới có tướng cụ túc. 32 hạnh vốn sẵn có trong pháp thân, nếu muốn rõ pháp thân Như Lai thì tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh là đủ; há phải thấy sắc thân cụ túc nơi ngoài hay sao?

---o0o---

125.ÂM:

Hà dĩ cố! - Như Lai thuyết: Cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân".

NGHĨA:

Bởi có sao? - Như Lai nói sắc thân cụ túc, nhưng chẳng phải sắc thân cụ túc, chỉ cưỡng danh là sắc thân cụ túc".

Giải : Trần Hùng giải: Kinh Bảo Đàn có nói: "Da thịt là sắc thân".

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Sắc thân chẳng phải Phật".

Xem như thế thì biết: nhục thân không có Như Lai, nhưng chẳng biết có Như Lai sống ở nơi trong; sắc thân chẳng phải pháp thân, nhưng chẳng biết có sắc thân tốt đẹp ở nơi trong.

Lại nói: Diệu sắc thân trong sạch,

Oai thần lực hiện bày.

Nói là diệu sắc thân, thì hiện ra cả thấy sắc thân tam muội, ấy là Pháp thân Như Lai; vậy thì đủ biết là chẳng phải cụ túc sắc thân - Chẳng phải cụ túc sắc thân mà cưỡng danh là cụ túc sắc thân đó, là bởi đặng cái sở dĩ cụ túc sắc thân mà thôi.

126.ÂM:

"Tu Bò Đề! Ư ý vân hà? - Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?".-
"Phát dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? -
Như Lai thuyết chư tướng cụ túc, tức phi cụ túc, thị danh cụ túc".

NGHĨA:

Tu Bò Đề! Ý ông thế nào? Có nên dùng các tướng cụ túc mà cho là Như Lai chẳng?".- "Bạch đức Thế Tôn? Không. Chẳng nên dùng các tướng cụ túc, mà cho là Như Lai đặng.

Bởi có sao ? Bởi Như Lai nói các tướng cụ túc, nhưng chẳng phải cụ túc, chỉ cường danh là các tướng cụ túc".

Giải : Trần Hùng giải: Kinh Lăng Già có nói: "Như xứ sở, hình tượng, sắc tướng, các thứ ấy đều kêu là tướng". Nói các tướng đây, là cả thấy những tướng biến hiện thần thông chẳng những là 32 tướng mà thôi.

Như Lai lia sắc lia tướng, dùng tịnh hạnh thì cụ túc 32 tướng, dùng trí huệ thì cụ túc tám muôn bốn ngàn, cụ túc pháp Tam minh, Lục thần thông, Bát giải thoát. Cụ túc này tức là chẳng phải cụ túc của các tướng. Cụ túc này tức là trái, còn cụ túc của các tướng tức là hoa; hễ trái đã đậu rồi thì hoa sẽ rụng. Vậy nên mới có các thứ cụ túc.

Nhan Bính giải: Phật là giác. Giác tánh ví như hư không. Chẳng nên dùng cụ túc sắc thân mà thấy, duy có hạng người kiến tánh mới biết là chẳng phải sắc thân, ví cũng như vô ngã của Đức Khổng Phu Tử và Tọa Vong¹³⁶ của ông Nhan Hôi vậy.

Tự tánh Như Lai không nên dùng cụ túc các tướng mà thấy; tánh đã không có chi mà đặng, thì làm sao mà có các tướng! Cho nên mới dùng câu "chẳng phải" mà thuyết phá.

Vương Nhựt Hưu giải: Bài này đồng nghĩa với những bài trong phần thứ 5 và 15, đến đây còn lập lại nữa là vì những thánh giả mới đến sau.

Lý Văn Hội giải : Lòng đã vắng lặng rỗng rang thanh tịnh, đâu có sắc thân, cùng các tướng chi mà đặng. Người phàm, nếu chẳng chấp "có" thì lạc vào không, có hai cái tà kiến: đoạn thường ấy.

Quán không chi chẳng phải là thấy sắc? Quán sắc chi chẳng phải là đều không? - Vậy thì cụ túc Sắc thân cụ túc các tướng đều chẳng phải là cụ túc Sắc, không như một, "không, có", vốn đồng, mới là quán đặng: không thân mà thấy có cả thấy thân, không tướng mà thấy có cả thấy tướng. Vậy mới gọi là sắc thân cụ túc, chư tướng cụ túc.

Ông Tăng hỏi ông Triệu Châu: Con chó có tánh Phật chăng?

Đáp : Không.

Hỏi : Xuân động hàm linh giai hữu Phật tánh (bò, bay, máy, cựa đều có tánh Phật), bởi sao con chó không có tánh Phật ?

Đáp: Bởi nó có nghiệp thức.

Vả lại những người có nghiệp thức, mỗi mỗi đều chấp có, khởi các vọng tướng, thì gọi là điên đảo tri kiến; còn mỗi mỗi đều lạc vào không, không chỗ tỏ ngộ thì gọi là đoạn diệt tri kiến. Hạng người có túc nghiệp căn lành, không có hai cái bệnh điên đảo, đoạn diệt, rõ thấu các lý "không" thì gọi là chánh chơn tri kiến. Bằng tỏ cái lý ấy, tùy thời mặc áo ăn cơm, trường dưỡng Thánh thai, tự tại tiêu diêu rồi, còn có sự gì nữa?!

Tứ Tổ bảo ông Ngưu Đầu Thiên sư: "Trăm ngàn diệu môn, đồng về trong phương thôn, hà sa công đức, gốc ở nơi tâm nguyện; cả thấy không môn, cả thấy huệ môn, cả thấy hạnh môn thấy đều cụ túc. Thần thông diệu dụng, chỉ tại lòng người nghiệp chướng phiền não, bồn lai vắng lặng; cả thấy quả báo tánh tướng đều bình đẳng. Đại đạo rỗng rang tuyệt dứt tư lự, cái pháp như thế không thiếu không dư, với Phật không khác, không còn pháp chi ngoài nữa.

Chỉ tại khiến cho lòng tự tại, đừng cru vọng tưởng cũng chẳng vui mừng, không khởi tham, sân, uơ, lự, lộng lộng không ngăn ngại, tự ý tung hoành; chẳng làm các điều lành, không tạo những nghiệp dữ, đi, đứng, nằm, ngồi, đối với sự thấy là duyên, đều là sự diệu dụng của Phật cả".

Tổ Ân Minh Thiên sư giải:

Tụng:

Trâu nước dầu nuôi để mấy phần,
Tự do đi đứng, cũng nguyên nhân.
Vân sơn cảnh tịnh nhàn trưa sớm.
Hán mặc Hán, Tàn thầy mặc Tàn.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Ba mươi hai hảo tùy,
Cùng tám chục hình chương.
Nguyên một thể lý chơn,
Ứng muôn loài vật tượng.
Sắc, tâm thấy phải trừ,
Nhơn, pháp đều không mượn.
Chúng đặng quả Bồ đề,
Cũng bởi nơi lìa tướng.

Xuyên Thiên sư giải: Pháp nước chẳng lợt cây kim việc thông thương xe ngựa.

Tụng:

Người tua ngược mặt ngó lên không,
Trông long bao la chẳng ảnh tông.

Bằng dụng ít nhiều công phản chiếu,

Bỏn lai hấn gặp ở nơi trong.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

127.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp, mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? - Nhược nhơn ngôn: Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi bátng Phật; bất năng giải ngã sở thuyết cố.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: "Ta nên có thuyết pháp. Chớ tướng như thế">.

Bởi có sao? - Nếu ông mà nói: "Như Lai có thuyết pháp, tức là chê Phật; đâu có tỏ nghĩa của Ta đặng".

Giải : Lý Văn Hội giải: Lòng đã thanh tịnh, nói nín đều như, gặp duyên thì thí, duyên qua rồi thì thôi.

Trương Vô Tận giải: Không có pháp, lấy chi mà nói "không"? Không có người lấy chi mà thuyết pháp? Ấy là tùy cái lòng sanh diệt chẳng đồng, nên mới có pháp có thuyết!

Bằng chấp cái lòng có sanh diệt mà thuyết pháp, là khiến cho cả thấy những người chẳng thấy đặng tự tánh; tức là chê Phật. Chỉ không có lòng sanh diệt mới thuyết pháp đặng cho.

Xuyên Thiên sư giải: Vậy là phải, mà Đại tạng, Tiểu tạng bởi nơi nào mà ra?

Tụng:

Có thuyết thì khinh bátng,

Mà không thuyết chẳng thông.

Vì người truyền lý nhiệm,

Ác mọc ánh non Đông.

---o0o---

128.ÂM:

Tu Bồ Đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Thuyết pháp đó, không có pháp chi mà thuyết, chỉ cưỡng danh là thuyết pháp vậy thôi".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Nhược như ngôn v.v.. là Phật vốn chẳng thuyết pháp, bởi chơn tánh không có pháp chi mà thuyết! Nếu nói Phật vốn có thuyết pháp, thì cái chí còn chấp tại nơi pháp.

Mà chí của Phật, há phải tại nơi pháp đâu? Vậy nên nói: chê Phật. Chẳng rõ đặng cái thuyết của Phật là vậy.

Phật bảo ông Tu Bồ Đề: "Thuyết pháp thiệt không có pháp chi", pháp bỏn lai không có, vì sự trừ khử ngoại vọng cho chúng sanh mà thuyết, chớ có pháp chi chơn thiệt đâu! Nếu chúng sanh đã ngộ thì chẳng dùng pháp nữa. Cho nên nói: Chỉ cưỡng danh là thuyết pháp vậy thôi.

Bài này đồng nghĩa với câu "Không có pháp chi mà Như Lai nói", trong phần thứ bảy và câu "Như Lai không có chỗ chi thuyết pháp", trong phần thứ mười ba.

Nhưng mà đến đây còn lập lại nữa là vì những thỉnh giả đến sau.

Nhan Bính giải: Trọn ngày ăn cơm chẳng hề cắn lấy một hạt gạo, trọn ngày mặc áo chẳng hề mang lấy một sợi tơ. Sở dĩ Phật ta thuyết pháp, thuyết tới thuyết lui trong 49 năm, chớ hề nói lấy chữ. Duy có người đồng đạo mới biết đặng cái câu: "Nếu nói Như Lai có chỗ thuyết, tức là chê Phật, và chẳng rõ

nghĩa của Ta đặng" thì dầu có thuyết cho đến hoa trên không rớt vãi xuống, cũng lạc vào pháp môn thứ hai (chẳng phải pháp) mà thôi.

Duy có hạng người Tọa đoạn (không tâm) thâm mười phương lại làm một mảnh, không còn ngôn thuyết gì mà nói cho đúng, như vậy mới thiệt là thuyết pháp. Sở dĩ nói: Tường vách và miếng sành ưa mùi thiên phối phở là vậy.

Người tiền bối có tụng:

Rất kỳ thay rất kỳ thay!

Thuyết pháp vô tình pháp quá hay;

Lý nhiệm tai nghe chưa dễ thấu;

Nghe bằng con mắt mới anh tài.

Tạ Linh Vận giải: Giáo đạo, truyền đạo cũng nghĩa là thuyết pháp. Trước đây nói không có chi thuyết, là không phải làm thính mà chẳng nói, chỉ không để ý mà thuyết, thì thuyết đầy cả thiên hạ cũng không lỗi với cái lý pháp. Không để ý là không chấp các tướng, lòng không chỗ trụ.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng: Tướng lặng danh liền dứt,

Lòng yêu cảnh ắt dang.

Lại qua đều chẳng thấy.

Nói nín thảy không can.

Trí tới viên thành lý.

Thân vào pháp tánh thường.

Nhị đề cần ấn chứng,

Vốn thiệt chỗ tâm lương.

Xuyên Thiên sư giải: Gậy sừng thỏ, quạt lông rùa.

Tụng:

Lâu đời ngựa đá phát hào quang,

Trâu sắt tuông pha hết học vang.

Chỉ dậm hư không không ảnh tích.

Ăn nơi Bắc Đẩu mấy ai tường!

Nói thử coi: thuyết pháp hay chẳng thuyết pháp?

---o0o---

129.ÂM:

Nhĩ thời, Huệ Mạng Tu Bồ Đề...

NGHĨA:

Khi ấy, Huệ Mạng Tu Bồ Đề...

Giải : Sớ Sao giải: Nhĩ thời là đương lúc khởi hỏi. Huệ Mạng: là ông Thiện Hiện thông trí hải của Phật, thấu rõ pháp môn, tỏ ngộ lý Vô sanh, biết đặng cái mạng của bốn nguyện: chẳng phải đi, chẳng phải lại. Cho nên nói: "Huệ Mạng Tu Bồ Đề".

Trần Hùng giải: Chữ Huệ Mạng Tu Bồ Đề, thấy ở trong kinh Pháp Hoa, phẩm Tín giải: "Huệ là nói về đức, Mạng là nói về sống lâu", là cái tên riêng của bậc Trưởng lão.

Nhan Bính giải: Huệ Mạng là đủ cái tánh trí. Cho nên nói: "Thiên mạng chi vị tánh", nghĩa là Mạng trời gọi là tánh (Câu này ở sách Trung Dung).

---o0o---

130.ÂM:

Bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, ư vị lai thế văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?". Phật ngôn: "Tu Bồ Đề! Bỉ phi chúng sanh phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh thị danh chúng sanh".

NGHĨA:

Bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Có những chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này, có sanh lòng tin chăng?".

Phật nói: "Tu Bồ Đề! Nó chẳng phải chúng sanh, nhưng chẳng phải là không phải chúng sanh.

Bởi có sao? - Nay Tu Bồ Đề! Chúng sanh, chúng sanh ấy, Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, chỉ cưỡng danh là chúng sanh".

Giải : Sớ Sao giải: Phật nói chẳng phải chúng sanh là đều đủ cái tánh chơn nhưt, đồng nguyên với Phật, cho nên nói: Chẳng phải chúng sanh.

Phi bất chúng sanh là bỏ chơn theo vọng, làm mất linh tánh của mình, cho nên nói: Chẳng phải là không phải chúng sanh.

Vương Nhựt Hưu giải: Trong phần thứ hai có nói: Mạng là sống lâu, thọ là già. Nói Huệ Mạng là ông Tu Bồ Đề đãặng Huệ nhãn và tuổi già.

Đến đây Tu Bồ Đề lại nói: "Vả có chúng sanh đời sau nghe thuyết pháp này, có sanh lòng tin chăng?". Phật nói: "Chẳng phải chúng sanh, chẳng phải là không phải chúng sanh", lại e người nghe pháp lầm nhận chúng sanh là có thiệt, nên nói chẳng phải chúng sanh, là bởi trong nghiệp duyên mà hiện ra, nghiệp hết thì dứt, có chi là chúng sanh chơn thiệt đâu. Nhưng mà có cái thân của chúng sanh hiện tại đó, thì cũng chẳng đặng gọi là chẳng phải chúng sanh. Cho nên nói: Chẳng phải là không phải chúng sanh, là hư vọng chớ chẳng phải chơn thiệt.

Phật lại hỏi: "Bởi có sao", là bởi có sao chẳng phải không chúng sanh, rồi tự đáp mà bảo ông Tu Bồ Đề: "Chúng sanh, chúng sanh" là phạm làm chúng sanh là cả thấy chúng sanh.

Như Lai thuyết v.v... là cả thầy chúng sanh, Phật đều nói là chẳng phải chúng sanh chơn thiệt, chỉ hư danh là chúng sanh vậy thôi.

Ấy là Phật tự nói, mà lại nói Như Lai nói, thì chư Phật cũng nói như vậy.

Nhan Bính giải: Tu Bồ Đề hỏi Phật: "Chúng sanh đời sau nghe thuyết pháp này, sanh lòng tin chăng?".

Đáp : "Chẳng phải chúng sanh, chẳng phải là không phải chúng sanh", là bởi chúng sanh thuộc về có, còn chẳng phải chúng sanh thuộc về không.

Tánh của chúng sanh vốn đồng hư không, không lạc vào hai thứ tà kiến có và không, nên Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, chỉ cưỡng danh là chúng sanh. Cho nên Phật thường nói: "Ta chẳng dám khinh bợn người, bợn người đều đặng làm Phật. Vậy thì, Phật ta chưa hề khinh chúng sanh bao giờ".

Trí Giả Thiên sư giải:

Tụng:

Chớ cho rằng có nói,

Chớ nói diệu vô cùng.

Nói rõ ràng khi Phật,

Đạo màu nhiệm tại trong.

Nhiều lời càng khó hiểu,

Ba thể xét đều không.

Tỏ ngộ trong giây phút,

Chẳng sanh chẳng thi chung.

Xuyên Thiên sư giải: Lửa nóng, gió động, nước ướt, đất cứng.

Tụng:

Nay không thành đặng ngựa truy phong.

Ác hóa loan thiệt khó mong.

Tuy vậy chớ cho may mảy niêm.

La, lừa thiên vạn ở nơi trong.

Ông Linh U Pháp sư gia thêm, từ chữ Huệ Mạng, Tu Bồ Đề, đến bài này có 62 chữ; việc ấy hồi đời Trường Khánh nhà Đường năm thứ hai (822), hiện nay (đời nhà Minh) ở tại Hào Châu có ghi trong trong bia đá, trước chùa ông Chung Ly.

Ông Lục Tổ đã có giải ở bài trước nên không giải, nhưng cũng ghi vào đây.

Lý Văn Hội giải: Bài này là của đời Ngụy dịch ra, nguyên của ông Tăng ở đời vua Trường Khánh (811) là Linh U Pháp sư, vào Minh phủ nhờ Minh Vương chỉ ra. Đời Ngụy dịch thì còn, mà đời Tần dịch thì không còn.

Như kính tin Phật pháp thì bị trước về Thánh kín. Ấy là chẳng phải chúng sanh; bằng tin Phật pháp thì bị trước về phàm kiến. Ấy là chẳng phải là không phải chúng sanh.

Bằng khởi ra hai thứ tà kiến ấy, thì chẳng rõ lý trung đạo. Vậy thì phải làm sao cho phàm Thánh đều bỏ, chẳng trụ hai đầu mỗi là kiến giải chơn chánh. Cho nên nói: Chúng sanh, chúng sanh, Như Lai nói chẳng phải chúng sanh chỉ cưỡng danh là chúng sanh.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

131.ÂM:

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phật đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, vi vô sở đắc gia?".

Phật ngôn: "Như thị! Như thị! Tu Bồ Đề! Ngã ư A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Phật đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là không có chỗ chi đặng sao?".

Phật nói: "Thiệt vậy! thiệt vậy! Này Tu Bồ Đề! Ta đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến không có một chút pháp chi mà gọi là đặng; vậy mới thiệt là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phần này đại khái đồng nghĩa với phần thứ bảy, đến đây còn lập lại nữa là vì những thính giả đến sau.

Phật ngôn : "Nhu thị ! Nhu thị !" là rất nhận cái lời nói là phải.

- A nậu đa la v.v... là trong chơn tánh không có một chút pháp chi mà đặng. Đã không có chi đặng thì lộng lộng trống không; không phải lấy hình tướng và ngôn thuyết chi mà cầu đặng, chỉ kêu là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vậy thôi.

Trần Hùng giải: Đàn kinh có nói: "Diệu tánh vốn không, không có một pháp chi đặng". Đã không một pháp chi mà đặng, mà sao có ông Tu Bồ Đề chứng quả đặng? Phật ta không chi đặng, không chi chứng, không danh chi mà đặt cho đặng, chỉ cưỡng danh là A nậu đa la vậy thôi.

Nhan Bính giải: Cho là có pháp chi mà đặng, ấy là bị cái pháp nó buộc, không pháp chi mà đặng mới gọi là giải thoát. Ông Tu Bồ Đề dùng câu "Không có chỗ chi mà đặng" hầu đáp với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lại dùng câu: "Nhu vậy như vậy", làm chứng cứ.

Phật lại nói: "Ta đối với đạo Vô thượng cho đến không có một chút pháp chi mà gọi là đặng, chỉ cưỡng danh vậy thôi".

Trí Giải Thiên sư giải:

Tụng:

Trí chư Phật Diệu giác,

Thế giác vẫn bao la.

Nhân bởi sao thành Phật,

Chứng vì tại chẳng tà.

Tánh màu tuy khó sánh,

Lý đúng hẳn không sai.

Mê chấp mà chưa ngộ,

Lạc ngàn dặm nẻo xa.

Lý Văn Hội giải: Bằng có một chút pháp chi mà đặng chi cũng là trước tướng.

Ông Chí Công có nói:

Trần thức mảy may vừa động niệm,

Bị ma dắt lối quỷ đem đàng.

Trong Kinh có nói:

Muốn biết rõ ràng cảnh giới Phật.

Rèn lòng thanh tịnh tợ hư không.

Những người học đạo chỉ đối với cả thầy các pháp: không thấp không bỏ, thấy như chẳng thấy, nghe như chẳng nghe, lòng như cây đá, dứt bỏ những điều thân thập cho trong ngoài thanh tịnh mới thiết một người tiêu diêu tự tại.

Kinh Pháp Cu có nói: "Tuy trọn ngày thấy, cũng như không thấy, tuy trọn ngày nghe, cũng như không nghe".

Ông Thảo Đường Thanh Hòa Thượng có tụng:

Khê đã lửa vãng chạt,

Chóp giảng rồi lại tắt.

Vực trong mấy trượng sâu,

Hiện thức trời in tạc.

Ông Tiêu Diêu Ông có nói: "Trong giác thì thân tâm không, ngoài giác thì muôn việc không, phá hết các tướng, tự nhiên không còn chấp, không còn tranh: ấy tức là Thiên duyệt".

Người đại minh liễu ngộ, đừng cho có mảy may nào ngăn ngại, vi trần nào nhiễm trước, trày trày chẳng biến, mới là Vô thượng sĩ Bất động tôn cho.

Kỳ Thiên sư giải: Động niệm tợ Thích Ca xuất thế, đứng đi đường Di Lặc giáng sanh, dùng trí của Văn Thù đặng biện phân, theo hạnh của Phổ Hiền mà vận dụng. Môn môn thấy đều cam lộ, mùi mùi tất cả đề hò. Chiên đàn rừng đẹp đừng ra khỏi. Hoa tạng cảnh màu cứ ở yên. Nếu như vậy thì đi đứng nằm ngồi, đối với sự thấy là duyên, tuy ứng dụng cả muôn ngàn cũng rỗng rang thanh tịnh.

Xuyên Thiên sư giải: Cầu người chẳng bằng cầu mình.

Tụng:

Nước đông thành giá, sắc trong veo.

Liễu lục, đào hàm vẽ gấm thêu.

Xuân sẵn có hoa, thu có nguyệt,

Hà tăng lóng đọi Chá cô¹³⁷ kêu.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

132.ÂM:

Phục thứ: "Tu Bồ Đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NGHĨA:

Lại nói tiếp: "Này Tu Bồ Đề! Pháp vốn bình đẳng, không có cao thấp, mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Câu thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ đây là viết theo kinh Kim Cang đại bản.

Nói pháp đây là chơn tánh. Chơn tánh có chi là pháp, chỉ cương danh vậy thôi.

Trên từ chư Phật dưới thì loại bò, bay, máy, cựa, cũng đồng một cái chơn tánh, cho nên nói: "Bình đẳng không có cao thấp", là sắc thân thì có cao thấp, mà chơn tánh thì không chi cao thấp cả.

Tạ Linh Vận giải: Người không quý tiện, pháp không tốt xấu lộng lộng bình đẳng là nghĩa Bồ đề.

Triệu Pháp sư giải: Rõ đẳng cái pháp thân Bồ đề; ở trong sáu đường cũng không giảm kém, ở trên chư Phật cũng chẳng tăng cao. Ấy mới là bình đẳng Vô thượng Bồ đề.

Ông Chơn Võ thuyết kinh Báo Phụ Mẫu Ân Trọng có câu: "Vật không bình vật đặng, duy có nước là không động mới bình vật đặng; vật không cân vật đặng, duy có cái cân là chí công mới cân vật đặng. Bình thì không cao thấp, cân thì chẳng trọng chẳng khinh".

Lý Văn Hội giải: Thị pháp bình đẳng v.v... là phạm phu chẳng biết tự tánh, vọng sanh phân biệt cao thấp; nói Phật là cao, chúng sanh là thấp. Bực Bồ Tát tổ ngộ, như pháp đều không. Trên thì chư Phật dưới đến loài kiến mỗi đều có tánh Phật, không có phân biệt. Cho nên cả thấy pháp đều bình đẳng không có chi là cao thấp.

Huỳnh Bá Thiên sư giải: Bằng coi Phật là có tướng thanh tịnh quang minh, giải thoát, coi chúng sanh là có tướng như trọc, mờ tối, sanh tử, nếu hiểu như thế, dầu cho cả hằng hà sa số kiếp rồi cũng không đặng đạo Bồ đề.

Lại nói: Nếu lòng bình đẳng không phân cao thấp, thì với chúng sanh, chư Phật, thế giới, non sông, có tướng, không tướng, khắp cả thập phương thấy đều bình đẳng, không tướng ngã, như. Ấy là lòng bốn nguyên thanh tịnh, thường đặng viên mãn sáng suốt vậy.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Thai thấp đồng chơn tể, Bò bay thể cũng như.

Pháp nào chia bỉ thử, Lý hà có thân sơ.

Tướng ngã nhơn nên diệt, Chấp cao hạ đáng trừ.

Tính bình đẳng rõ thấu, Cả thầy nhập Vô dư.

---o0o---

133.ÂM:

Dĩ vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

NGHĨA:

Bởi không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Sở dĩ kêu là Vô thượng Chánh giác là trong chơn tánh không bốn tướng ngã, nhơn, sanh, thọ. Bốn tướng ấy là bởi nghiệp duyên hiện ra, chơn tánh thì bình đẳng mà há có bốn tướng ấy sao? Cho nên nói: Vô thượng Chánh giác.

---o0o---

134.ÂM:

Tu nhưt thể thiện pháp, tức đắc, A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NGHĨA:

Tu cả thầy pháp lành, tức là đặng đạo Vô thượng Chánh đặng Chánh giác.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Nhưt thể thiện pháp là cái pháp của Phật dắt dẫn chúng sanh tỏ ngộ chơn tánh. Tu hành theo pháp ấy, thì đặng cái chơn tánh Vô thượng Chánh giác.

Đã nói tánh vốn của ta sẵn có, thì há cho là "đặng", đặng sao? Phàm nói đặng là đều đặng ở ngoài, còn chơn tánh thì không phải là đặng ở ngoài, nên

chẳng nói là đặng cho đặng. Nhưng mà nói là đặng là bất đắc dĩ nên phải cưỡng danh vậy thôi.

Lý Văn Hội giải: Tu nhưt thể thiện pháp là: Bằng không lìa các tướng mà tu hành, quyết không đặng giải thoát. Chỉ phải lìa các tướng mà tu pháp lành, thì mới đặng cái đạo Vô thượng Chánh giác cho.

Lại nói: Bằng người đối với cả thấy các việc không nhiệm trước, với cả thấy cảnh không của động lay, với cả thấy pháp không chấp bỏ, với cả thấy thời, thường làm việc phương tiện tùy thuận theo chúng sanh, khiến cho đều hoan hỷ mà thuyết pháp cho chúng sanh tỏ ngộ chơn tánh Bồ đề, mới gọi là tu pháp lành.

Xuyên Thiên sư giải: Non cao, nước sâu, mặt trời mọc, mặt trăng lặn.

Tụng:

Tăng ấy Tăng, mà tục ấy tục,

Vui thì cười cợt, buồn thì khóc.

Nghĩ suy thấu đáo các điều này,

Hai số ba mươi là sáu chục.

---o0o---

135.ÂM:

Tu Bồ Đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết: tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Gọi là pháp lành ấy, Như Lai nói chẳng phải pháp lành, chỉ cưỡng danh là pháp lành".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật lại bảo ông Tu Bồ Đề: Chỗ gọi pháp lành ấy, là chẳng phải pháp lành bản lai vốn không có cái pháp lành ấy, bởi mượn đặng khai ngộ cho chúng sanh cho nên cưỡng danh là pháp lành.

Nhan Bính giải: Chia hai đầu thì có ba mươi sáu thứ đối với nhau, như: lành đối dữ, có đối không, sanh đối tử, đi đối về, động đối tịnh, nói đối nín, hơn đối thua, cao đối thấp v.v... Còn không chia ra thì gọi là cái pháp bình đẳng, cũng gọi là Vô thượng Chánh giác, bởi không có lòng chấp bốn tướng. Tu cả thấy pháp lành, thì đặng đạo A nậu Bồ đề.

Sở dĩ nói chẳng phải pháp lành là kẻ phàm phu chấp dữ, bực Thinh Văn chấp lành. Nếu không lìa pháp lành thì lạc vào hai đầu, đâu phải bình đẳng!

Lý Văn Hội giải: Chẳng trụ tướng chưa phải là pháp lành, phước Vô lậu mới là pháp lành.

Kinh Pháp Hoa có nói: Lành trước, lành giữa và lành sau.

Trước là khi phát lòng lành, phải mỗi niệm tinh tấn, không sanh lòng nghi hoặc giải đãi.

Giữa, là thường tu cả thấy pháp lành, khiến cho tỏ ngộ chơn tánh, chẳng chấp các pháp tướng.

Sau, là bỏ các pháp lành, làm cho cái lòng không chấp bỏ, thương ghét, cả thấy lành dữ phàm Thánh đặng bình thường vô sự.

Cho nên nói: "Chẳng phải pháp lành, chỉ cưỡng danh là pháp lành".

Cổ Đức có nói:

Đạo là tỏ ngộ tánh bình thường,

Đói phải ăn cơm, buồn phải ngủ.

Lại nói: Cái lòng bình đẳng quảng đại như thế, cái trí diệu quan sát như mặt nhật sáng suốt; thể dụng đên thế ấy, tức là cảnh giới của Phật.

Xuyên Thiên sư giải: Bề ngoài rực rỡ hoa đào, trong bụng lôm chôm gai góc.

Tụng:

Ác chẳng phải ác,
Thiện chẳng phải thiện.
Linh tướng chỉ huy,
Đoàn binh trực tiến.
Khi thì lên chót núi Tu Di,
Lúc lại vào đền vua Thập điện.
Thấy cả chúng sanh chỉ gặt đầu,
Đại bi tay mắt nhiều phương tiện.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN

136.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung, sở hữu chư Tu Di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tỳ, hữu hơn trì dụng bồ thí.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Như trong tam thiên đại thiên thế giới. Có những núi chúa Tu Di có người góp cả bảy báu lại bằng như thế, dùng mà bố thí.

Giải : Số Sao giải: Trong đại thiên thế giới có những núi chúa Tu Di trên cõi trời Đao Lợi, dưới đến triền núi Côn Lôn, bằng cả bảy báu như núi ấy dùng đem mà bố thí thì đặng phước rất nhiều, không thể biết số đặng.

Hỏi : Lại còn có phước nào hơn phước ấy chăng?

Bài sau đáp lại.

Tăng Vi Sư giải: Phật bảo ông Tu Bồ Đề: Một cõi bốn châu thiên hạ thì có một núi Tu Di, cứ theo lời ấy thì ba ngàn đại thiên thế giới phải có đến cả trăm ức núi Tu Di.

Núi Tu Di là cao và đẹp hơn các núi, cho nên nói: Núi chúa cũng kêu là núi Diệu Cao.

---o0o---

137.ÂM:

Nhược hơn dĩ thử Bát Nhã Ba la mật kinh nãi chí tứ cú kệ đặng, thọ trì đọc tụng, vị tha hơn thuyết, ưu tiên phước đức bá phần bất cập nhưt, bá thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập.

NGHĨA:

Bằng có người dùng kinh Bát nhã ba la mật này, nhãn đến những tứ cú kệ, mà thọ trì đọc tụng và vì ông mà diễn thuyết, thì phước đức trước kia, chẳng bằng một phần trăm ngàn, muôn, ức cho đến cũng không bằng một phần thiệt nhỏ tột số không thể mà đếm tính ví dụ đặng.

Giải : Sớ Sao giải: Bằng dùng tánh Bát Nhã không trụ mà thọ trì Tứ cú kệ của chơn kinh và biên tả tụng niệm, rồi vì người mà diễn thuyết, hạng người như thế, đặng cái công đức không thể tính kể. Bởi có sao? Bởi tánh giác ngộ viên mãn, chẳng đoạn cái hữu vi mà chúng đặng lý vô vi, chẳng trừ vọng tưởng mà thấu lý chơn thường. Tỏ cái nghĩa thứ nhưt; thì trong một niệm sẽ đặng phước vô vi. Phước vô vi ấy sánh tày hư không, không thể bàn nghĩ đặng. Cho nên trong kinh có nói: "Phước đức bố thí đồ trân báu bằng núi Tu Di trước kia, sánh với phước vô vi thì trăm ngàn muôn ức phần chẳng đặng một".

Vương Nhựt Hưu giải: Nói bố thí bảy báu bằng những núi chúa Tu Di mà không sánh đặng cái công thọ trì diễn thuyết, là phước của thế gian có khi phải hết, còn xuất thế gian càng tăng trưởng khôn cùng.

Trần Hùng giải: Phật nói phước đức trong tánh là tối thượng, bảy báu trong thân là ít có. Nếu dùng bảy báu nhiều bằng tam thiên thế giới, lớn bằng núi chúa Tu Di, đem ra mà bố thí thì phước đức tương chẳng ít hơn núi Tu Di. Còn có người trì tụng chơn kinh và Tứ cú kệ, rồi giảng giải lại cho người

khác, ấy là tu cái công đức của tự tánh, tu bảy báu trong thân mình, sánh lại với cái phước bố thí nhiều báu đó thì xa nhau cả muôn triệu phần.

Ngũ Tổ có nói: Tự tánh nếu mê phước nào cứu đặng.

Lục Tổ có nói: Cõi thuyền đi tìm báu trọn cả đời, mà chẳng biết bảy báu của tự mình.

Lời của hai Phật nói đều vì những người chẳng lo tu thân tu tánh, chỉ lo thí báu đặng để cầu phước mà nói.

Nhan Bính giải: Trong phần này là chỉ so sánh về việc phước đức khinh trọng.

Bằng có người bố thí bảy báu bằng núi chúa Tu Di đặng phước đức tuy nhiều, nhưng sánh với người trì kinh trăm phần không đặng một. Huống chi là người trì kinh lại tỏ đặng Tứ cú kệ mà thọ trì đọc tụng, rồi vì người khác mà giảng giải?

Chẳng những là tự lợi mà lại lợi tha, phước đức vô lượng như thế, có cả trăm ngàn muôn ức cho đến đếm tính hay là ví dụ cũng không đặng.

Cũng như ông Hàn Sơn nói:

Vật chi dám sánh tày,

Mà biểu làm sao thuyết.

Lý Văn Hội giải: Dem bảy báu bằng những núi chúa Tu Di trong tam thiên thế giới mà bố thí, tuy đặng phước đức vô lượng vô biên, nhưng cũng là bố thí trụ tướng, thì quyết không có ngày nào mà giải thoát đặng. Còn thọ trì đọc tụng kinh này hẳn đến những Tứ cú kệ, thì đặng cái công đức tịnh diệu không trụ tướng, hơn công đức trước kia trăm ngàn muôn bội.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Thí báu dầu vô số,

Chỉ gây cái nghiệp nhân.

Chi bằng đừng chấp trước,

Đặng trở lại không châu.

Muốn chứng Vô sanh nhẫn,

Phải trì giới khẩu, thân.

Không hơn không pháp cả,

Thong thả khỏi căn trần.

Xuyên Thiên sư giải: Cả ngàn dùi nhọn xói đất, không bằng xói một lưỡi
cuộc trần.

Tụng:

Kỳ lân loan phụng chẳng chung bày,

Chim "Trục phong" còn nhượng sức bay.

Châu báu bao nhiêu khôn xứng giá,

Ý thiên trường kiếm có ai tày,

Kiền khôn khôn đặng chứa,

Lửa kiếp nào trèm trạ.

Lắm lắm oai quang chói Thái hư.

Trên trời dưới thế còn ai nữa.

Ôi! Cha chả!

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

138.ÂM:

Tu Bồ Đề! Ý ý vân hà? - Nhữ đấng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh - Tu Bồ Đề! Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? - Thiết vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? Chúng ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: "Ta phải độ chúng sanh". Tu Bồ Đề! Chớ tướng như vậy.

Bởi có sao? - Bởi thiết không có chúng sanh nào mà Như Lai độ cả.

Giải : Tăng Nhược Nột giải: Như Lai tuy lập ra pháp thí, độ khắp chúng sanh, mà không tướng như thế, nên căn dặn rằng: Chúng người chớ nói.

Mạc tác thị niệm là căn dặn đình ninh.

Độ mà không chấp tướng có độ năng sở như như, cho nên trong luận kệ có nói:

Chơn pháp giới bình đẳng,

Phật không độ chúng sanh.

Lý Văn Hội giải: Thiết vô hữu v.v... là Như Lai chẳng chấp có chúng sanh nào mà độ đặng.

Lại nói: các chúng sanh khởi ra vô lượng vô biên điều phiền não vọng tưởng, đối với cả thấy điều tà kiến; lành dữ, phàm Thánh, đều có cái lòng chấp bỏ, phân biệt, mê tình che ánh tự tánh Bồ đề.

Phật xuất thế dạy bảo cho giác ngộ: hàng sáu giặc, dứt ba độc, trừ ngã nhờn. Bằng tỏ ngộ đặng nhờn pháp đều không, không các vọng niệm, lòng thường vắng lặng rỗng rang thanh tịnh, lại cũng chẳng đình lưu chút tý nào ngưng trệ, tức là kiến tánh. Cho nên nói: "Thiết không có chúng sanh nào mà hóa độ cả".

Ông Thạch Sương Thiền Sư có nói: Thôi đi, dứt đi; như lư hương miếu cũ đi, như tro lạnh cây khô đi, như niệm như muôn năm đi, như người chết đi!".

Nếu dụng tâm đặng như thế thì sao lại không thành Phật!?

---o0o---

139.ÂM:

Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tức hữu ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

NGHĨA:

Nếu có chúng sanh nào, mà Như Lai có độ, tức là Như Lai có tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật bảo ông Tu Bồ Đề: "Bọn người chớ nói Như Lai tướng như vậy: ta phải độ chúng sanh"; rồi lại bảo: Chớ tưởng như thế. Bởi có sao? Thiệt không có chúng sanh nào mà Như Lai độ cả, là nói cả thầy chúng sanh đều bởi nghiệp duyên mà hiện ra chớ thiệt là không có. Bằng nói có chúng sanh mà Như Lai độ đặng, thì bị chấp tướng ngã, nhơn, sanh, thọ.

Tăng Nhược Nột giải: Bằng thấy có độ đặng thì đồng với phạm phu; chấp ngã tướng.

Lý Văn Hội : Bằng có chúng sanh Như Lai độ đặng, thì có bốn tướng ngã, nhơn, sanh, thọ. Người người sẵn đủ, kẻ kẻ vẹn toàn, bỗng lại là Phật với Phật không khác.

Viên Ngộ Thiền sư giải: Ở trong khối thịt, người người đều tập quán Phật xưa; trên đỉnh Tỳ Lư: chôn chôn thầy tinh thần chư Tổ. Phải tính thế nào phản chiếu, gom vào một điểm linh quang: chẳng sắc, chẳng tâm, không nội, không ngoại, đánh đập cách nào, dọa nó không động, mắng rầy thế mấy, nhất nó chẳng ghê. Hẳn thiệt: sạch sạch bóng, đỏ đỏ thắm dứt bỏ hai bên, về nhà an ổn.

Đương lúc ấy:

Chẳng cần tìm Phật đâu xa,

Tây phương tại đó Thích Ca nơi này.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Đêm đêm với Phật nằm, Sáng sáng cùng đồng dậy.

Nói nín một bên mình, Đứng đi đều tại đây,

Tác gang chẳng cách xa, Ảnh hưởng nào sai chạy.

Muốn biết Phật ở đâu, Do nơi lời nói ấy.

Chúng sanh chỉ bởi nghiệp chướng thâm trọng, nên khác với Phật, bằng hay hồi quang phản chiếu, một đao cắt làm hai đoạn, thì sẽ rõ tự tánh. Bằng chẳng theo giáo pháp nhà Phật, thì cả thầy chúng sanh do đâu mà tỏ ngộ? Rồi làm sao tu cho đến địa vị của Phật cho đặng!

Ấy là Như Lai không có lòng sở đắc. Cho nên nói: "Bằng có chúng sanh Như Lai độ đặng, tức là trước tướng ngã, nhơn, sanh, thọ".

Xuyên Thiên sư giải: Xuân Lan, Thu Cúc đều tự thom tho.

Tụng:

Vừa lọt lòng ra đi bảy bước,

Người đều lưng bụng riêng sau trước,

Vui mừng cười khóc thấy in nhau,

Há hỏi tôn đàn mới biết được!

---o0o---

140.ÂM:

Tu Bồ Đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã; nhi phàm phu chi
nhơn, dĩ vi hữu ngã.

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Như Lai nói " có ta" ấy, nhưng chẳng phải " có ta" mà kẻ phàm
phu lại cho là "có ta".

Giải : Tăng Nhưặc Nột giải: Như Lai đã không ngã nhơn các tướng, làm
sao có khi lại xưng "ta"? - Phải biết cương danh xưng "Ta": đó là đối với lực
độ chúng sanh phải tùy thời mà xưng vậy thôi.

Lý Văn Hội giải: Hữu ngã: tức là phàm phu - Phi hữu ngã, là tùy chỗ làm
chủ, ứng dụng không phương. Cho nên nói: Phàm là nhân của Phật, Phật là
quả của phàm.

Kinh Cảnh Giới có nói: "Chư Phật ba đời đều không có sở hữu, duy có tự
tâm đã rõ nhân quả không sai, thì biết ngoài tâm không pháp".

Hai bực thừa chấp có ngã tướng, muốn lìa sanh tử mà cầu Niết bàn, muốn
bỏ phiền não mà cầu diệt độ, là bỏ một bên, chẳng tỏ lý trung đạo. Ấy là
đồng hạnh với phàm phu.

---o0o---

141.ÂM:

Tu Bồ Đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phàm phu, thị danh phàm
phu".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề! Phàm phu ấy, Như Lai nói chẳng phải phàm phu, chỉ cương danh
là phàm phu".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật lại bảo ông Tu Bồ Đề: "Phàm phu là
chẳng có phàm phu chơn thiệt, chỉ hư danh là phàm phu". Ấy là liền lập rồi
liền bỏ.

Trước nói phàm phu, ấy là liền lập, sau nói hẳn không phàm phu chơn thiệt, ấy là liền bỏ. Bằng mà bỏ đi, thà đừng lập ra? - Là bởi không lập ra thì không lấy chi đặng rõ lý, cũng ví như qua sông mà chẳng dùng bè. Còn chẳng bỏ, thì e người câu nệ theo lời nói, cũng như ví như đến bờ rồi mà chẳng lên, cứ ở dưới bè hoài. Nên sở dĩ liền lập rồi liền bỏ, là vậy.

Tăng Nhược Nột giải: Bởi bài trước Như Lai nói: Ta bỏ cái lý "chẳng phải phàm phu" thì Phật với chúng sanh phải cách nhau; nếu lý ấy mà không bỏ, thì phàm Thánh bình đẳng. Cho nên nói: "Là chẳng phải phàm phu".

Nhan Bính giải: Người người tự tánh tự độ lấy: mê thì ngộ độ, tà thì chánh độ. Trước kia chư Phật đã nói, đó là chỉ ra cái mối đầu đường, thì nên cứ đó mà noi theo, nào phải do nơi người khác. Cho nên nói: "Thiệt không chúng sanh nào Như Lai độ đặng". Nếu có độ đặng thì Như Lai còn có bốn tướng". Như Lai là người kiến tánh, nên không có ngã tướng, phàm phu là người chưa kiến tánh, nên ngã tướng chưa quên. Phải lại e cho người lạc vào phân biệt, cho nên nói: "Là chẳng phải phàm phu". Vậy thì, biết Như Lai và phàm phu vốn đồng một tánh không có phân biệt.

Lý Văn Hội giải: Túc phi phàm phu là nhứt niệm thanh tịnh chẳng phàm chẳng Phật nên nói: "Chẳng phải phàm phu".

Phàm phu vẫn không, bởi mê mà vọng chấp, chỉ không chấp trước thì cả thấy thanh tịnh.

Trí Giả Thiên sư giải:

Tụng:

Bằng tu nhân với quả, Thì quả đợi kỳ đơm.

Tự độ thường chăm chỉ, Chuyên cần ấy pháp môn.

Bắt chim rồi cất ná, Đặng cá chẳng dùng nơm.

Nếu nói Như Lai độ, Độ ai thử chỉ dùm?!

Xuyên Thiên sư giải: Niệm trước chúng sanh niệm sau Phật, chúng sanh với Phật không hai vậy.

Tụng:

Chẳng thấy mấy đầu mấy tay,

Mà hay cầm muống cầm đũa.

Khi thì hương khói dung đóm.

Lúc lại say sưa mắng rủa,

Tay cầm chậu mẻ khờn,

Mình mặc đồ tơ lụa.

Đôi dạng thay hình cả vạn thiên,

Rờ đầu dất lại: Ủ! Chàng nó!

Hừ! hừ!!

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

142.ÂM:

"Tu Bò Đê! Ủ ý vâng hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai phủ ?".

Tu Bò Đê ngôn: "Như thị ! như thị ! Dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai".

NGHĨA:

"Này Tu Bò Đê! Ý ông thế nào? Có nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai chăng?".

Tu Bò Đê bạch Phật: "Thiệt vậy ! thiệt vậy ! Cũng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Như Lai là chơn Phật; nghĩa này trong phần thứ năm đã nói rồi, mà đến đây lại nói nữa, là vì những thính giả mới đến sau. Rồi lại nói thêm cái nghĩa vua Chuyển Luân Thánh Vương nữa.

Lý Văn Hội giải: Ông Không Sanh nghi Phật nói chúng sanh là có, cũng có thể làm Thánh đặng; còn pháp thân chẳng phải là không, cũng nên dùng tướng tốt đẹp ấy mà cho là Pháp thân.

Xuyên Thiên sư giải: Lâm!

Tụng:

Hình cây hình giấy cùng hình đúc,

Sơn đồ thết vàng thêm vẽ lục.

Bằng nhận tướng này là pháp thân,

Tức cười những kẻ Nam mô Bụt (Phật),

143.ÂM:

Phật ngôn: "Tu Bồ Đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương tức thị Như Lai?".

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quang Như Lai".

NGHĨA:

Phật bảo: "Tu Bồ Đề! Nếu dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như con mà tỏ cái nghĩa của Phật nói, thì chẳng nên dùng ba mươi hai tướng mà cho là Như Lai".

Giải : Lục Tổ giải: Lòng đại bi của Thế Tôn e cái bịnh chấp tướng của Tu Bồ Đề chưa dứt nên hỏi lời ấy. Tu Bồ Đề chưa rõ ý Phật mới nói như vậy, thì trước đã mê, rồi lại nói dùng 32 tướng mà cho là Như Lai thì lại càng mê; lìa chơn tánh càng xa, nên Như Lai mới thuyết phá lòng mê

rằng: "Nếu dùng 32 tướng mà cho là Như Lai, thì vua Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?". Chuyển Luân Thánh Vương tuy có 32 tướng nhưng không đồng với Như Lai đặng.

Thế Tôn dẫn lời ấy, đặng trừ bịnh chấp trước cho ông Tu Bồ Đề, khiến cho tỏ ngộ đặng thâm thấu.

Tu Bồ Đề bị hỏi, lòng mê liền hết, nên nói: "Nhu con biết đặng nghĩa của Phật thì chẳng nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai".

Tu Bồ Đề là bực Đại A La Hán nên ngộ đã thâm, đặng pháp môn phương tiện, không lạc vào nẻo mê, xin Đức Thế Tôn trừ dứt sự tế hoặc đặng cho chúng sanh đời sau khỏi lầm.

Vương Nhựt Hưu giải: Phật lại bảo ông Tu Bồ Đề: "Nếu dùng 32 tướng mà cho là Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai sao?".

Vả chẳng Chuyển Luân Thánh Vương là một vị Tứ Thiên Vương cai quản bốn châu thiên hạ: tháng giêng, tháng năm, tháng chín thì châu Nam Diêm Phù Đề; tháng hai, tháng sáu, tháng mười thì châu Tây Cù Va Ni; tháng ba, tháng bảy, tháng mười một thì châu Bắc Uất Đon Việt; tháng tư tháng tám, tháng chạp thì châu Đông Phát Bà Đề; thường luân chuyển như bánh xe mà soi bốn châu thiên hạ, xét việc lành dữ của nhơn gian, nên gọi là Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng bởi nhờ nghiệp phước nhiều nên sắc thân cũng cụ túc 32 tướng in như Phật.

Phật đã nói: "Nếu có 32 tướng là Phật, thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Phật", vậy thì chẳng nên dùng 32 tướng mà cho là Phật, cho nên lại nói tiếp: chẳng nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai.

Lý Văn Hội giải: Chuyển Luân Thánh Vương v.v... là Phật dùng việc gần mà viện chứng, khiến cho tự hiểu.

Lai nói: Chưa thông bốn tướng, thì tâm còn sanh diệt; sanh diệt là lòng của Chuyển Luân Thánh Vương; tuy tu 32 tịnh hạnh, lòng sanh diệt càng nhiều, hẳn không tỏ cái lòng bản lai thanh tịnh cho nên nói: Chẳng nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai.

Xuyên Thiền sư giải: Làm!

Tụng:

Có sắc thân, không sắc thân,

Ở trên hương án ở Côn Lôn,

Bỏ lai vật vật nguyên là đấy,

Hà tất Linh Sơn hỏi Thế Tôn!?

Như vương cầm gương.

---o0o---

Ý KIẾN DỊCH GIẢ

Câu trả lời "Cũng nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai" của ông Tu Bồ Đề đó, mà sanh ra một trường ngôn luận. Nhiều Tổ cho ông Tu Bồ Đề là trước khi tánh còn mê nên mới trả lời như thế; đến khi nghe Phật nói gần "Nếu dùng 32 tướng mà cho là Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai sao?" rồi mới ngộ lại.

Theo ý kiến của chúng tôi thì ông Tu Bồ Đề không phải còn mê mà trả lời câu ấy. Bởi trong hàng thập đại đệ tử ông là Giải Không đệ nhất, (rõ lý Không) và hội thuyết pháp Kim Cang (này) ông với Phật Tổ trước sau đã biện luận bốn lần về thân tướng (nơi phần thứ năm, mười ba và hai mươi) mỗi mỗi ông đều luận thấu lý cả thì trước kia ông đã ngộ có lẽ nào nay lại mê bao giờ? Theo sự tấn hóa thì càng ngày càng tăng tiến lên mới phải chớ càng ngày càng sụt xuống là nghĩa gì? Sách Mạnh Tử nói: Vị vân há kiêu mộc nhi nhập vu u cốc (chưa hề nghe ở trên cây tuột xuống chung vào trong hang).

Chúng tôi xin mạn pháp luận như vậy: Ông Tu Bồ Đề trả lời câu ấy, là theo ý ông tưởng mấy lần trước ông cùng Phật Tổ luận về cái lý bảo thuyên đã rõ rệt, không còn chi phải luận nữa nên nay ông muốn luận về cái lý Châu Thuyên, đặng thính giả hiểu cho ráo lý, mà nói: "Nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai" là mượn tướng mà nói tánh, có sạ mới có lý cũng như mượn bè qua sông vậy.

Nhưng ông mới nói tới đó bị Phật Tổ không muốn nói lý ấy mà chặn lại thì ông liền trả lời ngay rằng: Ông hiểu cái nghĩa của Phật "Không nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai".

Như vậy có nên cho ông là còn mê tánh đặng sao?!

Nên chúng tôi xin luận rằng: Ông Tu Bồ Đề không phải là còn mê tánh.

---o0o---

144.ÂM:

Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn: "NHƯỢC DĨ SẮC KIẾN NGÃ; DĨ ÂM THINH CÂU NGÃ; THỊ NHƠN HÀNH TÀ ĐẠO, BẤT NĂNG KIẾN NHƯ LAI".

NGHĨA:

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn kệ rằng: "BẰNG DÙNG SẮC GỌI TA; ÂM ĐIỀU NHẬN RẰNG TA; LÀM VẬY LÀ TÀ ĐẠO, HÃN KHÔNG THẤY ĐẶNG TA".

Giải : Lưu Đầu giải: Âm, thính, sắc, tướng vốn tự tâm mà sanh, cái lòng phân biệt đều lạc vào tà đạo; bằng hay thấy không chỗ thấy, nghe không chỗ nghe, biết không chỗ biết, chứng không chỗ chứng, hiểu lý nhiệm ấy mới rõ chơn tánh Như Lai.

Trong kinh Hư Hoàng Thiên Tôn, chương 44 Diệu Hạnh nói: "Thấy 32 tướng tốt, trên đầu có chín sắc hào quang, bởi ấy nên tặng cho Thiên Tôn, theo các bực Đại Tiên nhơn".

Thiên Tôn nói: "Ta chẳng phải sắc, người vọng cho là sắc, ta chẳng phải tướng, người vọng cho là tướng. Bằng dùng chín sắc, 72 tướng, mà xem ta, tức là bỏ không, chấp có, thì chẳng đặng dự nghe cái nghĩa lý đạo Vô thượng".

Sớ Sao giải: Phật bảo ông Thiện Hiện: "Người chẳng nên dùng con mắt mà thấy Pháp thân của ta. Bởi có sao? - Là Pháp thân không sắc tướng, làm sao mà thấy đặng?" - Diệu tánh của chúng sanh lại cũng như thế, không có thấy đặng.

Lại nói "Âm điệu nhận rằng ta", đó là Pháp thân của Phật, đâu phải dùng tai mà nghe đặng. Nếu dùng tai nghe đặng thì không phải Pháp thân.

Cũng như tự tánh của chúng sanh đâu phải dùng tai mà nghe đặng. Nếu dùng tai nghe đặng tức chẳng phải Phật tánh. Sở dĩ Phật nói: "Bằng dùng sự nghe thấy mà cầu Pháp thân Ta, thì người ấy làm đạo tà, hẳn chẳng thấy Như Lai đặng".

Pháp thân của Như Lai: chẳng sắc, chẳng thanh, không hình không trạng, chẳng phải dùng cái tâm mà suy nghĩ, dùng sự biết mà hiểu thấu cho đặng; ở phàm chẳng bớt, ở Thánh chẳng thêm, xem thì chẳng thấy, mà ngộ đặng rất rõ ràng.

Vương Nhựt Hưu giải: Ngã là chơn ngã là Phật tánh; nói Như Lai đây là chơn tánh Phật.

Nhược dĩ sắc kiến v.v... là chơn tánh Phật; không hình, không tướng, chẳng nên dùng hình sắc mà thấy, cũng chẳng nên dùng âm thanh mà cầu. Nếu dùng hình sắc thấy, âm thanh cầu, làm như vậy là đạo tà.

Chơn tánh là chánh, hình sắc âm thanh là tà. Nếu dùng hình sắc âm thanh mà cầu Phật, làm như vậy là đạo tà, thì đâu thấy đặng cái chánh giác thường trụ của chơn tánh Phật. Cho nên nói: Hẳn không đặng thấy ta.

Như Lai tức chơn ngã mà cũng tức là Phật tánh vậy.

Tăng Nhược Nột giải: Ngã là Pháp thân chơn, thường, tịnh, ngã, tùy sự lưu bố mà thuyết.

Bằng dùng sắc thấy thanh cầu, lòng không chăm chỉ, đều gọi là tà kiến thì chẳng thấy pháp thân đặng.

Ông Triệu Pháp sư có nói: "Các tướng bày trước mặt, mà không có hình, bát âm đầy bên tai, nhưng chẳng phải tiếng".

Ứng hóa chẳng phải chơn Phật, cũng chẳng phải thuyết pháp, pháp thể thanh tịnh ví như hư không, không có ngăn ngại, không lạc vào cả thấy trần cảnh.

Trần Hùng giải: Ngã là tự tánh của chơn ngã Pháp thân Như Lai tức là tự tánh chơn ngã. Dòm không thấy, không dùng sắc tướng mà lấy đặng: lóng không nghe, không dùng âm thanh mà cầu đặng.

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Sắc thân chẳng phải Phật, âm điệu cũng thế này".

Lại nói: "Người mà chẳng rõ cái chơn tánh thì chẳng thấy Phật. Chỉ phải hồi quang phản chiếu, cứ trong tánh mà tu, thì sẽ có Như Lai ở nơi ấy".

Nhan Bính giải: Chuyên Luân Thánh Vương, ngoài tuy đoan trang cụ túc 32 tướng, mà trong không rõ Phật tánh, chỉ hưởng sự lậu phước có khi cũng phải hết.

Phật nói: "Bằng dùng 32 tướng mà cho là Như Lai, thì Chuyên Luân Thánh Vương tức là Như Lai sao?" - Ông Tu Bồ Đề, sau khi nghe Phật bảo mới hiểu mà nói: "Như con rõ nghĩa của Phật, thì chẳng nên dùng 32 tướng mà cho là Như Lai ". Sở dĩ Thế Tôn mới nói: "Bằng dùng sắc gọi ta, âm điệu nhận rằng Ta". Ta là có tướng ta, chẳng đặng đại tự tại. Muốn dùng hình sắc âm thanh mà cầu cái tướng ta, thì người ấy làm đạo tà không chánh kiến. Cho nên chẳng thấy Như Lai và chẳng rõ cái tánh Như như đặng.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Niết bàn trùm bốn đức, Đức ngã đấng chơn thường.

Tự tại xưng tôn hiệu, Oai danh rất hiển vang.

Sắc thanh đều chẳng có, Tâm thức khó so lường.

Dùng mắt xem nào thấy, Ngộ rồi mới tỏ tường.

Xuyên Thiên sư giải: Ví dầu chẳng dùng tinh cầu sắc thấy cũng chưa thấy đặng Như Lai ở đâu. Nói thử coi! Thế nào mà thấy đặng? Chẳng suy nghĩ, chẳng suy nghĩ!

Tụng:

Thấy sắc nghe thanh tánh thể thường,
Một từng tuyết đọng một từng sương,
Muốn cho thấu đáo do lai Phật,
Vào bụng Ma Va mới hẳn tường.
Ôi! Lời nói ấy đến đời sau, quãng xuống đất tiếng khua rang rang.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

145.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: "Nhu Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A nậu đa la tam muội tam bồ đề".

Tu Bồ Đề! Mạc tác thị niệm: Nhu Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A nậu đa la tam muội tam bồ đề.

Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát A nậu đa la tam muội tam bồ đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt; mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? - Phát A nậu đa la tam muội tam bồ đề tâm giả, ư pháp, bất thuyết đoạn diệt tướng".

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Bằng ông tưởng như vậy: "Nhu Lai chẳng dùng tướng cụ túc mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Tu Bồ Đề! Chớ tưởng như vậy : Nhu Lai há chẳng dùng tướng cụ túc mà đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu Bồ Đề! Bằng ông tưởng như vậy: "Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy, mà nói các pháp đoạn diệt. Chớ tưởng như vậy.

Bởi có sao? - Bởi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy, theo pháp, chẳng nên nói cái tướng đoạn diệt".

Giải: Nhan Bính giải: Phần này có bốn chương đều của Phật nói. Trước hết kêu ông Tu Bồ Đề mà nói trái lại, nếu người tưởng như vậy: "Như Lai dùng tướng cụ túc mà đặng Vô thượng Chánh giác", rồi nói chánh lại "Chớ tưởng như thế". Như Lai chẳng dùng tướng cụ túc mà đặng Vô thượng Chánh giác?".

Kê đó cũng nói trái lại: Nếu người tưởng như vậy: phát tâm Vô thượng thì nói các tướng đoạn diệt của các pháp", rồi nói chánh lại: "Chớ tưởng như thế. Phát tâm Vô thượng theo pháp, không nói tướng đoạn diệt".

Thê Bốn chương thứ nhứt hay viết lầm: Như Lai "bất" dĩ cụ túc tướng cố. Bản ở Tân Châu của đức Lục Tổ chú giải, bản ấn thí của họ Trần ở Nam Phố: chương thứ nhứt đều không có chữ "bất": lý cũng phải.

Bản của Vương Hư Trung chú giải, bản ấn thí của Trương Công Xương ở Võ Di đều viết: Như Lai khả dĩ cụ túc tướng cố: lý cũng thông.

Thạch bản Thọ Châu đều có chữ "bất"; nghĩa lại càng rõ.

Vương Nhựt Hư giải: Chư pháp đoạn diệt là cả thảy pháp đều đoạn diệt mà không dùng - Tướng là tướng của các pháp.

Trong kinh Phật nói tướng, là hễ cái chi mà có là tướng, nên ban ngày sáng thì nói tướng sáng, ban đêm tối thì nói tướng tối. Các pháp trong kinh nói, đều là tướng pháp; chẳng phải pháp của kinh nói, ấy là tướng chẳng phải pháp. Bài này nói đoạn diệt mà chẳng dùng các pháp là tướng đoạn diệt.

Vả lại cái pháp cũng không nên câu nệ mà cũng không nên đoạn diệt, ví như qua sông, khi đã qua rồi thì không dùng ghe chèo nữa, chớ trước khi chưa qua không dùng sao đặng? Còn đã ngộ đạo rồi không dùng pháp nữa, chớ chưa ngộ đạo không dùng sao đặng? Nên phát tâm Vô thượng phải nương theo Phật pháp mà tu hành, không nên đoạn diệt Phật pháp mà không dùng. Cho nên nói: "Nếu người tưởng như vậy: phát tâm Vô thượng Chánh giác thì nói các tướng đoạn diệt của các pháp; không nên nói như vậy".

Bởi sao mà không nên nói như vậy? - Bởi phát tâm cầu chơn tánh, hẩn nương theo Phật pháp mà tu hành, nên cái pháp không nên đoạn diệt.

Nhan Bính giải: Toàn kinh này chỉ nói có một chữ "vô" Phật lại e cho người chấp trước chữ "vô" ấy mà lạc vào "không", sa vào tịch; bỏ có chấp không thành ra tướng đoạn diệt nào có khác chi trong Chứng đạo ca, có câu:

Chấp, không bỏ có bịnh đồng nhau,

Như tránh chết chìm, tìm chết đốt.

Cho nên phần này chỉ răn người không nên đoạn diệt. Mà người hoặc đã biết, hoặc chưa biết, đều cho chữ "vô" là cái pháp rất đúng, thì sự làm chẳng ít.

Xưa có ông Trương Chuyết tú tài tham kiến ông Tây Đường Tạng Thiên sư mà hỏi: Non sông đại địa, chư Phật ba đời có hay không có?

- Có.

- Lâm.

- Tiền bối có tham kiến ai chưa?

- Đã có tham kiến ông Kinh Sơn: tôi có hỏi ông, ông nói: "Đều là không".

- Chờ khi nào Tiền bối đặng như ông Kinh Sơn, thì cả thầy đều không mới đặng.

Đại phạm những người chưa kiến tánh, làm sao mà nói cả thầy đều không đặng, nên Phật bảo ông Tu Bồ Đề: Người chớ tưởng như vậy. Như Lai há chẳng dùng cái tướng cụ túc mà đặng đạo Vô thượng Chánh giác. Nếu người tưởng như vậy mà phát tâm Vô thượng Chánh giác, ấy là nói đoạn diệt các pháp. Bởi có sao? - Là phát tâm Vô thượng Chánh giác, không nên nói các tướng đoạn diệt.

Trí Giả Thiên sư giải:

Tụng:

Tướng, tướng chi là tướng, Do lai tướng vốn không.

Sanh nhiều môn pháp pháp, Riêng các thể không không.

Đoạn diệt cùng không đoạn, Tông thông mới rõ tông.

Cảnh, tâm đừng chấp trước, Chánh thị đại nhơn ông.

Lý Văn Hội giải: Như Lai bắt dĩ v.v... là Phật e ông Tu Bồ Đề lạc vào đoạn diệt kiến, nên mới dạy cho lìa cả hai bên, nhưng cái tánh, hàm dung cả muôn pháp chẳng phải bởi tại cụ túc, ứng dụng đều biết hết, một là cả thấy, cả thấy là một, đi đứng tự do không chi quái ngại; pháp ấy, trên từ chư Phật, dưới từ loại hàm linh, vẫn không thiếu kém ấy là tướng cụ túc.

Thuyết chư pháp v.v... là các pháp tánh đều không, không tức là thường, nên không đoạn không diệt. Nếu như tưởng rằng: không có tướng chi, chỉ có đạo tâm mà thôi; là đoạn cả thấy hạnh, diệt cả thấy pháp; thì trái với lý trung đạo.

Lại nói: Bằng quán tướng là có tướng, ấy là chấp một bên, mà quán tướng là không tướng, cũng là chấp một bên. Còn quán tướng là "chẳng không" "chẳng có" chi cả, ấy là đoạn diệt pháp. Nên biết pháp tánh chơn như chẳng phải là có, chẳng phải là không, rỗng rang chẳng động; quán cùng chẳng quán đều là sanh diệt. Cho nên nói: Chớ tưởng như thế.

Ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng là người kiến tánh nên xét tột lý ấy. Nếu lòng không, ngòi tịnh, trăm việc chẳng lo, mà cho là ráo rớt, là chấp về tướng không tức các pháp đoạn diệt.

Triều Đại Sư giải:

Tụng:

Phật dạy lý chơn không,

Bởi e người chấp có.

Nếu như lại chấp không,

Chụp thỏ mà buông ó.

Cho nên, bực đại sĩ thể cái lý không mà đến điều đức, kẻ phàm phu chấp cái lý không mà xa điều lành. Phải biết hữu vi là thể của vô vi, còn vô vi là dụng của hữu vi.

Xuyên Thiên sư giải: Tề không bằng, gỡ càng thêm rối. Kéo phăng ra cắt mỗi chẳng rời.

Tụng:

Bởi có sao ai khéo đặt bày?

Ban đầu nắm chặt rớt buông rơi!

Chớ rằng Đại Phật thiên "không kiến",

Dứt một lời âu nói một lời.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI TÁM

146.ÂM:

"Tu Bò Đê! Nhược Bò Tát dĩ mãn hàng hà sa đẳng thế giới thất bảo trì dụng bố thí, nhược phục hữu nhơn tri, nhưt thiết pháp "vô ngã" đắc, thành ư nhữ, thử Bò Tát thắng tiền Bò Tát sở đắc phước đức.

NGHĨA:

"Này Tu Bò Đê! Nếu Bò Tát dùng bảy báu đầy cả hàng hà sa số thế giới, đem ra mà bố thí. Bằng lại có người biết cả thầy pháp "vô ngã" mà thành tựu đặng cái pháp nhữ, thì Bò Tát này, chỗ đặng phước đức nhiều hơn Bò Tát kia".

Giải : Lục Tổ giải: Thông đạt cả thầy pháp, không lòng năng sở, ấy gọi là nhữ địa. Cái người ấy đặng phước đức hơn phước đức bảy báu kia.

Lý Văn Hội giải: Tri nhưt thế pháp Vô ngã là chẳng sanh lòng chấp hai bên, ấy là Vô sanh nhữ, thì hơn Bò Tát bố thí bảy báu trước kia.

Và lại muôn pháp vốn không có tánh, đều bởi tại mình mà phát ra: như mắt đối với sắc gọi là thấy, tai đối với thanh gọi là nghe. Thấy nghe là căn, sắc thanh là trần. Sự thường thấy thường nghe: lúc chưa đối với sắc, thanh, tự tánh chưa hề bớt, còn lúc đối với sắc thanh tự tánh cũng chẳng thêm.

Ấy là Bồ Tát tỏ ngộ chơn tánh, tự do hoạt động, lộng lộng như hư không, chẳng hề thêm cũng chẳng hề bớt.

Phàm phu bị vọng tâm che áng, xô đẩy theo sáu trần mới có sanh diệt, nên trần khởi thì tâm khởi, trần diệt thì tâm diệt; chẳng biết cái tâm khởi diệt ấy là vọng niệm. Bằng thấy sáu trần không sanh ra khởi diệt, tức là Bồ Tát.

Xuyên Thiên sư giải: Tai nghe như điếc, miệng nói như câm.

Tụng:

Người dưới ngựa nương người cỡi ngựa,

Thân sơ cao hạ riêng trang lú.

Một mai mà: ngựa thác, người đi.

Thân mật ấy thành không chỗ dựa.

Vốn thiệt cự tương tri,

Mà đối cái hành vi mọi bữa.

---o0o---

147.ÂM:

Hà dĩ cố? - Tu Bồ Đề! Dĩ chư Bồ Tát bất thọ phước đức cố".

NGHĨA:

Bởi có sao? - Này Tu Bồ Đề! Bởi các Bồ Tát ấy chẳng chịu phước đức".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Dĩ chư Bồ Tát bất thọ phước đức là Bồ Tát tế độ cho chúng sanh chẳng phải là không tặng phước, nhưng Bồ Tát chẳng

hưởng sự giàu sang của thế gian, chỉ làm cái phước hu không mà thôi. Cho nên nói: "Không chịu phước đức".

Chứa như hư không, lâu mãi chẳng thôi cho đến thành Phật. Đã thành Phật thì phước đức rộng lớn như Trời đất. Cho nên xưng Phật là Lương túc tôn, nghĩa là đủ hai điều Phước và Trí.

---o0o---

148.ÂM:

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát bất thọ phước đức?".

- " Tu Bồ Đề! Bồ Tát sở tác phước đức; bất ưng tham trước; thị cố thuyết bất thọ phước đức".

NGHĨA:

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát chẳng chịu phước đức?".

- " Tu Bồ Đề! Bồ Tát làm phước đức, chẳng nên tham chấp; nên mới gọi là chẳng chịu phước đức".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Bồ Tát sở tác phước đức v.v... là Bồ Tát vốn chẳng vì sự làm phước đức mà độ chúng sanh mà phước đức tự nhiên vẫn có. Ví như người đi giữa ban ngày vốn chẳng vì bóng mặt nhựt mà bóng mặt nhựt tự nhiên theo. Nếu vì sự làm phước đức mà độ chúng sanh, ấy là tham trước sự hưởng thọ phước đức. Bởi không tham trước sự hưởng thọ, cho nên nói chẳng chịu phước đức.

Còn nói : "Cho nên mới" là vì bởi cái cứ không tham; nên nói: chẳng chịu.

Lý Văn Hội giải: Chẳng tham quả báo phước đức của thế gian, ấy là "chẳng chịu".

Lại nói: Bồ Tát làm phước đức chẳng phải vì mình, chỉ vì lợi ích cho cả thầy chúng sanh, ấy là lòng không chỗ trụ, tức không tham trước. Cho nên nói: Chẳng chịu phước đức.

Trí Giả Thiên sư giải:

Tụng:

Bồ thí mà mê chấp, Ba sanh chẳng toại tâm.
Dầu dùng nhiều của báu, Thua dứt sáu căn trần.
Diệt hết lòng tham dục, Trừ xong mối ái ân.
Không còn điều trước lậu, Hẳn thật Pháp vương thân.

Xuyên Thiên sư giải: Quân không lung, khổ bít miệng.

Tụng:

Hỏa, phong giả hiệp huyễn thân này,
Thiên hạ nào hay lại có ai!
Trời trời chẳng hàm dung một vật.
Hoàng Mai Ngũ Tổ cũng người ngoài.

---o0o---

CHƯƠNG HAI MƯƠI CHÍN

149.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn ngôn: "Như Lai" nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhơn bất giải ngã sở thuyết nghĩa.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Nếu có người nói: "Như Lai", hoặc tới, hoặc lui, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy chẳng rõ cái nghĩa lý của Ta nói.

Giải : Sớ Sao giải: Phật nói: "Bằng có người nói Như Lai có đi, đứng, nằm, ngồi, ấy là chẳng rõ ý của Phật". Bởi có sao? - Chơn tánh của chúng sanh lại có đi, đứng, nằm, ngồi hay sao? Chúng sanh cũng như thế, Như Lai cũng như thế; đi, đứng, nằm, ngồi, trong bốn oai nghi thường thường vắng lặng. Nếu có chỗ chi động chấp, tức là chẳng rõ cái nghĩa thuyết pháp.

---o0o---

150.ÂM:

Hà dĩ cố! - "Như Lai" giả vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh "Như Lai".

NGHĨA:

Bởi có sao? - "Như Lai" ấy, là không phải từ đâu mà tới, cũng không phải từ đâu mà lui, nên gọi là "Như Lai".

Giải : Sớ Sao giải: Như Lai là: lại mà không lại, đi mà không đi, trụ mà không trụ, chẳng động chẳng tịnh, trên hiệp với chư Phật, dưới đồng với quần sanh, một tánh bình đẳng, cho nên hiệu là Như Lai.

Vương Nhựt Hưu giải: Phần này ba lần nói Như Lai đều là chơn tánh Phật.

Nhược hữu nhơn ngôn v.v... là chơn Phật không có tướng, nên không lấy sự đi, đứng, nằm, ngồi, mà hình dung đặng. Nếu hình dung đặng thì là có tướng. Cho nên nói: "Người ấy chẳng rõ nghĩa thuyết pháp của Ta".

Hà dĩ cố là Phật lại tự hỏi: "Có sao chẳng rõ nghĩa thuyết pháp của Ta", lại tự đáp: "Ta nói Như Lai ấy tức là Chơn Phật".

Chơn Phật đã không hình tướng, đầy khắp cả hư không thế giới, đâu có đi đứng chi. Cho nên nói: "Không phải từ đâu mà tới, không phải từ đâu mà lui".

Nói là "Nên gọi Như Lai", là chơn tánh tự như, không chỗ nào mà chẳng có!

Phàm cái chi hiện ra đều tùy nghiệp duyên của chúng sanh; sự thiệt thì đầy khắp cả hư không thế giới, chưa hề có tới có lui. Vậy nên gọi là Như Lai,

mà nói Như Lai cũng là cường danh vậy thôi, bởi chơn tánh không có hình dung đặng. (Có giải trong phần thứ hai và phần sau đây).

Trần Hùng giải: Như Lai hiện ra cả ngàn trăm ức hóa thân, diễn cái pháp không tướng của chơn không, ví như bóng trong gương không có sanh diệt, nên người không biết đặng bởi đâu mà tới, bởi đâu mà lui.

Kinh Hoa Nghiêm có nói:

Không chỗ nào mà tới,

Cũng không bởi chỗ đi,

Thân thanh tịnh tốt đẹp.

Hiện hiện các oai nghi.

Kinh Tam Muội có nói: "Không có tướng tới, không có tướng lui, không nghĩ bàn đặng".

Lục Tổ có nói: "Các pháp vắng lặng ấy là sự "ngồi" thanh tịnh của Như Lai".

Kinh Vô Trụ có nói: "Thân tâm vắng lặng, ấy là sự "nằm" của Như Lai".

Vậy thì đi, đứng, nằm, ngồi, có ai dễ gì mà bàn nghĩ đặng. Bằng có người nói Như Lai đủ bốn oai nghi thì cái sở kiến ấy rất lầm, có thể nào mà tỏ đặng cái ý nghĩa chơn không của Như Lai thuyết đó!

Kinh Viên Giác có nói về cái lý chơn không: "Mây bay coi như trắng chạy, thuyền đi xem tựa bờ dòi": Trắng chưa từng chạy mà bờ cũng chưa từng dòi; bởi thể tánh của chơn như chưa hề động, chỉ sanh diệt tại người làm hiểu đó thôi.

Nhan Bính giải: Đi, đứng, nằm, ngồi, ấy là bốn oai nghi. Người tu hành kiên tánh, ấy là đi, đứng, nằm, ngồi thường như hư không.

Bằng người nói Như Lai còn có đi, đứng, nằm, ngồi thì người ấy không rõ cái nghĩa thuyết pháp. Bởi sao? - Bởi Như Lai là như như bốn tánh, vốn không động tịnh: không tới không lui cho nên cường danh là Như Lai.

Xưa vua Túc Tông hạ chiếu dời ông Quốc Nhứt Thiên sư vào đạo tràng. Sư thấy vua bèn đứng dậy. Vua hỏi: Sư hà tất phải đứng dậy kính lễ quả nhơn?

Sư: Thí chủ đâu dùng bốn oai nghi mà thấy bần đạo đặng.

Như thế thì, đi đứng đều tự tri mới gọi là vắng lặng.

Lý Văn Hội giải: Không bởi đâu mà tới, không từ đâu mà đi; lui tới đều như, có chi mà lui tới.

Lại nói: Vô sở tùng lai là chẳng sanh. Diệt vô sở khứ : là chẳng diệt. Chẳng sanh là phiền não chẳng sanh; chẳng diệt là giác ngộ chẳng diệt.

Lại nói: Biết khi sắc thính khởi thì biết bởi đâu mà tới; biết khi sắc thính diệt thì biết bởi đâu mà lui. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp có khởi có diệt, còn lòng ta rỗng rang đâu có tướng tới lui sanh diệt? Vắng lặng mà thường soi tỏ, soi tỏ mà thường vắng lặng, đi, đứng, nằm, ngồi trong bốn oai nghi không đâu mà chẳng thanh tịnh.

Trí Giả Thiên sư giải:

Tụng:

Như Lai không động tịnh, Nhân địa rất dày công.

Bằng dứt lòng nhơn ngã, Mới tường lý chánh tông.

Chơn thân đâu có tướng, Giáo pháp hẵn đều không.

Đi đứng nào can hệ. Tới lui cả thấy thông.

Xuyên Thiên sư giải: Trước sơn môn bái lễ, trong Phật điện dung hương.

Tụng:

Cõi gió nương mây mặc vắng lai,

Mấy hồi Nam Nhạc lại Thiên Thai.

Thập, Hàn gặp mặt cười cười nói.

Nói thử coi cười cái gì?

Cười nói đồng đi bước chẳng ngoài.

---o0o---

CHƯƠNG BA MƯƠI

151.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn dĩ tam thiên đại thiên thế giới, tối vi vi trần, ư ý vân hà? - Thị vi trần chúng, ninh vi đa phủ?". Tu Bồ Đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? - Nhược thị vi trần chúng, thiết hữu giả, Phật tức bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? - Phật thuyết vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới thị danh thế giới.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Bằng có trai lành, gái tín dùng tam thiên đại thiên thế giới, đập nát ra làm vi trần, ý ông thế nào? Những vi trần ấy thiết là nhiều chẳng?".

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Rất nhiều".

Bởi có sao? Nếu những vi trần ấy, mà thiết có, thì Phật chẳng gọi là vi trần. Sở dĩ sao? - Bởi Phật nói những vi trần nhưng chẳng phải vi trần, chỉ cưỡng danh là vi trần.

Bạch đức Thế Tôn! Còn Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, nhưng chẳng phải thế giới, chỉ cưỡng danh là thế giới.

Giải : Vương Nhục Hưu giải: Vi trần chúng là vi trần thiết nhiều như thế.

Tu Bồ Đề đáp "Rất nhiều", rồi lại bạch đức Thế Tôn mà tự hỏi "bởi có sao", là vi trần chúng có sao rất nhiều, lại tự đáp: "Bằng vi trần chúng thiết có, thì Phật chẳng nói là vi trần chúng", là bởi chơn tánh thiết có, nhưng chẳng nói

đặng. Còn vi trần chúng chẳng phải thiệt có, nên Phật mới nói: "Phàm sự chi mà nói đặng, đều là hư vọng cả". Duy có chơn tánh là chơn thiệt nên chẳng nói đặng. Sở dĩ Phật thường nói: "Chẳng nói đặng, chẳng lấy đặng" là vậy.

Sở dĩ giả hà là ông Tu Bồ Đề tự hỏi: "Vi trần chúng nếu có thiệt thì Phật chẳng nói là vi trần chúng" là sao vậy? Lại tự đáp: "Phật nói vi trần chúng, là chẳng phải vi trần chúng, chỉ cường danh là vi trần chúng", là nói: Phật nói vi trần chúng là chẳng phải chơn thiệt, chỉ có hư danh vậy thôi, rồi nói nữa: "Như Lai nói tam thiên thế giới là thế giới cũng chẳng phải chơn thiệt, cũng chỉ có cái hư danh". (Có giải trong phần thứ mười ba).

Lý Văn Hội giải: Vi trần là vọng niệm, thế giới là biệt danh của sắc thân. Vi trần là nhân, thế giới là quả. Nói vi trần và thế giới, tức là nói nhân quả vậy.

Chơn tánh của tự mình không nhân, không quả, bởi tùy sáu đường chúng sanh mà làm nhân quả, thì tự tánh là nhân, sáu đường là quả.

Nên biết đặng vi trần khởi ở thế giới, luân hồi bởi nơi một niệm. Tuy thấy lành nhỏ chẳng nên chấp trước, tuy gặp dữ nhỏ hẳn phải diệt trừ.

Vả chẳng chúng sanh bởi tại vọng niệm mà khởi ra cái nghiệp tham, sân, si nên phải chịu cái quả mộng huyễn của ba cõi, cũng như vi trần kia mà thành ra thế giới vậy.

Nhân quả nguyên bởi vọng tâm, mình làm mình chịu. Nhứt niệm ngộ rồi tức không có vi trần; đã không vi trần thì thế giới bởi đâu mà có! Cho nên nói: "Chẳng phải vi trần chỉ cường danh là vi trần, chẳng phải thế giới, chỉ cường danh là thế giới".

Nếu muốn tạo ra thế giới, thì mặc dầu vi trần chúng nó xông ung, còn muốn trừ bỏ thế giới, thì giác ngộ hơn pháp đều không, không một pháp chi mà đặng, rỗng rang thanh tịnh chẳng bị sự chuyển lay của các cảnh; cũng đều bởi tại tự mình.

Tăng Liễu Tánh giải: Phần này Phật e người sau đòi mạt kiếp trùng trùng chấp trước nhân quả, chẳng chịu lìa bỏ, nên có mấy phen căn dặn ông Tu Bồ Đề.

Trong thân của mỗi người đều có cái tạp niệm vi tế, lành dữ rất nhiều, cũng ví như vi trần của đại thiên thế giới vậy. Niệm ấy không chỉ là chẳng phải cái ảnh hưởng hư vọng mà tạo ra, cho nên nói: "Chẳng phải vi trần chúng".

Cũng bởi tại chuyên lay cái lòng vô minh phiền não thành ra cái trí vô ngại từ bi, mới vào đặng chỗ vắng lặng "tri giải" đặng sự an vui. Cho nên nói: "Chỉ cường danh là vi trần chúng".

Xuyên Thiên sư giải: Nếu không lặn xuống nước, đâu biết người có sở trường.

Tụng:

Bụi trần vừa khởi lập hư không,

Đập nát tam thiên số chẳng cùng.

Giả lão này không thấu thập đặng,

Mặc dầu theo gió mặc theo giông.

---o0o---

152.ÂM:

Hà dĩ cố? - Nhược thế giới thiệt hữu giả, tức thị nhưt hiệp tướng.

NGHĨA:

Bởi có sao? - Nếu thế giới mà thiệt có, thì tức là tướng nhưt hiệp.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Hà dĩ cố là Tu Bồ Đề tự hỏi: "Bởi sao mà thế giới không phải chơn thiệt", rồi tự đáp: "Bằng thế giới thiệt có tức là tướng nhưt hiệp". Tướng nhưt hiệp tức chơn tánh. Chơn tánh khắp cả hư không thế giới, không có hình tướng.

Nhưt: là không chia làm hai đặng, hiệp : là không chẻ cho lìa đặng; vốn chẳng có tướng chi, chỉ cường danh là tướng.

Nếu cho thế giới là thiệt có thì tức là chơn tánh? Duy có chơn tánh mới thiệt có mà thôi. Sao vậy? - Là bởi từ đời vô thủy đến nay còn hoài không biến hoại, tự nhiên chẳng phải giả hiệp. Còn cả thấy sự hư huyền đều là chẳng phải cái bản nguyên của chơn tánh, thì đâu phải là có thiệt. Vậy thì thế giới đâu sánh với chơn tánh đặng, là bởi thế giới là giả hiệp; đến khi kiếp số hết rồi cũng phải biến hoại, thì cũng đều là hư huyền, không phải chơn thiệt. Cho nên không thể sánh với chơn tánh đặng.

Lý Văn Hội giải: Vi trần là nhân, thế giới là quả. Nếu chấp nhân quả là thiệt có thì bị các tướng buộc ràng, cho nên nói: Tướng nhưt hiệp.

Kim Hải Quang Như Lai giải: Thế giới là Như Lai nói Phật Lô Xá Na, trụ trì cả tam thiên đại thiên thế giới, sắc thân hóa sanh cõi Bồ đề, hiệu là Thế giới Liên Hoa Tạng, chẳng phải là nói cái thế giới ngăn ngại kia đâu!

Nhút hiệp tướng là Phật tánh trong thân của cả thấy chúng sanh với Pháp thân Lô Xá Na, cho nên nói: Tướng nhưt hiệp.

Tụng:

Thuyết pháp Liên Hoa Tàng của Phật.

Tam thiên thế giới nghe tường tất.

Lý màu Bồ Tát hiểu phân minh,

Phàm tục chấp mê nên thất lật.

---o0o---

153.ÂM:

Như Lai thuyết nhưt hiệp tướng tức phi nhưt hiệp tướng, thị danh nhưt hiệp tướng".

NGHĨA:

Như Lai nói tướng nhưt hiệp, nhưng chẳng phải tướng nhưt hiệp, chỉ cưỡng danh là tướng nhưt hiệp".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Như Lai thuyết nhứt hiệp tướng là ông Tu Bồ Đề nói Phật thường gọi chơn tánh là tướng nhứt hiệp.

Tức phi nhứt hiệp tướng là chơn tánh ví như hư không, chẳng có vật chi. Như "một" thì chẳng hai, "hiệp" thì chẳng lìa.

Thị danh nhứt hiệp tướng là cương danh là tướng nhứt hiệp

Phàm nói: tức phi đều là thiết không, thị danh đều là cương danh.

Lý Văn Hội giải: Chẳng chấp thiết có, cũng chẳng chấp thiết không, nơi tướng mà lìa tướng, cho nên nói: Chẳng phải tướng nhứt hiệp, chỉ cương danh là tướng nhứt hiệp.

---o0o---

154.ÂM:

"Tu Bồ Đề! Nhứt hiệp tướng giả, tức thị bất khả thuyết.

NGHĨA:

"Tu Bồ Đề! Tướng nhứt hiệp ấy, nói chẳng đặng.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật thường nói chơn tánh là tướng nhứt hiệp, nên ông Tu Bồ Đề mới cho là thiết có. Phật lại bảo ông Tu Bồ Đề: Tướng nhứt hiệp là chơn tánh, mà không thể nói đặng, chỉ cương danh vậy thôi.

Lý Văn Hội giải: Tức thị bất khả thuyết là người học đạo phải tự tỉnh ngộ, các lý sự đều không ngăn ngại. Phàm phu cứ tham chấp sự tướng, chẳng thông lý đạo, nên nói nhân quả, thì chấp nhân quả, còn nói thế giới thì lại chấp thế giới.

---o0o---

155.ÂM:

Đản phàm phu chi nhơn, tham trước kỳ sự".

NGHĨA:

Chỉ vì kẻ phàm phu hay tham chấp sự tướng".

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Phật nói kẻ phàm phu chẳng tỏ ngộ chơn tánh, lại hay chấp căn trần sự tướng trong chơn tánh hiện ra, rồi nhận căn trần ấy là "thiệt ta", nên phải đắm chìm trong lục đạo, không bao giờ thoát khỏi, cho nên nói: Phàm phu.

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Lìa các tướng hòa hiệp mới là Vô thượng giác".

Phật gọi là Giác: ngoại giác lìa cả thấy có tướng, nội giác lìa cả thấy không tướng; nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không. Đặng cái lý nhiệm màu không tướng của chơn không, nên nói là Phật.

Lục Tô giải: Nhứt hiệp tướng là mắt thấy sắc thì mến, nên hiệp với sắc, tai nghe thanh thì mộ, nên hiệp với thanh v.v... Khi Lục trần tan hết, tức là chơn thể giới. Hiệp lại, ấy là phàm phu, còn tan ra ấy là chẳng phải phàm phu.

Phàm phu đối với cả thấy pháp đều hiệp, Bồ Tát đối với cả thấy đều chẳng hiệp.

Bởi có sao? - Bởi hiệp thì còn trói buộc, nên khởi ra sanh diệt, còn tan thì đặng giải thoát, nên không có sanh diệt. Nếu còn bị trói buộc trong đường sanh diệt, ấy là phàm phu. Bởi vậy trong kinh nói: "Chỉ có kẻ phàm phu mới là tham chấp sự tướng".

Nhan Bính giải: Vi trần tuy nhiều, chưa đủ làm nhiều, thế giới giả hiệp cũng là không thiệt. Nếu nói thiệt có vi trần và thế giới, thì đều chấp tướng cả hai. Nó đã là tướng, ta lại chấp tướng, thì hai tướng hòa hiệp, ấy là tướng nhứt hiệp. Cho nên nói: "Tướng nhứt hiệp ấy, nói chẳng đặng, chỉ kẻ phàm phu chưa tỏ ngộ, mới vọng sanh tham chấp".

Viên Ngộ Thiên sư giải: Bao giờ các người, trên chẳng thấy có chư Phật, dưới chẳng thấy có chúng sanh, ngoài chẳng thấy có núi sông đại địa, trong chẳng thấy có sự thấy nghe hiểu biết, tốt xấu dở hay, nhò lại làm một khối, còn mỗi mỗi đều buông bỏ thì không còn thấy cái chi khác nữa.

Tiêu Diêu Ông giải: Người học đạo, chỉ phải tỏ ngộ cái lòng minh linh, ấy là nguồn cội. Bằng có niệm chi vọng tưởng đều là trần cấu, chớ cho nó nhiễm trước thì sẽ chứng đặng Pháp thân thanh tịnh.

Phó Đại Sĩ giải:

Tụng:

Báo ứng không chi khác, Giới trần cũng chẳng ngoài.

Có nhân đâu quả có, Ai trước lại sau ai.

Sự phải tường nguyên một, Lý nên diệt cả hai.

Vô sanh như muốn rõ, Mau xét thấu do lai.

Xuyên Thiền sư giải:

Nắm tóm lại, mở bùng ra,

Chỉ huy tướng lĩnh, binh gia vận hành.

Tụng:

Một khối thành hai mảnh,

Đập tan trở lại tròn.

Nhai nghiền đừng cắn bẻ,

Mùi vị mới hoàn toàn.

---o0o---

CHƯƠNG BA MƯƠI MỘT

156.ÂM:

"Tu Bồ Đề! Nhược nhơn ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến - Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Thị nhơn giải ngã sở thuyết

nghĩa phủ?". - "Phật dĩa, Thế Tôn ! Thị nhơn bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? - Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến".

NGHĨA:

"Này Tu Bồ Đề! Bằng ông nào nói Phật nói: ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề! Ý ông thế nào? - Người ấy có tỏ nghĩa lý của Ta nói không?".

"Bạch đức Thế Tôn ! Không - Người ấy tỏ nghĩa lý của Phật nói.

Bởi có sao? - Bởi Phật nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, nhưng chẳng phải ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, chỉ cưỡng danh là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến vậy thôi".

Giải : Thông Vương Như Lai giải: Phật nói bốn câu đó, là chỉ nói kiến tánh, chớ chẳng phải nói tướng.

Nói lập lại ba lần là Phật phân biệt cái nghĩa bỏ tướng kiến tánh.

Tụng:

Giảng rành tứ kiến ngã cùng nhân,

Quán tự tánh mình chẳng quán thân.

Phá tướng thủ không cho vắng lặng,

Giả trừ đà tỏa khỏi mê tân.

Vương Nhựt Hưu giải: Ngã kiến là lấy sự kiến thức mà nhận ra là có. Nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến là lấy sự kiến thức mà nhận là có nhơn, có chúng sanh, có thọ giả.

Đó là nói: Vốn không có cái kiến thức của bốn tướng ấy vì trong chơn tánh vẫn không, cũng bởi bốn thứ tà kiến ấy chẳng phải là chơn thiệt. Cho nên

nói: Chẳng phải ngã kiến v.v... chỉ cưỡng danh là ngã kiến v.v... là nói sự tà kiến ấy đều là hư vọng, chẳng phải có ở trong chơn tánh.

Lý Văn Hội giải: Phật nói cái pháp Bát nhã Kim Cang này: trước là khiến người học đạo phải diệt trừ bốn tướng thô trọng, như trong phần Đại thừa Chánh tông (đệ thứ ba) đã nói, sau là, khi rõ tánh rồi, lại phải diệt trừ bốn tướng vi tế, như trong phần cứu cánh vô ngã (đệ thứ 17) đã nói. Hai phần ấy, đều chỉ rõ cái lý thanh tịnh của bốn tướng. Nếu lòng không hy cầu tham đắc, rỗng rang thường trụ, thì mới là thanh tịnh ngã kiến cho.

Huỳnh Nghiệt Thiên sư giải: Biết cả trăm việc cũng không bằng lòng, chẳng cầu là hơn hết. Người tu hành là người vô sự, thiệt chẳng có việc gì; lòng vẫn không, nên việc cũng không.

Lại nói: Những người học đạo, nếu muốn đặng thành Phật, thì cả thầy Phật pháp đều chẳng cần phải học, chỉ học cho đặng cái "tâm không cầu, không chấp" thì đã đủ rồi. Không cầu thì tâm chẳng sanh, không chấp thì tâm chẳng diệt. Mà chẳng sanh chẳng diệt tức là Phật.

Bằng rõ tự tánh vốn đã sẵn đủ, là nhơn kiến thanh tịnh - Lòng không phiền não, là chúng sanh kiến thanh tịnh - Tự tánh không biến dị, sanh diệt, là thọ giả kiến thanh tịnh. Cho nên nói: "Không phải ngã kiến v.v... chỉ cưỡng danh vậy thôi".

---o0o---

157.ÂM:

"Tu Bồ Đề! Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, ư nhưt thế pháp, ung như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải bất sanh pháp tướng.

Tu Bồ Đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng".

NGHĨA:

"Tu Bồ Đề! Phát lòng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó, thì cả thầy pháp, phải biết như vậy, phải thấy như vậy, phải tin rõ như vậy, là chẳng sanh pháp tướng.

Tu Bồ Đề! Sự nói pháp tướng đó, Như Lai nói chẳng phải pháp tướng, chỉ cường danh là pháp tướng".

Giải : Nhan Bính giải: Hai chữ "như vậy", đáng cho là thân thiết. Bằng phát lòng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì cả thầy pháp phải biết như vậy, thấy như vậy, tin rõ như vậy, hà tất phải cầu pháp tướng ở ngoài? Song, khi mới vào đạo mà chẳng mượn pháp tướng, thì không biết cái nẻo mà vào; còn đã rõ tánh rồi, cũng nên lánh xa đi, không cần chấp trước. Cho nên nói: "Đặng cá chẳng dùng nôm", "Đến bờ khỏi dụng thuyền" nữa, là vậy đó.

Bởi có, nên sau lại vì người mà thuyết pháp: "Chẳng phải pháp tướng, chỉ cường danh là pháp tướng".

Lý Văn Hội giải: Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, là phải biết cả thầy chúng sanh trí huệ vô lậu vốn đã sẵn đủ, phải tin cả thầy chúng sanh tinh linh chơn tánh vốn không sanh diệt. Bằng tỏ ngộ đặng ý này, tức là cả thầy trí huệ.

Chẳng có lòng năng sở, chẳng còn tướng tri giải; miệng nói pháp không tướng, lòng tỏ lý không tướng, thường làm cái hạnh không tướng. Cho nên nói: "Chẳng sanh pháp tướng, chỉ cường danh vậy thôi".

Trí Giả Thiên sư giải:

Tụng:

Vốn không phải thấu lý, Bỏ tướng dùng vô vi.

Sanh thọ hư danh cả, Ngã hơn thiệt để chi.

Bồ đề tỏ ngộ đặng, Bì nạn tránh xa đi.

Pháp tướng cùng phi pháp, Hiểu rằng như thế ni.

Xuyên Thiên sư giải: Com đến há miệng, ngủ đến nhắm mắt.

Tụng:

Nước xao bỏ búa sợi tơ màn,

Một lượn sóng đùa, mấy lượn sanh.

Giá lạnh canh khuya câu chẳng có.

Đầy thuyền chỉ có bóng trăng thanh.

---o0o---

CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

158.ÂM:

Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn dĩ mãn vô lượng a tăng kỳ thế giới thất bảo trì dụng bồ thí, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn phát Bồ đề tâm giả, trì ư thử kinh, nãi chí tứ cú kệ đặng, thọ trì đọc tụng, vị nhơn diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

NGHĨA:

Này Tu Bồ Đề! Bằng có người nào dùng bảy báu đầy vô lượng vô số thế giới, đem ra mà bố thí... Bằng lại có trai lành, gái tín nào phát tâm Bồ đề, giữ theo kinh này và những tứ cú kệ, mà thọ trì đọc tụng, rồi diễn thuyết lại cho người khác, thì phước đức này hơn phước đức kia".

Giải : Pháp Thường Mãn Như Lai giải: Theo cội gốc của kinh này thì dùng sự phá tướng làm tông chỉ, tỏ thấu cái lý "không" làm chủ nghĩa. Bằng chấp tánh mê mà bố thí, cũng không chứng đặng cái lý chơn, phải hiểu pháp môn. Tứ cú Niết bàn, diễn thuyết cái lý Pháp thân như như chẳng động, xem pháp hữu vi đồng như mộng huyễn. Nếu dùng sự kiến giải ấy mà dạy bảo chúng sanh, thì đặng phước nhiều hơn người bố thí bảy báu kia.

Tụng:

Phá tướng thủ không giải rõ ràng;

Thọ trì Tứ cú có chi hơn!

Hữu vi cả thấy như bào ảnh;

Niệm niệm sao cho nhập Niết bàn.

Vương Nhựt Huru giải: Vô lượng, bên Tây Trước dùng kêu một con số - A tăng kỳ là vô ương số, cũng là tên một con số; mà số cho thiệt nhiều thiệt lớn, mới đặng xứng hai số ấy.

Nói vô lượng vô ương số là vô lượng cái vô ương số, là từ một vô ương số cho đến mười, trăm, ngàn, muôn, ức vô ương số; thiệt nhiều như vậy, mới đặng kêu vô lượng vô ương số - Vậy thì vô lượng a tăng kỳ thế giới chẳng phải là như hằng hà sa số thế giới vậy đâu?

Phát bồ đề tâm là nói phát lòng quảng đại tế độ chúng sanh.

Trước kia nói bảy báu bằng hằng hà thế giới, đây lại nói bảy báu bằng vô lượng a tăng kỳ thế giới, thì trước nói còn ít, mà đây nói mới thiệt nhiều; bố thí nhiều như thế, cũng chẳng bằng cái phước thọ trì điển thuyết kinh này. Bố thí là phước thế gian, có khi phải hết mà hạng người ấy, lại hay cậy có phước mà gây nghiệp dữ! Còn trì kinh là phước xuất thế gian càng ngày càng thêm, không bao giờ hết; lại hạng người ấy chẳng cậy có phước mà gây nghiệp dữ, cho nên nói: "Nhiều hơn phước bố thí vô lượng vô số kia".

Lý Văn Hội giải: Phát Bồ đề tâm là cái căn tánh của bậc Đại thừa và Tối thượng thừa.

Ông Lão Tử có nói: "Chẳng thấy sự đáng muốn, khiến cho lòng chẳng loạn", ấy là nói về lực lượng của bậc Tiểu thừa. Bằng thấy sự đáng muốn, mà lòng cũng chẳng loạn, ấy mới là lực lượng của bậc Đại thừa cho.

Ông Sơ Sơn Như Thiên sư có làm lời tụng:

Một lượn sóng đùa sanh mấy lượn,

Trần hoàn chìm đắm, nào ai tưởng!

Tu Di kim cổ vẫn trợ trợ,

Dọc đất ngang trời do lực lượng.

Trì ư thử kinh v.v... là bảy báu có khi hết, còn Tứ cú kệ vốn không cùng. Tô thâu bốn tâm rồi, thì có chi đâu mà đặng. Cho nên phước đức trì kinh nhiều hơn phước đức bố thí bảy báu kia.

---o0o---

Ý KIẾN CỦA DỊCH GIẢ

Tứ cú kệ chư Tổ chú giải đã đủ điền cô thì không còn chi mà phải giải thêm nữa, chỉ bàn về các lời giải ấy mà thôi.

Chúng tôi thấy đều công nhận các lời giải ấy lắm, nhưng xét cho kỹ thì e cũng còn chưa xác đáng với cái mật nghĩa của Phật Tổ.

Theo ý kiến của chúng tôi thì Phật Tổ thuyết kinh này trước sau là 14 lần nói về Tứ cú kệ mà không chỉ ra cho đích xác còn mỗi khi nói Tứ cú kệ đều có nói thọ trì và trên có chữ nãi chí dưới có chữ đặng.

Phải biết nghĩa chữ: thọ trì là tự mình dụng lực: Thọ lãnh trong lòng là thọ, ghi nhớ không quên là trì, nãi chí là cho đến, đặng là cái bọn (số nhiều). Ấy là cái mật nghĩa của Ngài có ý muốn để cho chúng sanh tự mình tìm hiểu lấy mà thôi.

Mật nghĩa ví cũng như câu thai (xai) bài đố, nếu nói rõ ra thì chẳng những là hết cả cái mật ý của nó mà lại làm cho mất hết một phần chú ý của độc giả nữa.

Ngài thương cả thấy chúng sanh như mẹ thương con nên trong bốn mươi mấy năm thuyết pháp ba trăm ngoài độ, mỗi mỗi đều chỉ dạy cận kề đình ninh mà còn không tiếc hưởng chỉ là Tứ cú kệ. Sở dĩ chẳng nói rõ ra là cũng bởi cái nguyên nhân ấy.

Chúng tôi đã đọc Kim Cang lẽ cố nhiên dầu chưa thấu lý cho ráo rột cũng có lẽ hiểu đặng một ít phần, nhưng chúng tôi là con nhà Phật, là đệ tử Phật, nên thể theo ý của Phật không dám chỉ rõ ra. Tuy vậy mà cũng rán tỏ thể đôi lời là giải nghĩa chữ: "Thọ trì, nãi chí và đặng đó, đặng cho lộ cái tiêu tức mỗi mang của Tứ cú kệ một chút đó thôi".

Vậy thì người học đạo phải dụng tâm lực xét cầu nghiên cứu cho thấu đáo nghĩa lý của bộ kinh này hẳn thấy Tứ cú kệ hiện tướng rõ ràng trước mặt.

---o0o---

159.ÂM:

Vân hà vị nhơn diễn thuyết?

NGHĨA:

Còn thế nào là vị người mà diễn thuyết?.

Giải : Lý Văn Hội giải: Vân hà vị nhơn diễn thuyết là sắc thân tứ đại không biết nói pháp, cũng không biết nghe pháp.

Còn cái tinh minh chói chói sáng thấu mười phương ở trước mắt người đó, hiểu thấu lý nói pháp, nghe pháp, thì cần chi phải dùng sự ngôn ngữ mà nói với nó? - Dầu cho thuyết pháp đến hoa trên trời đổ vãi xuống cái tâm chẳng hề thêm, mà không thuyết cũng chẳng hề bớt. Cầu chừng nào càng xa chừng nấy, học bao nhiêu thêm dốt bấy nhiêu; duy có thàm tỏ mà thôi. Kẻ giác ngộ tự biết lấy.

Xuyên Thiên sư giải: Muốn thuyết pháp có khó chi, bây giờ xin chăm chỉ lắng nghe.

Tụng:

Đi đứng nằm ngồi,

Hơn thua phải quấy.

Lúc giận khi mừng,

Không rời cái ấy.

Mà cái ấy, phải in vào trí.

Khuyh tâm sùng bái lúc sanh bình.

Tứ cú diệu môn đều thuyết phá.

Dầu có thuyết cho mấy vạn lời.

Ngộ rồi tợ tâm mây nhàn nhã.

---o0o---

160.ÂM:

Bất thủ ư tướng, như như bất động.

NGHĨA:

Không chấp tướng, như như chẳng động.

Giải : Lý Văn Hội giải: Bài này nói về người tỏ đặng cái lý "không có tâm, tướng chi mà chấp". Nếu có tâm không chấp tướng, tức là chấp tướng. Tâm vốn không, tướng vốn không, mà nhọn, pháp cũng vốn không, có chi đâu mà chấp.

Vương Nhựt Hưu giải: Phật tự hỏi: "Thế nào mà vì người diễn thuyết?". - Tự đáp: "Không chấp tướng; như như chẳng động" là chơn tánh không có hình tướng, duy có như như chẳng động vậy thôi.

Như như bất động; như là tự như, như như là hết sức tự như.

Trong chơn tánh muốn hiện làm Thiên nhọn thì làm Thiên nhọn, muốn hiện làm dị loại thì làm dị loại, ví như bóng hiện trong gương, không chi ngăn ngại. Ấy là cái nghĩa của hết sức tự như.

Tự như ấy, khắp cả hư không thế giới, thường trụ chẳng hề lay động, cho nên nói: "Chẳng động".

Ông Phật Giám Hòa Thượng dạy đại chúng, có dẫn lời của một ông Tăng hỏi Pháp Nhãn về câu: "Không chấp tướng như như chẳng động" : "Thế nào là không chấp tướng, lại đặng cái pháp chẳng động?".

Đáp: "Sáng mọc phương Đông, tối lặn phương Tây".

Ông Tăng nghe rồi liền ngộ.

Nếu rõ sự ấy, mới biết đặng:

Trận gió trúc núi non, bốn lai thường tịnh.

Giọt nước đùa sông rạch, nguyên tánh chẳng trôi.

Vậy mà còn chưa hiểu, thì tôi chẳng khỏi phải khua môi múa mỏ:

Bầu trời xây, Quả đất trở;

Cổ vãng kim lai từng mấy độ.

Thỏ ngọc chạy, Ác vàng bay;

Mới chường ra bề cả, Lại lặn khuất non Đoài.

Giang Hà xao lấp nhấp, Hoài, Tể dọn bao la,

Biển cả, ngày đêm cứ chảy ra...

Rồi ông bèn cất tiếng nói lớn rằng: Hỡi các vị Thiền đức: Có thấy "Nhu như chẳng động" chăng?

Chon Tịnh Văn Thiền sư giải:

Tụng:

Bằng không cả thấy tâm,

Thì tự nhiên nhàm đạo.

Vận dụng tại lâm thời,

Chớ rằng diêu chẳng diêu.

Nhu như bất động là người học đạo, nếu tự nói mình biết đặng, học đặng, tỏ ngộ đặng, giải thoát đặng, hiểu như thế thì có động tâm, tức phải sanh diệt. Bằng không tâm ấy thì cả thấy pháp đều chẳng động. Chẳng động thì trong ngoài đều như, cho nên nói: "Nhu như chẳng động".

Xuyên Thiên sư giải: Một câu rớt sau đó, mới vào đến ải chắc. Đến đổi chư Phật ba đời cũng lấy đôi mắt nhìn nhau. Tổ Sư sáu đời thối thân có phận. Đáng cho là: sông ngòi giá động, nước chảy chẳng thông, mẫn mẫn chông gai, khôn bề để bước. Đến chỗ ấy, thêm một mảy tơ, tơ gai đâm trong mắt, bớt một mảy tơ như khoét ghe nơi mình. Chẳng phải là dứt bến chận đường, bởi e những người hiểu đạo... Tuy vậy biết làm sao!!

Phật pháp là vậy đó, lẽ nào để cho mai một giữa trần hoàn, há có được đèn nối bóng cho đặng?!

Xuyên Thượng tọa này, ngày nay, không khỏi, đến: miệng cạp dữ dành ăn, hàm rồng nanh đoạt báu. Rộng khai nẻo đạo của Thánh xưa, cho hậu học tấn thân có chỗ, mở bày chút ý, vả lại can chi! Nói ra thì rõ toàn pháp thể, nín đi thì tự lộ chơn thường, động thì chim bạc chòm mây, tịnh lại vững non tro núi; tới, một bước tự Tượng vương ngó ngoái, thối một bước như Sư tử hét gầm; đạo pháp nhà Phật nên làm theo, thì đạo pháp mới là tự tại.

Lại như rớt sau một câu đó, là nói cái gì? Hiểu đặng chăng?

Mây phủ đầu non bay phới phới,

Nước đùa lòng rạch chảy ào ào,

Tụng:

Phải phong lưu thể cũng phong lưu,

Mây tự cao bay, nước tự trôi.

Kim, cổ biết bao cơn sóng gió,

Chả hề nhận nổi chiếc thuyền câu.

---o0o---

161.ÂM:

Hà dĩ cố? "NHỨT THỂ HỮU VI PHÁP; NHƯ MỘNG, HUYỄN, PHAO, ẢNH; NHƯ LỘ DIỆC, NHƯ ĐIỀN; ỪNG TÁC NHƯ THỊ QUÁN".

NGHĨA:

Bởi có sao? NHỮNG PHÁP HỮU VI ẤY, NHƯ: CHIÊM BAO, HUYỄN MỊ. BỌT BÀO, BÓNG, CHỚP, MÙ; NÊN TƯƠNG ĐỀU NHƯ VẬY.

Giải : Vương Nhựt Hưu giải: Hà dĩ cố là Phật tự hỏi: "Bởi sao vì người diễn thuyết mà không chấp tướng, như như chẳng động?". Rồi tự đáp: "Cả thầy pháp hữu vi như mộng, huyền v.v..." là pháp hữu vi thì có tướng, mà động, nên như sáu thứ ấy, còn chơn tánh thì không tướng, mà chẳng động, nên khác hơn sáu thứ ấy.

Nói là pháp, là những cái chi mà hữu vi. Trên từ tạo hóa, dưới đến loài người, đều là pháp hữu vi cả. Dùng lục như mà lập pháp đặng giáo hóa, ấy là nói về việc đời.

Phật nói: Những chi mà không có hình tướng và vô vi là chơn tánh, còn có hình tướng và cả thầy hữu vi là hư vọng.

Còn nói: 1.Như chiêm bao là đương trong lúc ấy thì có, thức dậy thì không; 2.Như huyền hoặc là pháp hữu vi chẳng phải chơn thiệt, ví như người huyền thuật dùng cỏ cây làm ra xe ngựa kho tàng; 3. Như bọt nước là ngoài tuy có, mà trong vẫn không; 4. Như bóng là ánh vọi thì có, mà hết vọi thì không; 5. Như mù là không bền chặt; 6. Như chớp là không lâu dài.

Pháp hữu vi ấy, nên xem như vậy, thì hiểu là không, mới biết chơn tánh là thiệt. Chẳng nên không tỏ ngộ.

Trong kinh thường nói Tứ cú kệ, bốn câu trước thì nói về sự không hình tướng của chơn Phật, đây lại nói về sự không chơn thiệt của pháp hữu vi. Không luận phải kệ hay không phải kệ. Trong hai lẽ ấy mà hiểu đặng một, thì chẳng phải là dở đâu!

Phật, sở dĩ nói: Tứ cú kệ, là bất tất phải chuyện về kệ? Phạm diễn thuyết điều chi cũng đều là "kệ" cả. Huống chi kệ là một sự nói rất yếu lý!

Tăng Nhưặc Nột giải: Nhứt thể hữu vi pháp là cảnh giới chúng sanh đời đời gây tạo thầy đều giả dối, rốt lại phải hư hoại như chiêm bao huyền hoặc, vốn không chơn thiệt. Nên tương như vậy, thì đâu còn chi là sanh tử lưu động?

Trần Hùng giải: Phật nói cả thầy pháp là cái pháp không tướng của chơn không. Cả thầy Hiền, Thánh đều cho pháp vô vi là hữu vi, thì cái sự ví với chiêm bao, huyền hoặc, bọt nước, bóng mù, chớp ấy há có quấy sao?

Duy có hạng tỏ đặng lý không tướng của chơn không, biết tướng như thế mới hiểu thấu sự giả dối của lục như. - Thì hẳn phải lìa bỏ nó. - Mới chứng đặng cái lý như như chẳng động.

Ông Ưu Ba Ly nói với ông A Nan: "Các pháp hữu vi đều là vô thường".
Tưởng lại, xem cái lý lục như thì hiểu đặng câu ấy.

Nhan Bính giải: Tứ cú kệ là nhãn mục của bộ kinh này, tuy chú giải đã mấy trăm tay, nhưng chưa có ai chỉ rõ chỗ căn cước (hạ lạc) đặng. Phần nhiều không tự hiểu Tứ cú kệ của mình, chỉ bo bo tìm tòi trong kinh sách. Dầu cho tìm đặng đi nữa, cũng là câu chết trong kinh, chớ đâu phải là câu sống? Câu sống là "bấy giờ" mới phải. Tuy vậy, cũng phải bản thân thấy biết mới đặng.

Kinh Phật Nhãn có nói: "Ngàn lời muôn tiếng chẳng bằng tự mình gặp mặt".
Dầu không nói cũng phân minh; cần phải tự mình xét lấy, quyết chẳng nên cỡi trâu mà tìm trâu.

Bằng đem bảy báu bao nhiêu mà bố thí, cũng chẳng bằng phát tâm Bồ đề, thọ trì Tứ cú kệ của mình, rồi vì người mà thuyết pháp, khiến cho cả thầy chúng sanh đều đặng thấy tánh thành Phật, thì phước này hơn phước kia.

Thế nào là vì người diễn thuyết mà không chấp tướng, như như chẳng động; trong lòng như hư không? Bởi có sao? Cũng vì cả thầy pháp hữu vi của thế gian đều như chiêm bao không chơn thiệt, như huyền thuật giả dối, như bọt nước tạm thời, như bóng dáng dễ mất, như sương sớm chóng tan, như chớp nhoáng thoáng qua. Nên xem như vậy, nên lập cái pháp kiến tánh như vậy.

Tăng Ni Sư giải : Nói lý lục như đặng làm cho người tỏ thấu muôn pháp.

Như mộng : là ngủ thì có, mà thức thì không. Muôn pháp lúc mê tợ hồ có, ngộ đặng toàn là không, nên nói: như chiêm bao.

Kinh Tịnh Danh có nói: "Thân như chiêm bao vì hư vọng mà có".

Huyễn: là huyền thuật; cắt giấy làm thỏ, bện cỏ làm ngựa, thể vốn không thiệt, muôn pháp bởi vọng tâm mà sanh, chớ không có thể chi, nên nói: như huyền mị.

Kinh Tịnh Danh có nói: "Thân như huyền mị bởi điên đảo mà khởi ra".

Phao (Bào) : là gió chạt nước mà thành bọt, thể không bền vững. Muôn vật như bọt nước, không có thiệt, nên nói như bọt nước.

Kinh Tịnh Danh có nói: "Thân như bọt nước, chẳng đặng lâu dài".

Ảnh: là bóng trong gương, trong nước, mặt trời mặt trăng vọi vào vật mà sanh ra. Những thể giả dối đều như thế cả, nên nói: như bóng.

Kinh Tịnh Danh có nói: "Thân như bóng, bởi nghiệp duyên mà hiện ra".

Lộ : là sương mù buổi mai, có tạm liền tan. Muôn pháp cũng như thế, nên nói: như mù.

Điên: là chớp nháng, thoạt có thoạt không, niệm niệm vô thường. Muôn pháp cũng như chớp, sanh diệt trong sát na, nên nói: như chớp.

Kinh Tịnh Danh có nói: "Thân như chớp, niệm niệm chẳng trụ".

Lý Văn Hội giải: Nhứt thiết hữu vi pháp là: sống già, đau thác, giàu nghèo, sang hèn, sĩ, nông, công, thương, đỏ, trắng, xanh, vàng, thơm tho hôi hám, có không thiệt hư, cạn sâu, cao thấp, đều là cái pháp hữu vi của vọng tâm sanh diệt.

Như mộng huyền phao (bào) ảnh v.v... là cả thấy pháp hữu vi. Thế gian muôn việc đều như chiêm bao, huyền mị v.v.... không đặng lâu dài.

Mộng : là vọng tưởng. Huyền: là huyền thuật. Phao: là bọt nước, dễ sanh dễ diệt. Ảnh : là bóng, không thể nắm bắt đặng Lộ : là sương mù, không đặng lâu dài. Diên: là chớp nhoáng, sáng trong nháy mắt.

Phó Đại Sĩ có lời tụng:

Những: sao, đèn, mộng huyền,

Đều vì lý vô thường,

Nghiệp lậu tu nhân quả,

Kìa ai đặng cứu trường.

Lẹ mau như chớp nhoáng,

Tan rã tợ mù sương,

Dầu có ngàn muôn kiếp,

Rốt rồi cũng diệt vương (vong).

Ứng tác như thị quán là hữu vi vô vi đều bởi tự mình, lòng thường vắng lặng rỗng rang thanh tịnh, không còn chút chi đình lưu quái ngại, tự nhiên vô tâm, như như chẳng động, nên nói: "Phải tướng như thế".

Một ông Tăng hỏi ông Vân Môn Đại sư: "Thế nào là Phật?".

Đáp : "Đồ chùi đít (càn chỉ khuyết).

Ông Thái Bình Cổ Thiên sư có lời tụng:

Như Lai Phật đồ chùi đít,

Bình đẳng tùy cơ vì lợi ích.

Bất bóng trong gương kẻ chấp mê,

Với từ nhan tợ không thân thích.

Ông Chiêm Thủ tọa hỏi ông Đồng Sơn: "Pháp thân Phật ví như hư không, ứng vật mà hiện hình, như trăng dưới nước, mà làm thế nào cho trúng với đạo lý ấy?".

- Như lừa dòm giếng.

- Thế nào mới là người mê nhận bóng?.

- Thủ tọa nói làm sao?.

- Sao không nói giếng dòm lừa?.

Có biết hay chẳng?

Nếu còn hữu ý muôn hình có,

Biết đặng vô tâm các việc không

Xuyên Thiên sư giải: Đi thuyền cốt tại người coi lái.

Tụng:

Mò trắng dưới nước, Đùa gió vào bầu.

Khắc be tìm giáo, Cỡi trâu kiếm trâu.

Hoa không, lừa chổi, Bọt nước, bóng, mù.

Đoạn bài dứt bút, Đến thôi phải trâu.

Đờn, rượu thú vui phường ruộng rẫy,

Chẳng phong lưu, ấy cũng phong lưu.

---o0o---

162.ÂM:

Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng lão Tu Bồ Đề cập chư Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nhứt thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la vãn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

NGHĨA:

Phật nói kinh này rồi, Trưởng lão Tu Bồ Đề cùng Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, cả thầy thế gian. Thiên, Nhơn, A tu la, nghe cái thuyết của Phật, đều rất hoan hỷ, tin chịu, phụng hành.

Giải : Nhan Bính giải: Thầy tu là Tỳ Khuru, cô vải là Tỳ Khuru Ni, cư sĩ là Ưu bà tắc, (cận sự nam), đạo cô là Ưu bà di (Cận sự nữ).

Cả thầy thế gian: Thiên, Nhơn, A tu la nghe Phật thuyết pháp trong kinh này, đều sanh lòng đại hoan hỷ, tin tưởng vững chãi, cung kính phụng hành.

Lý Văn Hội giải: Chí lý không có nói, chơn không không có tướng, thầy đều vắng lặng, nhưng chẳng chấp theo lời nói và sự hiểu biết, thì tức là "không nói không tướng"; tông chỉ của bộ kinh Kim Cang này là thế ấy. Cho nên liền lập ra rồi liền bỏ, cũng bởi muốn cho mỗi người đều đến địa vị không có chút pháp chi mà đặng đó, mới khỏi bị cả thầy các cảnh nó mê hoặc. Bằng đặng tâm địa vắng lặng tức là Thanh tịnh tâm, cũng tức là: Bỏ tâm, Đáo bỉ ngạn, Niết bàn, Giải thoát. - Lý cũng là một.

Đức Tứ Tổ có hỏi đức Tam Tổ:

- Thế nào là tâm của Cổ Phật?.
- Tâm của người, là tâm gì?.
- Vô tâm.
- Người vô tâm, thì chư Phật lại có sao?.

Dứt lời liền tỏ ngộ - Ấy là cái biểu hiện của người học đạo vậy.

Kinh Pháp Hoa có nói: Những đồ đệ cần dùng về sự sanh hoạt đều thuận theo chánh pháp.

Trương Vô Tận giải: Ông Phó Đại Sĩ, ông Bàn Cư sĩ phải là không vợ con đâu!

Nếu vậy thì, thân tuy ở chốn trần lao mà lòng vẫn hằng thanh tịnh, cũng đặng đời thức làm trí; như luyện đất ra vàng; cả thầy phàm nào đều là Bồ đề, cả thầy thế pháp đều là Phật pháp. Bằng đặng như thế thì tức là Bồ Tát tại gia, phạm phu liền ngộ vậy - Há chẳng tốt sao?!

Bực thượng căn nghe một hiểu ngàn, làm một vị Đại tông tri, thì có cần chi sự chỉ dạy như thế sao?

Sách Luận Ngữ có nói: "Học học mà tấn phát, không phải là đẹp sao?".

Kinh Pháp Hoa có nói: "Người không học tập thì không tỏ lý ấy".

Tiêu Diêu Ông giải: Trên nẻo Nhơn Thiên, làm phước là trước, trong biên sanh tử, hành đạo rất cần - Bằng muốn khoái lạc trên cõi Nhơn Thiên, mà chẳng chường phước điền, muốn thoát khỏi vòng sanh tử, mà không rõ lý đạo, cũng như chim không cánh mà muốn bay, cây không gốc mà muốn tốt vậy. - Nào có đặng?

Lại nói: Vả chẳng sĩ anh hùng, dầu tranh vương không đặng thì cũng làm bá: Giỏi nghề săn bắn, không bắt đặng nai, cũng bắt đặng thỏ; học cái thuyết Đại thừa, dầu chưa thành đạo cũng hơn cái phước Nhơn Thiên.

Cổ Đức có lời tụng:

Biết mấy lần có mấy lần,

Thân tâm lịch kiếp cứ tuần hườn.

Thân này chẳng tính mau mau độ.

Lại tính chừng nào độ lấy thân!

Khá tua gắng sức chớ nên lơ láo bỏ qua.

Xuyên Thiên sư giải: Hỏi người đời sau! Đừng hấn Lão Tăng này nhé!!

Chẳng biết ai là người mang ơn đó?

Ồ, ờ, sao lại là không!

Khát đặng nước,

Đói đặng lương (com),

Bịnh đặng thuyên giảm;

Nóng đặng thanh lương.

Người nghèo gặp châu báu,
Trẻ nhỏ gặp từ nương.
Thuyền xiêu tấp vào bụi,
Khách xa về cố hương.
Hạn gặp châu cam võ,
Nước trở mặt trung lương.
Bốn phương đều thúc thủ,
Tám cõi thấy qui hàng.
Đầu đầu bày sộ sộ,
Vật vật hiện rành rành.
Trái cổ kim phàm Thánh.
Khắp địa ngục, thiên đường.
Cả Đông Tây Nam Bắc,
Khỏi đề ý tư lương.
Sát trần sa giới trùng trùng phẩm,
Đồng nhập Kim Cang Đại đạo tràng.

---o0o---

TỪ KHẢO

A La Hán : (Arahan) - Sát tặc, Bất Sanh, Ứng Cúng, Ứng Chơn một quả trong bốn quả A La Hán.

A Na Hàm: (Anagamin) Bất hườn, Bất lai là không tái sanh lại cõi Dục giới nữa, một quả trong bốn quả.

A Nan: (Ananda) Cũng đọc là Át Nan. A Nàn Đà: Hoan hỷ, Khánh Hỷ con vua Học Phạn Vương, em của Đề Bà Đạt Đa, bà con chú bác với Phật Tổ, đa văn bực nhứt và tánh nhớ không quên, là một trong mười đại đệ tử của Phật.

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề : cũng đọc là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề (Anuttara samyak samibodhi) A: vô, nậu đa la: thượng, tam: chánh, miệu: chẳng Bồ đề giác, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nghĩa là hiểu đặng đúng bực chơn chánh không còn chi hơn, cũng dịch là Vô thượng Chánh biến tri, đọc tắt: A nậu Bồ đề. Vô thượng Bồ đề, Vô thượng giác, Vô thượng Chánh biến tri, Bồ đề. Giác cũng đều là chỉ cho Phật và quả vị của Phật cả.

A tăng kỳ kiếp: (Asamkhyeya kalpa): giai cấp tu hành của Bồ Tát có 50 địa vị chia làm ba kiếp A tăng kỳ: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, cộng 40 địa vị, ấy là kiếp thứ nhứt. Còn thập địa từ địa thứ nhứt đến địa thứ bảy là kiếp thứ hai, từ địa thứ tám đến địa thứ mười là kiếp thứ ba. Tu địa thứ mười trọn rồi, mới đến quả Phật.

A tỳ : (Avici) Vô gián địa ngục là đời đời kiếp kiếp bị luân hồi vào địa ngục không dứt.

Ba cõi : Xem chữ Tam giới.

Ba đàn : Xem chữ Tam đàn.

Ba đời: Xem chữ Tam thế.

Ba la đề mộc xoa: (Pratimoksa), Biệt giải thoát là một giới trong ba giới luật.

Ba la mật (Pramita): Đáo bỉ ngạn là đến bờ kia.

Ba Tư Nặc : (Prasenajit): Thắng Quân, Thắng Quang, vua nước Xá Vệ.

Bát giải thoát : cũng kêu là Bát bối xả là dùng tám pháp thiền định mà giải thoát điều phiền não.

Bát Nhã : (Prajna): Trí huệ là sáng suốt.

Báo thân : Tức là cái thân chịu quả hiện báo nay.

Báo pháp : Xem chữ nhị thuyên.

Bất nhị pháp môn: Có một pháp môn mà thôi.

Bố thí: (Dana) là dùng của cải và đạo pháp mà làm việc phước lành.

Bồ đề : (Bodhi) là giác hiểu tánh.

Bồ Tát : (Bodhisattva) nói đủ là Bồ đề tát đỏa: Đại đạo tâm chúng sanh, giác hữu tình, là chúng sanh có đạo tâm, rõ đặng sự hữu tình.

Bốn bực : Xem chữ Tứ đẳng.

Bốn loài : Xem chữ Tứ loại xuất gia.

Bốn ơn : Xem chữ Tứ ân.

Bốn quả : Xem chữ Tứ quả.

Cấp Cô Độc : Tu Đạt Na (Sudana) là tên người. Bối hay bố thí cho kẻ cô độc nên kêu là Cấp Cô Độc.

Cưu Ma La Thập : (Kumarajiva): Đồng Thọ, người nước Thiên Trúc ở tại xứ Cưu Tư, một vị Pháp sư dịch kinh hơn 380 quyển.

Cửu địa : Cũng kêu là Cửu hữu: chín cõi. 1. Dục giới, ngũ thú địa; 2. Ly sanh hỷ lạc địa; 3. Định sanh hỷ lạc địa; 4. Ly hỷ diệu lạc địa; 5. Xả niệm thanh tịnh địa; 6. Không vô biên xứ địa; 7. Thức vô biên xứ địa; 8. Vô sở hữu xứ địa. 9. Phi tưởng và phi phi tưởng xứ địa.

Cửu hữu : Xem chữ Cửu địa.

Chơn như: Bộ đa đa tha đa (Bhutathata) chơn là chơn thiệt, như là như thường, tánh thể chơn thiệt không dối là chơn, thường trụ không biến là như.

Chúng sanh tướng : Xem chữ Tứ tướng.

Dao Tần: Là vua Dao Hưng đời Hậu Tần từ năm 383 đến năm 416 nhằm đời Lục triều nhà Tấn.

Diệt độ: (Nirvana) Niết bàn, là diệt khỏi sanh tử hay là diệt chương độ khổ.

Dục giới : Xem chữ Tam giới.

Duyên Giác: Hạng người nghe Thập nhị nhân duyên mà hiểu đạo.

Đại tổng trì: Xem chữ Tổng trì.

Đạo lợi : Tam thập tam thiên, kêu chung là Đạo Lợi Thiên.

Đệ nhứt nghĩa : Cũng kêu là tối thượng là chơn lý ráo rốt.

Đệ nhứt thừa : Thừa thứ nhứt tức là Đại thừa.

Đôn giáo: Đôn: mau là mau hiểu giáo pháp, là vị Bồ Tát trí huệ đặc biệt.

Địa hạnh: Hạnh của Thập địa Bồ tát.

Giác tri : Sự hiểu biết.

Hậu ngũ bá tuế : Khi Phật diệt độ, sau năm trăm năm sau chót (kỳ thứ năm).

Hóa thân: Xem chữ Tam thân.

Hữu dư Niết Bàn : Dứt hết cả thấy phiền não và cái nhân sanh tử về đời vị lai nhưng mà còn dư quả báo đời này, cho nên nói Hữu dư Niết bàn (là còn sắc thân).

Hữu lậu : lậu: phiền não. Hữu lậu: còn sự phiền não.

Kiến văn : Sự nghe thấy.

Kiệt già phu tọa : Pháp ngồi của nhà Phật. Cẳng trên cẳng dưới (bất luận cẳng nào) là bán già, trước dùng bàn cẳng mặt gác lên bấp vé trái rồi bàn cẳng trái mới gác lên bấp vé mặt là Hàng ma tọa, trái lại là Kiệt tường tọa.

Kim Cang Bát Nhã Ba la mật : (Vajra Prajnaparamita - Sutra) Kim cang: dao thép bén. Bát Nhã: trí huệ, Ba la mật: đũa bẻ ngạn là đến bờ kia, nghĩa là: dùng cái dao có thép bén của trí huệ dứt hết cả thấy phiền não mà chứng thành Phật đạo.

Kỳ Đà Thái Tử : (Jetrijeta): Thắng; là Thái tử con vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ.

Không Như Lai Tạng : Thể tánh của Chơn như rỗng không tịch.

Liên Hoa Tạng thế giới: Tịnh độ của Báo thân Phật.

Lô Xá Na: Báo thân Phật.

Lục căn (sáu căn): Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mình và ý tứ.

Lục đạo (sáu đường): Thiên, Nhơn, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Lục độ (sáu độ) cũng kêu là lục Ba la mật 1. Bố thí, 2. Trì giới, 3. Nhẫn nhục, 4. Tinh tấn, 5. Thiền định, 6. Trí huệ.

Lục thông: 1. Thiên nhãn thông (ở đâu cũng thấy). 2. Thiên nhĩ thông (ở đâu cũng nghe). 3. Tha tâm thông (lòng của ai cũng biết). 4. Túc mạng thông (biết mấy kiếp trước). 5. Thần túc thông (cõi nào cũng tới đặng). 6. Lưu tận thông (hết sự phiền não).

Lục tạng: Sáu trần nó dắt dẫn sáu căn cướp giựt hết tài thí, pháp thí cho nên nói: Lục tạng (sáu tạng).

Lục trần : (sáu trần) sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp là hình sắc tiếng tăm, hơi hám, mùi vị, tình dục và phương pháp.

Ma ha (Maha): Đại, Đa, Thắng là lớn, nhiều, hơn.

Ma ha tát: Đại tâm là lòng quảng đại.

Mạt kiếp: Xem chữ Tam thời.

Mười hai bộ kinh: Xem chữ Thập nhị bộ kinh.

Mười một Bồ Tát : Xem chữ Thập nhứt địa Bồ Tát.

Mười tám giới: Xem chữ Thập bát giới.

Năm uẩn: Xem chữ ngũ uẩn.

Năm trăm năm sau : Xem chữ hậu ngũ bá tuế.

Năng sở: Năng là mình hay làm, sở là vật dùng để mà làm.

Nê hoàn: Xem chữ Niết bàn.

Niết bàn: (Nirvana) (Pari nirvana) cũng kêu là Nê hoàn, Nê ban; Diệt độ, Tịch diệt, Bất sanh vô vi, An lạc, Giải thoát viên tịch là diệt hết cái nhân quả sanh tử, độ qua khỏi biển khổ sanh tử; những nghĩa dịch ấy đều là cái ý giải thoát đường sanh tử cả.

A. Hai thứ Niết bàn: 1. Hữu dư Niết bàn là đã hết nhân quả sanh tử nhưng còn dư cái khổ quả, khổ quả hữu lậu (trước khi còn sống) 2. Vô dư Niết bàn là đã dứt hết cái khổ quả hữu lậu không còn dư nữa. (Sau khi đã thác).

B. Bốn thứ Niết bàn: 1. Bỏn lai tự tánh thanh tịnh Niết bàn : là tuy còn khách trần phiền não mà tự tánh thanh tịnh rỗng rang như hư không. 2. Hữu dư y Niết bàn : là đã dứt hết phiền não tuy còn dư cái thân hữu lậu mà lòng thường vắng lặng. 3. Vô dư y Niết bàn : là khỏi sự khổ sanh tử, dứt hết phiền não cũng như Hữu dư y Niết bàn mà lại khỏi cái khổ quả của y thân nữa. 4. Vô trụ xứ Niết bàn : là dứt hết sự ngăn ngại của cái sở tri. Phật đã dứt đặng sự ngăn ngại của cái sở tri đối với sanh tử Niết bàn không có vui chán, và dùng sự lợi lạc mà dứt cái hữu tình đời vị lai.

Nói tóm lại chỉ có hai thứ Niết bàn, Niết bàn. Niết bàn nghĩa là giải thoát viên mãn, người hành đạo giải thoát hết vọng tâm tà kiến không tạo nghiệp thì lúc còn sống ấy là Hữu dư Niết bàn còn sau khi thác là Vô dư Niết bàn.

Ngã tướng: Xem chữ tứ tướng.

Ngũ uẩn: Năm cái tích tụ là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, sắc là hình sắc, thọ là thọ lãnh, tưởng là tư tưởng, hành là làm lụng, thức là hiểu biết.

Nghĩa thứ nhứt: Xem chữ Đệ nhứt nghĩa.

Nhẫn nhục: Chịu nhục mà không sợ, là một độ trong lục độ

Nhị không: Nhơn không, pháp không, là không còn chấp nhơn, chấp pháp.

Nhị nghi: Âm dương.

Nhơn tướng: Xem chữ tứ tướng.

Nhơn thiên: Cõi Người, Cõi Trời.

Nhị thuyên : 1. Cha thuyên, 2. Bảo thuyên. Cha thuyên là bỏ sự quấy. Bảo thuyên là rõ sự phải, như nói: "Muối không lạt là cha, nói muối mặn là bảo, nói: nước không nóng là cha, nói nước lạnh là bảo v.v...

Nhu hòa nhẫn nhục y: Áo để che lạnh ấm cũng như lòng ta nhu hòa nhẫn nhục thì trừ đặng cái điều giận dữ vậy.

Nhứt thừa: Xem chữ đệ nhứt thừa.

Phạm âm: Tiếng nước Thiên Trúc.

Pháp tánh tam muội: Chơn như pháp tánh.

Pháp thân: Chơn thân của Phật.

Pháp vương: Vua trong đạo pháp tức là Phật.

Phong quang: Bỏn lai diện mục. Bỏn địa phong quang (chơn tánh).

Sát na: (Ksana) Một thời gian rất ngắn hơn hết một cái khảy móng tay là 16 sát na.

Sáu căn: Xem chữ lục căn.

Sáu thức: Xem chữ lục thức.

Sáu trần: Xem chữ lục trần.

Sáu giới: Xem chữ tam giới.

Sơ thiên thiên: Một cõi Trời trong bốn cõi Trời Thiên Định.

Ta La: (Sala): Kiên cố, là chỗ Phật nhập diệt (cây Ta la).

Tà kiến: Sự nghe thấy không chánh.

Tam giới: 1. Dục giới là có điều dâm dục và sự ăn uống. Trên từ cõi trời lục dục giữa thì người ở bốn đại châu dưới từ vô gián địa ngục là Dục giới - 2. Sắc giới là có hình sắc mà không điều dâm dục và sự ăn uống cõi sắc giới này bởi tùy sự thiên định có thấp cao, chia làm bốn cấp, gọi là Tứ thiên thiên cũng kêu là Định lự. 3. Vô sắc giới: Cõi trời này, không còn vật chất chi hết không thân thể cung điện, quốc độ, duy có cái tâm thức thâm diệu của thiên định mà thôi.

Tam đàn: 1. Tư sanh đàn. 2. Vô úy đàn. 3. Pháp đàn. Bồ thí, thuộc về Tư sanh đàn là hay sanh các thiện pháp. Trì giới nhẫn nhục thuộc về Vô úy đàn là không động tâm không kinh sợ - Tinh tấn thiên định, trí huệ thuộc về Pháp đàn, là bởi định sanh huệ, huệ sanh cả thấy pháp.

Tam nghiệp: Ba nghiệp của thân, khẩu, ý. Thân là tay chơn làm, khẩu là miệng biểu làm, ý là cái ý suy nghĩ đặng làm.

Tam thừa: 1. Thinh Văn thừa - 2. Duyên Giác thừa, 3 - Bồ Tát thừa.

Tam huệ: 1. Văn huệ là bởi sự văn kiến mà sanh trí huệ. 2. Tư huệ là bởi sự tư duy (suy nghĩ) mà sanh trí huệ. 3. Tu huệ là bởi tu hành mà sanh trí huệ.

Tam không: 1. Nhơn không, 2. Pháp không, 3. Không không là khi học đạo thì không nên chấp có ta là "nhơn không" mà đã hiểu đạo rồi cũng không nên chấp có pháp là "pháp không", không chấp nhơn không chấp pháp cũng hãy còn chấp không nên phải không chấp cái không là "không không" ấy mới đúng với lý đạo cho nên nói: Tam không.

Tam minh: 1. Túc mạng minh, 2. Thiên nhãn minh, 3. Lậu tận minh, là ba phần trong pháp lục thông.

Tam thế: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

Tam thời sau khi Phật diệt độ: Thời thứ nhất là Chánh pháp (pháp còn chánh 500 năm); thời thứ hai là Tượng pháp (pháp còn tượng) 1.000 năm, thời thứ ba là Mạt pháp (pháp đã suy giảm) 10.000 năm.

Tăng già lê: (Samghati): Trùng. Hiệp là áo bá nạp.

Tiếng Phạm : Xem chữ Phạm âm.

Tiểu thừa : (Hinayana) là xe nhỏ, quả vị của Bích Chi Phật; bốn quả A La Hán, Thanh Văn và Duyên Giác.

Tinh tấn: Sốt sáng, là một độ trong lục độ.

Tỳ bà xá na (Vipasyana): Quán là quán tưởng.

Tỳ Khưu (Bhiksu): Khất sĩ là người đi xin là trên xin pháp của chư Phật, dưới xin ăn của bá tánh, tức là Thầy tu.

Tỳ lưu (Vairocana): Pháp thân Phật.

Tổng trì: Đà ra ni (Dharani) là gồm giữ đặng. Giữ điều lành không lỗi, giữ điều dữ không sanh.

Tu Bồ Đề : (Subhuti): Thiện Hiện, Thiện Kiết, là một trong mười đại đệ tử lớn của Phật.

Tu Đà Hoàn (Srota Apana) nhập lưu): đã vào bực Thánh là một quả trong bốn quả.

Tu Đạt Na (Sudana): Thiện Ái, Thiện Thí là tên của vị Thái tử tức tiền thân của Phật.

Tư huệ: Xem chữ tam huệ.

Tư Đà Hàm (Sakrdagami): Bất hoàn không trở lại thọ sanh nữa một quả trong bốn quả.

Tư huệ: Xem chữ tam huệ.

Tứ ân: 1. Ôn cha mẹ, 2. Ôn đàn na tín thí, chúng sanh 3. Ôn quốc vương thí
thố 4. Ôn Tam bảo.

Tứ đấng: Từ, bi, hỷ, xả,

Tứ loại xuất gia: 1. Thân xuất gia mà tâm không xuất gia. 2. Thân tại gia mà
tâm xuất gia, 3. Thân tâm đều xuất gia, 4. Thân tâm đều không xuất gia.

Tứ quả : 1. A La Hán 2. A Na Hàm 3. Tư Đà Hàm 4. Tu Đà Hoàn.

Tứ tướng : 1. Ngã tướng là gọi mình tu hành có đạo đức. 2. Nhân tướng là
chê người đạo đức không bằng mình. 3. Chúng sanh tướng là muốn đặng
khỏi làm chúng sanh cực khổ. 4. Thọ giả tướng là muốn đặng sống hoài khỏi
chết.

Từ, bi, hỷ, xả: Cho sự vui là Từ, trừ sự khổ là bi, Hỷ xả là tịnh xả tịnh thí, là
ưa làm tài thí pháp thí.

Tượng pháp: Xem chữ tam thời.

Thập bát giới: Mười tám giới: lục căn, lục trần và lục thức.

Thập địa: Mười nhân địa: 1. Càn huệ địa, 2. Tánh địa, 3. Bát nhơn địa, 4.
Kiến địa, 5. Bạc địa, 6. Ly dục địa, 7. Dĩ biện địa, 8. Chi Phật địa, 9. Bồ Tát
địa, 10. Phật địa.

Thập nhị bộ kinh: Mười hai bộ kinh 1. Kinh Đa La (Sutra) là kinh Trường
hàng, 2. Kinh Kỳ Dạ (Geya) là Tinh tụng, 3. Kinh Đà Đà (Gatha) là kinh
Phúng tụng, theo tụng kệ không theo Trường hàng, 4. Kinh Ni Đà Na
(Nidana) là kinh nói về nhân duyên thuyết pháp của Phật, 5. Kinh Y Đế Mục
Đa (Itivrtaka) là kinh nói về nhân duyên quá khứ của đệ tử, 6. Kinh Xà Đa
Đà (Jataka) là kinh nói về nhân duyên quá khứ của Phật, 7. Kinh A Phù Đạt
Ma (Adbhuta - dharma) là kinh nói về thần lực không biết bao nhiêu của
Phật, 8. A Ba Đà Na (Avanada) là kinh nói về ví dụ; 9. Kinh Ưu Bà Đề Xá
(Upadesa) là kinh nói về vấn đáp, 10. Kinh Tỳ Phật Lược (vaipulya) là kinh
nói về chơn lý rộng lớn. 11. Kinh Ưu Đà Na (Udana) là kinh Phật tự nói
không có vấn đáp, 12. Kinh Hoa Đà La (Vyakarana) là kinh nói về thọ ký.

Thập nhị nhân duyên: 1. Vô minh (Avidya) là phiền não của đời quá khứ vô
thỉ, 2. Hành (Samskara) bởi phiền não của đời quá khứ mà làm ra nghiệp

lành dữ. 3.Thức (Vynama) bởi cái nghiệp của đời quá khứ mà thọ thai đời này. 4. Danh sắc (Narnarapa) thân tâm phát dục ở trong thai, 5.Lục xứ cũng kêu lục căn, lục nhập (Sadayatana), 6.Xúc (Sparsa) đã đủ hình tượng đủ sáu căn đối với sự vật chỉ muốn cảm xúc chớ chưa biết sướng khổ lúc lên hai lên ba tuổi, 7.Thọ (Vedana) đối với sự vật biết sướng khổ mà cảm thọ lúc 6-7 tuổi, 8.Ái (Trsua) sanh ra các thứ ái dục hăng hái lúc 14-15 tuổi, 9.Thủ (Upadana) dục ái đầy đủ nên bốn trực theo cái cảnh tham cầu sau khi thành nơn, 10.Hữu (Bhava) bởi phiền não tham cầu mà gây ra các nghiệp hậu thân, 11. Sanh (Jāti) bởi nghiệp đời hiện tại mà thọ sanh về đời vị lai, 12. Lão tử (Jaramarana) là sự lão tử về đời vị lai.

Thập nhứt địa: Mười một địa là mười địa và địa Đẳng giác là mười một địa.

Tha tâm thông: Xem chữ lục thông.

Thập lực: Mười trí lực của Phật, 1. Biết lý của sự vật là không có lý chi, 2. Biết nghiệp báo ba đời, 3. Biết pháp thiền định giải thoát, 4.Biết căn khí của những chúng sanh, 5.Biết các thứ dục tâm của chúng sanh, 6.Biết các cảnh giới của chúng sanh không đồng nhau, 7. Biết cả thấy nẻo vào đạo, 8.Biết thiên nhãn không ngăn ngại, 9.Biết túc mạng thông và vô lậu, 10. Trừ dứt hết những tập quán.

Thiền định:Cũng kêu Tịnh lự là một trong lục độ.

Thiệt đế: Cũng kêu chơn pháp là pháp chơn thiệt.

Thinh Văn: Nghe lý Tứ diệu đế mà ngộ đạo.

Thọ giả tướng: Coi chữ tứ tướng.

Tri giải: Sự hiểu biết.

Trì giới: Giữ giới luật.

Ứng thân: (Nirmanakaya) Ứng theo cơ duyên mà hiện thân của Phật.

Ưu Ba: cũng kêu Ưu Ba Ly, Ưu Ba Ly (Upali) căn thủ, cận chấp là người giữ luật hơn hết trong bốn đệ tử của Phật.

Vô dư Niết bàn: Coi chữ Niết bàn.

Vô úy: Cõi chữ Tam đàn.

Vô lậu: Lậu là phiền não, vô lậu là không còn phiền não nữa.

Vô sanh nhĩ: Trụ vào vô sanh vô diệt của địa Nhĩ (Phật).

Vô sắc giới: Xem chữ Tam giới

Vô minh: Xem chữ Thập nhị nhân duyên.

Xá Vệ Quốc: (Sravasti) Phong Đức, Háo Đạo là chỗ ưa đạo đức là tên một xứ bên nước Thiên Trúc.

Xa ma tha: (Samatha) chỉ là quán chỉ quán tưởng.

Y tha tâm: Là cái giả tâm của Phật Hóa thân.

---o0o---

HẾT

¹ . Âm pháp độc trá.

² . Thọ: Thụ theo Âm pháp!

³ . Bá: Bách.

⁴ . Chúc: Trước.

⁵ . Truyền: Hườn.

⁶ . Phản tư cật: Phạn thực ngật.

⁷ . Phu tọa: Phu tòa (tục hay đọc tòa).

⁸ . Khởi: Khỉ theo Âm pháp.

⁹ . A nậu đa la tam miệu tam bồ đề: A nộc đa la tam việu tam bồ đề.

¹⁰ . Trụ: Trộ Khương Hy Tự điển.

¹¹ . Dũy: Duy hay là Dũy.

¹² . Nhứt thiết: Nhứt thể (theo Âm pháp).

¹³ . Noãn sanh: Loãn sanh (Khương Hy Tự điển).

¹⁴ . Phú - phục: tục đọc phục hay phạ.

¹⁵ . Chúng - Chũng, Chũng.

¹⁶ . Phiệt - phạt (theo Âm pháp).

-
- 17 . Si: Sai.
- 18 . Bảo: Bửu.
- 19 . Hoàn: Huòn.
- 20 . Ly dục: Ly dục.
- 21 . Hánh cũng đọc là Hạnh.
- 22 . Sơn: San (theo Âm pháp).
- 23 . Dường: Dưỡng (theo Âm pháp).
- 24 . Mạng: Mệnh (theo Âm pháp).
- 25 . Bá: Bách (theo Âm pháp).
- 26 . Bô: Phô.
- 27 . Thơ: Thu (theo Âm pháp).
- 28 . Nghì: Nghị.
- 29 . Hà: Hả (theo Âm pháp).
- 30 . Ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức là tà kiến, về Tứ tướng.
- 31 . Na do tha: Một con số lớn.
- 32 . Mật pháp: Sau Phật diệt độ mười một ngàn năm trăm năm 11.500 năm
- 33 . Luân: Loan.
- 34 . Thời: Thì.
- 35 . Tồi: Tùy hay là toái.
- 36 . Bào: Phao theo Tự Điển Khương Hy.
- 37 . Bát Nhã vô tận chơn ngôn: diệt danh Bát Nhã tâm chơn ngôn, diệt danh Bát nhã nhãn chơn ngôn. Nhược nhơn trì tụng nhưt biến, như tụng thập nhị bộ kinh nhưt thiên biến.
- 38 . Kim Cang tâm đà ra ni chơn ngôn: Nhược nhơn chuyên tâm trì tụng thủ chú nhưt biến, năng diệt bát thập kiếp sanh tử trọng tội.
- 39 . Chú Bát nhã vô tận: Cũng kêu là chú Bát nhã tâm, mà cũng kêu là chú Bát nhã nhãn. Như người nào trì tụng một biến, cũng bằng tụng 12 bộ kinh một ngàn biến.
- 40 . Chú Kim Cang tâm đà ra ni : Bằng người nào chuyên tâm trì tụng chú này một biến, thì hay dứt đặng tám mươi kiếp tội trọng trong đường sanh tử.
- 41 . Tâm kinh hiệu là Đại trí huệ đáo bỉ ngạn, nghĩa là trí huệ lớn qua bờ kia (dùng trí huệ mà thành đạo).
- 42 . Quán tướng sự hữu tình không còn chi ngăn ngại.
- 43 . Bát nhã Ba la mật là Trí huệ qua đến bờ kia.
- 44 . Sắc, thọ, tưởng, hành thức, nghĩa là: hình tướng, chịu, tưởng, làm, biết.
- 45 . Xá Lợi Tử tức là Xá Lợi Phất con của bà Xá Lợi (Thu Lợi).
- 46 . Chỗ này là nói tóm tắt. Bằng nói rõ ra thì: sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ chẳng khác không,

không chẳng khác thọ, thọ tức là không, không tức là thọ, tướng cũng như vậy, hành cũng như vậy, mà thức cũng như vậy.

⁴⁷ . Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý (lục căn) nghĩa là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (sáu căn).

⁴⁸ . Sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp (lục trần) nghĩa là hình sắc, tiếng tăm, hơi hám, mùi vị, cảm xúc, phương pháp.

⁴⁹ . Sáu căn đối với sáu trần sanh ra sáu thức. Từ nhãn giới cho đến ý giới mỗi căn có ba giới. Tổng cộng là 18 giới: (sáu căn, sáu trần và sáu thức)

⁵⁰ . Vô minh: mê muội, là một cái nhân đầu trong 12 nhân duyên thập nhị nhân duyên: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử. Xem Tam thừa yếu luận hoặc Phật ngôn thiệt lục có giải rành.

⁵¹ . Không hết cái vô minh: có vô minh đâu mà hết.

⁵² . Lão tử: già chết là một cái nhân chót trong 12 nhân duyên.

⁵³ . Không hết cái lão tử: có cái lão tử đâu mà hết.

⁵⁴ . Khổ, tập, diệt, đạo: Tứ diệu đế. Xem Tam Thừa yếu luận hay Phật ngôn thiệt lục có giải rõ.

⁵⁵ . Trí huệ mà thành đạo: Trí huệ đáo bỉ ngạn: Bát nhã ba la mật đa.

⁵⁶ . Phật ba đời: Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai.

⁵⁷ . Tiếng Phạn: Bát nhã Ba la mật đa bờ này tức là cõi Ta bà; Tàu: Trí huệ đáo bỉ ngạn bờ kia tức là cõi Phật Annam: Trí sáng suốt đến bờ kia Bồ Tát.

⁵⁸ . Phạn Tàu Nghĩa: Yết đế yết đế : <D>Độ khứ độ khứ Độ đi độ đi. <BI>Ba la yết đế: <D>Cứu cánh độ khứ ráo rớt độ đi. <BI>Ba la tăng yết đế<D>>: Cứu cánh chúng độ khứ Ráo rớt độ chúng ni. <BI>Bồ đề tát bà ha: <D>Giác ngộ tạt tốc viên hành cho đặng giác ngộ chóng mau thành tựu.>

⁵⁹ . Năm loài kim: vàng, đồng, bạc, sắt, chì.

⁶⁰ . Tiếng Phạn, hay là Phạn, là tiếng Thiên Trước. Tiếng Tàu là tiếng Trung Hoa kể từ đoạn này sắp sau không lập lại tiếng Phạn tiếng Tàu nữa; chỗ nào có chữ Phạn dịch ra chữ Tàu thì thế vô cái dấu mà thôi.

⁶¹ . Ráo rớt: trong lòng không còn tam ác, tứ tướng, lục trần.

⁶² . Sáu đường là: Thiên, Nhơn, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

⁶³ . Lục độ là sáu pháp độ sẽ có giải rõ ở sau.

⁶⁴ . sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

⁶⁵ . Sáu trần: sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.

⁶⁶ . A Nan cũng đọc là Át Nan.

⁶⁷ . Ưu Ba tức là Ưu Ba Ly.

⁶⁸ . Tục đọc trước không trùng âm.

⁶⁹ . 25 điều là 25 miếng vải kết thành Đại y.

⁷⁰ . Tục đọc: huồn chí bốn xứ phạn thực ngật: đều không trùng âm.

⁷¹ . Chỗ này đọc trước theo âm pháp.

-
- ⁷² . Ngày nọ Thánh Không Phu tử kêu thầy Tăng là môn đệ của Ngài mà bảo: Sâm Tăng tử này! Đạo ta chỉ có một lý, mà suốt thông bao quát tất cả". Thầy Tăng liền "ạ". Bởi thầy Tăng học đạo đã thâm thấu, nên nghe rồi liền hội ý, không đợi phải nói cho ráo lý. Ấy là Thánh Hiền dĩ đạo tương kỳ. Cái "ạ" của ông Tu Bồ Đề so với cái "ạ" này chẳng khác.
- ⁷³ . Tam thắng hay là Tam thặng Tam thừa.
- ⁷⁴ . Xứng động: xoắn động.
- ⁷⁵ . Phi hữu tướng, Phi vô tướng chung một cõi Trời.
- ⁷⁶ . Tam đồ là ba đường: Nước, lửa, gươm đao.
- ⁷⁷ . Tập khí: thói quen.
- ⁷⁸ . Cái nghĩa bực nhưt: chơn lý ráo rốt.
- ⁷⁹ . Bốn lai hay là bốn lai diện mục, tức là tự tánh.
- ⁸⁰ . Ba đường khổ (tam đồ khổ) là cái khổ của lửa, đao và huyết.
- ⁸¹ . Lục thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.
- ⁸² . Lục đạo: thiên, nhơn, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- ⁸³ . Đoạn này ông Nhan Bính giải gộp, trọn cả đệ thứ ba.
- ⁸⁴ . Thân điền là cái thân hay sanh những nghiệp lành dữ.
- ⁸⁵ . Vô vị Chơn nhơn cũng kêu là Bốn lai diện mục, tức là Bốn tánh Chơn nhơn.
- ⁸⁶ . Nhưt thừa là giáo pháp có một. Thừa (thắng) là xe, giáo pháp của Phật ví như xe chở người đến bờ Niết bàn.
- ⁸⁷ . Hai thừa (Nhị thừa) là Thanh Văn và Duyên Giác.
- ⁸⁸ . Bồ thí: hành đạo. Hành đạo là vì đạo tâm Chơn lý, chớ không nên chấp trước, hành đạo để mong cầu cho đời này, hoặc đời vị lai sẽ đồng hưởng sự ích lợi tốt đẹp của các điều, hình sắc, thanh âm, hơi hám, mùi vị, cảm xúc và phương pháp.
- ⁸⁹ . Sâm là sao Sâm, Thần là sao Thần cũng kêu là sao Thương tục gọi là sao Hâm, sao Mai.
- ⁹⁰ . Ly Cấu Địa là một địa trong Thập địa.
- ⁹¹ . Thành Càn là thành Càn thất bà, thoát có liền mất
- ⁹² . Ba kiếp đại tăng kỳ: Bồ Tát tu trọn kiếp a tăng kỳ là Sơ địa. Sơ địa có mười bực. Tu mãn hai kiếp đại a tăng kỳ thì tới quả Phật.
- ⁹³ . Nhị không là nhơn không, pháp không.
- ⁹⁴ . Tam muội là chánh định, chánh thọ, chánh tri.
- ⁹⁵ . Sau năm trăm năm sau: Sau năm lần năm trăm năm nhằm đời mạt pháp, tức là sau Phật diệt độ hai ngàn năm trăm năm.
- ⁹⁶ . Chúng: Chủng, chương.
- ⁹⁷ . Nhưt niệm: Một thời kỳ rất ít.
- ⁹⁸ . Bất khả tư nghì : Con số lớn trong Phật giáo.

-
- ⁹⁹ . Nếu buông ra không nắm nữa thì trở lại làm bàn tay. Nắm và bàn tay cũng ví như sóng với nước, hễ sóng êm thì trở làm nước vậy.
- ¹⁰⁰ . Phiệt: Phạt (theo âm pháp).
- ¹⁰¹ . Phiệt : Phạt (Theo âm pháp)
- ¹⁰² . Tỳ Da thành: Chỗ ở của Duy Ma cư sĩ.
- ¹⁰³ . Bất nhị: Thiết lý (Như như bình đẳng).
- ¹⁰⁴ . Bảo: Bửu.
- ¹⁰⁵ . Sở đắc: Sự làm đặng - Trí giải là hiểu rõ.
- ¹⁰⁶ . Hoàn: Huòn.
- ¹⁰⁷ . Hánh: Âm pháp thuộc về khứ thanh, chữ Quốc ngữ thì dấu sắc.
- ¹⁰⁸ . Giã can là con chồn.
- ¹⁰⁹ . Bài thi này là Cổ thi nói về con hạc.
- ¹¹⁰ . San: Sơn.
- ¹¹¹ . Oai Âm: Phậ
- ¹¹² . Mả yên kiều là xương lừa, xương lừa giống in yên ngựa, nên người hay nhận lầm.
- ¹¹³ . Nhan Hồi học trò đức Khổng Tử; Cừ Bá Ngọc đồng thời với đức Khổng Tử. Hai ông này hay xét mình mà cải lỗi.
- ¹¹⁴ . Mạng: Mệnh (theo Âm pháp).
- ¹¹⁵ . Sư Tử Tôn giả là Tổ thứ 24 bên Thiên Trúc.
- ¹¹⁶ . Bồ: Phổ.
- ¹¹⁷ . Tuyệt sách là sự tư tưởng.
- ¹¹⁸ . Sân cũng đọc chân.
- ¹¹⁹ . Khi: khinh khi. Báng: phỉ báng.
- ¹²⁰ . Thừa: thăng hay thẳng theo Âm pháp: tục đọc thừa hay thẳng.
- ¹²¹ . Hóa tục đọc họa.
- ¹²² . Ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức là tà kiến, về tư tưởng.
- ¹²³ . Tuyệt học là dùng chánh tri mà chứng ngộ cái thiết lý. Tuyệt học vô ưu. Xuất Đạo đức kinh (Lão Tử).
- ¹²⁴ . Chứng đắc là tỏ thấu hết không cần chi mà học.
- ¹²⁵ . Lãng châu, Lễ châu.
- ¹²⁶ . Âm pháp đọc dường.
- ¹²⁷ . Na do tha: một con số lớn.
- ¹²⁸ . Mạt pháp: Sau Phật diệt độ mười một ngàn năm trăm năm (11.500) năm.
- ¹²⁹ . Tạ Tăng Phước khi đương làm nghề câu cá ở tại Nam Đài thì đã phát tâm sau lại bỏ nghề câu mà đi tu. Xuất trong sách "Truyền Đăng Lục".

¹³⁰ . Ký bất năng lịnh, hựu bất thọ mạng thị tuyệt vật dã : Nếu không ra lịnh đặng mà cũng không thọ mạng ấy là tuyệt vật (tuyệt hẳn không giao tiếp với ai) xuất sách Mạnh Tử.

¹³¹ . Lân tích cũng kêu là "lân hu" là bụi trần thiệt nhỏ, gần bằng hư không, mà còn bẻ tét ra làm bảy phần nữa. (Xuất trong kinh Lăng Nghiêm).

¹³² . Điệp thu cũng kêu điệp sơ, là con bướm mới sanh trong mùa thu cái cánh thiệt mỏng nhẹ.

¹³³ . Nhơn vô ngã, Pháp vô ngã tức là Nhơn không, Pháp không.

¹³⁴ . Quán Âm Bồ Tát tức là Phật Chuẩn Đề.

¹³⁵ . Thiên, nhơn, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ.

¹³⁶ . Ngồi đó mà quên có ta.

¹³⁷ . Chá cô là tên con chim tánh sợ lạnh, đến mùa thu thì kêu, mà kêu thì tự xưng tên: Chá cô Chá cô.